

Số: 151/2024/CBTT/YTC-HCNS

Tp.HCM, ngày 03 tháng 04 năm 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

Tên tổ chức : Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh
Trụ sở chính : 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh
Mã chứng khoán: YTC
Điện thoại : (028) 3930 4372
Fax : (028) 3930 6909

Người thực hiện công bố thông tin: PHAN MINH TRUNG

Loại thông tin công bố: 24h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh thông báo chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 07/2024/NQ-HĐQT ngày 03/04/2024 với ngày đăng ký cuối cùng là ngày 16/04/2024.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 03 tháng 04 năm 2024 tại địa chỉ: <https://ytco.vn/quan-he-co-dong/dai-hoi-dong-co-dong>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Giấy chứng nhận số 27/GCN-UBCK
- Báo cáo bạch & phụ lục
- Nghị quyết HĐQT số 07/2024/NQ-HĐQT
- Thông báo số 145/2024/TB-YTC-HCNS
- Thông báo số 146/2024/TB-YTC

**Người thực hiện công bố thông tin
Tổng Giám Đốc**



Phan Minh Trung

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302366480 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 01/08/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 27 ngày 29/10/2021)



CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 27/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 3 năm 2023)

TỜ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Địa chỉ: Tầng 7-8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 7304 5688

Fax: (024) 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3930 4372

Fax: (028) 39306909

Website: www.yteco.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SBS

Địa chỉ: 40 Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: +84 28 6268 6868

Fax: +84 28 6255 5939

Website: www.sbse.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302366480 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 01/08/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 27 ngày 29/10/2021)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Thành Phố Hồ Chí Minh
Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phiếu
Giá chào bán	:	20.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng cổ phiếu chào bán	:	6.468.000 cổ phiếu
Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá	:	64.680.000.000 đồng



TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Địa chỉ: Tầng 7-8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 7304 5688

Fax: (024) 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn



TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C

Địa chỉ: 02 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. HCM

Điện thoại: (028) 3547 2972

Fax: (028) 35472 970

Website: www.a-c.com.vn



TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SBS

Địa chỉ: 40 Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: +84 28 6268 6868

Fax: +84 28 6255 5939

Website: www.sbse.com.vn

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	10
1. Tổ chức phát hành.....	10
2. Tổ chức bảo lãnh phát hành, Tổ chức tư vấn.....	10
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	11
1. Rủi ro về kinh tế.....	11
1.1 Tốc độ tăng trưởng kinh tế.....	11
1.2 Rủi ro lạm phát.....	13
1.3 Rủi ro lãi suất.....	14
2. Rủi ro về luật pháp.....	15
3. Rủi ro đặc thù.....	15
3.1 Rủi ro cạnh tranh.....	15
3.2 Rủi ro tỷ giá.....	16
3.3 Rủi ro hàng giả, hàng nhái.....	17
4. Rủi ro về đợt chào bán.....	17
4.1 Rủi ro về đợt chào bán.....	17
4.2 Rủi ro của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán.....	18
5. Rủi ro pha loãng.....	18
5.1 Rủi ro pha loãng giá tham chiếu cổ phiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền... 18	
5.2 Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) và giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần.....	19
5.3 Rủi ro pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết.....	20
6. Rủi ro quản trị công ty.....	20
7. Rủi ro khác.....	20
III. CÁC KHÁI NIỆM	21
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	23
1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành.....	23
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của TCPH.....	25
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành.....	26
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành.....	27
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền	

kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối trong 2 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại	33
5.1 Công ty mẹ của Tổ chức phát hành.....	33
5.2 Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành.....	33
5.3 Danh sách công ty con, công ty mà Tổ chức phát hành nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối và công ty liên kết.....	33
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ.....	34
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác	34
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành	34
8.1 Cổ phiếu phổ thông.....	34
8.2 Cổ phiếu ưu đãi.....	35
8.3 Các loại chứng khoán khác.....	35
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	35
10. Hoạt động kinh doanh.....	35
10.1 Đặc điểm hoạt động kinh doanh.....	35
10.2 Tài sản.....	44
10.3 Thị trường hoạt động.....	46
10.4 Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính.....	47
10.5 Các hợp đồng lớn.....	51
10.6 Các khách hàng, nhà cung cấp lớn.....	53
10.7 Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành.....	54
10.8 Hoạt động Marketing.....	55
10.9 Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế.....	58
10.10 Chính sách nghiên cứu và phát triển.....	58
10.11 Chiến lược kinh doanh.....	60
10.12 Trường hợp Tổ chức phát hành hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nêu thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan.....	61
11. Chính sách đối với người lao động.....	61
11.1 Số lượng và cơ cấu người lao động của YTECO.....	61
11.2 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp.....	62
11.3 Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động.....	64
12. Chính sách cổ tức.....	64

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất	64
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành	65
14.1 Thông tin về các hợp đồng thuê sử dụng đất.....	65
14.2 Thông tin về trái phiếu chưa đáo hạn	66
14.3 Các quyền chưa thực hiện của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi.....	66
15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.....	66
16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích	66
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH	67
1. Kết quả hoạt động kinh doanh	67
1.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất	67
1.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành.....	67
2. Tình hình tài chính	69
2.1 Các chỉ tiêu cơ bản.....	69
2.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	84
3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành.....	85
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức.....	89
4.1 Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2024.....	89
4.2 Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức	89
4.3 Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên.....	89
4.4 Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức	91
VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG	91
1. Thông tin về cổ đông sáng lập	91
2. Thông tin về cổ đông lớn.....	91
2.1 Danh sách cổ đông lớn.....	91
2.2 Thông tin về cổ đông lớn.....	91
2.3 Số lượng và tỷ lệ cổ phần nắm giữ của cổ đông lớn và người có liên quan hiện tại và dự kiến sau đợt chào bán.....	97

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.....	99
3.1 Hội đồng quản trị.....	99
3.2 Ban kiểm soát.....	104
3.3 Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.....	107
VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN	109
1. Loại cổ phiếu.....	109
2. Mệnh giá cổ phiếu.....	109
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán.....	109
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá.....	109
5. Giá chào bán dự kiến.....	109
6. Phương pháp tính giá.....	109
7. Phương thức phân phối.....	109
8. Thông tin đơn vị bảo lãnh phát hành.....	110
9. Đăng ký mua cổ phiếu.....	110
10. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu.....	111
11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu.....	112
12. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu.....	112
13. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành.....	112
14. Hủy bỏ đợt chào bán.....	112
15. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài.....	112
16. Các loại thuế có liên quan.....	113
16.1 Thuế liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.....	113
16.2 Thuế liên quan đến nhà đầu tư, cổ đông của Công ty.....	113
17. Thông tin về các cam kết.....	114
18. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt.....	114
VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	114
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	114
1. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán.....	114
2. Phương án xử lý trong trường hợp số tiền dự kiến sử dụng cho từng hạng mục vượt quá hoặc không đủ cho việc thanh toán cho nhà cung cấp, vượt quá hoặc không đủ cho việc hoàn trả các khoản nợ vay:.....	119
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN	119
1. Tổ chức kiểm toán.....	119

2. Tổ chức tư vấn	119
3. Tổ chức bảo lãnh phát hành	119
XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	121
XII. PHỤ LỤC	121
XIII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN, TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH	122

(Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống)

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng GDP Việt Nam giai đoạn 2010 – 2023	11
Hình 2: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam giai đoạn 2010 – 2023.....	13
Hình 3: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của YTECO	27
Hình 4: Cơ cấu bộ máy quản lý của YTECO.....	27
Hình 5: Một số sản phẩm điển hình do YTECO phân phối	36
Hình 6: Đội ngũ xe tải của YTECO	41
Hình 7: Hình ảnh hệ thống kho của YTECO	42
Hình 8: Thị trường hoạt động của YTECO.....	47

(Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống)

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1: Những cột mốc phát triển quan trọng của Công ty.....	25
Bảng 2: Quá trình tăng vốn điều lệ của YTECO.....	34
Bảng 3: Cơ cấu cổ đông của YTECO tại thời điểm 18/05/2023.....	35
Bảng 4: Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty.....	43
Bảng 5: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty.....	44
Bảng 6: Tình hình tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2022.....	44
Bảng 7: Tình hình tài sản cố định hợp nhất tại thời điểm 31/12/2023.....	45
Bảng 8: Một số tài sản lớn của YTECO tại thời điểm 31/12/2023.....	45
Bảng 9: Tình hình đầu tư của Công ty các năm gần đây.....	47
Bảng 10: Hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty qua các năm.....	50
Bảng 11: Các hợp đồng lớn đã thực hiện, đã ký kết và chưa thực hiện trong năm 2022 và năm 2023.....	51
Bảng 12: Các khách hàng, nhà cung cấp lớn trong năm 2022 và năm 2023.....	53
Bảng 13: Số lượng và cơ cấu người lao động của YTECO.....	62
Bảng 14: Các hợp đồng thuê sử dụng đất của YTECO.....	65
Bảng 15: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh.....	67
Bảng 16: Vốn điều lệ và vốn kinh doanh.....	69
Bảng 17: Mức lương, thu nhập bình quân của người lao động YTECO.....	70
Bảng 18: Các khoản phải thu.....	71
Bảng 19: Các khoản phải thu quá hạn tại 31/12/2023.....	80
Bảng 20: Các khoản phải trả.....	83
Bảng 21: Thuế và các khoản phải nộp.....	83
Bảng 22: Số dư các quỹ.....	84
Bảng 23: Các chỉ tiêu tài chính.....	84
Bảng 24: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2024.....	89
Bảng 25: Danh sách cổ đông lớn của YTECO.....	91
Bảng 26: Số lượng và tỷ lệ cổ phần nắm giữ của cổ đông lớn và người có liên quan.....	98

(Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống)

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Thành Phố Hồ Chí Minh

Ông Nguyễn Khánh Linh Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Phan Minh Trung Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc

Bà Trần Thị Nhân Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức bảo lãnh phát hành, Tổ chức tư vấn

❖ Tổ chức bảo lãnh phát hành

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

Ông Phan Phương Anh Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán MB tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng bảo lãnh phát hành số 01/2023/HĐBLPH/[MBS]-[YTECO] ngày 28/11/2023 với Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Thành Phố Hồ Chí Minh. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Thành Phố Hồ Chí Minh cung cấp.

❖ Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán SBS

Ông Trần Ngọc Lượm Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Giấy ủy quyền số: 06A/2022/QĐUQ-TGD ngày 03/10/2022 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán SBS.

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán SBS tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn số 13/2023/HĐTVPH-NHĐT/YTC-SBS ngày 03/11/2023 với Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Thành Phố Hồ Chí Minh. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Thành Phố Hồ Chí Minh cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

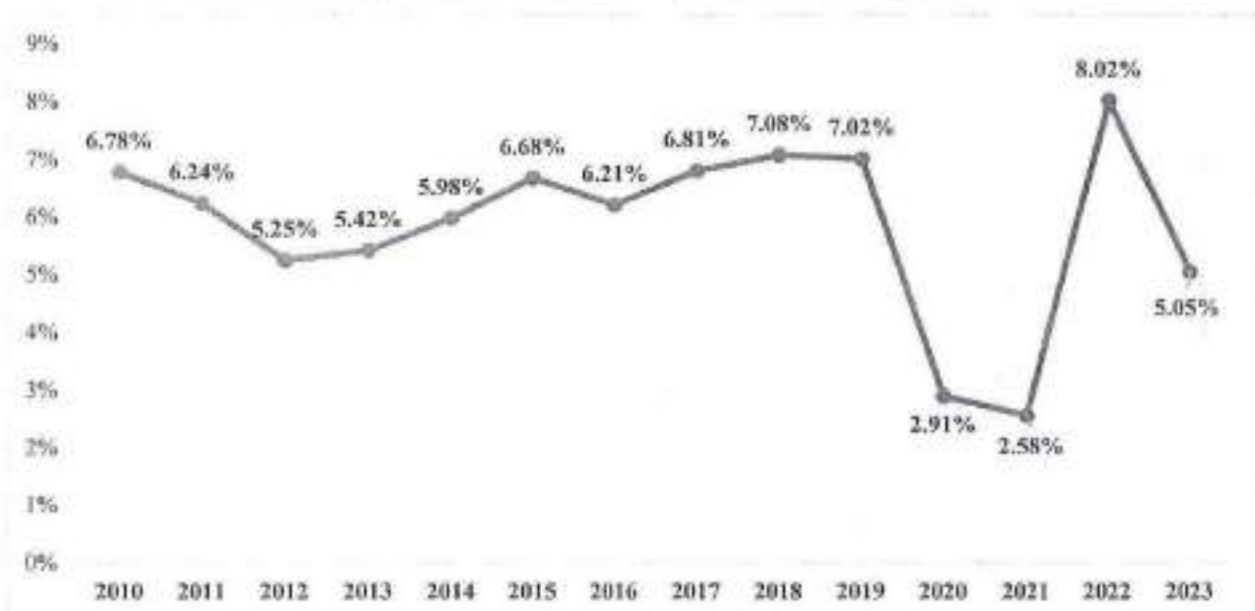
1. Rủi ro về kinh tế

Yếu tố vĩ mô của nền kinh tế đóng vai trò quan trọng trong quá trình tăng trưởng của doanh nghiệp. Hiệu quả hoạt động và triển vọng kinh doanh đặt ra yêu cầu doanh nghiệp phải thích nghi kịp thời với sự biến động của các yếu tố từ môi trường kinh doanh. Rủi ro về kinh tế được xác định là loại rủi ro hệ thống tạo ra từ yếu tố vĩ mô, trong đó các yếu tố cơ bản tác động đến hoạt động kinh doanh là tốc độ tăng trưởng kinh tế; tỷ lệ lạm phát và lãi suất. Phân tích môi trường vĩ mô nền kinh tế nhằm dự phòng mức độ tác động của yếu tố rủi ro đến chiến lược tăng trưởng và đảm bảo sự vận hành mô hình kinh doanh.

1.1 Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng của sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Từ sau khi chính thức gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO) ngày 11/01/2007, nền kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng với nền kinh tế thế giới. Những năm trở lại đây, nền kinh tế Việt Nam luôn duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức cao và ổn định so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Những năm trở lại đây, nền kinh tế Việt Nam luôn duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức cao và ổn định so với các nước trong khu vực và trên thế giới (ngoại trừ trong 2 năm 2020 – 2021 sụt giảm mạnh do chịu ảnh hưởng từ dịch bệnh Covid-19 trên toàn cầu).

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng GDP Việt Nam giai đoạn 2010 – 2023



(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Nền kinh tế Việt Nam năm 2022 đã bắt đầu khôi phục trở lại và đạt mức tăng trưởng GDP¹ 8,02%, mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011 – 2022. Trong giai đoạn này, nhiều doanh nghiệp phải đứng trước một cuộc sàng lọc và đào thải khác nghiệt, nhưng đó là một cú hích để mỗi doanh nghiệp tự tái cơ cấu mô hình hoạt động, nâng cao sức chống chịu để thích nghi và phát triển trong bối cảnh mới. Bước sang năm 2023, triển vọng tăng trưởng nền kinh tế Việt Nam chịu nhiều áp lực do tăng trưởng của nhiều nền kinh tế ở gần “bờ vực suy thoái” khi nhiều quốc gia buộc phải tăng lãi suất để kiềm chế lạm phát, xung đột Ukraine tiếp diễn cùng với hàng loạt vấn đề phát sinh khác như gián đoạn chuỗi cung ứng, đà tăng giá của nhiều mặt hàng nguyên vật liệu sản xuất,... do đó GDP năm 2023 ước tính đạt 5,05%.

Về triển vọng tăng trưởng kinh tế trong năm 2024, theo Tổng cục Thống kê dự báo các rủi ro tiềm ẩn từ môi trường kinh tế thế giới vẫn còn hiện hữu và tiếp tục tác động tiêu cực lên triển vọng phục hồi tăng trưởng kinh tế của Việt Nam ít nhất trong nửa đầu năm 2024 trước khi đón nhận những dấu hiệu tích cực, khả quan hơn. Tuy vậy, kinh tế Việt Nam sẽ vẫn có cơ hội phục hồi tích cực hơn nếu các chính sách hỗ trợ được ban hành trong năm 2023 sẽ có tác động rõ nét hơn vào nền kinh tế; các động lực về đầu tư (bao gồm cả đầu tư tư nhân, FDI, đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước), tiêu dùng, du lịch và xuất khẩu tiếp tục được thúc đẩy mạnh mẽ; các vấn đề tồn đọng, bất cập kéo dài được tập trung tháo gỡ, chuyển biến tích cực hơn trong năm 2024, nhất là vướng mắc của doanh nghiệp, dự án đầu tư, thị trường bất động sản, trái phiếu doanh nghiệp...

Đối với ngành dược, trong 2 năm qua, ngành dược trở thành một trong những ngành có tiềm năng phát triển nhất cả trong và sau đại dịch. Theo Tổng cục Thống kê, kim ngạch nhập khẩu ngành dược tính đến tháng 11/2022 đạt 3.038.232,9 USD. Theo đó, báo cáo “The Global Use of Medicines 2022” của IQVIA chỉ ra Việt Nam là một trong 17 nước có tốc độ tăng trưởng thị trường dược phẩm nhanh nhất thế giới. Theo Fitch Solutions, quy mô ngành dược tại Việt Nam được dự đoán đạt 16,1 tỷ USD vào năm 2026 so với hơn 7,7 tỷ USD vào năm 2021, với tốc độ tăng trưởng kép giai đoạn 2021 – 2026 là 11%. Tiềm năng tăng trưởng này đến từ sự thay đổi thói quen sức khỏe và xu hướng phát triển của dân số Việt Nam. Cụ thể, theo Tổng cục Thống kê và Tổng điều tra dân số và nhà ở, Việt Nam là quốc gia có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất thế giới khi ghi nhận tổng dân số tăng trung bình 1,14%/năm thì dân số cao tuổi tăng tới 4,35%/năm, người trên 60 tuổi chiếm hơn 12% dân số năm 2022 và được dự báo sẽ đạt 28% vào năm 2050, tốc độ này hiện tại nhanh hơn so với Nhật Bản, Úc, Thái Lan và Pháp trong cùng thời kỳ già hóa. Mặt khác, theo Tổ chức Y tế Thế giới, tác động tích cực sau đại dịch Covid-19 là người dân sẽ có ý thức cao hơn trong việc chăm sóc và bảo vệ bản thân, đây được xem là phương pháp tích hợp toàn diện cho mọi người trên toàn cầu. Đồng thời, khi thu nhập gia tăng, chi tiêu cho hoạt động chăm sóc sức khỏe nói chung và tiêu thụ dược phẩm bình quân đầu người cũng theo đó gia tăng.

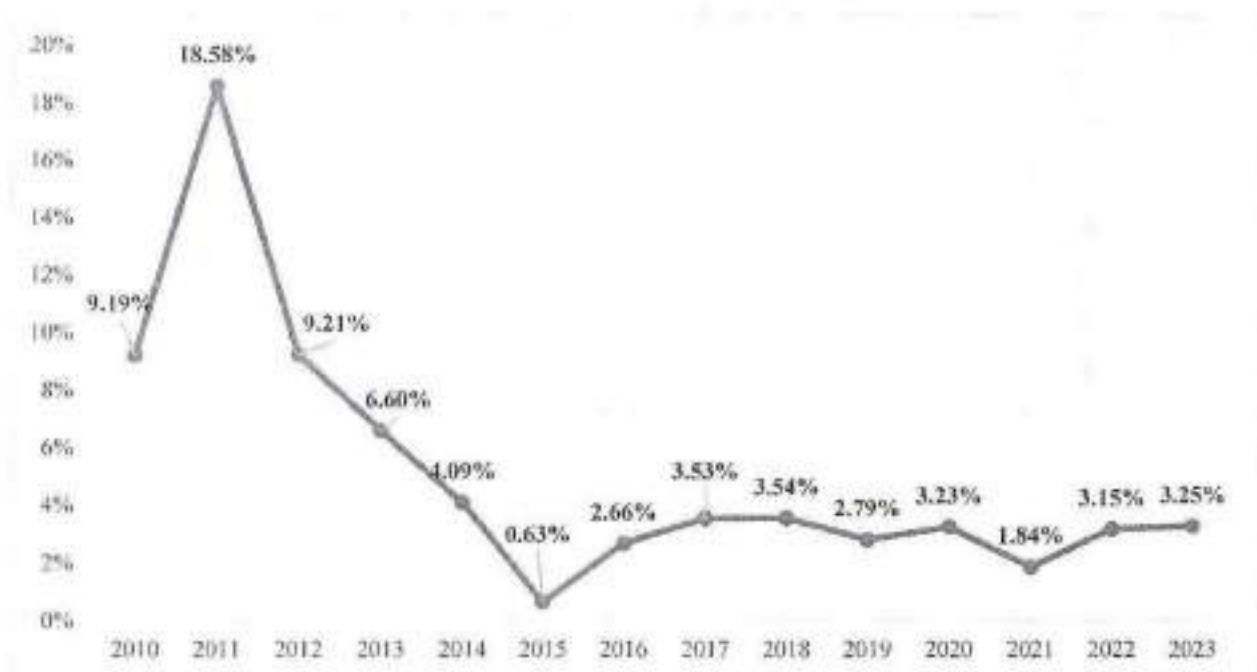
¹ Nguồn: Tổng cục Thống kê tại: <https://www.gso.gov.vn/bai-top/2022/12/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2022/>

YTECO hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam với lĩnh vực kinh doanh chính là dược và thiết bị y tế nên kết quả hoạt động kinh doanh cũng như sự tăng trưởng của Công ty phụ thuộc nhiều vào sự tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam. Tuy vậy, nhờ vào kinh nghiệm và vị thế của mình, YTECO luôn chủ động trong việc nghiên cứu chiến lược để tận dụng lợi thế và nắm bắt cơ hội. Là công ty lâu năm trong ngành, Công ty đã thiết lập mối quan hệ với nhà cung cấp và khách hàng, chủ động đàm phán với mức giá hợp lý nhất trong từng giai đoạn kinh tế, đảm bảo chủ động nguồn cung đến bệnh viện, các công ty xí nghiệp dược và chuỗi bán lẻ thuốc. Bên cạnh đó, Công ty luôn theo dõi sát sao và cập nhật tình hình biến động vĩ mô trong nước và quốc tế tác động đến thị trường xuất nhập khẩu dược phẩm và thiết bị y tế để có những hành động nhanh chóng, đáp ứng phù hợp nhu cầu của thị trường và gia tăng uy tín thương hiệu Công ty.

1.2 Rủi ro lạm phát

Lạm phát là nhân tố vĩ mô mà sự biến động của nó ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến các chủ thể trong nền kinh tế nói chung và đến hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp nói riêng. Lạm phát tăng sẽ dẫn đến gia tăng chi phí sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp trong khi giá hàng hóa lại bị ảnh hưởng bởi nhu cầu thị trường. Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu ngành dược như YTECO, trong trường hợp lạm phát tăng cao sẽ làm gia tăng các chi phí đầu vào trực tiếp ảnh hưởng bất lợi đến kết quả hoạt động kinh doanh của YTECO. Bên cạnh đó, lạm phát tăng còn ảnh hưởng đến mức lãi suất chiết khấu sử dụng vốn, làm giảm giá trị dòng tiền hiện tại.

Hình 2: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam giai đoạn 2010 – 2023



(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Theo Tổng cục Thống kê, năm 2023 lạm phát Việt Nam đạt mức 3,25% và đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Đây là mức tăng cao hơn của bình quân 5 năm gần đây nhưng thấp hơn khá nhiều so với mức tăng lạm phát bình quân của các năm trong giai đoạn 2010 – 2014.

Trong năm 2024, kinh tế thế giới và trong nước vẫn tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức. Tổng cầu tiêu dùng khó có thể tăng lên mạnh mẽ nên áp lực từ lạm phát cầu kéo cũng không lớn. Các yếu tố chính tác động lên lạm phát của Việt Nam là lạm phát chi phí đẩy, gồm giá nguyên vật liệu đầu vào thế giới đang ở mức cao, Việt Nam là nước nhập khẩu nhiều nguyên liệu phục vụ sản xuất nên sẽ ảnh hưởng đến chi phí, giá thành, tạo áp lực cho sản xuất của doanh nghiệp và từ đó đẩy giá hàng hóa tiêu dùng trong nước tăng lên. Bên cạnh đó, USD tăng giá càng làm tăng chi phí nhập khẩu nguyên, nhiên vật liệu, gây sức ép lên mặt bằng giá hàng hóa trong nước.

Trong nước, vài năm trở lại đây, Chính phủ luôn đề ra mục tiêu tăng trưởng kinh tế đi kèm với kiểm soát lạm phát ở mức dưới 4% bằng việc điều hành các chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ hết sức linh hoạt. Theo đó, trong suốt những năm qua, lạm phát của Việt Nam luôn được kiểm soát và duy trì ổn định ở mức dưới 4%. Tuy vậy, theo dự báo mới nhất của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), dù đã hạ nhiệt nhưng lạm phát toàn cầu năm 2024 vẫn ở mức cao 5,8%. Là một nền kinh tế có độ mở lớn, nên những thay đổi của thế giới sẽ có tác động rất nhanh đến kinh tế của Việt Nam. Vì vậy, Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương theo dõi chặt chẽ diễn biến giá cả, lạm phát trên thế giới, kịp thời cảnh báo các nguy cơ ảnh hưởng đến giá cả, lạm phát của Việt Nam để có các biện pháp ứng phó phù hợp nhằm bảo đảm nguồn cung, bình ổn giá trong nước.

1.3 Rủi ro lãi suất

Các chính sách về lãi suất đều có tác động trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Mức lãi suất cao, ngoài việc cản trở nhu cầu vay vốn để đầu tư dự án, sản xuất kinh doanh, còn gia tăng chi phí tài chính, tạo ra rủi ro đòn bẩy với các doanh nghiệp. Đối với YTECO, khi rủi ro lãi suất tăng Công ty sẽ bị ảnh hưởng tới lợi nhuận do chi phí tăng lên. Đồng thời, khi lãi suất biến động cũng khiến cho Công ty khó huy động vốn để thực hiện các mục tiêu đầu tư, mua sắm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Những tháng đầu năm 2023, sự bất ổn của một số ngân hàng ở Mỹ, châu Âu đã ảnh hưởng đến niềm tin của người dân trên thế giới đối với hệ thống ngân hàng khi các ngân hàng Trung ương tiếp tục tăng lãi suất và sử dụng chính sách thắt chặt tiền tệ hơn nữa. Tuy nhiên, diễn biến trên thị trường tài chính thế giới cho thấy, các ngân hàng trung ương đang trong giai đoạn có thể không hoạt động đồng pha với nhau, nguyên nhân của các điều này hoàn toàn phụ thuộc vào nền tảng vĩ mô của từng nước.

Trong năm 2023, Ngân hàng Nhà nước đã điều hành giảm lãi suất để hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế thông qua việc liên tục điều chỉnh giảm 4 lần các mức lãi suất điều hành, với mức giảm 0,5-2,0%/năm, trong bối cảnh lãi suất thế giới tiếp tục tăng và neo ở mức cao; đồng thời, có nhiều văn bản chỉ đạo, trực tiếp làm việc với các tổ chức tín dụng để nghị tiết giảm chi phí, giảm lãi suất huy động để giảm mặt bằng lãi suất cho vay. Đến nay, mặt bằng lãi suất đã giảm đáng kể, lãi suất tiền gửi và cho vay bình quân của các giao dịch phát sinh mới bằng VND giảm 2-3% so với cuối năm 2022. Với tác động có độ trễ của chính sách sau 4 lần điều chỉnh giảm lãi suất và các biện pháp điều hành của Ngân hàng Nhà nước, dự kiến mặt bằng lãi suất cho vay sẽ tiếp tục giảm trong thời gian tới. Tuy nhiên, nếu bối cảnh quốc tế không thuận lợi, gây áp lực lên tỷ giá và lạm phát, việc thay đổi chính sách tiền tệ cũng có thể xảy ra.

Là công ty thuộc phân mảng phân phối trong chuỗi giá trị, nguồn vốn lưu động của Công ty thường được huy động từ vốn vay ngắn hạn, phụ thuộc nhiều vào tiến độ thanh toán tiền hàng của khách hàng. Mặc dù trong bối cảnh lãi suất có xu hướng giảm, nhưng cũng đề phòng đến trường hợp lãi suất có thể tăng cao trong thời gian sắp tới nên để quản trị rủi ro một cách hiệu quả, Công ty chủ động quản trị nguồn vốn lưu động hợp lý. Bên cạnh đó, theo dõi sát sao diễn biến thị trường và các chính sách tiền tệ để có thể đưa ra những giải pháp thanh toán kịp thời, hạn chế bất ổn và ảnh hưởng từ lãi suất.

2. Rủi ro về luật pháp

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Thành Phố Hồ Chí Minh hoạt động theo loại hình doanh nghiệp công ty cổ phần, được đăng ký giao dịch tại sàn UPCOM thuộc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Vì thế, Công ty cần đáp ứng các điều kiện đăng ký giao dịch và mọi hoạt động được điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật gồm: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, các văn bản pháp luật và các thông tư hướng dẫn có liên quan.

Đặc thù ngành nghề hoạt động của Công ty là kinh doanh trong ngành dược và thiết bị y tế, ngành nghề chịu kiểm soát đặc biệt của Chính phủ. Do đó, các hoạt động liên quan đến dược phẩm và xuất nhập khẩu phải chịu sự chi phối và quản lý bởi Luật Dược, Nghị định số 54/2017/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược, Nghị định số 155/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Y tế và một số văn bản thuộc lĩnh vực dược khác. Mặt khác, với hoạt động xuất nhập khẩu diễn ra thường xuyên, Công ty phải tuân thủ, đáp ứng đầy đủ và chính sách thuế xuất nhập khẩu và thủ tục hải quan.

Lã doanh nghiệp hoạt động lâu năm trong ngành, YTECO có khả năng chủ động thích nghi trước những thay đổi của các văn bản quy phạm pháp luật. Để hạn chế tối đa những rủi ro phát sinh liên quan đến yếu tố pháp lý trong quá trình hoạt động, Công ty thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động chuyên môn, luôn tích cực trang bị cho nội bộ, các phòng ban chức năng những thông tin cần thiết về pháp luật chung và áp dụng cho từng vị trí riêng, đảm bảo tuân thủ và hạn chế các rủi ro pháp lý gặp phải. Tuy nhiên Công ty không đảm bảo rằng các luật, quy định, quy chế, tiêu chuẩn điều chỉnh hoạt động kinh doanh của Công ty hiện tại sẽ không thay đổi trong tương lai. Những thay đổi đó có thể dẫn đến Công ty phải điều chỉnh, sửa đổi cơ chế hoạt động, hoặc cập nhật, nâng cấp công nghệ, quy trình hiện có dẫn tới sự gia tăng đáng kể chi phí để đáp ứng, tuân thủ các thay đổi đó và do vậy sẽ ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình tài chính của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù

3.1 Rủi ro cạnh tranh

Thị trường dược phẩm được phân phối qua 2 kênh chính là kênh ETC và kênh OTC, chủ yếu là kênh ETC với 75% sản lượng tiêu thụ. Theo nghiên cứu của IBM, với tiềm năng tăng trưởng của ngành dược, tốc độ tăng trưởng của chỉ tiêu cho thuốc sẽ duy trì tối thiểu 14% cho đến năm 2025. Mặt khác, với mục tiêu đẩy nhanh lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân, Quyết định số 1584/QĐ-

TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ định hướng phần đầu có ít nhất 90% dân số có bảo hiểm y tế đến năm 2020, hướng đến con số mục tiêu 95% vào năm 2025. Vì thế, kênh ETC được chú trọng, có nhiều tiềm năng phát triển, cùng với đó là đối thủ cạnh tranh ngày một tăng. Tuy nhiên, phần lớn thị phần của kênh ETC nằm trong tay của doanh nghiệp nước ngoài với công nghệ kỹ thuật tiên tiến cũng như quyền bảo hộ thuốc generic. Đồng thời, các công ty này còn được hưởng lợi từ các hiệp định thương mại, điều này tạo áp lực cạnh tranh đối với các công ty sản xuất thuốc trong nước. Với đặc thù ngành dược, mức độ trung thành của khách hàng quan trọng hơn hết, người tiêu dùng Việt Nam vẫn còn thói quen sử dụng thuốc ngoại nhập mặc dù các công ty trong nước đã hoàn thiện chuỗi sản xuất cũng như có những cải tiến nhất định về công nghệ. Tuy nhiên, YTECO không chịu áp lực lớn từ cạnh tranh với công ty nước ngoài bởi vì đặc thù ngành nghề Công ty là thương mại và phân phối, YTECO được hưởng lợi từ Thông tư số 34/2013/TT-BTC về hoạt động mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam quy định doanh nghiệp có vốn đầu tư của nước ngoài (FIE) có quyền nhập khẩu nhưng việc phân phối sẽ chỉ dành riêng cho các công ty có vốn trong nước. Điều này là rào cản của doanh nghiệp nước ngoài và doanh nghiệp tại Việt Nam có yếu tố nước ngoài, và là cơ hội của YTECO – doanh nghiệp Việt Nam lâu năm chuyên phân phối trong ngành. Tuy vậy, YTECO đang đối mặt với các đối thủ cạnh tranh nằm cùng phân mảnh phân phối, cạnh tranh về công nghệ, hệ thống kho, vận chuyển, khả năng đáp ứng đơn hàng và giá thành.

Với kênh OTC, sau khi bước qua thời kỳ diễn biến phức tạp của dịch bệnh, người dân có ý thức hơn trong việc bảo vệ sức khỏe vì thế các phân khúc thực phẩm hỗ trợ chức năng có nhiều tiềm năng phát triển. Hơn nữa, thuốc điều trị Covid-19 đã được phổ biến tại mọi hiệu thuốc, có thể đáp ứng nhanh chóng nhu cầu của người dân. Kênh OTC là thị trường tiềm năng cho tất cả các doanh nghiệp, tập trung mở rộng kênh ETC cũng là một trong những mục tiêu do YTECO đề ra. Song song đó, tình hình cạnh tranh trong kênh OTC rất mạnh bởi kênh ETC có quy định về chọn thuốc trúng thầu với ưu tiên thuốc giá thấp, việc phát triển kênh OTC nhằm củng cố vị thế đảm bảo khả năng cạnh tranh trên thị trường đã trở thành ưu tiên hàng đầu của tất cả các doanh nghiệp.

Nhận thức sự cạnh tranh gay gắt, trong những năm gần đây, YTECO luôn thường xuyên nâng cao hệ thống phân phối, nghiên cứu sản phẩm trước khi nhập khẩu, quản lý chi phí từ khâu nhập khẩu, lưu trữ đến phân phối, thiết lập bền chặt chuỗi giá trị sản xuất – tồn trữ - phân phối – bán lẻ đảm bảo đầu ra. Đồng thời, đưa ra những chính sách phân phối cạnh tranh với các công ty cùng ngành. Mặt khác, YTECO có đội ngũ nhân sự dồi dào kinh nghiệm, là lợi thế cạnh tranh phần đầu trở thành doanh nghiệp đầu ngành.

3.2 Rủi ro tỷ giá

Với đặc trưng ngành nghề, YTECO có hoạt động xuất nhập khẩu diễn ra thường xuyên, vì thế rủi ro biến động tỷ giá hối đoái luôn là rủi ro được Công ty theo dõi sát sao và định lượng mức độ ảnh hưởng. YTECO chủ yếu có khoản 70% nguồn hàng hóa từ nước ngoài, với các giao dịch và thanh toán có gốc ngoại tệ USD, EUR, AUD, JPY... Vì thế, rủi ro tỷ giá xảy ra khi có biến động giữa tỷ giá VND và các đồng ngoại tệ trên, trong đó, có mức độ ảnh hưởng mạnh hơn hết là biến động giữa VND và USD vì phần lớn giao dịch của Công ty với quốc tế sử dụng đồng USD

để thanh toán. Tại Việt Nam, tỷ giá trên thị trường liên ngân hàng đã nhích dần lên trong tháng 5/2023 (tăng 0,13% so với tháng 4) và riêng trong tháng 6 tăng 0,4% so với cuối tháng 5. Trên thị trường phi chính thức, tỷ giá tự do đã tăng 0,8% trong tháng 6 và bật tăng từ tháng 8 và giữ ở quanh mức 24.000 đồng, lên 24.500 VND/USD giữa tháng 9/2023. Chênh lệch lãi suất USD-VND trên thị trường liên ngân hàng đang ở mức cao kỷ lục, kích thích hoạt động kinh doanh chênh lệch lãi suất và tạo nên áp lực mất giá tiền đồng. Ngân hàng Nhà nước đã giảm lãi suất điều hành khá quyết liệt trong nửa đầu năm 2023, đúng về mục tiêu tăng trưởng và hạ bớt tầm khiên về ổn định tỷ giá. Đồng thời tích cực mua vào ngoại tệ để tăng dự trữ ngoại hối. Ngoài ra, Ngân hàng Nhà nước vẫn có một số yếu tố hỗ trợ để ổn định tỷ giá, bao gồm: thặng dư thương mại duy trì ở mức cao, FDI và kiều hối tích cực và các thỏa thuận bán cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài dự kiến thực hiện trong nửa cuối năm 2023 sẽ làm tăng nguồn cung ngoại tệ. Việc giữ tỷ giá biến động trong phạm vi phù hợp dưới 3% sẽ giúp giảm thiểu các tác động tiêu cực và nâng cao khả năng cạnh tranh hàng xuất khẩu của Việt Nam.

Trước tình hình biến động tỷ giá trên, không chỉ giá hàng hóa, chi phí logistics, chi phí bảo hiểm hàng hóa, chi phí lãi vay cũng gây áp lực lên chi phí hoạt động của doanh nghiệp. Để kiểm soát rủi ro, Công ty chủ động có kế hoạch hàng tồn kho với các kịch bản khác nhau của thị trường, từ đó chủ động hơn trong công tác phòng ngừa, tận dụng sự thay đổi trong tỷ giá. Song song đó, Công ty mở rộng mạng lưới nhà cung cấp và có kế hoạch thu mua phù hợp. Ngoài ra, Công ty luôn thận trọng trong việc theo dõi và dự báo xu hướng biến động giá để kịp thời đưa ra những hành động giảm thiểu rủi ro ảnh hưởng bất lợi đối với Công ty.

3.3 Rủi ro hàng giả, hàng nhái

Dược phẩm là loại hàng hóa đặc thù liên quan đến sức khỏe và tính mạng của con người. Dược phẩm nếu không được bảo quản một cách chặt chẽ, đúng quy trình sẽ dẫn đến biến đổi hóa học ảnh hưởng xấu đến chất lượng sản phẩm. Những năm gần đây, vấn đề về hàng giả, hàng nhái, hàng nhập lậu là vấn đề mà các doanh nghiệp sản xuất hàng hóa nói chung rất quan tâm vì nó liên quan trực tiếp đến sức khỏe người tiêu dùng, bên cạnh đó nó cũng ảnh hưởng không nhỏ đến uy tín và thương hiệu của Công ty cũng như ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Theo thống kê của Cục sở hữu trí tuệ cho thấy mỗi năm có hơn 3.000 trường hợp vi phạm nhãn hiệu hàng hóa và cạnh tranh không lành mạnh. Do đó, bên cạnh những nỗ lực của Công ty trong việc chống hàng giả, hàng nhái, sự hỗ trợ của các cơ quan chức năng là hết sức cần thiết nhằm hạn chế và loại bỏ hàng giả, hàng nhái nhằm bảo đảm sức khỏe người tiêu dùng. Ngày 01/03/2010, Bộ Y tế đã ra quyết định số 05/2010/IT-BYT về việc hướng dẫn bảo mật dữ liệu thử nghiệm trong đăng ký thuốc. Luật sở hữu trí tuệ ra đời cùng với quyết định nêu trên sẽ góp phần bảo vệ các doanh nghiệp Ngành Dược trước sự xâm hại của hàng giả, hàng nhái.

Nhận thức sâu sắc về vấn đề này, YTECO đã chủ động trong việc không ngừng nâng cao nhận diện thương hiệu, đảm bảo an toàn và chất lượng sử dụng cho người tiêu dùng.

4. Rủi ro về đợt chào bán

4.1 Rủi ro về đợt chào bán

Trong những năm gần đây, thị trường chứng khoán tiếp tục là kênh huy động vốn tốt khi mà kinh tế vĩ mô của Việt Nam ngày càng ổn định. Nhiều công ty thực hiện tăng vốn, đưa ra thị trường một lượng cung lớn cổ phiếu, trái phiếu. Lượng cung chứng khoán lớn dẫn đến sự cạnh tranh lớn của các cổ phiếu chào bán. Đây cũng là một rủi ro lớn đối với cổ phiếu chào bán thêm của YTECO.

Bên cạnh đó, tâm lý nhà đầu tư cũng là một yếu tố gây rủi ro lớn cho đợt chào bán. Trong thời gian qua, thị trường chứng khoán có nhiều biến động, giá nhiều cổ phiếu có biên độ dao động rất lớn làm ảnh hưởng không nhỏ đến tài sản của các nhà đầu tư, vì vậy, các nhà đầu tư sẽ có tâm lý thận trọng khi lựa chọn đầu tư các cổ phiếu mới. Đứng trước sự cạnh tranh của nhiều cổ phiếu, sự lựa chọn của các nhà đầu tư là một yếu tố khá rủi ro với đợt chào bán thêm cổ phiếu của YTECO.

Trong đợt chào bán thêm cổ phiếu này, YTECO thực hiện chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, là đối tượng hiểu rất rõ định hướng phát triển, tình hình kinh doanh cũng như năng lực Ban lãnh đạo YTECO. Đây là một yếu tố tích cực cho đợt chào bán cổ phiếu.

Đợt chào bán này sẽ có Tổ chức bảo lãnh phát hành đối với số cổ phiếu không bán hết (nếu có) nên không xảy ra rủi ro cổ phiếu phát hành không được chào bán hết.

4.2 Rủi ro của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến là 129.360.000.000 đồng (chưa trừ chi phí phát hành) sẽ được sử dụng để (i) Tái cơ cấu nguồn vốn (thanh toán gốc và lãi của các khoản nợ vay ngân hàng và các khoản vay khác), (ii) bổ sung cho nguồn vốn lưu động để thanh toán cho các nhà cung cấp. Nhìn chung, kế hoạch sử dụng vốn của YTECO từ đợt chào bán cổ phiếu sẽ giúp cải thiện dòng tiền, giảm áp lực tài chính và nâng cao năng lực hoạt động cho YTECO, do đó rủi ro về việc sử dụng tiền từ đợt chào bán là không cao.

5. Rủi ro pha loãng

5.1 Rủi ro pha loãng giá tham chiếu cổ phiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền

Cổ phiếu của YTECO đang được đăng ký giao dịch tại hệ thống giao dịch Upcom với mã chứng khoán YTC, theo đó tại ngày giao dịch cổ phiếu không hưởng quyền, nếu giá chào bán thấp hơn giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất trước ngày giao dịch không hưởng quyền thì giá tham chiếu của cổ phiếu sẽ bị điều chỉnh theo tỷ lệ cổ phiếu YTC được phát hành thêm.

Cách tính giá điều chỉnh tại ngày giao dịch không hưởng quyền như sau:

$$P_{TC} = \frac{PR_{t-1} + (I \times P_r)}{1 + I}$$

Trong đó:

- + P_{TC} : Giá tham chiếu của cổ phiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền
- + PR_{t-1} : Giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày giao dịch không hưởng quyền
- + P_r : Giá phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu
- + I : Tỷ lệ phát hành cho cổ đông hiện hữu

Ví dụ:

Các giả định như sau:

- + YTECO thực hiện chốt danh sách cổ đông để phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.
- + Giá đóng cửa của cổ phiếu vào ngày liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 140.000 đồng/cổ phiếu.
- + Tỷ lệ phát hành cho cổ đông hiện hữu là: 210% và giá phát hành là 20.000 đồng/ cổ phiếu.

Vậy, giá tham chiếu của cổ phiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền là:

$$P_{rc} = \frac{140.000 + (210\% \times 20.000)}{1 + 210\%} = 58.710 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

Lưu ý: Giá cổ phiếu của YTECO có thể biến động và thay đổi tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua, ví dụ nếu trên chỉ nhằm mục đích chứng minh sự thay đổi về giá cổ phiếu khi cổ phiếu bị pha loãng do phát hành thêm.

5.2. Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) và giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần

Sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận và vốn chủ sở hữu của YTECO sẽ có ảnh hưởng đến chỉ tiêu EPS cũng như giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần, cụ thể như sau:

- ❖ Thu nhập trên mỗi cổ phần:

Công thức tính EPS:

$$\text{EPS} = \frac{\text{Lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành)}}{\text{Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm}}$$

Sau khi chào bán, nếu tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận sau thuế thấp hơn tốc độ tăng của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm đó thì EPS sau khi chào bán sẽ suy giảm đi so với EPS trước khi chào bán.

- ❖ Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVPS)

Công thức tính BVPS:

$$\text{BVPS} = \frac{\text{Tổng giá trị vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Tại thời điểm 31/12/2023, giá trị sổ sách cổ phiếu theo Báo cáo tài chính tự lập năm 2023 là 12.829 đồng/cổ phiếu. Tại thời điểm hoàn thành đợt chào bán, giá trị sổ sách của cổ phiếu sẽ giảm tương ứng với tỷ lệ tăng lên của vốn chủ sở hữu so với tỷ lệ tăng số lượng cổ phiếu sau đợt chào bán.

5.3 Rủi ro pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của cổ đông hiện hữu sẽ bị giảm đi so với thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu trong trường hợp cổ đông từ chối quyền mua (một phần hoặc toàn bộ) hoặc chuyển nhượng quyền mua cổ phần cho người khác.

Nhìn chung, tùy vào tình hình thị trường chứng khoán tại thời điểm chào bán, hiệu quả hoạt động kinh doanh của YTECO, kết quả chào bán thực tế... mà các rủi ro từ việc pha loãng cổ phiếu như nêu trên có thể xảy ra ở các mức độ khác nhau và tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến lợi ích của nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu.

6. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro quản trị đối với doanh nghiệp có thể phát sinh do 2 nguyên nhân chính: (i) sự thiếu hụt chưa được bù đắp kịp thời của một hoặc nhiều cán bộ lãnh đạo chủ chốt và (ii) sự hài hòa lợi ích và trách nhiệm giữa các cấp quản trị. Để hạn chế rủi ro quản trị, Công ty có các quy định về phân quyền và trách nhiệm cụ thể giữa các thành viên trong bộ máy quản lý Công ty và thực hiện tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị công ty quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành và áp dụng chế độ báo cáo, công bố thông tin chặt chẽ.

Nhằm tăng cường công tác quản trị tại Công ty, Hội đồng quản trị Công ty từng bước xây dựng và hoàn thiện các Quy trình, quy chế quản trị theo hướng chuyên trách, nâng cao vai trò từng thành viên Hội đồng quản trị và kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh, đảm bảo tối đa lợi ích của cổ đông.

7. Rủi ro khác

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng như động đất, hỏa hoạn, hạn hán, bão lũ, dịch bệnh, sự ảnh hưởng những biến động chính trị - xã hội trên thế giới, chiến tranh... nếu xảy ra thì sẽ tác động phần nào đến tình hình kinh doanh của YTECO. Mặc dù những rủi ro này hiếm khi xảy ra nhưng Công ty luôn trong tư thế sẵn sàng chủ động mua bảo hiểm cho người lao động, tài sản (kho bãi, phương tiện vận chuyển, ...) và các bên liên quan, chuẩn bị các kiến thức và kỹ năng cần thiết để ứng phó nhanh với các trường hợp khẩn cấp.

Hiện tại dịch bệnh Covid-19 đã phần nào được kiểm soát, thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đã bước vào giai đoạn bình thường mới. Tuy nhiên, các biến thể mới vẫn còn tiếp tục phát triển, không loại trừ khả năng thế giới tiếp tục đối mặt với các cú sốc khi biến thể được hình thành. Từ đó, có thể tác động tiêu cực đến nền kinh tế nói chung và công ty xuất khẩu nói riêng khi xảy ra khủng hoảng năng lượng, đứt gãy chuỗi cung ứng... Nhận thấy rủi ro này, Công ty luôn có kế hoạch đề phòng rủi ro thiếu hụt nguồn cung.

(Phần còn lại của trang được cố ý để trống)

III. CÁC KHÁI NIỆM

Các từ hoặc nhóm từ được viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

• YTECO/Công ty	Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Thành Phố Hồ Chí Minh
• Tổ chức phát hành/TCPIH	Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Thành Phố Hồ Chí Minh
• Tổ chức tư vấn/SBS	Công ty Cổ phần Chứng khoán SBS
• Tổ chức bảo lãnh phát hành/MBS	Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
• Luật Chứng khoán	Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019
• Luật Doanh nghiệp	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020
• Điều lệ	Điều lệ tổ chức và hoạt động của YTECO
• BCTC	Báo cáo tài chính
• CNTT	Công nghệ thông tin
• CTCP	Công ty cổ phần
• ESOP	Cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho Người lao động
• DSCD	Danh sách cổ đông
• DV	Dịch vụ
• DHDCD	Đại hội đồng cổ đông
• DVT	Đơn vị tính
• Giấy CNĐKDN	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
• Giấy CNĐKKD	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
• HDKD	Hoạt động kinh doanh
• HDQT	Hội đồng quản trị
• LNST	Lợi nhuận sau thuế
• SƠ KHĐT	Sơ Kế hoạch và Đầu tư
• SX	Sản xuất
• XNK	Xuất nhập khẩu
• TGĐ	Tổng Giám đốc
• TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
• TM	Thương mại
• TP.	Thành phố

-
- UBCKNN Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - UBND Ủy ban Nhân dân
 - VDL Vốn điều lệ
 - VSDC Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam
 - VND Đồng tiền Việt Nam
 - USD Đô la Mỹ
 - EUR Đồng tiền của Liên minh Châu Âu (EU)
 - OTC Những loại thuốc mà người dùng có thể mua tại các quầy thuốc mà không cần kê đơn
 - ETC Những loại thuốc bán theo kê đơn bác sĩ

(Phần còn lại của trang được cố ý để trống)

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Thành Phố Hồ Chí Minh
- Tên tiếng Anh : Ho Chi Minh City Medical Import Export Joint Stock Company
- Tên viết tắt : YTECO
- Logo : 
- Vốn điều lệ : 30.800.000.000 đồng
- Giấy CNĐKDN : Số 0302366480 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 01/08/2001 và thay đổi lần thứ 27 ngày 29/10/2021
- Trụ sở chính : 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (028) 3930 4372
- Fax : (028) 3930 6909
- Email : yteco_hcm@yteco.vn
- Website : www.yteco.vn
- Mã cổ phiếu : YTC
- Sàn đăng ký giao dịch : UPCOM
- Người đại diện theo pháp luật : Ông Phan Minh Trung – Tổng Giám đốc

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:

STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
1	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Sản xuất tinh dầu, hương liệu (không hoạt động tại trụ sở).</i>	2029
2	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu <i>Chi tiết: Sản xuất dược phẩm, dược liệu. Sản xuất thuốc.</i>	2100
3	In ấn <i>Chi tiết: In trên bao bì (không hoạt động tại trụ sở)</i>	1811
4	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229

STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
	<i>Chi tiết: Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu. Dịch vụ khai thuế hải quan.</i>	
5	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Mua bán vắc-xin, sinh phẩm, hoá chất dùng trong phòng thí nghiệm và nghiên cứu khoa học (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Mua bán vật liệu ngành in. Mua bán thiết bị ngành y tế. mua bán thiết bị ngành thực phẩm, thiết bị khoa học kỹ thuật. Mua bán thang máy. Mua bán máy giặt công nghiệp. Mua bán tinh dầu, hương liệu. Mua bán lò thiêu xác (xác, xử lý rác). (doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động)</i>	4669
6	Bán buôn tổng hợp <i>Chi tiết: Được phép kinh doanh đa ngành nghề theo quy định của pháp luật. (trừ bán buôn bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cần, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán buôn hóa chất tại trụ sở; Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch nông sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh)</i>	4690
7	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh <i>Chi tiết: Bán lẻ thuốc.</i>	4772
8	Bán buôn thực phẩm <i>Chi tiết: Mua bán sữa, sản phẩm dinh dưỡng, thực phẩm. Bán buôn thực phẩm chức năng.</i>	4632
8	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình <i>Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu dược phẩm, dược liệu. Mua bán mỹ phẩm. Mua bán hàng trang trí nội thất. Xuất khẩu, nhập khẩu, bán buôn thuốc.</i>	4649 (Chính)
9	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác <i>Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu trong thiết bị, vật tư y tế. Mua bán vật tư - máy móc - phụ tùng các loại. Mua bán máy phát điện.</i>	4659
10	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ <i>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô.</i>	4933
11	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230

STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
	<i>Chi tiết: Tổ chức hội nghị, hội thảo (không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ và không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)</i>	
12	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Dịch vụ bảo quản và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc.</i>	8699
13	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê <i>Chi tiết: Cho thuê kho bãi, văn phòng, mặt bằng. Kinh doanh bất động sản.</i>	6810

(Nguồn: YTECO)

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của TCPH

Bảng 1: Những cột mốc phát triển quan trọng của Công ty

Thời gian	Những cột mốc phát triển quan trọng
I. Giai đoạn hình thành, 1984 - 1993	
1984 - 1989	Tiền thân của YTECO là Công ty Cung ứng Vật tư Y tế, được thành lập theo Quyết định số 05/QĐ-UB ngày 04/01/1984 của UBND TP. Hồ Chí Minh trực thuộc Sở Y tế TP. Hồ Chí Minh.
Tháng 12/1989	Công ty Cung ứng Vật tư Y tế đổi tên thành Công ty Xuất nhập khẩu Y tế thành phố, có tên giao dịch là YTECO, trực thuộc Sở Y tế TP. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 784/QĐ-UB.
Tháng 03/1993	UBND TP. Hồ Chí Minh thành lập doanh nghiệp Nhà nước Công ty Xuất nhập khẩu Y tế, trực thuộc UBND TP. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 106/QĐ-UB.
II. Giai đoạn chuyển mình, 2001 - 2006	
Năm 2001	Công ty Xuất nhập khẩu Y tế thành phố tiến hành cổ phần hóa thành Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế TP. Hồ Chí Minh (YTECO) theo Quyết định số 60/2001/QĐ-TTg ngày 24/04/2001 của Thủ tướng Chính phủ. Chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần từ ngày 01/08/2001.
Năm 2006	Theo Quyết định số 3749/QĐ-UB của UBND TP. Hồ Chí Minh, YTECO hoạt động theo mô hình Công ty mẹ Công ty con với Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn trực tiếp quản lý 29% vốn Nhà Nước tại YTECO.
III. Giai đoạn xây dựng, 2012 - 2019	
Năm 2012	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế TP. Hồ Chí Minh được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng.

Thời gian	Những cột mốc phát triển quan trọng
Năm 2017	Ngày 22/02/2017, Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Chứng khoán số 53/2017/GCNCP-VSD và đăng ký giao dịch UPCoM với tổng số lượng cổ phiếu là 2.800.000 cổ phiếu.
Năm 2019	Công ty vinh dự được trao tặng Huân chương lao động hạng nhì của Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
IV. Giai đoạn đổi mới, 2020 - 2023	
Năm 2020	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế TP. Hồ Chí Minh kỷ niệm 36 năm thành lập Công ty.
Năm 2021	Công ty hợp tác kinh doanh cùng Công ty đa quốc gia IMCD cho mảng phân phối nguyên liệu dược tại Việt Nam. Công ty triển khai dự án ERP nhằm hỗ trợ quản lý thông tin, hệ thống báo cáo quản trị, hỗ trợ Ban điều hành nhanh chóng đưa ra các quyết định kinh doanh.
Năm 2022	Công ty ghi nhận kết quả kinh doanh tích cực, doanh thu cán mốc trên 600 tỷ đồng, tăng trưởng 12,56% so với cùng kỳ và lợi nhuận sau thuế đạt trên 31 tỷ đồng, trở lại với nhịp tăng trưởng của giai đoạn 2018 – 2020. Những kết quả này bước đầu đánh dấu sự hiệu quả trong công tác tái cơ cấu và phục hồi của Công ty.
Năm 2023	Công ty thực hiện việc chuyển đổi số toàn diện thông qua việc phát triển hệ thống quản trị và vận hành công việc trên nền tảng Base - nền tảng số hóa công việc đã được áp dụng cho hơn 8000 doanh nghiệp lớn nhỏ ở Việt Nam, làm tiền đề trong giai đoạn tăng trưởng mới với chiến lược mở rộng lĩnh vực kinh doanh, quy mô hoạt động, nhanh chóng tiếp cận và đáp ứng tốt hơn các yêu cầu của khách hàng từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững.

(Nguồn: YTECO)

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành

Cơ cấu YTECO được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (“Luật Doanh Nghiệp”). Các hoạt động của Công ty và các công ty trong hệ thống tuân thủ Luật Doanh Nghiệp và các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

(Phần còn lại của trang được cố ý để trống)

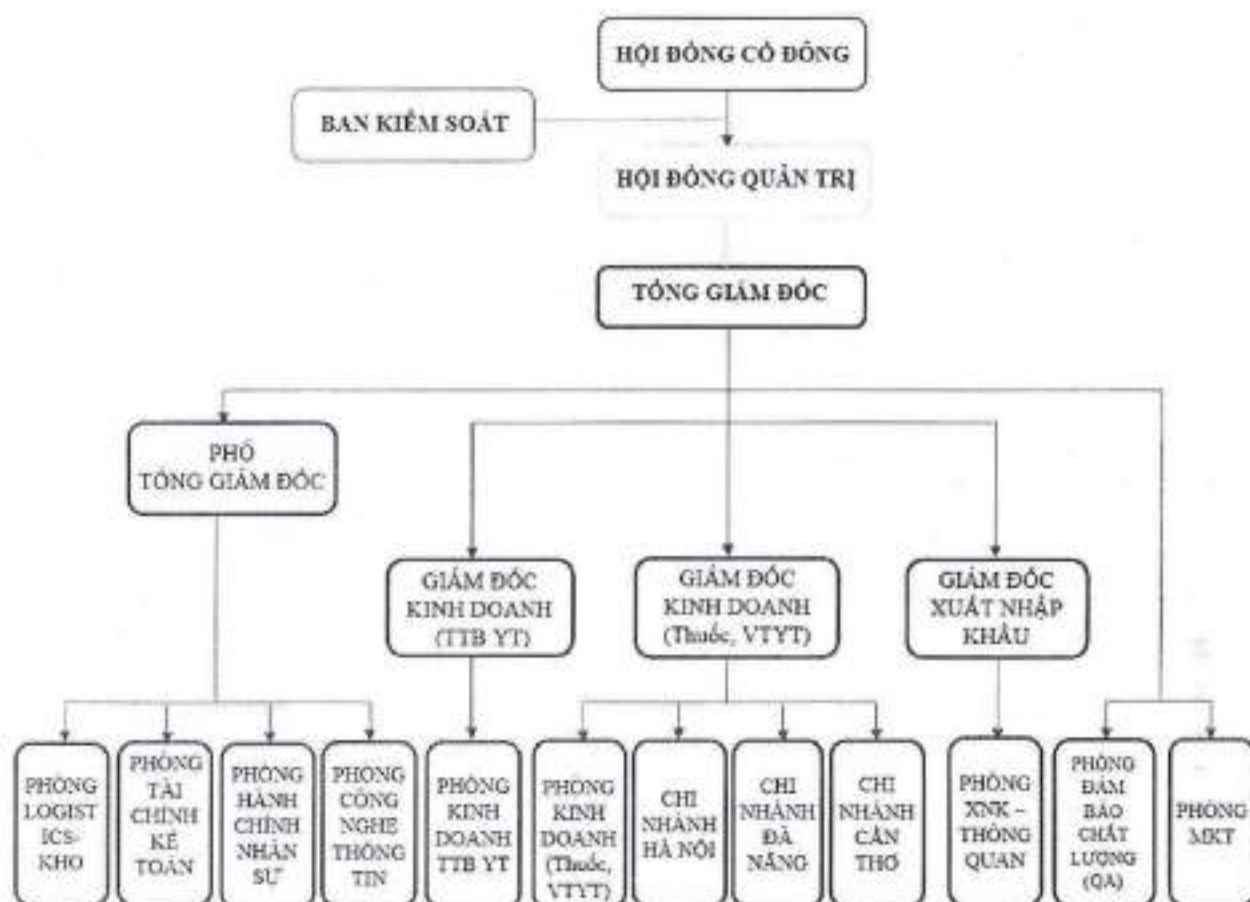
Hình 3: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của YTECO



Theo cơ cấu tổ chức, YTECO hiện có 01 trụ sở chính và 03 Chi nhánh.

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành

Hình 4: Cơ cấu bộ máy quản lý của YTECO



❖ Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”)

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết, họp ít nhất mỗi năm một lần. ĐHĐCĐ có quyền và nghĩa vụ chủ yếu sau:

- Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;
- Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho HĐQT và Ban Kiểm soát;
- Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát;
- Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

❖ Hội đồng quản trị (“HĐQT”)

Hội đồng quản trị gồm 03 thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của DIHDCD. HĐQT có quyền hạn và nghĩa vụ như sau:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; Quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

- Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và Người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc ĐHĐCĐ ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến đề ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết;
- Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên ĐHĐCĐ;
- Kiến nghị mức cổ tức được trả; Quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- Quyết định ban hành Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi ĐHĐCĐ thông qua; Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của UBKT trực thuộc HĐQT, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Hội đồng quản trị phải báo cáo ĐHĐCĐ kết quả hoạt động của HĐQT theo quy định Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.

❖ Ban kiểm soát

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, các thành viên của Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

- Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo

- cáo tài chính của Công ty;
- Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
- Giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT và Tổng Giám đốc và cổ đông;
- Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- Báo cáo tại ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình ĐHĐCĐ thông qua;
- Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu trữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;
- Có quyền yêu cầu HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

❖ Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc gồm có 01 Tổng Giám đốc và 01 Phó Tổng Giám đốc.

Tổng Giám đốc điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua; chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Phó Tổng Giám đốc: trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm điều hành Phòng Tài chính Kế toán, Bộ phận lao động tiền lương, Phòng Hành chính và Phòng Công nghệ thông tin và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nội dung được phân công, chủ động giải quyết những công việc được ủy quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

❖ Các Giám đốc chức năng

Công ty có 03 Giám đốc, 05 Trưởng phòng, 03 Trưởng Chi nhánh chịu trách nhiệm điều hành và triển khai các chiến lược theo chức năng quản lý, hỗ trợ cho Ban Tổng Giám đốc đồng thời chịu trách nhiệm trước Ban Tổng Giám đốc về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao vì lợi ích của Công ty và các Cổ đông.

❖ Các phòng, ban

Phòng Xuất nhập khẩu – thông quan: Tham mưu và đề xuất cho Ban Tổng Giám đốc để xử lý các vấn đề liên quan đến kinh doanh xuất nhập khẩu như:

- Hoàn tất các thủ tục và chứng từ xuất nhập khẩu hàng hóa như: Hợp đồng mua bán, bộ chứng từ vận chuyển, bộ chứng từ xuất nhập khẩu, các thủ tục thanh toán, giao nhận hàng hóa.
- Kết hợp cùng kế toán thực hiện các hoạt động mở LC, bảo lãnh ngân hàng...
- Tiếp nhận, kiểm tra, đối chiếu hồ sơ hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu với số lượng thực tế tại cửa khẩu trong quá trình làm hồ sơ thông quan hàng hóa.
- Quản lý, theo dõi các đơn hàng, hợp đồng. Phối hợp với các bộ phận liên quan để đảm bảo đúng tiến độ giao nhận hàng.
- Lập hồ sơ khai hải quan, kiểm hóa đối với các lô hàng nhập khẩu hoặc tái xuất của Công ty, thực hiện dịch vụ thông quan, đảm bảo theo quy trình làm việc của Công ty và đúng với quy định của Nhà nước.

Phòng Kinh doanh (Thuốc, Vật tư y tế), Chi nhánh:

- Mở rộng địa bàn hoạt động trong nước và hướng ra nước ngoài, xây dựng nhóm mặt hàng tự doanh độc quyền phân phối.
- Xây dựng kế hoạch phát triển kinh doanh những sản phẩm nội ngoại nhập gồm tân dược, vaccine sinh phẩm, hóa chất, vật tư y tế tiêu hao, trang thiết bị y tế, thực phẩm chức năng... dưới hình thức ủy thác, ký gửi, tự doanh.
- Xây dựng chiến lược/chính sách bán hàng, khuyến mãi, phát triển hệ thống phân phối, chăm sóc khách hàng...
- Giám sát, đánh giá việc thực hiện các chủ trương đã duyệt nêu trên tại các chi nhánh và báo cáo định kỳ theo quy định hoặc theo yêu cầu của Ban Tổng Giám đốc.
- Lập hồ sơ liên quan đến công tác đấu thầu các gói dự thầu của các Bệnh viện, đảm bảo tuân thủ các quy tắc, quy định của mỗi gói thầu và quy định của Pháp luật.
- Kiểm soát hồ sơ các gói thầu trong phạm vi điều chỉnh của Luật đấu thầu.
- Các chi nhánh: thực hiện việc giao dịch xúc tiến bán hàng, phân phối các sản phẩm do Công ty phân phối đến các Đại lý nhà thuốc, bệnh viện; bảo quản, giữ gìn tốt tài sản của chi nhánh mà Công ty đã đầu tư.

Phòng Kinh doanh (Trang thiết bị y tế):

- Mở rộng địa bàn hoạt động trong nước và hướng ra nước ngoài, xây dựng nhóm mặt hàng tự doanh độc quyền phân phối.
- Xây dựng kế hoạch phát triển kinh doanh những danh mục trang thiết bị y tế nội ngoại nhập... dưới hình thức ủy thác, ký gửi, tự doanh.
- Xây dựng chiến lược/chính sách bán hàng, khuyến mãi, phát triển hệ thống phân phối, chăm sóc khách hàng.

- Thẩm định, kiểm tra, đánh giá thường xuyên chất lượng trang thiết bị y tế khi nhập về kho hoặc trước khi xuất kho để đảm bảo chất lượng từng sản phẩm.

Phòng Logistic - Kho:

- Tôn trữ và bảo quản hàng hóa, vận chuyển và giao nhận hàng.
- Thực hiện báo cáo công việc cho Phó Tổng Giám đốc.

Phòng Đảm bảo chất lượng (QA):

- Thực hiện các Quy định của Pháp luật để đảm bảo chất lượng hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh và dịch vụ của Công ty.
- Thực hiện thủ tục hành chính theo Quy định chuyên ngành để xin cấp giấy chứng nhận đạt các nguyên tắc thực hành tốt GMP, GSP, GDP, GPP, các giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cho Công ty.
- Lập các kế hoạch đào tạo và tái đào tạo theo các nguyên tắc nêu trên, kế hoạch tự thanh tra nội bộ, kế hoạch bảo dưỡng nhà kho.
- Xây dựng các quy trình thao tác chuẩn trong Công ty phù hợp với Quy định của Pháp luật hiện hành và theo dõi việc thực hiện các Quy trình đã ban hành, rà soát các Quy trình sắp đến hạn tái duyệt.
- Kiểm tra nội dung các đề nghị in nhãn phụ.
- Tiến hành thủ tục tiêu hủy thuốc quá hạn sử dụng, hư hỏng, kém chất lượng, thuốc thu hồi,... phát sinh trong quá trình tồn trữ, lưu thông, phân phối hàng hóa.

Phòng Tài chính – Kế toán:

Thu nhận và cung cấp các thông tin dưới đây, nhằm giúp cho lãnh đạo Công ty đánh giá được kết quả hoạt động kinh tế và các biện pháp quản lý thực hiện; quản lý chặt chẽ tài sản, ngăn ngừa kịp thời mọi hành vi gây tổn hại đến tài sản của Công ty và kiểm tra được việc thực hiện nguyên tắc hạch toán kinh doanh trong Công ty. Các thông tin đó bao gồm:

- Thông tin về hoạt động kinh tế, tài chính của Công ty.
- Thông tin về sổ hiện có và tình hình luân chuyển của từng loại tài sản thuộc Công ty.
- Thông tin về các nội dung văn bản pháp lý Nhà nước, có liên quan đến công tác kế toán, tài chính doanh nghiệp.
- Thực hiện kiểm tra nội bộ và cung cấp tài liệu, phục vụ cho việc kiểm tra, kiểm soát của các cơ quan có thẩm quyền đối với hoạt động kinh tế, tài chính của Công ty.
- Tham mưu và xây dựng các kế hoạch, các phương án về tài chính để tạo nguồn vốn đồng thời thực hiện việc cân đối, bảo toàn nguồn vốn, nhằm duy trì và phát triển hoạt động kinh tế của Công ty.
- Tổ chức hạch toán, làm các báo cáo gửi cơ quan Nhà nước.

- Tuân thủ pháp luật về kế toán và các nghĩa vụ với Nhà nước về thuế.

Phòng Hành chính nhân sự:

Đảm nhận công tác nhân sự, chế độ chính sách, hành chính, văn thư, y tế, vệ sinh và các dịch vụ quản trị của Công ty theo quy định của Pháp luật và của Công ty.

- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc công tác tổ chức, nguồn lực, đào tạo.
- Quản lý lao động, tiền lương cán bộ nhân viên.
- Xây dựng và thực hiện kế hoạch, chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên.
- Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn lao động, vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ trong Công ty.
- Xây dựng và tổ chức thực hiện trực tiếp kế hoạch bảo trì, sửa chữa hệ thống cơ điện lạnh, thiết bị trong Công ty.
- Quản lý công tác quản trị khác.

Phòng công nghệ thông tin (CNTT):

Triển khai công tác ứng dụng công nghệ thông tin, bảo mật thông tin trong hoạt động của Công ty, đảm bảo theo quy trình làm việc của Công ty và đúng với quy định của Nhà nước.

Phòng Marketing:

- Xây dựng kế hoạch, phát triển hình ảnh, thương hiệu và quảng bá sản phẩm/dịch vụ Công ty ra thị trường;
- Xây dựng và thực hiện các chiến lược marketing;
- Triển khai thực hiện, đánh giá các chương trình quảng bá sản phẩm được ban Tổng Giám đốc phê duyệt.
- Thiết lập mối quan hệ với các bên báo chí, truyền thông

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối trong 2 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

5.1 Công ty mẹ của Tổ chức phát hành

Không có.

5.2 Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành

Không có.

5.3 Danh sách công ty con, công ty mà Tổ chức phát hành nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối và công ty liên kết

Không có.

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ

YTECO chính thức chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần từ ngày 01/08/2001 với số vốn điều lệ là 28.000.000.000 đồng. Kể từ khi trở thành công ty cổ phần đến nay, YTECO chỉ trải qua quá trình tăng vốn điều lệ (không phát sinh giảm vốn điều lệ). Quá trình tăng vốn từ khi chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần của YTECO như sau:

Bảng 2: Quá trình tăng vốn điều lệ của YTECO

DVT: triệu đồng

Thời điểm	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau khi tăng	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp phép/phê duyệt	Ý kiến đơn vị kiểm toán
07/08/2017	2.800	30.800	Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu	<p>Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 ngày 13/05/2017</p> <p>Ủy ban Chứng khoán Nhà nước</p> <p>Công văn số 3376/UBCK-QLCB ngày 30/05/2017</p> <p>Công văn số 4881/UBCK-QLCB ngày 13/07/2017</p> <p>Sở KHĐT TP. Hồ Chí Minh</p> <p>Giấy CNDKKD số 0302366480 lần thứ 24 ngày 07/08/2017</p>	Không có

(Nguồn: YTECO)

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác

Trong 02 năm liên tục trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm 30/09/2023, Công ty không có các khoản góp vốn, thoái vốn có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính kiểm toán hoặc soát xét gần nhất của YTECO tại thời điểm thực hiện.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1 Cổ phiếu phổ thông

- Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 3.080.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 3.080.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông của YTECO tại thời điểm 18/05/2023

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông trong nước	215	3.046.200	98,90
1	Tổ chức	3	1.656.741	53,79
2	Cá nhân	212	1.389.459	45,11
II	Cổ đông nước ngoài	3	33.800	1,10
1	Tổ chức nước ngoài, tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	-	-	-
2	Cá nhân	3	33.800	1,10
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
	Tổng cộng	218	3.080.000	100

(Nguồn: Danh sách cổ đông của YTECO do VSD lập ngày 18/05/2023)

8.2 Cổ phiếu ưu đãi

Không có.

8.3 Các loại chứng khoán khác

Không có.

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại YTECO theo quy định pháp luật: 0% (căn cứ văn bản số 5798/UBCK-PTIT ngày 29/08/2022 của UBCKNN).
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại YTECO theo Nghị quyết của DHDCD và quy định tại Điều lệ: Không quy định.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại YTECO tính đến thời điểm 24/01/2024 theo thông tin về số liệu sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội: 1,1%. (Link: https://owa.hnx.vn/ftp//PORTALNEW/HEADER_IMAGES/20240124/24012024%20up.pdf)

10. Hoạt động kinh doanh

10.1 Đặc điểm hoạt động kinh doanh

10.1.1 Hoạt động kinh doanh chính

❖ Dịch vụ phân phối dược phẩm

YTECO thực hiện phân phối dược phẩm qua các kênh: Đầu thầu; Nhà thuốc bệnh viện; Phòng khám (có nhà thuốc); Nhà thuốc bán lẻ; Chợ thuốc sĩ.

Sản phẩm do Công ty phân phối gồm:

- Dược phẩm;
- Vắc-xin;
- Sinh phẩm;
- Vật tư y tế;
- Trang thiết bị y tế;
- Thực phẩm chức năng;
- Mỹ phẩm.

Hình 5: Một số sản phẩm điển hình do YTECO phân phối

Thuốc



EXEMEBIN 25MG

- Dạng bào chế: Viên nén bao phim 25mg
- Thành phần: Exemestane
- Quy cách: Hộp 01 vỉ x 30 viên



Axcel Paracetamol-120 Syrup (Cherry)

- Dạng bào chế: Sirup trái
- Thành phần: Paracetamol 120mg/ml
- Quy cách: Hộp 1 Chai 60ml



Axcel Paracetamol-250 Suspension Syrup (Orange)

- Dạng bào chế: Sirup trái
- Thành phần: Paracetamol 250mg/5ml
- Quy cách: Hộp 1 Chai 60ml



Axcel Diphenhydramine Paediatric Syrup

- Dạng bào chế: Sirup trái
- Thành phần: Diphenhydramine HCl, Ammonium Chloride
- Quy cách: Hộp 1 Chai 60ml



Axcel Loratadine Tablet

- Dạng bào chế: Viên nén
- Thành phần: Loratadine 10mg
- Quy cách: Hộp 1 vỉ x 10 viên (vỉ 1 vỉ)



Axcel Cetirizine Syrup

- Dạng bào chế: Sirup trái
- Thành phần: Cetirizine Hydrochloride
- Quy cách: Hộp 1 Chai 60ml



Axcel Erythromycin ES-200 Suspension

- Dạng bào chế: Sirup trái
- Thành phần: Erythromycin ES 200mg/5ml
- Quy cách: Hộp 1 Chai 60ml



Axcel Dicyclanil-5 Syrup

- Dạng bào chế: Sirup trái
- Thành phần: Dicyclanil HCl, Saccharin Sodium
- Quy cách: Hộp 1 Chai 60ml



Axcel Eviline Tablet

- Dạng bào chế: Viên nén
- Thành phần: Magnesium 200mg, Aluminium 200mg, Silicic acid 20mg
- Quy cách: Hộp 1 vỉ x 10 viên (vỉ 1 vỉ)



Vaxcel Heparin Sodium Injection 5000IU/ml

- Dạng bào chế: Dung dịch tiêm
- Thành phần: Heparin Sodium 5000IU/ml
- Quy cách: Hộp 1 vỉ x 10 ml



Axcel Hydrocortisone Cream

- Dạng bào chế: Bông kem
- Thành phần: Hydrocortisone HCl
- Quy cách: Hộp 1 tuýp



Axcel Fusidic Acid-B Cream

- Dạng bào chế: Bông kem
- Thành phần: Fusidic Acid, Methylparaben, Propylparaben, Benzylalcohol 20% (HPL)
- Quy cách: Hộp 1 tuýp



Axcel Fuzidic Cream

- Dạng bào chế: Dạng kem
- Thành phần: Fusidic acid 2%
- Quy cách: Hộp 1 tuýp



Axcel Miconazole cream

- Dạng bào chế: Dạng kem
- Thành phần: Miconazole 2%
- Quy cách: Hộp 1 tuýp



Axcel Fungicort Cream

- Dạng bào chế: Dạng kem
- Thành phần: Miconazole nitrate Hydrocortisone
- Quy cách: Hộp 1 tuýp



Axcel Urea Cream

- Dạng bào chế: Viên nén
- Thành phần: Urea 10%
- Quy cách: Hộp 1 Tuýp 20g



Kalmeco 500Mg

- Dạng bào chế: Viên nén
- Thành phần: Amphotericin B 500mg, Miconazole
- Quy cách: Hộp 10 vỉ x 10 viên



Angioten 50Mg

- Dạng bào chế: Viên nén
- Thành phần: Lisinapril
- Quy cách: Hộp 1 vỉ x 10 viên



Brainact 500mg inj

- Nồng độ thuốc
- Hộp 1 vỉ



Profertil

- Viên nén
- Hộp vỉ x 10 viên

Vật tư y tế



Kem điều trị vết thương HYALORA PLUS



Dung dịch hỗ trợ điều trị vết thương HYALORA SILVER - SILKY



Gel hỗ trợ điều trị vết thương HYALORA SKIN



Giấy ngăn ngừa và điều trị sẹo lồi Deramed



Khẩu trang Niosh N95

- Thương hiệu: Benha



Găng tay y tế có bột Super Care

Thực phẩm chức năng



Nooid

- Hỗ trợ tăng cường sức khỏe
- Hộp 10 gói 10 viên



Bilus

- Hỗ trợ tăng cường sức khỏe
- Hộp 5 vỉ x 5 viên



Pepkibren

- Hỗ trợ tăng cường sức khỏe
- Hộp 210g



Citical O-Dex

- Hỗ trợ tăng cường sức khỏe
- Hộp 3 vỉ x 10 viên



Nutrican-Vj Dầu

- Hỗ trợ tăng cường sức khỏe
- Hộp 2x5g



Nephrisol-D-Hương Vanli

- Hỗ trợ tăng cường sức khỏe
- Dùng cho bệnh nhân suy thận mãn tính
- Hộp 10g



Citical 1000

- Hỗ trợ tăng cường sức khỏe
- Dùng cho bệnh nhân viêm khớp tay gối mãn tính do huyết áp
- Hộp 3 vỉ x 10 viên



Citical 500

- Hỗ trợ tăng cường sức khỏe
- Dùng cho bệnh nhân viêm khớp gối mãn tính do huyết áp
- Hộp 3 vỉ x 10 viên

Thiết bị y tế



Máy đo Huyết áp bắp tay UA-651BLE



Máy đo Huyết áp bắp tay Bluetooth UA-1200BLE



Vòng bit Smoothfit cho máy đo huyết áp AND



Vòng bit Silmit cỡ nhỏ cho máy đo huyết áp AND



Bao đeo khuỷu tay Tennis với miếng đệm bên trong lõi Dr.MED DR-E001



Nẹp ngón tay số 4 Dr.MED DR-W132-8



Nẹp ngón tay giữa Dr.MED DR-W132-2



Bao đeo nẹp ngón tay cái Dr.MED DR-W132-1



Bao gối với dây đai chéo mô bên dưới Dr.MED DR-K053



Bao đeo đầu gối với miếng đệm gân bánh chè Dr.MED DR-K142



Bao đeo đầu gối với miếng đệm hỗ trợ xương bánh chè Dr.MED DR-K007



Đai nẹp đầu gối khóa pin Dr.MED DR-K016



Nẹp gối dài Dr.MED DR-K105

Nẹp gối dài Dr.MED DR-K105



Đai nịt bụng 2 tấm Dr.MED DR-B123

Đai nịt bụng 2 tấm Dr.MED DR-B123



Đai nịt bụng 3 tấm Dr.MED DR-B126

Đai nịt bụng 3 tấm Dr.MED DR-B126



Đai lưng dây đeo hỗ trợ eo Dr.MED DR-B003

Đai lưng dây đeo hỗ trợ eo Dr.MED DR-B003



Que thử đường huyết EASYMAX hộp 50 que dạng que



Que thử đường huyết EASYMAX Hộp 50 que dạng que

Que thử đường huyết EASYMAX Hộp 50 que dạng que



Máy xông khí dung AND UN-014

Máy xông khí dung AND UN-014



Máy đo huyết áp AND UM-211

Máy đo huyết áp AND UM-211



Nhiệt kế hồng ngoại LEPU LFR50B

Nhiệt kế hồng ngoại LEPU LFR50B



Máy đo nồng độ oxy trong máu đầu ngón tay LEPU LOX100A

Máy đo nồng độ oxy trong máu đầu ngón tay LEPU LOX100A



Cân sức khỏe điện tử AND UC-502

Cân sức khỏe điện tử AND UC-502



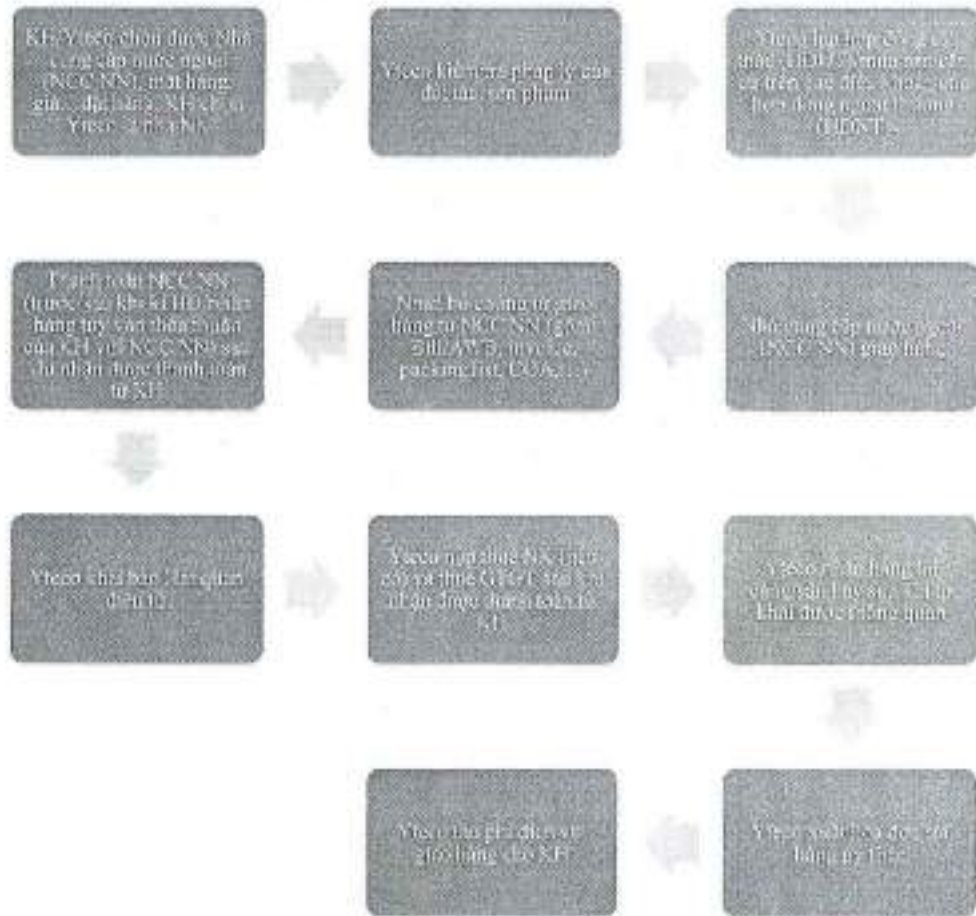
Nhiệt kế hồng ngoại đa chức năng AND UT-801

Nhiệt kế hồng ngoại đa chức năng AND UT-801

(Nguồn: YTECO)

- Quy trình thực hiện dịch vụ phân phối dược phẩm: Quy trình thực hiện ở hoạt động này là việc tuân thủ các điều kiện điều khoản theo hợp đồng đã ký kết với đối tác, đảm bảo đúng tiến độ hợp đồng.
- Công nghệ áp dụng: Không có
- ❖ **Dịch vụ xuất nhập khẩu ủy thác**
- Xin giấy phép nhập khẩu thuốc quý hiếm, thuốc cấp cứu, thuốc chống độc, thuốc kiểm soát đặc biệt...;
- Công bố đủ điều kiện kinh doanh, lưu hành trang thiết bị - vật tư y tế;
- Xuất nhập khẩu vắc-xin, dược phẩm, sinh phẩm y tế, nguyên liệu dược, trang thiết bị y tế, vật tư y tế, thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung...;
- Hỗ trợ, tư vấn khách hàng ký kết hợp đồng mua bán từ các nhà cung cấp nước ngoài đạt hiệu quả tối ưu dựa trên quy chế chuyên ngành của Bộ Y tế và điều kiện thương mại quốc tế;
- Hỗ trợ công tác kê khai giá thuốc, trang thiết bị-vật tư y tế;
- Khai thuế hải quan;

- Dịch vụ in và dán nhãn phụ, tem nhập khẩu chuyên nghiệp;
- Phí dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu hợp lý, linh hoạt.
- Quy trình thực hiện dịch vụ nhập khẩu ủy thác:



- Công nghệ áp dụng: Không có

❖ **Dịch vụ vận chuyển**

YTECO cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng các phương tiện vận tải đường bộ như xe tải, xe máy theo tiêu chuẩn GDP với nhiều khung thời gian và tuyến giao hàng theo các ngày trong tuần, các buổi trong ngày, theo lịch cố định và cả những trường hợp khẩn cấp khi có yêu cầu, với đội ngũ xe tải đa dạng về tải trọng từ 500 kg đến 3 tấn. Có 02 loại hình:

- Dịch vụ vận chuyển hàng hóa sau khi thông quan từ các cảng/sân bay về đến kho YTECO;
- Dịch vụ vận chuyển hàng hóa từ kho YTECO đến kho khách hàng/đối tác.

Hình 6: Đội ngũ xe tải của YTECO



- Quy trình thực hiện dịch vụ vận chuyển:



- Công nghệ áp dụng: Không có

❖ **Dịch vụ lưu trữ GSP**

YTECO cung cấp dịch vụ lưu trữ ở nhiều khoản nhiệt độ phù hợp với từng loại dược phẩm, thực phẩm chức năng, vắc-xin, sinh phẩm và trang thiết bị y tế.

Hệ thống kho:

- Địa chỉ: Số 24 đường số 17, Khu phố 3, Phường Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức, TP. HCM
- Diện tích: gần 8.745 m² với sức chứa trên 2.150 pallet.
- Hệ thống kho đạt tiêu chuẩn GSP.
- Trang thiết bị:

- Hệ thống kệ Selective được lắp đặt từ 3-5 tầng. Mỗi tầng kệ có khả năng chịu tải từ 500 kg đến 1.000kg/pallet.
- Xe nâng điện hiện đại, nâng cao đến 7,5m.
- Hệ thống điều hòa nhiệt độ trung tâm giúp cho nhiệt độ luôn đảm bảo, ổn định và đồng đều.
- Phòng lấy mẫu đạt tiêu chuẩn GMP.

Kho trung chuyển

- Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM
- Vị trí kho rất thuận tiện cho việc phân phối hàng hóa đến các Bệnh viện, Công ty, Nhà thuốc trong nội thành TP.HCM.
- Nhiệt độ kho đáp ứng điều kiện lưu trữ ở nhiều khoản nhiệt độ phù hợp với từng loại dược phẩm, thực phẩm chức năng, vắc-xin, sinh phẩm & trang thiết bị y tế.

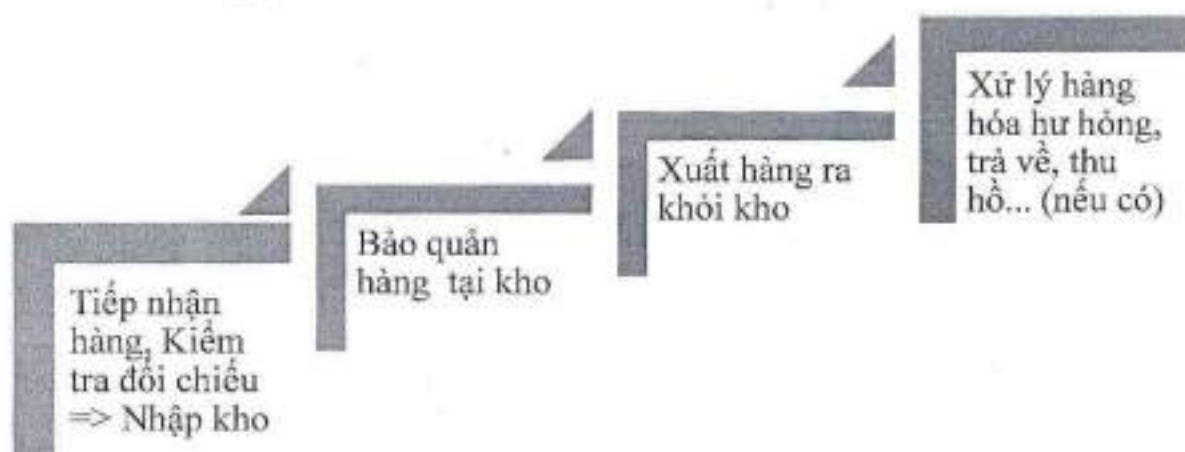
Hệ thống kho lạnh

- Địa chỉ: Số 24 đường số 17, khu phố 3, Phường Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức, TP.HCM.
- Hệ thống kho lạnh được trang bị hệ thống theo dõi, ghi nhận và cảnh báo nhiệt độ tự động.

Hình 7: Hình ảnh hệ thống kho của YTECO



- Quy trình thực hiện dịch vụ lưu trữ GSP: Thực hiện theo hướng dẫn tại phụ lục I thông tư 36/2018/TT-BYT ngày 22/11/2018.



- Công nghệ áp dụng: Tuân thủ nghiêm ngặt theo hướng dẫn tại phụ lục I thông tư 36/2018/TT-BYT ngày 22/11/2018:
 - + Cơ sở hạ tầng kho thiết kế và xây dựng theo tiêu chuẩn chung của GSP;
 - + Khu vực bảo quản sử dụng hệ thống điều hòa trung tâm để duy trì nhiệt độ trong kho, kho lạnh, kho mát sử dụng hệ thống làm lạnh riêng, kho bảo quản vắc xin ở điều kiện lạnh âm sâu với hệ thống làm lạnh riêng được thiết kế chuyên dụng, có chuông cảnh báo và nhiệt kế ghi tự động;
 - + Hệ thống phòng cháy chữa cháy hoàn toàn tự động;
 - + Sử dụng thiết bị nhiệt ẩm kế tự ghi (data logger tự động) để theo dõi nhiệt ẩm độ;
 - + Sử dụng hệ thống camera để theo dõi các hoạt động 24/24;
 - + Trang bị máy phát điện dự phòng đầy đủ;
 - + Sử dụng phần mềm quản lý online trong hoạt động bảo quản.

10.1.2. Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của YTECO diễn ra đều đặn liên tục trong năm và không có tính thời vụ cố định.

10.1.3. Sản lượng, giá trị dịch vụ qua các năm

Bảng 4: Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty

DVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Kinh doanh, phân phối dược phẩm	586.893	97,13%	652.451	95,93%	527.876	94,88%
2	Dịch vụ xuất nhập khẩu ủy thác	14.153	2,34%	19.926	2,93%	21.902	3,94%
3	Dịch vụ lưu trữ, vận chuyển	3.219	0,53%	7.770	1,14%	6.607	1,18%
	Tổng cộng	604.265	100%	680.147	100%	556.385	100%

(Nguồn: YTECO)

Bảng 5: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty

DVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Kinh doanh, phân phối dược phẩm	39.441	75,18%	37.967	61,57%	36.024	58,75%
2	Dịch vụ xuất nhập khẩu ủy thác	11.028	21,02%	16.430	26,64%	19.040	31,05%
3	Dịch vụ lưu trữ, vận chuyển	1.995	3,80%	7.266	11,78%	6.250	10,19%
	Tổng cộng	52.464	100%	61.663	100%	61.314	100%

(Nguồn: YTECO)

10.2 Tài sản

Bảng 6: Tình hình tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2022

DVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại
1	Tài sản cố định hữu hình	77.024	43.700	56,74%
1.1	Nhà cửa, vật kiến trúc	62.051	38.171	61,52%
1.2	Máy móc, thiết bị	6.715	4.336	64,58%
1.3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3.935	652	16,56%

TT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại
1.4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	3.320	189	5,70%
1.5	Tài sản cố định khác	1.002	351	35,06%
2	Tài sản cố định thuê tài chính	3.566	1.955	54,83%
2.1	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3.566	1.955	54,83%
3	Tài sản cố định vô hình	9.428	6.109	64,80%
3.1	Quyền sử dụng đất	3.500	3.500	100,00%
3.2	Chương trình phần mềm máy vi tính	5.838	2.519	43,15%
3.3	Website	90	90	100,00%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022)

Bảng 7: Tình hình tài sản cố định hợp nhất tại thời điểm 31/12/2023

DVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại
1	Tài sản cố định hữu hình	77.177	41.486	53,75%
1.1	Nhà cửa, vật kiến trúc	63.425	36.586	57,68%
1.2	Máy móc, thiết bị	6.715	3.944	58,73%
1.3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2.714	519	19,12%
1.4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	3.320	126	3,80%
1.5	Tài sản cố định khác	1.002	311	31,04%
2	Tài sản cố định thuê tài chính	3.566	1.670	46,83%
2.1	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3.566	1.670	46,83%
3	Tài sản cố định vô hình	9.428	5.629	59,71%
3.1	Quyền sử dụng đất	3.500	3.500	100,00%
3.2	Chương trình phần mềm máy vi tính	5.838	2.057	35,23%
3.3	Website	90	72	80,00%

(Nguồn: BCTC tự lập năm 2023)

Bảng 8: Một số tài sản lớn của YTECO tại thời điểm 31/12/2023

DVT: Triệu đồng

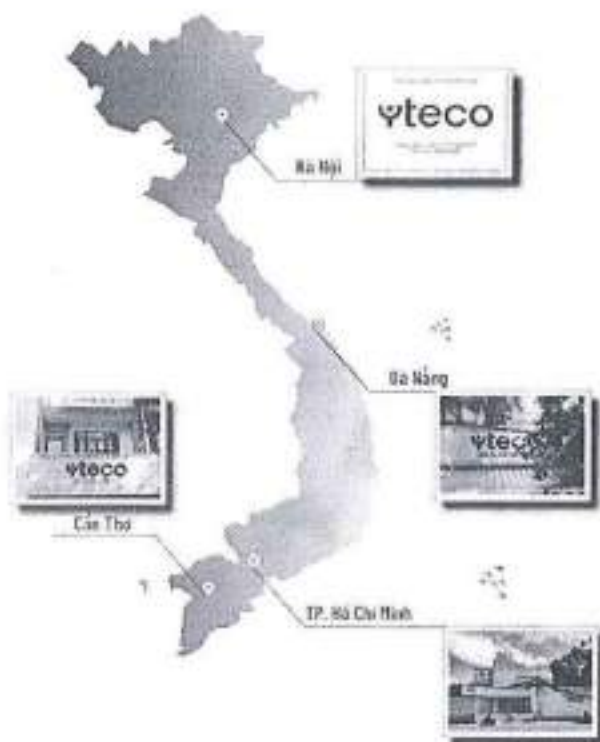
TT	Tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại/ Nguyên giá
1	Nhà số 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM	2.753	-	//
2	Kho hàng tại địa chỉ 24 đường 17, Phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	1.592	-	//
3	Hệ thống kho GSP tại kho Thủ Đức	35.354	23.422	66,25%
4	Nhà Cần Thơ, 283 đường Tú Xương, KV2, Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	2.321	1.915	82,51%
5	Máy phát điện Cummins 500KVA	1.491	988	66,26%
6	Hệ thống điện năng lượng mặt trời	3.407	2.404	70,56%
7	Xe Toyota Fortuner 7 chỗ 51F-36211	1.272	-	//
8	Quyền sử dụng đất chi nhánh Cần Thơ, 283 đường Tú Xương, KV2, Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	3.500	3.500	100,00%
9	Phần mềm Patsoft	2.184	510	23,35%
10	Phần mềm Bravo	1.658	1.451	87,52%
Tổng cộng		55.532	34.190	61,57%

(Nguồn: YTECO)

10.3 Thị trường hoạt động

Thị trường hoạt động của Công ty rộng khắp trên cả nước. Tuy nhiên, tập trung chủ yếu tại các thành phố lớn như: Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng, Cần Thơ,... Do đó doanh thu, lợi nhuận trong nước chiếm 100%; doanh thu, lợi nhuận tại nước ngoài chiếm 0%.

Hình 8: Thị trường hoạt động của YTECO



(Nguồn: YTECO)

10.4 Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

10.4.1 Tình hình đầu tư

Công ty chủ yếu đầu tư vào các tài sản cố định như cải tạo, nâng cấp hệ thống kho lưu trữ sản phẩm, phần mềm quản lý, ... để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Tình hình đầu tư của Công ty trong 2 năm qua như sau:

Bảng 9: Tình hình đầu tư của Công ty các năm gần đây

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Năm 2022	Năm 2023	Tỷ lệ so sánh 2023/2022 (lần)
1	Cải Tạo kho A, B tại TP. Thủ Đức	-	-	//
2	Lắp đặt kho lạnh tại TP. Thủ Đức	-	-	//
3	Xe ô tô tái hiệu Thaco	-	-	//
4	Hệ thống Phòng cháy chữa cháy	-	-	//

TT	Danh mục dự án	Năm 2022	Năm 2023	Tỷ lệ so sánh 2023/2022 (lần)
5	Hàng rào mới tại kho Thủ Đức	291	-	//
6	Website Công ty	90	-	//
7	Phần mềm Bravo	1.658	-	//
8	Dự án cao ốc văn phòng và kho tại địa chỉ 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM	-	15.865	//
	Tổng cộng	2.039	15.865	7,78

(Nguồn: YTECO)

❖ **Kế hoạch đầu tư năm 2023 chủ yếu tập trung xây dựng dự án Cao ốc văn phòng và kho YTECO:**

- **Quy mô dự án:**

- 3 tầng hầm, 1 trệt, 11 lầu và tum thang;
- Chiều cao: 49,8 m;
- Tổng diện tích sàn: 9.811,71 m²;
- Mật độ xây dựng: 57,1%
- Hệ số sử dụng đất: 6,91%
- Tổng mức đầu tư: 245.392.000.000 đồng

- **Hồ sơ pháp lý dự án:**

- Quyết định số 785/QĐ-UB ngày 26/02/2022 của UBND TP. Hồ Chí Minh về việc cho thuê đất.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00078/1aQSDĐ/1914/UB ngày 10/06/2022 do UBND TP. Hồ Chí Minh cấp.
- Hợp đồng thuê đất số 7753/HĐTD-GTD ngày 03/07/2022 giữa Sở địa chính-nhà đất TP. Hồ Chí Minh và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thông báo số 4696/TB-CTTP.HCM ngày 22/03/2023 của Cục Thuế TP. Hồ Chí Minh về đơn giá thuê đất.

- Công văn thông tin quy hoạch số 3361/SQHKT-QHKTT ngày 24/08/2007 của Sở Quy hoạch Kiến trúc.
- Công văn thông tin quy hoạch số 3016/ SQHKT-QHKTT ngày 29/08/2020 của Sở Quy hoạch Kiến trúc.
- Thông báo số 6621/SXD-CPXD ngày 07/06/2022 của Sở Xây dựng TP. Hồ Chí Minh về kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Cao ốc văn phòng và kho tại số 181 đường Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, quận 3.
- Giấy phép xây dựng số 65/GPXD ngày 11/11/2022 do Sở Xây dựng TP. Hồ Chí Minh cấp.
- Giấy chứng số 62//TD-PCCC ngày 14/01/2021 của Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy, chữa cháy.
- Công văn số 533/TD-PCCC ngày 29/07/2022 của Phòng Cảnh sát Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thẩm duyệt về phòng cháy, chữa cháy đối với hồ sơ thiết kế điều chỉnh.
- Giấy xác nhận số 09/GXN-UBND ngày 14/10/2020 của UBND Quận 3 về việc đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường.
- Văn bản số 13622/SGTVT-KT ngày 16/11/2020 của Sở Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh về phương án tổ chức kết nối giao thông công trình.
- Văn bản số 287/TTHT-HTTN ngày 20/01/2021 của Trung tâm Hạ tầng kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh về việc hướng tuyến thoát nước.
- Văn bản số 3791/PCSG-KTAT ngày 21/10/2020 của Công ty Điện lực Sài Gòn về thỏa thuận đảm bảo cung cấp điện.
- Văn bản số 039/CNBT-QL.GNKDI ngày 06/01/2021 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành về thỏa thuận đấu nối cấp nước.
- Dự toán chi phí cho giai đoạn thiết kế kỹ thuật số HD/YTECO/VQS/01 ngày 03/03/2023 của Công ty TNHH VinaQS.

Tiến độ thực hiện:

- Ngày 18/06/2023, YTECO đã làm lễ khởi công xây dựng Dự án Cao ốc văn phòng và kho tại địa chỉ 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.
- Ngày 31/12/2023, YTECO đã hoàn thành 100% tường vây, 100% hoàn thành phần cọc đại trà và cọc biện pháp và cọc móng cầu tháp.

Thời gian hoàn thành dự kiến: tháng 4 năm 2025.

Dự án tòa nhà sau khi hoàn thiện sẽ nhằm mục tiêu làm văn phòng, kho phục vụ kinh doanh ngoài ra Công ty cũng cho thuê phần diện tích trống còn lại. Với vị thế trung tâm giao lộ

Nguyễn Đình Chiêu - Cách Mạng Tháng Tám, Công ty tin rằng tòa nhà sẽ là nơi nhiều đơn vị tìm kiếm để làm văn phòng do đó sẽ mang lại cho Công ty thêm nguồn thu nhập đáng kể đồng góp cải thiện tình hình kinh doanh chung của Công ty.

10.4.2 Hiệu quả đầu tư, hiệu quả kinh doanh, cung cấp dịch vụ

Bảng 10: Hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty qua các năm

DVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Doanh thu thuần	604.265	680.147	556.385
-	Doanh thu bán hàng hóa	586.893	652.451	527.876
-	Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.372	27.696	28.509
2	Lợi nhuận sau thuế	9.580	31.996	7.110

(Nguồn: YTECO, BCTC kiểm toán năm 2022 và BCTC tự lập năm 2023 của YTECO)

(Phần còn lại của trang được cố ý để trống)

10.5 Các hợp đồng lớn

Bảng 11: Các hợp đồng lớn đã thực hiện, đã ký kết và chưa thực hiện trong năm 2022 và năm 2023

TT	Tên hợp đồng	Đối tác	Sản phẩm/ dịch vụ (đầu ra, đầu vào)	Đơn vị tính	Giá trị hợp đồng	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, cổ đông lớn (nếu có)	Các điều khoản quan trọng khác trong Hợp đồng
I	Hợp đồng bán hàng (sản phẩm, dịch vụ đầu ra)								
01	256B/2022/YTC-HĐMB/KD	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM THANH AN	Cefpodoxime	VNĐ	3.000.000.000,00	30/11/2022	Từ tháng 03/2023 đến tháng 01/2024	Không có	Không có
02	011/2021/YTC/XNK-KD (PO 22-19/RG-YTE)	CÔNG TY TNHH DƯỢC KIM ĐỒ	POSTINOR-1	VNĐ	14.700.141.657,00	22/10/2021	Tháng 02/2022	Không có	Không có
03	011/2021/YTC/XNK-KD (PO 22-22/RG-YTE)	CÔNG TY TNHH DƯỢC KIM ĐỒ	REGULON	VNĐ	19.999.254.177,00	22/10/2021	Tháng 02/2022	Không có	Không có
04	127/AGTVTYT-BVĐN2	CÔNG TY CỔ PHẦN BV ĐÔNG NAI-2	Bộ xét nghiệm tầm soát ung thư cổ tử cung CyPrep Pap test	VNĐ	3.664.500.000,00	19/05/2021	Kể từ ngày ký	Không có	Không có
05	105M/2023/YTC/XNK/UT	CÔNG TY TNHH TM DP THIÊN KIM	BASULTAM	USD	342,380	26/04/2023	Sau tháng 12.2023	Không có	Không có

TT	Tên hợp đồng	Đối tác	Sản phẩm/ dịch vụ (đầu ra, đầu vào)	Đơn vị tính	Giá trị hợp đồng	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, cổ đông lớn (nếu có)	Các điều khoản quan trọng khác trong Hợp đồng
06	266/2023/YTC/XNK/UT	CÔNG TY CP DP HƯỚNG VIỆT	Follitrope Prefilled Syringe, IVF	USD	3,147,704.00	13/12/2023	Tháng 12.2023 và 01.2024	Không có	Không có
II	Hợp đồng mua hàng (sản phẩm, dịch vụ đầu vào)								
01	12-23-OP1	LG CHEM, LTD	Follitrope Prefilled Syringe, IVF	USD	3.109.591,50	13/12/2023	Không trễ hơn 10/01/2024	Không có	Không có
02	03-23/BHC-YTECO	BRIDGE HEALTHCARE PTY LTD	BRIOZCAL	AUD	292.679,4	26/10/2023	Từ 10/2023 đến 10/2024	Không có	Không có
03	MED20230529001	SUZHOU YUBETTER MEDICAL APPARATUS CO., LTD	LOCKING SCREW, MULTI-AXIAL, DISTAL RADIUS,...	USD	357.370	29/05/2023	Tháng 06.2023	Không có	Không có

(Nguồn: YTECO)

10.6 Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

Bảng 12: Các khách hàng, nhà cung cấp lớn trong năm 2022 và năm 2023

TT	Đối tác	Sản phẩm/Dịch vụ	% Giá trị giao dịch trên doanh thu/doanh số mua hàng	Thời gian giao dịch	Mối quan hệ với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, cổ đông lớn (nếu có)
1	Khách hàng lớn				
1	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM TÂM AN	SODIUM STARCH GLYCOLATE, DST; MICROCRYSTALLINE CELLULOSE,...	20%	2023	Không có
2	CÔNG TY TNHH DƯỢC KIM ĐỒ	HUMER SEVERELY BLOCKED NOSE SINUSITIS COLD-SPRAY 15ML HUMER STOP VIRUS 15ML Postinor-1 1,5mg H/1*1,...	16%	2023	Không có
3	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM FPT LONG CHÂU	MAY DO HUYET AP BAP TAY, MODEL: UA-611 MAY DO HUYET AP BAP TAY UA-1020 H/1CAL,...	8%	2023	Không có
4	CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH STELLAPHARM – CHI NHÁNH 1	Nguyên liệu sản xuất thuốc / Amlodipine Besilate,...	5%	2023	Không có
5	CÔNG TY TNHH TM - XNK THIÊN KIM	VAXCEL HEPARIN SODIUM INJECTION 5000IU/ML Hộp 10 lọ 5ML,...	3%	2023	Không có
6	CÔNG TY TNHH DƯỢC KIM ĐỒ	MEDOCEF 1G Hộp 50 lọ Postinor-1 1,5mg H/1*1,...	25%	2022	Không có
7	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM TÂM AN	LOW SUBSTITUTED HYDROXYPROPYL CELLULOSE (L-HPC LH-11) MICROCRYSTALLINE CELLULOSE,...	20%	2022	Không có
8	CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH STELLAPHARM – CHI NHÁNH 1	Nguyên liệu sản xuất thuốc / Amlodipine Besilate Nguyên liệu sản xuất thuốc / Enalapril Maleate	5%	2022	Không có
9	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ HOÀNG GIA	Iopamiro,....	4%	2022	Không có

TT	Đối tác	Sản phẩm/Dịch vụ	% Giá trị giao dịch trên doanh thu/doanh số mua hàng	Thời gian giao dịch	Mối quan hệ với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, cổ đông lớn (nếu có)
10	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM FPT LONG CHÂU	MAY DO HUYET AP BAP TAY,...	3%	2022	Không có
II	Nhà cung cấp lớn				
1	LG CHEM, LTD	Follitrope Prefilled Syringe, IVF...	33%	2023	Không có
2	GROWENA IMPEX COMPANY	BASULTAM,...	15%	2023	Không có
3	NEO UNICAP CO., TD.	HYDROXYPROPYL METHYLCELLULOSE SUSTAINED RELEASE, MICROCRYSTALLINE CELLULOSE	6%	2023	Không có
4	SEPTODONT	Lignospan Standard Septanest with Adrenaline 1/100.000	6%	2023	Không có
5	CÔNG TY TNHH IMCD VIỆT NAM	Nguyên liệu sản xuất thuốc / Amlodipine Besilate,...	4%	2023	Không có
6	MEDOCHEMIE LTD.	MEDOCEF 1G Hộp 50 lọ	2%	2023	Không có
7	LG CHEM, LTD	Follitrope Prefilled Syringe, IVF...	26%	2022	Không có
8	GROWENA IMPEX COMPANY	BASULTAM,...	19%	2022	Không có
9	NEO UNICAP CO., TD.	HYDROXYPROPYL METHYLCELLULOSE SUSTAINED RELEASE, MICROCRYSTALLINE CELLULOSE	7%	2022	Không có
10	FUQING LINKAGE IMPORT & EXPORT CO.,LTD.	Lo Fuqing Linkage,...	5%	2022	Không có
11	GEDEON RICHTER PLC.	RIGEVIDON,...	5%	2022	Không có

(Nguồn: YTECO)

10.7 Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành

❖ **Vị thế của Tổ chức phát hành so với các công ty trong ngành:**

YTECO là một trong những doanh nghiệp được thành lập sớm ở Việt Nam từ năm 1984, chủ yếu nhập khẩu những mặt hàng thiết yếu cho ngành y tế của TP. Hồ Chí Minh.

Là 1 trong 5 doanh nghiệp được Bộ Y tế giao nhiệm vụ xuất khẩu, nhập khẩu và cung ứng thuốc gây nghiện, thuốc hướng tâm thần, tiền chất dùng làm thuốc (Thông tư số: 19/2014/TT-BYT).

Với lịch sử hoạt động lâu năm từ 1984 cho đến nay, là một thương hiệu được nhiều bệnh viện, khách hàng tin tưởng, đánh giá cao về dịch vụ, về chất lượng sản phẩm. Điều này tạo ra rất nhiều thuận lợi cho việc phát triển các sản phẩm mới, thị trường mới.

❖ **Triển vọng phát triển của ngành:**

Báo cáo “The Global Use of Medicines 2022” của IQVIA chỉ ra Việt Nam là một trong 17 nước có tốc độ tăng trưởng thị trường dược phẩm nhanh nhất thế giới. Theo Fitch Solutions, quy mô ngành dược tại Việt Nam dự đoán đạt 16,1 tỷ USD vào năm 2026 so với hơn 7,7 tỷ USD vào năm 2021, với tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) giai đoạn 2021-2026 là 11%. Tiềm năng tăng trưởng này đến từ sự thay đổi thói quen sức khỏe và xu hướng phát triển của dân số Việt Nam. Cụ thể, theo Tổng cục Thống kê về Tổng điều tra dân số và nhà ở, Việt Nam là quốc gia có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất thế giới khi ghi nhận tổng dân số tăng trưởng trung bình 1,14%/năm thì dân số cao tuổi tăng tới 4,35%/năm. Người trên 60 tuổi chiếm hơn 12% dân số năm 2022 và được dự báo sẽ đạt 28% vào năm 2050, tốc độ này hiện tại nhanh hơn so với Nhật Bản, Úc, Thái Lan và Pháp trong cùng thời kỳ già hóa. Mặt khác, theo Tổ chức Y tế Thế giới, tác động tích cực sau đại dịch COVID-19 là người dân sẽ có ý thức cao hơn trong việc chăm sóc và bảo vệ bản thân, đây được xem là phương pháp tích hợp toàn diện cho mọi người trên toàn cầu. Đồng thời khi thu nhập gia tăng, chỉ tiêu cho hoạt động chăm sóc sức khỏe nói chung và tiêu thụ dược phẩm bình quân đầu người cũng theo đó gia tăng.

Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ chức phát hành so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới

Càng ngày con người càng có ý thức cao hơn về việc chăm sóc và bảo vệ bản thân, gia tăng cho chỉ tiêu chăm sóc sức khỏe. YTECO định hướng phát triển vào thị trường bán lẻ thông qua hợp tác với các chuỗi nhà thuốc, tăng cường tập trung vào nhóm sản phẩm OTC đặc biệt là nhóm sản phẩm thiết bị chăm sóc sức khỏe dùng tại hộ gia đình và giữ vững vị thế trên kênh đầu thầu ETC. Định hướng hoạt động kinh doanh của YTECO phù hợp với xu thế chung trên thế giới.

10.8 Hoạt động Marketing

Mỗi công ty đều xây dựng cho mình một thương hiệu riêng, là yếu tố để xác định vị thế của

công ty trên thị trường và mang một sứ mệnh quan trọng hàng đầu quyết định sự thành công của công ty. Nhận thức được điều này, ngay từ những ngày đầu thành lập, YTECO đã đầu tư xây dựng thương hiệu để củng cố và phát triển vị thế của Công ty trên thị trường.

Công tác marketing luôn được Công ty lên kế hoạch và ngân sách hoạt động vào đầu mỗi năm. Các hoạt động marketing bao gồm:

- Chính sách sản phẩm: YTECO kinh doanh chủ yếu về dược phẩm và trang thiết bị vật tư y tế tiêu hao... về chính sách sản phẩm, Công ty tập trung vào: chất lượng sản phẩm sẽ được đặt lên ưu tiên hàng đầu, ngoài ra Công ty cũng chú trọng đa dạng hóa sản phẩm dòng hàng mua bán để khách hàng có nhiều lựa chọn mang đến sự chăm sóc tối ưu và phù hợp với nhiều phân khúc khách hàng.
- Chính sách chất lượng: Không ngừng nâng cao chất lượng về sản phẩm. Là đơn vị chuyên phân phối, do vậy YTECO luôn đánh giá đầu vào nhà cung cấp để có những sản phẩm chất lượng đảm bảo đáp ứng nhu cầu của khách hàng và phục vụ chăm sóc sức khỏe cộng đồng.
- Chính sách về dịch vụ khách hàng: Tìm hiểu và lắng nghe ý kiến khách hàng thông qua các phiếu thăm dò, phiếu thu thập ý kiến khách hàng vào dịp hội nghị, buổi giới thiệu sản phẩm hoặc nhân ngày kỷ niệm thành lập Công ty.
- Chính sách xúc tiến thương mại: Công ty áp dụng chính sách khuyến mãi, do đặc thù của thị trường nên hoạt động khuyến mãi được triển khai thường xuyên, nhằm chia sẻ lợi nhuận và sự gắn bó lâu dài giữa Công ty và khách hàng với nhiều hình thức như: tích điểm đổi quà, rút thăm trúng thưởng, tích lũy doanh thu...
- Quan hệ công chúng:
 - Tri ân khách hàng được diễn ra thường xuyên: chiết khấu ưu đãi, chương trình hội nghị khách hàng, tặng quà dân dịp Lễ/Tết.
 - Phối hợp chuỗi nhà thuốc lớn, bệnh viện trong các sự kiện chuyên sâu về sức khỏe, hội nghị tim mạch...
- Hệ thống nhận diện thương hiệu cũng được xây dựng hoàn chỉnh từ đồng phục nhân viên, bảng hiệu, các vật phẩm quảng cáo với màu sắc chủ đạo là màu xanh dương, trắng và đỏ.

Ngoài ra, nhằm tăng độ nhận diện thương hiệu, YTECO đã thường xuyên thực hiện các hoạt động, sự kiện sau:


- Giới thiệu sản phẩm mới kết hợp training được sĩ chuỗi nhà thuốc Long Châu tại khu vực Miền Nam (TP.HCM, Tây Ninh, Bà Rịa -Vũng Tàu, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Bình Thuận, Lâm Đồng)

- Giới thiệu sản phẩm tại khoa Nội tiết – Bệnh viện 115 ngày 20/05/2022
- Giới thiệu sản phẩm tại CJ Tower – ngày 15-16/06/2022
- Giới thiệu sản phẩm tại KS Pullman – ngày 31/12/2022
- Giới thiệu sản phẩm tại AB Tower – ngày 12-13/04/2023
- Giới thiệu sản phẩm tại KS New World – ngày 10/06/2023
- Hội nghị Nội tiết TP.HCM – ngày 27-28/08/2022
- Hội nghị Tim mạch toàn quốc – ngày 7-8-9/10/2022
- Hội nghị Đột quy tại Tầng 5 GEM Center – ngày 19-20/08/2023
- Hội nghị Đái tháo đường TP.HCM tại KS New World – ngày 26-27/08/2023
- Giới thiệu sản phẩm tại Tòa nhà Viettel ngày 11-12/10/2023
- Hội nghị "Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi Quận 11" ngày 29/10/2023
- Hội nghị "Ngày hội Đái tháo đường" ngày 11/11/2023
- Hội nghị "TECHCOMBANK MARATHON 2023" ngày 08/12/2023
- Hội nghị "Hội Thần kinh học Việt Nam" ngày 07/01/2024
- Giới thiệu sản phẩm tại TNR Tower ngày 17-18/01/2024
- Webinar (sự kiện trực tuyến):

Thời gian tổ chức	Sự kiện
29/05/2022	Webinar "Tăng huyết áp – Biểu chứng và cách phòng tránh"
03/07/2022	Webinar "Bạn đã kiểm soát đường huyết đúng cách?"
21/08/2022	Webinar "Giải pháp nào giúp người cao huyết áp "tự vệ" trước đột quy"
06/11/2022	Webinar "Cách nhận biết và "Tiêu chí vàng" trong xử lý đột quy"
13/11/2022	Webinar "Hành động để bảo vệ tương lai người bệnh đái tháo đường"
10/02/2023	Webinar "Theo dõi chỉ số đường huyết: Xưa và Nay"
26/02/2023	Webinar "Phát hiện Rung nhĩ – Phòng ngừa Đột quy"
27/04/2023	Webinar "Thế nào là bữa ăn lý tưởng cho người bệnh đái tháo đường"

Thời gian tổ chức	Sự kiện
24/06/2023	Webinar "Xua tan nỗi lo Hạ đường huyết"
22/07/2023	Webinar "Chung sống khỏe mạnh với bệnh Rung nhĩ"
16/09/2023	Webinar "Cần làm gì khi người thân mắc Đái tháo đường?"
27/10/2023	Webinar "Tầm soát đột quỵ: Phát hiện & phòng ngừa"
02/12/2023	Webinar "Bệnh đái tháo đường: Những hiểu lầm tai hại"
16/12/2023	Webinar "Nhận diện Tăng huyết áp - Kẻ giết người thầm lặng"

10.9 Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

- Tên thương mại: Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Thành Phố Hồ Chí Minh
- Tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài: HO CHI MINH CITY MEDICAL IMPORT EXPORT JOINT STOCK COMPANY
- Tên Công ty viết tắt: YTECO
- Biểu tượng logo của Công ty: 
- Website của Công ty: www.yteco.vn
- Tính đến thời điểm hiện tại, YTECO chưa có quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế nào.

10.10 Chính sách nghiên cứu và phát triển

❖ Giải pháp quản trị điều hành:

Công ty bắt đầu triển khai việc chuyển đổi số nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, đơn giản hóa các bước thực hiện công việc. Trong năm 2022, hệ thống ERP được đưa vào hoạt động nhằm hỗ trợ rất nhiều trong việc quản lý thông tin hoạt động kinh doanh, giúp Công ty nhanh chóng đưa ra các quyết định kinh doanh, quản lý công nợ hiệu quả, giảm thiểu rủi ro. Trong năm 2023 Công ty tiếp tục triển khai hệ thống Base nhằm số hóa quy trình làm việc và hướng tới xây dựng hệ thống ISO nhằm chuẩn hóa quy trình công việc nâng cao hiệu quả kinh doanh.

❖ ***Giải pháp phát triển thị trường:***

- Tích cực tìm kiếm các đối tác mới nhằm bổ sung danh mục sản phẩm tự doanh của Công ty. Về ngắn hạn, tập trung các dòng sản phẩm vật tư y tế và thiết bị y tế dành cho gia đình, và thuốc đã có giấy phép lưu hành tại Việt Nam nhằm đẩy mạnh hoạt động kinh doanh trong ngắn hạn. Về dài hạn, xây dựng danh mục thuốc nhập khẩu từ các đối tác cung cấp thuốc đến Châu Âu, Mỹ nhằm tránh cạnh tranh trực tiếp với các đối thủ có giá thành thấp đến từ Ấn Độ, Hàn Quốc v.v...
- Đối với thị trường bệnh viện, cần mở rộng danh mục hàng cung cấp cho bệnh viện nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động nhờ sự tối ưu về logistics, hồ sơ thủ tục, và quản lý công nợ.
- Tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng tại kho Thủ Đức nhằm nâng cao năng lực nhằm mở rộng hợp tác với các công ty đa quốc gia.
- Mở rộng các phương án hợp tác với các doanh nghiệp ở các tỉnh thành, nơi hệ thống phân phối của Công ty còn yếu hoặc chưa vươn tới.

❖ ***Giải pháp về tái cấu trúc, xây dựng nguồn nhân lực:***

- Tập trung xây dựng bộ máy nhân viên kinh doanh trực tiếp của Công ty nhằm hỗ trợ mảng kinh doanh sản phẩm tự doanh của Công ty.
- Xây dựng chính sách lương thưởng phù hợp với từng bộ phận, mang tính cạnh tranh với thị trường nhằm thu hút nhân sự có năng lực phù hợp.
- Nghiên cứu các Phương án vận chuyển nhằm tối ưu hóa mạng lưới phân phối. Đảm bảo công tác giao nhận và thu tiền về cho Công ty.

❖ ***Giải pháp về nguồn vốn, quản lý:***

- Rà soát, quản lý chặt chẽ chi phí vận hành, nhằm giảm thiểu các chi phí không đáng có.
- Tăng cường quản trị rủi ro để hoạt động doanh nghiệp an toàn và hiệu quả, đặc biệt chú trọng công tác quản lý công nợ và hàng tồn kho.
- Tích cực làm việc với các đối tác ngân hàng nhằm đảm bảo nguồn vốn lưu động phục vụ cho việc phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Công ty nhất thiết cần phải thực hiện việc tăng vốn để có thể đảm bảo một cấu trúc vốn hợp lý, đảm bảo sự ổn định nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh.

Dánh giá ảnh hưởng của chính sách này đối với tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành

Với các chính sách đã đề ra, Công ty đã tận dụng tốt các cơ hội, phát huy tối đa nguồn lực, lợi thế doanh nghiệp về nhân lực và kinh nghiệm quản trị, tiềm năng thị trường, cơ sở vật chất,... đã mang lại kết quả đáng được khích lệ khi thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đã đề ra.

10.11 Chiến lược kinh doanh

❖ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Qua hơn 39 năm hoạt động trong ngành dược với vai trò cung ứng cho hệ thống phòng ngừa và điều trị, Công ty luôn phấn đấu với mục tiêu trở thành doanh nghiệp đứng đầu về dịch vụ xuất nhập khẩu, ủy thác, dịch vụ cung ứng thuốc tại Việt Nam. Trong những năm vừa qua, YTECO không ngừng nỗ lực và phấn đấu để khẳng định vị thế và uy tín thương hiệu trên thị trường. Bên cạnh đó, nhờ vào sự quản trị và điều hành của đội ngũ điều hành mới từ năm 2020, YTECO đã dần đổi mới với nhiều kết quả tích cực. Đến với những năm tiếp theo, ban lãnh đạo Công ty đã đưa ra các mục tiêu chủ yếu sau:

- Hợp tác và xây dựng bền vững chuỗi giá trị ngành thuốc. Với vị trí là nhà phân phối trong chuỗi giá trị, Công ty thiết lập hợp tác với các nhà sản xuất và chuỗi phân phối bán lẻ nhằm hoàn thiện chuỗi giá trị YTECO: Sản xuất _ Nhà máy GMP -> Tồn trữ _ Kho GSP -> Phân phối _ Hệ thống cung ứng GDP -> Bán lẻ _ Chuỗi nhà thuốc GPP.
- Đẩy mạnh các chiến lược hoạt động kinh doanh theo định hướng vào thị trường bán lẻ thông qua hợp tác với các chuỗi nhà thuốc hiện đại như Long Châu, Pharmacity, An Khang,...
- Đẩy mạnh phát triển mạng lưới đối tác và khách hàng, mở rộng độ nhận diện thương hiệu của công ty trên thị trường, từ đó tăng cường tập trung vào nhóm sản phẩm OTC, đặc biệt là nhóm sản phẩm thiết bị chăm sóc sức khỏe dùng tại hộ gia đình.
- Tập trung giữ vững vị thế trên kênh đấu thầu ETC, mở rộng danh mục hàng cung cấp cho bệnh viện nhờ sự tối ưu về logistics, hồ sơ thủ tục.
- Chủ động trích lập dự phòng, đẩy mạnh việc thu hồi công nợ phải thu, giảm thiểu vấn đề chiếm dụng vốn từ khách hàng từ đó chủ động cân bằng với kế hoạch thanh toán nợ vay, đảm bảo khả năng thanh khoản và thanh toán.
- Với xu hướng công nghệ 4.0, tích cực tận dụng cơ hội để phát triển hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, lấy sự linh hoạt, trải nghiệm của khách hàng đặt lên hàng đầu.
- Theo dõi thường xuyên, tăng cường công tác phòng ngừa rủi ro đối với các rủi ro như rủi ro biến động tỷ giá, rủi ro lãi suất.

❖ Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Để thực hiện mục tiêu, Ban Tổng Giám đốc đã đề ra các chiến lược trung và dài hạn:

- Tiếp tục công tác hoàn thiện quản trị doanh nghiệp của đội ngũ mới, với mục tiêu đưa YTECO chuyển đổi mạnh mẽ, hướng đến hợp tác với các công ty đa quốc gia.
- Bắt đầu từng bước thực hiện chuyển đổi số nhằm đơn giản quá trình làm việc, đầu tư công nghệ giảm thiểu chi phí quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.
- Định hướng tập trung sản phẩm tự doanh thông qua tìm kiếm các đối tác mới bổ sung danh mục. Về dài hạn, xây dựng danh mục thuốc nhập khẩu, từ các đối tác cung cấp thuốc đến Châu Âu, Châu Mỹ nhằm tránh cạnh tranh trực tiếp với các đối thủ có giá thành thấp từ Ấn Độ, Hàn Quốc,...
- Tập trung phát triển phân phối thuốc sang các kênh bán lẻ lớn như các chuỗi nhà thuốc hiện đại, nâng cao độ nhận diện thương hiệu.
- Chú trọng công tác quản trị rủi ro vì hoạt động kinh doanh phụ thuộc vào nền kinh tế vĩ mô thế giới và trong nước. Theo dõi sát sao, dự báo và định lượng mức độ ảnh hưởng để có những kế hoạch, chiến lược phù hợp.

❖ Nguồn vốn và nguồn lực dự kiến:

Để đảm bảo nguồn vốn cho việc thực hiện kế hoạch, Công ty đang tiến hành phương án tăng vốn điều lệ để bổ sung nguồn vốn chủ sở hữu, nhằm tái cơ cấu nguồn vốn và bổ sung hoạt động kinh doanh. Ngoài ra Công ty cũng đang tích cực làm việc với các ngân hàng tìm kiếm nguồn vốn giá rẻ nhằm đáp ứng nhu cầu tăng trưởng và tối ưu hóa chi phí tài chính.

10.12 Trường hợp Tổ chức phát hành hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nêu thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan

Những hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện tại YTECO, đều được các cơ quan quản lý nhà nước cấp phép, cụ thể là:

- Bộ Y tế cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh Dược đối với hình thức kinh doanh xuất nhập khẩu thuốc và Dịch vụ bảo quản thuốc.
- Sở Y tế cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh Dược đối với hình thức kinh doanh phân phối thuốc.

11. Chính sách đối với người lao động

11.1 Số lượng và cơ cấu người lao động của YTECO

Bảng 13: Số lượng và cơ cấu người lao động của YTECO

Chỉ tiêu	Bình quân năm 2022	Bình quân năm 2023
Theo giới tính	78	82
Nam	28	31
Nữ	50	51
Theo độ tuổi	78	82
18-30 tuổi	17	19
30-50 tuổi	51	55
50 tuổi trở lên	10	8
Theo trình độ	78	82
Đại học và trên Đại học	38	46
Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	27	22
Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	7	8
Lao động phổ thông	6	6
Theo vị trí công việc	78	82
Quản lý	11	12
Nhân viên văn phòng	54	56
Công nhân	13	14
Theo chu kỳ	78	82
Lao động thường xuyên	78	80
Lao động thời vụ	-	2

(Nguồn: YTECO)

11.2 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

❖ Chính sách đào tạo

Với mục tiêu luôn ủng hộ người lao động phát triển năng lực quản lý và tay nghề, YTECO luôn lên kế hoạch cho các chương trình đào tạo, đảm bảo lộ trình phát triển của nhân viên. Nhằm đáp ứng nhu cầu đổi mới hằng ngày và nâng cao tính chuyên nghiệp trong vận hành, YTECO đã cử cán bộ công nhân viên tham gia các khóa học đào tạo kiến thức, nâng cao nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu công việc và định hướng phát triển của công ty, như là tham gia tập huấn chính sách thuế, kế toán, hóa đơn điện tử, nghị định thông tư mới liên quan đến ngành dược. Mặt khác, Công ty tích cực bồi dưỡng kiến thức về sản phẩm dược và các trang thiết bị y tế. Theo đó, đảm bảo người lao động của YTECO sẽ được nâng cao nhiều kiến thức hơn về sức khỏe hằng ngày.

❖ Chính sách tiền lương thưởng

Về chính sách lương, Công ty tuân thủ chi trả theo đúng quy định được Nhà nước lên kế hoạch cho người lao động. Cụ thể, căn cứ vào Nghị định 38/2022/NĐ-CP được ban hành ngày 01/07/2022, đảm bảo sự minh bạch và tính công bằng trong công tác xây dựng chính sách lương. Mặt khác, Công ty còn vạch ra lộ trình tăng lương để tạo động lực thăng tiến cho người lao động. Theo đó, cải tiến chính sách lương theo hướng trả lương theo hiệu quả công việc chứ không cứng nhắc dựa trên thời gian làm việc, tạo động lực gia tăng năng suất. Ngoài ra, Công ty công bố Quy chế lương, thưởng phù hợp với từng vị trí nhằm góp phần minh bạch trong việc chi trả cũng như tạo lòng tin với người lao động của mình. Năm 2023, mức thu nhập trung bình của YTECO ghi nhận ở mức 14.738.348 đồng.

❖ Chính sách phúc lợi xã hội

YTECO đảm bảo thực hiện các quyền lợi của người lao động, trong đó thực hiện các chính sách phúc lợi cho cán bộ nhân viên như sau:

- Chú trọng công tác khám sức khỏe định kỳ cho người lao động. Mở rộng tiêu chuẩn khám bệnh ngoài quy định cho người lao động. Mặt khác, các vấn đề thuộc bệnh nghề nghiệp cũng được Công ty hỗ trợ.
- Chính sách cho lao động nữ: Mức hỗ trợ sinh con trong kế hoạch, trợ cấp bồi dưỡng sinh con và mua vật dụng cho con trong kế hoạch 3.000.000 đồng; Trong thời gian mang thai, lao động nữ được nghỉ khám thai 5 lần, mỗi lần 1 ngày, vẫn ghi nhận ngày nghỉ có lương mà không cần trình giấy nghỉ hưởng bảo hiểm xã hội như Luật bảo hiểm xã hội bắt buộc quy định. Vào các ngày lễ 8/3 và 20/10: được hỗ trợ 200.000 đồng/sự kiện.
- Người lao động muốn nâng cao trình độ chuyên môn, kiến thức nghề nghiệp được Công ty phê duyệt sẽ được hỗ trợ học phí từ 30-100% tùy cấp độ học.
- Quy định mức thu nhập thấp nhất: không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng theo quy định của Luật hiện hành.
- Hỗ trợ bảo hiểm cộng thêm cho người lao động, mua bảo hiểm trọn gói kết hợp tai nạn con người và sức khỏe với mức phí 2.500.000 đồng/người/năm, mức bồi thường cao nhất lên đến 300.000.000 đồng.

❖ Chế độ làm việc

YTECO đảm bảo thực hiện nghiêm chỉnh chính sách của người lao động được quy định trong Bộ Luật Lao động và Luật bảo hiểm xã hội như các quy định ký hợp đồng lao động, thực hiện đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động 100%, đảm bảo các chính sách cho người lao động nữ. Mặt khác, Công ty luôn đảm bảo các dụng cụ bảo hộ cho người lao động trong

quá trình làm việc. Đối với các công việc cần máy móc thiết bị, Công ty đảm bảo trang bị đầy đủ cho người lao động, phát huy hiệu quả giá trị của máy móc và con người. Đồng thời, Công ty đảm bảo đầy đủ các dụng cụ bảo hộ cần thiết cho nhân viên khi tiếp xúc với những hóa chất độc hại. Mặt khác, Công ty luôn đảm bảo vệ sinh cũng như an toàn trong môi trường làm việc của YTECO.

❖ Chính sách tuyển dụng

Với YTECO, một đội ngũ nhân sự vững mạnh với tinh thần phù hợp là yếu tố nền tảng và là nguồn tài sản quý giá của Công ty. Vì thế, YTECO luôn chú trọng công tác xây dựng chính sách nhân sự, trong đó những bước đầu tiên là công tác tuyển dụng. Tại Công ty, mục tiêu tuyển dụng không chỉ dừng lại ở việc đáp ứng nhu cầu công việc mà còn là nhân tố phát triển tương lai. Do vậy, Công ty luôn cập nhật các chính sách thu hút nhân sự chất lượng cao, đồng thời đảm bảo lao động phù hợp với tính chất công việc, YTECO xây dựng 3 tiêu chí tuyển dụng: (1) Tố chất (2) Tiềm năng (3) Thiện chí. Các tin tuyển dụng được công bố công khai trên website Công ty, các trang đưa tin tuyển dụng,... với từng yêu cầu cụ thể phù hợp từng vị trí. Mặt khác, trong quá trình tuyển dụng, Công ty đảm bảo tính công bằng cho mọi ứng viên, tuân thủ sự khách quan và chuyên nghiệp trong hành động.

11.3 Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động

Không có.

12. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của YTECO, chính sách phân phối cổ tức do HĐQT đề nghị căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới và ĐHCĐ thông qua theo từng thời điểm và đảm bảo quy định của pháp luật.

Tỷ lệ chia cổ tức qua 02 năm gần nhất của YTECO:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
Vốn điều lệ (đồng)	30.800.000.000	30.800.000.000
Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	0%	0%

(Nguồn: YTECO)

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

Năm 2017, Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu. Từ sau năm 2017 đến ngày phát hành Bản cáo bạch này, Công ty không thực hiện chào bán cổ phiếu để huy động vốn.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành

14.1 Thông tin về các hợp đồng thuê sử dụng đất

Bảng 14: Các hợp đồng thuê sử dụng đất của YTECO

TT	Quyết định			Đơn vị ký kết	Diện tích (m ²)	Thời hạn thuê (năm)	Tiền thuê đất (VNĐ)	Địa chỉ đất thuê
	Số	Ngày	Nội dung					
1	Hợp đồng số 13138/H DTD-GTĐ	18/10/2002	Ký kết hợp đồng thuê đất tại địa chỉ Số 76 Sương Nguyệt Ánh, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh làm văn phòng làm việc	Sở Địa Chính Nhà Đất TP. Hồ Chí Minh	782	44,44	2.408.560.000	Số 76 Sương Nguyệt Ánh, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
2	Hợp đồng số 7753/H ĐTD-GTĐ	03/07/2002	Cho YTECO thuê đất tại địa chỉ Số 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh làm văn phòng và nhà kho	Sở Địa Chính Nhà Đất TP. Hồ Chí Minh	1.463	44,44	3.156.943.821	Số 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

TT	Quyết định			Đơn vị ký kết	Diện tích (m ²)	Thời hạn thuê (năm)	Tiền thuê đất (VNĐ)	Địa chỉ đất thuê
	Số	Ngày	Nội dung					
3	Hợp đồng số 13840/HĐĐD-GTĐ	04/11/2002	Cho YTECO thuê đất tại địa chỉ Số 24 đường 17, Phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh làm hệ thống kho hàng xuất nhập khẩu	Sở Địa Chính Nhà Đất TP. Hồ Chí Minh	8.745	44,44	1.274.391.360	Số 24 đường 17, Phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

(Nguồn: YTECO)

14.2 Thông tin về trái phiếu chưa đáo hạn

Tổ chức phát hành không có trái phiếu chưa đáo hạn.

14.3 Các quyền chưa thực hiện của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi

Tổ chức phát hành không có cổ phần ưu đãi.

- 15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán**

Không có.

- 16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích**

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Thành Phố Hồ Chí Minh cam kết Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Theo báo cáo tài chính của Công ty, một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

Bảng 15: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	So sánh 2023/2022
Tổng giá trị tài sản	769.886	923.621	937.708	1,53%
Doanh thu thuần	604.265	680.147	556.385	(18,2)%
Lợi nhuận từ HDKD	334	10.889	(876)	(108,04)%
Lợi nhuận khác	10.333	28.905	12.049	(58,32)%
Lợi nhuận trước thuế	10.666	39.795	11.174	(71,92)%
Lợi nhuận sau thuế	9.580	31.996	7.110	(77,78)%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-	//
Tỷ lệ cổ tức	-	-	-	//

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022, BCTC tự lập năm 2023 của YTECO)

- Các chỉ tiêu khác về hoạt động sản xuất kinh doanh căn cứ theo đặc điểm ngành hoạt động của Tổ chức phát hành: Không có.
- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Không có

1.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành

❖ Về một số đặc thù trong hoạt động kinh doanh của Công ty:

Khoản Thu nhập từ việc hỗ trợ của nhà cung cấp: Thu nhập khác phát sinh từ hỗ trợ của đối tác nước ngoài theo đặc thù của hoạt động phân phối hàng hóa của Công ty và được quy định theo thỏa thuận nguyên tắc giữa hai bên, đồng thời Công ty đảm bảo việc hạch toán ghi nhận thu nhập khác này phù hợp với quy định tại khoản 15 Điều 7 Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính. Đây là khoản thu nhập thông thường phát sinh gắn liền với hoạt động phân phối được phẩm, trang thiết bị y tế của công ty và góp phần đáng kể vào lợi nhuận của Công ty.

❖ Về hoạt động kinh doanh trong năm 2022:

Năm 2022 có sự thay đổi lợi nhuận tăng cao chủ yếu là do nguyên nhân khách quan, cụ thể:

- Năm 2022 lợi nhuận sau thuế tăng cao là do Công ty có các khoản thu từ khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ và từ việc xử lý các khoản nợ phải trả nhiều năm không có người đòi (tổng khoảng 21,3 tỷ đồng) dẫn đến tạo thu nhập khác cho Công ty. Trong đó có khoản Ông

Trịnh Đào Cung (Tổng Giám đốc cũ) đã trả cho Công ty là 13.106.310.177 đồng (khoản nợ khó đòi của Công ty CCL Pharmaceuticals (Pvt) Ltd đã được xóa sổ từ những năm trước) và đã được ghi nhận vào thu nhập khác. Khoản thu nhập này ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty (nội dung này đã được trình bày tại thuyết minh số VI.8 của BCTC kiểm toán năm 2022).

- Về hoạt động kinh doanh chính thì doanh thu năm 2022 tốt hơn do tình hình kinh tế chung của ngành y dược vẫn tốt và Công ty cũng bán được nhiều hàng hóa hơn trong đó có thể kể đến doanh thu hàng hoá liên quan đến phòng chống dịch Covid.

❖ Về hoạt động kinh doanh trong năm 2023:

- Hoạt động kinh doanh trong năm 2023 có 1 số biến động đáng chú ý như sau:

+ Doanh thu thuần năm 2023 đạt 556.385 tỷ đồng, giảm 18,2% so với năm 2022 và giảm 7,92% so năm 2021, nguyên nhân chính là do (1) sụt giảm doanh thu bán hàng hoá liên quan đến các mặt hàng hỗ trợ phòng chống dịch Covid, (2) giảm do xu hướng tiết kiệm chi phí của người tiêu dùng, (3) giảm doanh số bán các mặt hàng y tế điều trị do sự thay đổi của cơ chế đầu thầu kéo dài từ giữa năm 2022 đến giữa năm 2023.

+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh là âm 876 triệu đồng là do các nguyên nhân sau (1) chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại các khoản phải trả có gốc ngoại tệ (tỷ giá USD và đồng tiền khác biến động mạnh so với VND hơn các năm khác) và (2) chi phí bán hàng tăng cao do Công ty phát triển mở rộng kinh doanh buôn bán hàng tự doanh tự tìm kiếm thị trường dẫn đến đẩy mạnh chi phí marketing, bán hàng,...

+ Lợi nhuận sau thuế vẫn đạt giá trị dương là 7,11 tỷ đồng do có doanh thu từ thu nhập khác (trong đó Thu nhập từ việc hỗ trợ của nhà cung cấp chiếm tỷ trọng lớn).

- Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong năm 2023:

Như đã phân tích các khó khăn và các đặc điểm cụ thể của ngành y dược trong các năm qua nói trên thì năm 2023 thực sự là 1 năm khó khăn đối với ngành y dược nói chung và Yteco nói riêng. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động, Công ty đã chủ động phát triển kinh doanh mở rộng các mặt hàng mới phù hợp với nhu cầu thị trường của giai đoạn này giúp tăng trưởng doanh thu các mặt hàng này lên. Xem xét một cách cụ thể, loại hình dịch vụ của Công ty có phần khá đa dạng gồm: kinh doanh xuất nhập khẩu dược phẩm, dược liệu xuất khẩu, nhập khẩu, bán buôn thuốc; kinh doanh xuất nhập khẩu trang thiết bị, vật tư y tế, mua bán vắc-xin, sinh phẩm, hóa chất thí nghiệm, sữa, sản phẩm dinh dưỡng, thực phẩm, ... Với lĩnh vực hoạt động gồm nhiều dịch vụ đa dạng, YTECO đã tận dụng lợi thế có sẵn và đề ra các chiến lược hợp lý nhằm giữ vững mức doanh thu đạt được. Bên cạnh đó, Công ty cũng mở rộng mảng tự doanh giúp lợi nhuận gộp tăng lên. Ngoài ra, về vấn đề chi phí, việc Công ty tái cấu trúc và quản lý chặt chẽ chi phí giúp chi phí vận hành giảm thiểu đáng kể.

Năm 2023

- **Thuận lợi:**

Tính đến thời điểm hiện tại, nửa cuối năm 2023, tình hình chung của kênh phân phối thuốc ở các bệnh viện (ETC – thuốc có kê đơn) chứng kiến sự tăng trưởng khá tốt. Trong đó, đóng góp lớn là

đến từ việc các quy chế đấu thầu thuốc trong bệnh viện đã được điều chỉnh và thông thoáng hơn. Ngoài ra, các bệnh viện công đang dần tự chủ về nguồn vốn để đầu tư cơ sở vật chất, khắc phục tình trạng ùn tắc tại bệnh viện. Nhờ vậy, lưu lượng bệnh nhân tới khám, chữa bệnh tại bệnh viện gia tăng, thúc đẩy tiêu thụ sản lượng thuốc trên kênh ETC. Theo các báo cáo từ Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) và Fitch Solution, thị trường dược phẩm Việt Nam được dự báo sẽ còn phát triển bùng nổ trong nhiều năm tiếp theo, ước tính vào năm 2026 doanh thu từ thị trường dược phẩm sẽ chạm mốc 216,4 ngàn tỷ đồng.

Trước tình hình đó, Công ty đã chủ động phát triển kinh doanh mở rộng các mặt hàng mới giúp tăng trưởng doanh thu. Với lĩnh vực hoạt động gồm nhiều dịch vụ đa dạng, YTECO đã tận dụng lợi thế có sẵn và đề ra các chiến lược hợp lý nhằm giữ vững mức doanh thu đạt được. Bên cạnh đó, Công ty cũng mở rộng mảng tự doanh giúp lợi nhuận gộp tăng lên. Ngoài ra, về vấn đề chi phí, việc Công ty tái cấu trúc và quản lý chặt chẽ chi phí giúp chi phí vận hành giảm thiểu đáng kể.

- **Khó khăn:**

Điểm lại những khó khăn từ đầu năm đến nay, những khó khăn mà các doanh nghiệp ngành dược nói chung đối mặt là: (1) Kinh tế tăng trưởng chậm; (2) Cầu tiêu dùng yếu; (3) Biến động giá năng lượng, nguyên vật liệu đầu vào; (4) Cạnh tranh giữa các doanh nghiệp cùng ngành; và (5) Sức ép từ tỷ giá gia tăng. Trong năm 2023, thị trường dược Việt Nam còn thiếu tính ổn định, nguyên liệu sản xuất phụ thuộc tới 90% vào nguồn nhập khẩu từ nước ngoài. Sự phụ thuộc này khiến ngành dược nhạy cảm với các yếu tố bên ngoài như: biến động tỷ giá, giá nhập khẩu hay những cú sốc về nguồn hàng. Bên cạnh đó, phần lớn các doanh nghiệp đều tập trung sản xuất các loại thuốc phổ biến trên thị trường, trong khi đó các loại thuốc chuyên khoa, đặc trị, yêu cầu kỹ thuật bảo chế hiện đại chưa nhận được sự quan tâm tương xứng. Các công ty dược trong nước hiện nay chủ yếu tập trung sản xuất các loại thuốc generic có giá trị thấp, giá rẻ, khả năng cạnh tranh kém, dẫn đến tình trạng vừa phải cạnh tranh với các loại thuốc generic nhập khẩu, vừa cạnh tranh nội bộ ngành. Do đó, tồn tại tình trạng sản xuất chùng chểo, tranh giành phần khúc thị trường.

❖ Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm 31/12/2023 đến nay: Không có.

2. Tình hình tài chính

2.1 Các chỉ tiêu cơ bản

2.1.1 Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

YTECO luôn sử dụng và quản lý vốn góp của cổ đông và vốn kinh doanh theo đúng các quy định của pháp luật và đúng mục đích, quy định tại Điều lệ.

Vốn điều lệ và vốn kinh doanh qua các năm như sau:

Bảng 16: Vốn điều lệ và vốn kinh doanh

DVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	31/12/2023
I	Vốn điều lệ	30.800	30.800	30.800
II	Vốn kinh doanh	769.886	923.621	937.708

STT	Chi tiêu	31/12/2021	31/12/2022	31/12/2023
1	Nợ phải trả	769.479	891.218	898.195
-	Nợ ngắn hạn	768.697	890.902	870.550
-	Nợ dài hạn	782	316	27.645
2	Vốn chủ sở hữu	407	32.403	39.513
-	Vốn góp của chủ sở hữu	30.800	30.800	30.800
-	LNST chưa phân phối	(30.393)	1.603	8.713

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022, BCTC tự lập năm 2023 của YTECO)

2.1.2 Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị 03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn 05 - 15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý 05 - 15 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác 10 năm

Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của phương tiện vận tải thuê tài chính là 08 năm.

Tài sản cố định vô hình:

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra để có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 10 năm.

2.1.3 Mức lương, thu nhập bình quân người lao động

❖ Lương, thu nhập bình quân của người lao động:

Bảng 17: Mức lương, thu nhập bình quân của người lao động YTECO

Dvt: đồng/người/tháng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
Mức tiền lương bình quân	9.568.119	10.273.712
Mức thu nhập bình quân	14.571.310	14.738.348

(Nguồn: YTECO)

Theo Báo Dân trí, tại TP. Hồ Chí Minh, quý IV/2023, thu nhập bình quân tháng của người lao động là 9,4 triệu đồng, tăng 1,9% (tương ứng tăng 175.000 đồng) so với cùng kỳ năm trước.

Như vậy so với mức lương cơ bản theo quy định của doanh nghiệp hoạt động cùng ngành nghề trên địa bàn, mức lương, thu nhập bình quân của Công ty được đánh giá là cao hơn so với mặt bằng chung.

(Nguồn: <https://dantri.com.vn/lao-dong-viec-lam/tang-ca-met-la-cong-nhan-van-co-kiem-them-thu-nhap-bu-luc-gian-viec-20240105124816032.htm>)

2.1.4 Tình hình công nợ

❖ Các khoản phải thu

Bảng 18: Các khoản phải thu

DVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	31/12/2023
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	530.294	692.847	699.318
1	Phải thu của khách hàng (*)	185.855	164.825	92.827
2	Trả trước cho người bán	7.740	2.524	4.756
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	-	-
4	Phải thu ngắn hạn khác (**)	350.405	537.467	611.269
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(13.707)	(11.969)	(9.534)
II	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
1	Phải thu của khách hàng	-	-	-
3	Phải thu dài hạn khác	-	-	-
4	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	-	-	-
	Tổng cộng	530.294	692.847	699.318

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022, BCTC tự lập năm 2023 của YTECO)

(*) Làm rõ Chỉ tiêu Phải thu ngắn hạn của khách hàng:

- Về thuyết minh V.3 tại BCTC năm 2021, 2022 đã kiểm toán và quyết toán 06 tháng đầu năm 2023:
- + YTECO cung cấp lại nội dung chi tiết số dư khoản phải thu khác qua các kỳ như sau:

Phải thu ngắn hạn của khách hàng năm 2021		
Chi tiêu	Số cuối năm 2021	Số đầu năm 2021
Phải thu các bên liên quan	100.900.000	25.718.692.500
Công ty Cổ phần Dược phẩm Quận 3		25.718.692.500
Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết	100.900.000	
Phải thu các khách hàng khác	185.754.391.570	238.806.039.848
Công ty TNHH Dược phẩm Trang thiết bị Y tế T.D	5.656.615.535	16.292.380.204
Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Tâm An	2.809.132.817	15.861.858.496
Công ty TNHH Dược phẩm Kim Đô	2.166.191.038	
Các khoản nợ đang kiểm tra, đối chiếu	21.521.918.075	49.680.312.781
Các khách hàng khác	153.600.534.105	156.971.488.367
<i>Trong đó:</i>		
- Bệnh viện Chợ Rẫy	1.766.215.996	1.380.056.168
- Các khách hàng còn lại	151.834.318.109	155.591.432.199
Cộng 2021	185.855.291.570	264.524.732.348
Phải thu ngắn hạn của khách hàng năm 2022		
Chi tiêu	Số cuối năm 2022	Số đầu năm 2022
Phải thu bên liên quan		100.900.000
Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết		100.900.000
Phải thu các khách hàng khác	164.824.893.080	185.754.391.570
Bệnh viện Chợ Rẫy	14.659.097.747	1.766.215.996
Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Tâm An	15.714.975.069	2.809.132.817
Công ty TNHH Dược phẩm Kim Đô	10.836.868.339	2.166.191.038
Các khách hàng khác:	123.613.951.925	179.012.851.719
<i>Trong đó:</i>		
- Công ty TNHH Dược phẩm Trang thiết bị Y tế T.D	5.598.796.621	5.656.615.535
- Các khách hàng còn lại	118.015.155.304	173.356.236.184

Cộng 2022	164.824.893.080	185.855.291.570
Phải thu ngắn hạn của khách hàng năm 2023 - 6 tháng đầu năm 2023		
Chỉ tiêu	Số 6 tháng đầu năm 2023	Số đầu năm 2023
Phải thu bên liên quan	-	-
Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết	-	-
Phải thu các khách hàng khác	135.422.492.714	164.824.893.080
Công Ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Tâm An	27.768.276.538	15.714.975.069
Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Duy Tân	17.403.610.963	15.407.062.194
Công Ty TNHH Liên Doanh HASAN - DERMAPHARM	5.165.559.945	1.941.234.751
Các khách hàng khác	85.085.045.268	131.761.621.066
<i>Trong đó:</i>		
- Bệnh viện Chợ Rẫy	287.328.247	14.659.097.747
- Công ty TNHH Dược phẩm Kim Đô	307.966.092	10.836.868.339
- Các khách hàng còn lại	84.489.750.929	106.265.654.980
Cộng 2023 - 6 tháng đầu	135.422.492.714	164.824.893.080

(Nguồn: YTECO)

† Lý do có sự khác nhau về việc trình bày chi tiết trong chỉ tiêu Phải thu ngắn hạn khách hàng:

	Chỉ tiêu	31/12/2021	01/01/2022	Ghi chú
Bảng CDKT	Phải thu khách hàng	185.855.291.570	185.855.291.570	Giống nhau, không có sự chênh lệch
TMBCTC	Công ty CP Bông Bạch Tuyết	100.900.000	100.900.000	
	Công ty TNHH Dược phẩm Trang thiết bị Y tế T.D	5.656.615.535	-	Khi lập BCTC năm 2022 thì khoản này không thuyết minh chi tiết và Khoản phải thu này nằm trong khoản phải thu khách hàng khác, do giá trị dưới 10% so với chỉ tiêu phải thu khách hàng.

	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Tâm An	2.809.132.817	2.809.132.817	
	Công ty TNHH Dược phẩm Kim Đô	2.166.191.038	2.166.191.038	
	Khoản đối chiếu	21.521.918.075	-	Khi lập BCTC năm 2022 thì khoản này được làm rõ và Khoản phải thu này nằm trong khoản phải thu khách hàng khác, do đã kiểm tra rõ số liệu nên không còn ghi là khoản đối chiếu nữa.
	Khác	153.600.534.105	179.012.851.719	Khi lập BCTC năm 2022 thì khoản này được phân loại lại và tăng lên do bổ sung thêm khoản khoản đối chiếu, trình bày khoản phải thu khách hàng khác do giá trị dưới 10% so với chỉ tiêu phải thu khách hàng.
	Bệnh viện Chợ Rẫy	-	1.766.215.996	Khi lập BCTC năm 2021 thì khoản này không thuyết minh chi tiết và Khoản phải thu này nằm trong khoản phải thu khách hàng khác, do giá trị dưới 10% với chỉ tiêu phải thu khách hàng, nhưng số cuối năm 2022 thì trọng yếu đó phải trình bày rõ đối tượng kéo theo phải trình bày cả số đầu năm 2022
	Tổng cộng	185.855.291.570	185.855.291.570	
	Chỉ tiêu	31/12/2022	01/01/2023	Ghi chú
Bảng CĐKT	Phải thu khách hàng	164.824.893.080	164.824.893.080	Giống nhau, không có sự chênh lệch
TMBCTC	Công ty CP Bông Bạch Tuyết	-	-	Cuối năm 2022 đã hết số dư, 6 tháng đầu 2023 cũng hết số dư nên không trình bày

	Bệnh viện Chợ Rẫy	14.659.097.747	-	Khi lập 6 tháng năm 2023 thì khoản này không thuyết minh chi tiết và Khoản phải thu này nằm trong khoản phải thu khách hàng khác, do giá trị dưới 10% so với chỉ tiêu phải thu khách hàng (số dư chỉ còn 287 triệu).
	Công Ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Tâm An	15.714.975.069	15.714.975.069	
	Công ty TNHH Dược phẩm Kim Đô	10.836.868.339	-	Khi lập BCTC 6 tháng năm 2023 thì khoản này không thuyết minh chi tiết và Khoản phải thu này nằm trong khoản phải thu khách hàng khác, do giá trị dưới 10% so với chỉ tiêu phải thu khách hàng. (số dư 30.6.23 còn 307 triệu)
	Công Ty TNHH Liên Doanh HASAN - DERMAPHARM	-	1.941.234.751	Khi lập BCTC năm 2022 thì khoản này không thuyết minh chi tiết và Khoản phải thu này nằm trong khoản phải thu khách hàng khác, do giá trị dưới 10% so với chỉ tiêu phải thu khách hàng (số dư 1,9 tỷ) nhưng đến 30.6.23 thì số dư tăng lên thành 5,1 tỷ nên trình bày chi tiết thuyết minh
	Khác	123.613.951.925	147.168.368.260	Khi lập BCTC 6 tháng năm 2023 thì khoản này được phân loại lại và tăng lên do bổ sung thêm một số khoản phải thu không được thuyết minh chi tiết, trình bày khoản phải thu khách hàng khác do giá trị dưới 10% so với chỉ tiêu phải thu khách hàng.
		164.824.893.080	164.824.578.080	

Như vậy tổng giá trị phải thu khách hàng là không đổi tại số cuối kỳ và số đầu kỳ, YTECO tuân thủ quy định của pháp luật về kế toán. YTECO không làm rõ về chênh lệch trên báo cáo tài chính do quy định lập BCTC không yêu cầu, đồng thời nội dung này không có ảnh hưởng đến tổng giá trị phải thu khách hàng đã trình bày trên BCTC.

Số dư Phải thu khách hàng trên BCTC tự lập năm 2023 được thuyết minh phân loại chi tiết theo BCTC kiểm toán 2022 và cập nhật dư nợ tại thời điểm 31/12/2023 như sau:

Chỉ tiêu	31/12/2023
Phải thu bên liên quan	108.000.000
Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết	108.000.000
Phải thu các khách hàng khác	92.719.447.611
Bệnh viện Chợ Rẫy	48.247
Công ty TNHH Dược phẩm Kim Đô	5.689.191.871
Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Tâm An	16.430.561.543
Các khách hàng khác	70.599.645.950
Tổng cộng	92.827.447.611

(**) *Làm rõ Chỉ tiêu Phải thu ngắn hạn khác:*

Một trong những hoạt động kinh doanh chính của YTECO là làm dịch vụ xuất nhập khẩu ủy thác thuốc, dược liệu, trang thiết bị y tế theo ngành nghề kinh doanh chính đã đăng ký. Theo đó:

*** Phương thức ủy thác nhập khẩu**

- Là hình thức hoạt động của các doanh nghiệp kinh doanh nhập khẩu chưa có đủ điều kiện để Nhà nước cấp phép cho nhập khẩu trực tiếp. Khi đó các doanh nghiệp này phải ủy thác hoạt động nhập khẩu cho các doanh nghiệp nhập khẩu trực tiếp.

- Doanh nghiệp nhận ủy thác nhập khẩu sau khi hoàn thành các công việc được ủy thác sẽ được hưởng hoa hồng ủy thác theo tỷ lệ quy định tính trên giá trị lô hàng và mức độ ủy thác.

*** Các thủ tục chứng từ**

- Theo chế độ hiện hành, Bên ủy thác nhập khẩu giao quyền nhập khẩu cho Bên nhận ủy thác trên cơ sở hợp đồng ủy thác nhập khẩu:

- + Bên nhận ủy thác nhập khẩu thực hiện dịch vụ nhận ủy thác nhập khẩu, chịu trách nhiệm kê khai và nộp các loại thuế của hàng nhập khẩu và lưu giữ các chứng từ liên quan đến lô hàng nhập khẩu như: Hợp đồng ủy thác nhập khẩu, Hợp đồng nhập khẩu hàng hóa ký với nước ngoài (Contract), Hóa đơn thương mại (Commercial Invoice) do người bán (Nước ngoài) xuất, Phiếu đóng gói hàng hóa (Packing List) do người bán (Nước ngoài) xuất, Vận đơn (Bill

of Lading) do Bên vận chuyển (Tàu biển hoặc máy bay) cấp, Tờ khai hải quan (Customs Declaration), Biên lai nộp thuế (Nếu có).

- + Bên nhận ủy thác được xác định là người đại diện cho Bên giao ủy thác nộp các nghĩa vụ với NSNN (Người nộp thuế hộ cho Bên giao ủy thác), nghĩa vụ nộp thuế là của Bên giao ủy thác. Trường hợp này, Bên nhận ủy thác chỉ phản ánh số tiền thuế đã nộp vào NSNN là khoản chi hộ, trả hộ cho Bên giao ủy thác.

- Khi bàn giao hàng cho Bên giao ủy thác, Bên nhận ủy thác nhập khẩu phải chuyển cho Bên giao ủy thác các chứng từ liên quan của lô hàng nhập khẩu và lập hóa đơn GTGT trong đó ghi rõ tổng giá thanh toán phải thu ở Bên ủy thác, bao gồm giá mua (Theo hóa đơn thương mại), số thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế GTGT của hàng nhập khẩu (Theo thông báo thuế của cơ quan Hải quan). Hóa đơn này làm cơ sở tính thuế đầu vào của Bên giao ủy thác.

- Khi bàn giao hàng cho Bên giao ủy thác, ngoài hóa đơn trả hàng; Bên nhận ủy thác còn phải lập hóa đơn hoa hồng ủy thác. Trong hóa đơn hoa hồng ủy thác, Bên nhận ủy thác được hưởng hoa hồng tính theo tỷ lệ quy định trên trị giá lô hàng nhập khẩu và mức độ ủy thác.

* Trình tự hạch toán kế toán nhập khẩu ủy thác tại Bên nhận ủy thác nhập khẩu theo quy định tại hướng dẫn hạch toán Tài khoản 138 - Phải thu khác và Tài khoản 338 – Các khoản phải trả khác - thông tư 200/2014/TT-BTC quy định như sau:

Khoản 1 Điều 21 - Nguyên tắc kế toán, tài khoản 138 có nêu: *“Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản nợ phải thu.....: - Các khoản chi hộ phải thu hồi, như các khoản bên nhận ủy thác xuất nhập khẩu chi hộ, cho bên giao ủy thác xuất khẩu về phí ngân hàng, phí giám định hải quan, phí vận chuyển, bốc vác, các khoản thuế, ...”*

Khoản 1 Điều 57 - Nguyên tắc kế toán, tài khoản 338 có nêu: *“Nội dung và phạm vi phản ánh của tài khoản này gồm các nghiệp vụ chủ yếu sau:: - Các khoản thu hộ bên thứ ba phải trả lại, các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận từ bên giao ủy thác để nộp các loại thuế xuất, nhập khẩu, thuế GTGT hàng nhập khẩu và để thanh toán hộ cho bên giao ủy thác;”*

Như vậy, theo hướng dẫn của thông tư chuẩn mực kế toán hiện hành thì doanh nghiệp dùng cặp tài khoản 138 và 338 để theo dõi và phản ánh các khoản thu chi hộ khách hàng trong quá trình thực hiện dịch vụ nhập khẩu ủy thác và trình bày BCTC tại các chỉ tiêu mã số 136 và mã số 319.

Theo như báo cáo tài chính YTECO qua các năm ghi nhận Khoản phải thu ngắn hạn khác mã số 136 trong đó chiếm tỷ trọng lớn là các khoản chi hộ thuộc hoạt động nhập khẩu ủy thác của công ty và tương ứng Đối ứng cho khoản chi hộ là khoản phải trả khác về thu hộ của hoạt động ủy thác trình bày ở mã số 319 trên bảng cân đối kế toán của BCTC các năm. Cụ thể số liệu 03 năm gần đây như sau:

Chỉ tiêu	31/12/2023		30/06/2023		31/12/2022		31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-	-	-	694.580.129	-	82.294.128	-
Ông Phan Minh Trung - Tam ứng	-	-	-	-	-	-	694.580.129	-	82.294.128	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	611.269.068.925	(1.845.768.735)	365.397.614.413	-	537.467.307.990	(1.845.768.735)	349.710.722.975	(2.609.648.492)	470.937.608.280	(2.609.648.492)
Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm phải thu	-	-	-	-	-	-	-	-	54.323.133	-
Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tiền lãi cho vay	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	1.499.237.501	-	1.486.549.939	-	1.078.742.202	-	1.073.067.931	-	149.159.104	-
Tam ứng	9.421.100.685	-	9.717.045.779	-	1.555.320.740	-	343.380.400	-	3.311.899.276	(2.609.648.492)
Các khoản ký quỹ	1.350.724.253	-	837.157.011	-	740.740.360	-	3.830.731.907	-	3.505.696.102	-
Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Thiên Kim - chi hệ chi phí hàng ủy thác	93.630.674.858	-	32.581.928.741	-	83.409.938.376	-	42.134.815.998	-	-	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hào Nam - chi hệ chi phí hàng ủy thác	40.105.654.754	-	43.083.539.534	-	45.827.455.834	-	41.289.607.034	-	-	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hương Việt - chi hệ chi phí hàng ủy thác	305.187.811.122	-	153.699.858.361	-	233.057.960.465	-	41.381.953.819	-	-	-
Chi hệ chi phí hàng ủy thác	125.155.574.967	-	113.879.655.726	-	149.686.684.251	-	150.164.807.940	-	400.125.631.442	-

Chỉ tiêu	31/12/2023		30/06/2023		31/12/2022		31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Chi hộ chi phí hàng ủy thác (đang kiểm tra, đối chiếu)		-	-	-	-	-	-	-	44.958.529.779	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Duy Tân - tiền lãi trả chậm	19.759.388.150	-	-	-	15.407.062.194	-	12.380.176.050	-	11.675.394.262	-
Allegens Lifesciences Pvt. Pvt - phải thu khác		-	-	-	6.152.562.449	(1.845.768.735)	7.232.888.404	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	15.158.902.635	-	10.111.879.322	-	550.841.119	-	9.879.293.492	(2.609.648.492)	6.956.975.182	-
Cộng	611.269.068.925	(1.845.768.735)	365.397.614.413	-	537.467.307.990	(1.845.768.735)	350.405.303.104	(2.609.648.492)	471.019.902.408	(2.609.648.492)

Như nội dung trên, YTECO đảm bảo luôn tuân thủ quy định của pháp luật về kế toán, đồng thời chúng tôi đánh giá rằng các khoản phải thu khác mang tính chất đối ứng với các khoản phải trả khác, đặc thù ngành nghề kinh doanh của YTECO và các khoản này không ảnh hưởng đến cấu trúc vốn, nguồn vốn lưu động và nhu cầu tăng vốn của YTECO.

(Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống)

Các khoản phải thu quá hạn:

Tại thời điểm 31/12/2023, YTECO đã trích lập dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn là 9.534.264.577 đồng, chi tiết như sau:

Bảng 19: Các khoản phải thu quá hạn tại 31/12/2023

STT	Đối tượng	Giá trị công nợ (đồng)	Giá trị đã trích lập dự phòng (đồng)	Thời gian quá hạn	Nguyên nhân	Đánh giá khả năng thu hồi
1	ALLEGENS LIFESCIENCES PVT. PVT	6.152.562.449	1.845.768.735	Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	Khách không thanh toán	Không có khả năng thu hồi
2	BỆNH VIỆN ĐA KHOA CỬA ĐÔNG THUỘC CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC MIỀN TRUNG	14.999.250	14.999.250	Quá hạn trên 3 năm	Khách không thanh toán	Không có khả năng thu hồi
3	BỆNH VIỆN DH Y DƯỢC THÁI NGUYÊN	14.603.112	14.603.112	Quá hạn trên 3 năm	Khách không thanh toán	Không có khả năng thu hồi
4	BỆNH VIỆN TRUNG ƯƠNG HUẾ	180.878.284	180.878.284	Quá hạn trên 3 năm	Khách không thanh toán	Không có khả năng thu hồi
5	BỘ LỘ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TỈNH ĐỒNG THÁP	44.500.000	44.500.000	Quá hạn trên 3 năm	Khách không thanh toán	Không có khả năng thu hồi
6	CHI NHÁNH TP.HCM CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ DOPHARCO	158.868.872	158.868.872	Quá hạn trên 3 năm	Khách không thanh toán	Không có khả năng thu hồi
7	CÔNG NỢ ANH TRÍ (CCL)	52.270.101	52.270.101	Quá hạn trên 3 năm	Khách không thanh toán	Không có khả năng thu hồi
8	CÔNG TY CỔ PHẦN DEKA	12.999.996	12.999.996	Từ 3 năm trở lên	Khách không thanh toán	Không có khả năng thu hồi
9	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI TƯ VẤN ĐẦU TƯ MẠI XUÂN	276.771.200	276.771.200	Từ 3 năm trở lên	Khách không thanh toán	Không có khả năng thu hồi
10	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM - DƯỢC LIỆU TÂY NAM	17.740.643	17.740.643	Quá hạn trên 3 năm	Khách không thanh toán	Không có khả năng thu hồi
11	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ NAM	15.531.100	15.531.100	Quá hạn trên 3 năm	Khách không thanh toán	Không có khả năng thu hồi
12	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG KHÁM ĐA KHOA DUY KHANG – CHI NHÁNH LONG THÀNH	6.812.000	3.720.400	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	Khách không thanh toán	Không có khả năng thu hồi
13	CÔNG TY CỔ PHẦN PKDK Y SÀI GÒN	9.149.996	9.149.996	Từ 3 năm trở lên	Khách không thanh toán	Không có khả năng thu hồi
14	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐỨC LỘC	47.248.710	47.248.710	Quá hạn trên 3 năm	Khách không thanh toán	Không có khả năng thu hồi

STT	Đối tượng	Giá trị công nợ (đồng)	Giá trị đã trích lập dự phòng (đồng)	Thời gian quá hạn	Nguyên nhân	Đánh giá khả năng thu hồi
15	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ KỸ THUẬT Y TẾ TP.HCM	850.369	850.369	Từ 3 năm trở lên	Khách không thanh toán	Không có khả năng thu hồi
16	CÔNG TY CP TRUNG TÂM CHĂM SÓC SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG CHẠC	87.650.115	87.650.115	Quá hạn trên 3 năm	Khách không thanh toán	Không có khả năng thu hồi
17	CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ TP.HCM	732.000	512.400	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	Khách không thanh toán	Không có khả năng thu hồi
18	CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ CATHAY VIỆT NAM	621.000	434.700	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	Khách không thanh toán	Không có khả năng thu hồi
19	CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN – PHÒNG KHÁM ĐA KHOA Y DƯỢC AN SÀI GÒN	12.200.000	12.200.000	Từ 3 năm trở lên	Khách không thanh toán	Không có khả năng thu hồi
20	CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA ANH MINH	91.430.716	91.430.716	Quá hạn trên 3 năm	Khách không thanh toán	Không có khả năng thu hồi
21	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ DƯƠNG HỒ	999.924.117	999.924.117	Quá hạn trên 3 năm	Khách không thanh toán	Đã thắng kiện, chờ thi hành án nhưng đương sự không có tài sản
22	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM LÊ KHÁI	1.881.118.197	1.881.118.197	Quá hạn trên 3 năm	Khách không thanh toán	Đã thắng kiện, chờ thi hành án nhưng đương sự không có tài sản
23	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÒNG KHÁM ĐA KHOA LÊ THÀNH	3.570.000	1.785.000	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	Khách không thanh toán	Không có khả năng thu hồi
24	CÔNG TY TNHH PHÒNG KHÁM ĐA KHOA NHÂN HẬU	12.200.055	12.200.055	Quá hạn trên 3 năm	Khách không thanh toán	Không có khả năng thu hồi
25	CÔNG TY TNHH PHÒNG KHÁM ĐA KHOA PHÚC AN KHANG	21.824.740	21.824.740	Từ 3 năm trở lên	Khách không thanh toán	Không có khả năng thu hồi
26	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ THIẾT BỊ Y TẾ MINH THÀNH	2.300.000.001	2.300.000.001	Quá hạn trên 3 năm	Khách thanh toán chậm	Đang làm việc và có khả năng thu hồi nhưng chưa xác định chính xác giá trị có khả năng thu hồi

STT	Đối tượng	Giá trị công nợ (đồng)	Giá trị đã trích lập dự phòng (đồng)	Thời gian quá hạn	Nguyên nhân	Đánh giá khả năng thu hồi
27	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM MINMAX	4.229.997	4.229.997	Từ 3 năm trở lên	Khách không thanh toán	Không có khả năng thu hồi
28	CÔNG TY TNHH Y DƯỢC HẢI NỘI	28.899.830	28.899.830	Quá hạn trên 3 năm	Khách không thanh toán	Không có khả năng thu hồi
29	CỬA HÀNG ĐÌNH HẸN	9.000.000	4.500.000	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	Khách không thanh toán	Không có khả năng thu hồi
30	CỬA HÀNG DỤNG CỤ Y KHOA CHĂM SÓC SỨC KHỎE THIÊN PHÚC	20.900.000	10.450.000	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	Khách không thanh toán	Không có khả năng thu hồi
31	CỬA HÀNG DỤNG CỤ Y KHOA THỤY VY	1.060.000	530.000	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	Khách không thanh toán	Không có khả năng thu hồi
32	CỬA HÀNG HOÀNG LONG	4.323.900	4.323.900	Từ 3 năm trở lên	Khách không thanh toán	Không có khả năng thu hồi
33	KHÁC - CHI NHÁNH CÁN THO	908.679.970	908.679.970	Từ 3 năm trở lên	Khách không thanh toán	Đã thu hồi được 1 phần và hoàn nhập dự phòng tương ứng, khả năng thu hồi tiếp không cao
34	NHÀ THUỐC BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ ĐA KHOA NGHỆ AN	18.900.000	18.900.000	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	Khách không thanh toán	Không có khả năng thu hồi
35	NHÀ THUỐC BỆNH VIỆN THANH HÁ	24.600.089	24.600.089	Quá hạn trên 3 năm	Khách không thanh toán	Không có khả năng thu hồi
36	NHÀ THUỐC ĐIỀU HẠNH 2	29.528.209	14.764.105	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	Khách không thanh toán	Không có khả năng thu hồi
37	NHÀ THUỐC ĐỨC	5.430.480	5.430.480	Từ 3 năm trở lên	Khách không thanh toán	Không có khả năng thu hồi
38	NHÀ THUỐC HẬU GIANG - CÔNG NỢ NGỒ VĂN BÌNH	297.957.576	297.957.576	Quá hạn trên 3 năm	Khách không thanh toán	Không có khả năng thu hồi
39	NHÀ THUỐC MINH THỦY	1.099.998	1.099.998	Từ 3 năm trở lên	Khách không thanh toán	Không có khả năng thu hồi
40	NHÀ THUỐC NGUYỄN CHÂU	4.218.000	4.218.000	Từ 3 năm trở lên	Khách không thanh toán	Không có khả năng thu hồi
41	NHÀ THUỐC SỐ 303	700.000	350.000	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	Khách không thanh toán	Không có khả năng thu hồi
42	NHÀ THUỐC THANH VŨ	89.999.910	89.999.910	Quá hạn trên 3 năm	Khách không thanh toán	Không có khả năng thu hồi
43	NHÀ THUỐC THIÊN TÂM	5.271.305	3.689.915	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	Khách không thanh toán	Không có khả năng thu hồi

STT	Đối tượng	Giá trị công nợ (đồng)	Giá trị đã trích lập dự phòng (đồng)	Thời gian quá hạn	Nguyên nhân	Đánh giá khả năng thu hồi
44	PHÒNG TRANG THIẾT BỊ YTECO	720.000	360.000	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	Khách không thanh toán	Không có khả năng thu hồi
45	QUẦY THUỐC ĐIỀU THỬ	12.600.000	6.300.000	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	Khách không thanh toán	Không có khả năng thu hồi
	Tổng cộng	13.885.176.287	9.534.264.577			

(Nguồn: YTECO)

❖ Các khoản phải trả

Bảng 20: Các khoản phải trả

DVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	31/12/2023
I	Nợ ngắn hạn	768.697	890.902	870.550
1	Phải trả người bán ngắn hạn	187.762	166.291	109.649
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19.581	383	5.287
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11.351	19.658	16.373
4	Phải trả người lao động	2.587	1.566	74
5	Chi phí trả ngắn hạn	1.189	1.046	9.366
6	Phải trả ngắn hạn khác	326.679	510.915	554.690
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	219.541	191.043	175.111
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7	-	-
II	Nợ dài hạn	782	316	27.645
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	782	316	27.645
	Tổng cộng	769.479	891.218	898.195

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022, BCTC tự lập năm 2023 của YTECO)

Nhìn chung, YTECO thực hiện tốt các nghĩa vụ thanh toán công nợ cho các nhà cung cấp và đối tác. Các khoản nợ vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức tín dụng đều được YTECO thanh toán đầy đủ và đúng hạn gốc và lãi trong các năm qua.

YTECO không vi phạm các điều khoản khác trong hợp đồng và các cam kết có liên quan.

2.1.5 Các khoản phải nộp theo luật định

Bảng 21: Thuế và các khoản phải nộp

DVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	31/12/2023
1	Thuế giá trị gia tăng	634	606	930
2	Thuế xuất nhập khẩu	-	2	-
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.771	10.569	6.133
4	Thuế thu nhập cá nhân	80	58	594
5	Thuế nhà thầu	1.247	1.226	1.185
6	Thuế đất	-	-	-
7	Các loại thuế khác	6.619	7.197	7.531

STT	Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	31/12/2023
	Tổng cộng	11.351	19.658	16.373

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022, BCTC tự lập năm 2023 của YTECO)

YTECO luôn nộp đúng và đủ các khoản thuế phải nộp (thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhà thầu...) với Ngân sách Nhà nước theo các quy định của pháp luật và Luật thuế hiện hành.

2.1.6 Trích lập các quỹ

Công ty thực hiện trích lập các quỹ dựa trên cơ sở lợi nhuận hàng năm và kế hoạch phát triển của Công ty theo đúng Điều lệ Công ty và Luật định. Mức trích lập cụ thể cho từng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị.

Bảng 22: Số dư các quỹ

DVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	31/12/2023
1	Quỹ đầu tư phát triển (***)	-	-	-
2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7	-	-
	Tổng cộng	7	-	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022, BCTC tự lập năm 2023 của YTECO)

(***) Ngày 20/12/2021, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã thông qua Tờ trình về việc chuyển quỹ Quỹ đầu tư phát triển đã được trích lập sang bù lỗ các khoản lỗ chưa phân phối. Căn cứ quy định pháp luật hiện hành và quyết định của ĐHDCĐ, YTC đã chuyển 22,76 tỷ đồng từ Quỹ đầu tư phát triển sang Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. (Số dư Quỹ đầu tư phát triển tại ngày 31/12/2020 là 22.764.099.034 VND được hình thành lũy kế từ lợi nhuận chưa phân phối các năm trước và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua việc trích lập từ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sang Quỹ đầu tư phát triển từng năm.)

2.1.7 Thông tin về những biến động lớn có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm 31/12/2023

Không có.

2.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 23: Các chỉ tiêu tài chính

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2023
1	Khả năng thanh toán			
1.1	Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	0,97	1,00
1.2	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,86	0,91
2	Cơ cấu vốn			
2.1	Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	Lần	0,96	0,96
2.2	Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	Lần	27,50	22,73
3	Năng lực hoạt động			
3.1	Vòng quay tổng tài sản	Lần	0,80	0,60
3.2	Vòng quay vốn lưu động	Lần	0,86	0,64

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2023
3.3	Vòng quay hàng tồn kho	Lần	5,52	5,52
4	Khả năng sinh lời			
4.1	Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS)	%	4,70	1,28
4.2	Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA)	%	3,78	0,76
4.3	Lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	195,04	19,77
4.4	Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng	10.388	2.308

(Nguồn: Tổng hợp từ BCTC kiểm toán năm 2021, 2022, BCTC tự lập năm 2023)

Ghi chú: Số liệu năm 2021 được lấy theo số liệu điều chỉnh hồi tố tại cột số đầu năm trên BCTC kiểm toán năm 2022. Các chỉ tiêu tài chính trong một thời kỳ (ROA, ROE, Vòng quay tổng tài sản, Vòng quay vốn lưu động, Vòng quay hàng tồn kho) được tính theo số liệu bình quân trong kỳ.

- Ý kiến của tổ chức kiểm toán độc lập: không có

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

❖ Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán:

- Công ty kiểm toán: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

- Ý kiến kiểm toán viên:

"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp".

❖ Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán:

- Công ty kiểm toán: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

- Ý kiến kiểm toán viên:

"Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ"

- Năm 2020 Công ty có sự thay đổi Ban điều hành và các thành viên quản lý chủ chốt. Do quy trình theo dõi, quản lý công nợ trước đây chưa chặt chẽ và số lượng khách hàng nhiều nên Ban điều hành chưa thể kiểm tra, đối chiếu để làm rõ một số khoản công nợ có giá trị theo sổ sách như sau:

	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 31/12/2020	Thuyết minh
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	21.521.918.075	49.680.312.781	V.3
Phải thu ngắn hạn khác	27.465.336.046	44.958.529.779	V.5
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17.821.659.948	27.391.334.021	V.15

	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 31/12/2020	Thuyết minh
Phải trả ngắn hạn khác	40.302.295.221	45.702.343.654	V.19

Với các tài liệu và thông tin hiện có tại Công ty, chúng tôi cũng không thể kiểm tra được các khoản công nợ trên bằng các thủ tục kiểm toán khác.”

- Trong năm 2021, Cơ quan thuế TP. Hồ Chí Minh đã gửi một số thông báo yêu cầu Công ty nộp bổ sung tiền thuê đất từ năm 2020 trở về trước với số tiền 10.917.913.254 VND và tiền chậm nộp tiền thuê đất với số tiền là 3.531.322.921 VND. Công ty đã nộp tiền thuê đất bổ sung nhưng chưa phản ánh vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh tiền thuê đất nộp bổ sung và tiền chậm nộp này do đang khiếu nại Cục thuế TP. Hồ Chí Minh. Nếu tiền thuê đất và phạt chậm nộp tiền thuê đất được ghi nhận vào chi phí thì sẽ làm cho lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 giảm 1.085.393.548 VND, năm 2020 giảm 3.657.181.831 VND. Đồng thời chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” (mã số 421) trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 giảm đi 14.449.236.175 VND, tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 giảm đi 13.363.842.627 VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại phần “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi xin lưu ý người đọc thuyết minh số VII.1 trong Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp về việc Thanh tra TP. Hồ Chí Minh đang đề nghị Công ty nộp thuế nhà thầu cho các hợp đồng nhập khẩu ủy thác có bao gồm dịch vụ lắp đặt. Công ty đang phối hợp với đơn vị nhập khẩu kiểm tra lại các hợp đồng này và đã thực hiện khiếu nại kết luận của Thanh tra TP. Hồ Chí Minh. Trường hợp phải nộp thuế nhà thầu, Công ty sẽ yêu cầu đơn vị nhập khẩu hoàn lại tiền thuế nhà thầu phải nộp.”

- ❖ **Giải thích về ý kiến ngoại trừ và nhấn mạnh trên BCTC đã kiểm toán cho niên độ kết thúc ngày 31/12/2021 của YTECO**

- (1) Về ý kiến ngoại trừ liên quan đến công nợ phải thu và phải trả chưa rõ ràng cần thêm thời gian kiểm tra và đối chiếu:

Công ty giải thích về ý kiến ngoại trừ như sau:

Trong năm 2020, Công ty có sự thay đổi lớn trong Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các thành viên quản lý chủ chốt. Tại thời điểm thay đổi, Ban điều hành và đội ngũ kế toán mới tiến hành nhận bàn giao lại số liệu kèm hồ sơ sổ sách chứng từ, tuy nhiên Ban điều hành mới nhận thấy thực trạng là các quy trình theo dõi và quản lý công nợ rất lỏng lẻo và phải có thời

gian để kiểm tra hồ sơ sổ sách đối chiếu với các đối tác cho từng đối tượng công nợ nhằm làm rõ số liệu của từng đối tượng.

Vì số lượng đối tượng công nợ của Công ty là rất lớn, gần 2.000 đối tượng khi tiếp nhận, hồ sơ lưu trữ của đội ngũ kế toán cũ không theo dõi khoa học và rõ ràng, vì vậy, việc kiểm tra đối chiếu của đội ngũ kế toán mới mất rất nhiều thời gian. Đội ngũ kế toán mới khoanh vùng kiểm tra theo thứ tự ưu tiên các đối tượng công nợ lớn hoặc nghi ngờ có rủi ro nhiều trước và lần lượt theo thứ tự đến các đối tượng có số dư nhỏ, lẻ, ít rủi ro. Tính đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021, số lượng công nợ đã kiểm tra đối chiếu rõ ràng cũng đã chiếm phần lớn trong tổng giá trị công nợ, tuy nhiên Ban điều hành mới của Công ty vẫn phải tiếp tục kiểm tra đối chiếu để làm rõ số liệu và thay đổi quy trình kiểm soát công nợ chặt chẽ hơn.

Tính đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính kiểm toán cho niên độ năm 2022, chúng tôi đã hoàn tất việc kiểm tra đối chiếu các công nợ chưa rõ ràng nói trên và điều chỉnh các ghi nhận trên sổ sách kế toán phù hợp với hướng dẫn của chế độ chuẩn mực kế toán. Vì vậy tại Báo cáo kiểm toán của Báo cáo tài chính niên độ 2022, Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần và không còn ý kiến ngoại trừ về vấn đề trên.

(2) Về ý kiến ngoại trừ liên quan đến việc khoản truy thu tiền thuê đất từ năm 2020 về trước và tiền chậm nộp tương ứng:

Công ty giải thích về ý kiến ngoại trừ như sau:

Trong năm 2021, Công ty nhận được một số thông báo của Cơ quan thuế TP. Hồ Chí Minh yêu cầu Công ty nộp bổ sung tiền thuê đất từ năm 2020 trở về trước đối với khu đất tại địa chỉ số 76 Sương Nguyệt Ánh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh và 24 đường 17, Phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức với tổng tiền thuê đất từ năm 2020 trở về trước là 10.917.913.254 VND và tiền chậm nộp tiền thuê đất là 3.531.322.921 VND (đây là các số tiền thuê đất được miễn giảm cho giai đoạn năm 2013-2014 và năm 2017-2020 theo quy định pháp luật tại các thời điểm đó với điều kiện Công ty sử dụng đất đúng mục đích được giao).

Trong quá trình sử dụng khu đất từ năm 2013 đến nay, Công ty hoàn toàn sử dụng 2 khu đất trên theo đúng mục đích sử dụng đất được giao, cụ thể, khu đất tại số 76 Sương Nguyệt Ánh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh sử dụng làm văn phòng làm việc của Công ty và khu đất tại số 24 đường 17, Phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức sử dụng làm kho hàng xuất nhập khẩu phục vụ hoạt động kinh doanh. Do đó, việc Công ty được giảm tiền sử dụng đất tại giai đoạn năm 2013-2014 và 2017-2020 là hoàn toàn đúng theo luật định. Bên cạnh đó, việc Cục Thuế TP. Hồ Chí Minh ban hành các văn bản thu hồi lại các văn bản giảm tiền thuê đất khi chưa thực hiện việc kiểm tra quá trình sử dụng đất của Công ty là chưa phù hợp.

Căn cứ vào các văn bản nêu trên của Cục Thuế TP. Hồ Chí Minh, chi Cục Thuế Quận 1 và chi Cục Thuế Quận Thủ Đức đã phát hành các thông báo yêu cầu YTECO thực hiện việc nộp tiền thuê đất bổ sung và lãi chậm nộp. Để tránh việc tài khoản Công ty bị phong tỏa, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, YTECO đã phải đi vay tiền để tạm nộp tiền thuê sử dụng đất. Tuy nhiên như đã trình bày trên vì Công ty hoàn toàn sử dụng đất đúng mục đích do đó Công ty không đồng ý các chi phí này và đã làm các đơn khiếu nại đến Cục Thuế TP. Hồ Chí

Minh và đang được thụ lý xem xét. Vì những lý do trên, Công ty đã không đồng ý hạch toán vào sổ sách tại thời điểm chốt báo cáo 31/12/2021 như một khoản chi phí hay hồi tố điều chỉnh về đúng niên độ.

Tính đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính kiểm toán cho niên độ 2022, mặc dù Công ty vẫn tiếp tục làm việc với cơ quan chức năng về việc khiếu nại và bước đầu có những kết quả khả quan, tuy nhiên Công ty vẫn phải chờ các cơ quan chức năng tiếp tục xem xét vì vậy Công ty căn cứ vào các văn bản và tình huống hiện tại để tạm thời ghi nhận các chi phí này vào đúng năm tài chính phát sinh, điều chỉnh hồi tố số liệu Báo cáo tài chính các năm trước, cụ thể Công ty đã trình bày việc điều chỉnh này tại các Thuyết minh số 1.5, V.22, VII.3 của Báo cáo tài chính niên độ 2022 kiểm toán.

Căn cứ việc điều chỉnh của Công ty như trên nên tại Báo cáo kiểm toán của Báo cáo tài chính niên độ 2022, Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần và không còn ý kiến ngoại trừ về vấn đề trên.

(3) **Về ý kiến nhấn mạnh liên quan đến khoản thuế nhà thầu cho các hợp đồng ủy thác có bao gồm dịch vụ lắp đặt:**

Công ty giải thích về ý kiến nhấn mạnh như sau:

Trong năm 2021, Thanh Tra TP. Hồ Chí Minh đã thực hiện việc thanh tra hoạt động của YTECO. Ngày 14/07/2021, Thanh tra TP. Hồ Chí Minh đã ban hành Kết luận số 04/KL-TTTP-P6. Tại trang 21, mục 2.1.5 “Về thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước” của kết luận thanh tra có nêu: “*Qua đó xác định số thuế nhà thầu nước ngoài phải truy thu: 15.941.126.143 đồng ...*” – Chi tiết tại phụ lục 10 của Kết luận thanh tra (dòng 2,3 của bảng số liệu) có thể hiện số thuế giá trị gia tăng nhà thầu trang thiết bị là 8.463.015.069 đồng và số thuế thu nhập doanh nghiệp nhà thầu trang thiết bị là 5.472.749.745 đồng trong 15,9 tỷ nói trên.

Đây là số thuế nhà thầu được tính toán dựa trên giá trị hàng hóa ủy thác mà YTECO đã nhập khẩu ủy thác thay cho đơn vị ủy thác trong nước. Đối với hoạt động nhập khẩu ủy thác này YTECO đóng vai trò là người làm dịch vụ ủy thác và nhận hoa hồng, YTECO không phải là đơn vị mua hàng hóa dịch vụ của giao dịch. Căn cứ theo quy định tại khoản 2, Điều 4 Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014 của Bộ Tài chính quy định về đối tượng chịu trách nhiệm kê khai và khấu trừ thay cho nhà thầu nước ngoài: “*Tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam, tổ chức đăng ký hoạt động theo pháp luật Việt Nam, tổ chức khác và cá nhân sản xuất kinh doanh: mua dịch vụ, dịch vụ gắn với hàng hóa hoặc trả thu nhập phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng nhà thầu hoặc....*”. Như vậy nếu kết nối điều khoản hợp đồng thể hiện ai là người mua và quy định của Thông tư 103 số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014 thì Công ty cho rằng công ty ủy thác nhập khẩu là người mua thực sự có trách nhiệm kê khai khấu trừ thay nhà thầu nước ngoài (nếu có).

Công ty cũng đã gửi các đơn khiếu nại đối với các nội dung nói trên đến các cơ quan chức năng liên quan và hiện nay cũng đã có những kết quả nhất định đồng thuận với ý kiến của Công ty không phải là đơn vị chịu trách nhiệm nộp thay thuế nhà thầu này cụ thể là đã có kết luận trong tọa đàm với lãnh đạo Cục Thuế TP. Hồ Chí Minh. Ngoài ra, trường hợp phải nộp thuế nhà thầu, Công ty sẽ yêu cầu đơn vị nhập khẩu hoàn lại tiền thuế nhà thầu phải nộp.

Từ các kết luận tại văn bản tọa đàm với lãnh đạo cục thuế nói trên đã cho thấy YTECO không còn rủi ro gì liên quan đến vấn đề thuế nhà thầu này do đó tại Báo cáo kiểm toán của Báo cáo tài chính niên độ 2022, Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần và không còn ý kiến nhấn mạnh về vấn đề trên.

(4) Xác nhận của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Tại Công văn số 586/2023/TCKT-YTC ngày 01/12/2023 của Công ty về việc làm rõ về ý kiến ngoại trừ và nhấn mạnh trên BCTC đã kiểm toán cho niên độ kết thúc ngày 31/12/2021 của YTECO, Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã xác nhận các giải trình tại các Mục (1), (2) và (3) của YTECO là phù hợp với các chứng từ, tài liệu và thông tin mà Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã thu thập được trong quá trình kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 và năm 2022 của YTECO.

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

4.1 Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2024

Bảng 24: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2024

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023		Kế hoạch năm 2024	% tăng/giảm so với năm trước
	Giá trị	% đạt kế hoạch		
Doanh thu thuần	556.385	77,93	714.000	28,3%
Lợi nhuận sau thuế	7.110	80,80	9.679	36,1%
Vốn điều lệ	30.800	32,26	95.458	210%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1,28%	-	1,36%	6,3%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	19,77%	-	8,89%	(55%)
Tỷ lệ cổ tức	-	-	-	-

(Nguồn: YTECO)

4.2 Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

HĐQT sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty thông qua.

4.3 Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên

Kế hoạch kinh doanh năm 2024 của Công ty được xây dựng dựa trên các giả định có tính thận trọng cao về tình hình kinh tế nói chung và hoạt động kinh doanh nói riêng của Công ty. Cụ thể: Công ty đã có những bước triển khai làm việc trong các năm qua với các đối tác lớn, các hãng dược phẩm uy tín như PharmarNord (Đan mạch), IMCD (Hà lan), Fidia (Ý)... để giành được quyền hợp tác phân phối các sản phẩm tại thị trường Việt Nam, bên cạnh vẫn duy trì độc quyền phân phối cho các nhãn hàng mà trước đó Công ty đã dành được quyền phân phối và các hoạt động hiện tại. Theo

như báo cáo tại Đại hội cổ đông, Công ty cũng đã trình bày lợi nhuận năm 2022 tăng đột biến chủ yếu là thu nhập bất thường khác đến từ việc thu hồi các công nợ khó đòi trước đây đã xử lý, còn lợi nhuận thực tế từ hoạt động kinh doanh chính năm 2022 khoảng 10 tỷ, vì vậy kế hoạch đưa ra cho năm 2024 dự kiến tăng nhẹ so với năm 2023 là đạt mục tiêu lợi nhuận trước thuế 12 tỷ và lợi nhuận sau thuế là 9,7 tỷ căn cứ theo tình hình thị trường hiện tại và nguồn lực Công ty đang có hiện nay.

Để đạt được mục tiêu kế hoạch nêu trên, Ban lãnh đạo Công ty đã đề ra những giải pháp thực hiện rõ ràng, mang tính thực tiễn cụ thể sau:

- ***Giải pháp quản trị điều hành***

Bắt đầu triển khai việc chuyển đổi số nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, đơn giản hóa các bước thực hiện công việc.

- ***Giải pháp phát triển thị trường***

- Tích cực tìm kiếm các đối tác mới nhằm bổ sung danh mục sản phẩm tự doanh của Công ty. Về ngắn hạn, tập trung các dòng sản phẩm vật tư y tế và thiết bị y tế dành cho gia đình, và thuốc đã có giấy phép lưu hành tại Việt Nam nhằm đẩy mạnh hoạt động kinh doanh trong ngắn hạn. Về dài hạn, xây dựng danh mục thuốc nhập khẩu, từ các đối tác cung cấp thuốc đến từ Châu Âu, Mỹ nhằm tránh cạnh tranh trực tiếp với các đối thủ có giá thành thấp đến từ Ấn Độ, Hàn Quốc v.v...
- Đối với thị trường bệnh viện, cần mở rộng danh mục hàng cung cấp cho bệnh viện nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động nhờ sự tối ưu về logistics, hỗ trợ thủ tục, và quản lý công nợ.
- Tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng tại kho Thủ Đức nhằm nâng cao năng lực nhằm mở rộng hợp tác với các công ty đa quốc gia.
- Mở rộng các phương án hợp tác với các doanh nghiệp ở các tỉnh thành, nơi hệ thống phân phối của Công ty còn yếu hoặc chưa vươn tới.

- ***Giải pháp về tái cấu trúc, xây dựng nguồn nhân lực***

- Tập trung xây dựng bộ máy nhân viên kinh doanh trực tiếp của Công ty nhằm hỗ trợ mảng kinh doanh sản phẩm tự doanh của Công ty.
- Xây dựng chính sách lương thưởng phù hợp với từng bộ phận, mang tính cạnh tranh với thị trường nhằm thu hút nhân sự có năng lực phù hợp.
- Nghiên cứu các phương án vận chuyển nhằm tối ưu hóa mạng lưới phân phối. Đảm bảo công tác giao nhận và thu tiền về cho doanh nghiệp.

- ***Giải pháp về nguồn vốn, quản lý***

- Rà soát, quản lý chặt chẽ chi phí vận hành, nhằm giảm thiểu các chi phí không đáng có.
- Tăng cường quản trị rủi ro để hoạt động doanh nghiệp an toàn và hiệu quả, đặc biệt chú trọng công tác quản lý công nợ và hàng tồn kho.
- Tích cực làm việc với các đối tác ngân hàng nhằm đảm bảo nguồn vốn lưu động phục vụ cho việc phát triển hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Công ty nhất thiết cần phải thực hiện việc tăng vốn điều lệ để có thể đảm bảo một cấu trúc vốn hợp lý, đảm bảo sự ổn định nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh.

4.4 Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Là đơn vị tư vấn tài chính chuyên biệt, Công ty Cổ phần Chứng khoán SBS đã thu thập các thông tin, tiến hành nghiên cứu phân tích và đánh giá về hoạt động của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Thành Phố Hồ Chí Minh.

Dựa trên kết quả kinh doanh của năm vừa qua cũng như các năm trước đó, năng lực hoạt động của YTECO và triển vọng sắp tới của ngành được và nền kinh tế; chúng tôi cho rằng kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức trong năm tới của YTECO là phù hợp và khả thi nếu như không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 “Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông sáng lập dự định chuyển nhượng cổ phần phổ thông thì không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng cổ phần đó.”

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Thành Phố Hồ Chí Minh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 01/08/2001 theo quy định của Luật doanh nghiệp, đến thời điểm hiện tại cổ phiếu của cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng. Do vậy, Bản cáo bạch này không đề cập đến thông tin cổ đông sáng lập.

2. Thông tin về cổ đông lớn

2.1 Danh sách cổ đông lớn

Bảng 25: Danh sách cổ đông lớn của YTECO

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	893.200	29,00%
2	Công ty TNHH Đầu Tư Sài Gòn 3 CAPITAL	610.840	19,83%
	Tổng cộng	1.504.040	48,83%

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 18/05/2023 của YTECO)

2.2 Thông tin về cổ đông lớn

❖ Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn

- Tên cổ đông: Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (“SAPHARCO”)
- Năm thành lập: 1975
- Số Giấy DKDN: 0300523385
- Quốc tịch: Việt Nam

- Địa chỉ trụ sở chính: 18 – 20 Nguyễn Trường Tộ, Phường 13, Quận 4, TP.HCM
- Vốn điều lệ: 445.149.000.000 đồng.
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Việt Hùng, chức vụ: Tổng Giám đốc.
- Người đại diện theo ủy quyền tại Tổ Chức Phát hành:
+ Ông Lê Văn Thiện, chức vụ: Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán - Tài chính
- Số lượng cổ phần sở hữu (theo danh sách cổ đông chốt tại thời điểm gần nhất – 18/05/2023 - của Công ty do VSD cung cấp): 893.200 cổ phần và tỷ lệ sở hữu 29,00%.
- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn và những người có liên quan của Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn:

STT	Đối tượng	Mối quan hệ	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch (đồng)	Điều khoản quan trọng khác của hợp đồng	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
1	Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	Cổ đông lớn, Tổ chức có liên quan với ông Lê Văn Thiện – Phó Chủ tịch HĐQT	Hợp đồng mua bán số 075/HĐMB/SGP-YTC ngày 10/07/2023	5.253.807.232	Không có	HDQT
2	Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	Cổ đông lớn, Tổ chức có liên quan của Ông Lê Văn Thiện – Phó Chủ tịch HĐQT	Hợp đồng nguyên tắc số 156/2023/HĐMB/YTC-SPC ngày 10/07/2023	Chưa xác định	Không có	HDQT

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành: Nhận được lợi nhuận được chia theo tỷ lệ sở hữu tương ứng.
- Cổ đông lớn có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành (nếu có):

STT	Tên doanh nghiệp	Tỷ lệ sở hữu	Mối quan hệ của doanh nghiệp khác với TCPH	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ của cổ đông lớn của TCPH và những người liên quan của họ với doanh nghiệp (chức vụ, tỷ lệ sở hữu)	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
1	Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Thành	49%	Kinh doanh trong cùng lĩnh vực	Kinh doanh thuốc	SAPHARCO sở hữu 49% tại CTCP Dược Phẩm Bến Thành. Ông Võ Đình Ích, Trưởng Phòng Pháp chế đầu tư của SAPHARCO, giữ chức vụ:	Các giao dịch với TCPH được thông qua theo quy định của

STT	Tên doanh nghiệp	Tỷ lệ sở hữu	Mối quan hệ của doanh nghiệp khác với TCPH	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ của cổ đông lớn của TCPH và những người liên quan của họ với doanh nghiệp (chức vụ, tỷ lệ sở hữu)	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
					Chủ tịch HĐQT và đại diện sở hữu 37% vốn điều lệ. Ông Huỳnh Hồng Lam, Trưởng Phòng Hành chính Quản trị của SAPHARCO, giữ chức vụ: Thành viên HĐQT và đại diện sở hữu 12% vốn điều lệ.	Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty
2	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Dược Phẩm Chợ Lớn	49%	Kinh doanh trong cùng lĩnh vực	Kinh doanh thuốc	SAPHARCO sở hữu 49% tại CTCP Xuất nhập khẩu Dược Phẩm Chợ Lớn. Ông: Lê Thanh Điền, Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy công ty của SAPHARCO, giữ chức vụ: Thành viên HĐQT và đại diện sở hữu 32% vốn điều lệ. Bà Trần Thị Mỹ Xuân, Chánh văn phòng Đảng ủy công ty của SAPHARCO, giữ chức vụ: Thành viên HĐQT và đại diện sở hữu 17% vốn điều lệ.	Các giao dịch với TCPH được thông qua theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty
3	Công ty Cổ phần Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic	43,44%	Kinh doanh trong cùng lĩnh vực	Kinh doanh thuốc	SAPHARCO sở hữu 43,44% tại CTCP Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic. Ông Lê Việt Hùng, Tổng Giám đốc của SAPHARCO, giữ chức vụ: Chủ tịch HĐQT và đại diện sở hữu 21,44% vốn điều lệ. Ông Trần Đức Thắng, Trưởng Phòng Quản lý dược của SAPHARCO, giữ chức vụ: Thành viên HĐQT và đại diện sở hữu 11% vốn điều lệ. Ông Nguyễn Huy Cường, Thành viên chuyên trách HĐQT của SAPHARCO, giữ chức vụ: Thành viên HĐQT và đại diện sở hữu 11% vốn điều lệ.	Các giao dịch với TCPH được thông qua theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty
4	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Định	40%	Kinh doanh trong cùng lĩnh vực	Kinh doanh thuốc	SAPHARCO sở hữu 40% tại CTCP Dược phẩm Gia Định. Ông Lê Thanh Hùng, Phó Trưởng Phòng Marketing truyền thông của SAPHARCO, giữ chức vụ: Thành viên HĐQT và đại	Các giao dịch với TCPH được thông qua theo quy định của Luật doanh nghiệp và

STT	Tên doanh nghiệp	Tỷ lệ sở hữu	Mối quan hệ của doanh nghiệp khác với TCPH	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ của cổ đông lớn của TCPH và những người liên quan của họ với doanh nghiệp (chức vụ, tỷ lệ sở hữu)	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
					điện sở hữu 40% vốn điều lệ.	Điều lệ của Công ty
5	Công ty Cổ phần Dược Phẩm Quận 10	40%	Kinh doanh trong cùng lĩnh vực	Kinh doanh thuốc	SAPHARCO sở hữu 40% tại CTCP Dược Phẩm Quận 10. Ông Đỗ Trương Hoàng Thiện, Trưởng Phòng Tổ chức Nhân sự của SAPHARCO, giữ chức vụ: Phó Chủ tịch HĐQT và đại diện sở hữu 25% vốn điều lệ. Bà Huỳnh Kim Hào, Phó Trưởng Phòng Kinh doanh của SAPHARCO, giữ chức vụ: Thành viên HĐQT và đại diện sở hữu 15% vốn điều lệ.	
6	Công ty Cổ phần Dược Phẩm Quận 3	35%	Kinh doanh trong cùng lĩnh vực		SAPHARCO sở hữu 35% tại CTCP Dược Phẩm Quận 3. Bà Nguyễn Thụy Tường Linh, Phó Bí thư thường trực Đảng ủy công ty của SAPHARCO, giữ chức vụ: Chủ tịch HĐQT và đại diện sở hữu 20% vốn điều lệ. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình, Phó Trưởng Phòng Kế toán Tài chính của SAPHARCO, giữ chức vụ: Thành viên HĐQT và đại diện sở hữu 15% vốn điều lệ.	Các giao dịch với TCPH được thông qua theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty
7	Công ty Cổ phần Dược Phẩm & Dịch vụ Y tế Khánh Hội	34%	Kinh doanh trong cùng lĩnh vực	Kinh doanh thuốc	SAPHARCO sở hữu 34% tại CTCP Dược Phẩm & Dịch vụ Y tế Khánh Hội. Ông Trương Quốc Hùng, Trưởng Phòng Kinh doanh của SAPHARCO, giữ chức vụ: Thành viên HĐQT và đại diện sở hữu 34% vốn điều lệ.	Các giao dịch với TCPH được thông qua theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty
8	Công ty Cổ phần Dược Phẩm và Sinh học Y tế	31,24%	Kinh doanh trong cùng lĩnh vực	Kinh doanh thuốc	SAPHARCO sở hữu 31,24% tại CTCP Dược Phẩm và Sinh học Y tế. Ông Trịnh Đào Cung, Phó Tổng Giám đốc của SAPHARCO, giữ chức vụ: Phó Chủ tịch HĐQT và đại diện sở hữu 31,24% vốn điều lệ.	Các giao dịch với TCPH được thông qua theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty

STT	Tên doanh nghiệp	Tỷ lệ sở hữu	Mối quan hệ của doanh nghiệp khác với TCPH	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ của cổ đông lớn của TCPH và những người liên quan của họ với doanh nghiệp (chức vụ, tỷ lệ sở hữu)	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
						Điều lệ của Công ty
9	Công ty Cổ phần Phân Phối Dược Sài Gòn	29%	Kinh doanh trong cùng lĩnh vực	Kinh doanh thuốc	SAPHARCO sở hữu 29% tại CTCP Phân Phối Dược Sài Gòn. Ông Đỗ Quốc Thái, Nhân viên kinh doanh Chi nhánh Resantis Việt Nam của SAPHARCO, giữ chức vụ: Chủ tịch HĐQT và đại diện sở hữu 29% vốn điều lệ.	Các giao dịch với TCPH được thông qua theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty
10	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đông Dược 5	20,25%	Kinh doanh trong cùng lĩnh vực	Kinh doanh thuốc	SAPHARCO sở hữu 20,25% tại CTCP Dược phẩm Đông Dược 5. Bà Phan Võ Tuyết Vân, Phó Trưởng Phòng Tổ chức Nhân sự của SAPHARCO, đại diện sở hữu 20,25% vốn điều lệ.	Các giao dịch với TCPH được thông qua theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty
11	Công ty Cổ phần Dược Phẩm 3/2	15%	Kinh doanh trong cùng lĩnh vực	Kinh doanh thuốc	SAPHARCO sở hữu 15% tại CTCP Dược Phẩm 3/2. Bà Nguyễn Thanh Thảo, Phó Trưởng Phòng Hành chính Quản trị của SAPHARCO, giữ chức vụ: Thành viên HĐQT và đại diện sở hữu 15% vốn điều lệ.	Các giao dịch với TCPH được thông qua theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty
12	Công ty Cổ phần Dược phẩm 2/9	14,50%	Kinh doanh trong cùng lĩnh vực	Kinh doanh thuốc	SAPHARCO sở hữu 14,50% tại CTCP Dược phẩm 2/9. Ông Hoàng Xuân Minh Trí, Phó Tổng Giám đốc của SAPHARCO, giữ chức vụ: Thành viên HĐQT và đại diện sở hữu 14,5% vốn điều lệ.	Các giao dịch với TCPH được thông qua theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty
13	Công ty Cổ phần Dược Phẩm Phú Thọ	14,29%	Kinh doanh trong cùng lĩnh vực	Kinh doanh thuốc	SAPHARCO sở hữu 14,29% tại CTCP Dược Phẩm Phú Thọ. Ông Văn Trần Quang, Trưởng Phòng Kho vận của SAPHARCO, giữ chức vụ: Thành viên HĐQT và đại diện sở hữu 14,29% vốn điều lệ.	Các giao dịch với TCPH được thông qua theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty

❖ Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 CAPITAL

- Tên cổ đông: Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 CAPITAL.
- Năm thành lập: 2016
- Số Giấy ĐKDN: 0313632180
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ trụ sở chính: 06 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Vốn điều lệ: 690.000.000.000 đồng.
- Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Việt Lan Anh, chức vụ: Tổng Giám đốc.
- Người đại diện theo ủy quyền tại Tổ Chức Phát hành (nếu có): Không có.
- Số lượng cổ phần sở hữu (theo danh sách cổ đông chốt tại thời điểm gần nhất – 18/05/2023 – của Công ty do VSD cung cấp): 610.840 cổ phần và tỷ lệ sở hữu 19,83%.
- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 CAPITAL và những người có liên quan của Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 CAPITAL:

STT	Đối tượng	Mối quan hệ	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Điều khoản quan trọng khác của hợp đồng	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
1	Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết	Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 CAPITAL sở hữu 40,71%	Hợp đồng nhà phân phối, Hợp đồng hợp tác đầu thầu	Không quy định	Không có	HDQT
2	Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 CAPITAL	Cổ đông lớn	Hợp đồng cho vay	71,94	Không có	HDQT

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành: Nhận được lợi nhuận được chia theo tỷ lệ sở hữu tương ứng.
- Cổ đông lớn có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành:

STT	Tên doanh nghiệp	Mối quan hệ của doanh nghiệp khác với TCPH	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ của cổ đông lớn của TCPH và những người liên quan của họ với doanh nghiệp (chức vụ, tỷ lệ sở hữu)	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
1	Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết	Hoạt động cùng lĩnh vực với TCPH	Sản xuất các loại băng, gạc y tế. Sản xuất các loại băng y tế, băng vệ sinh phụ nữ và các sản phẩm khác từ bông băng. Sản xuất khẩu trang, khẩu trang sử dụng một lần và khẩu trang y tế.	Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 CAPITAL, sở hữu: 40,71% tại CTCP Bông Bạch Tuyết. Ông Nguyễn Khánh Linh, Chủ tịch Hội đồng thành viên của Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 CAPITAL, giữ chức vụ: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng	Các giao dịch với TCPH được thông qua theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty

STT	Tên doanh nghiệp	Mối quan hệ của doanh nghiệp khác với TCPH	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ của cổ đông lớn của TCPH và những người liên quan của họ với doanh nghiệp (chức vụ, tỷ lệ sở hữu)	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
				Giám đốc của CTCP Bông Bạch Tuyết và sở hữu 0% vốn điều lệ.	

2.3 Số lượng và tỷ lệ cổ phần nắm giữ của cổ đông lớn và người có liên quan hiện tại và dự kiến sau đợt chào bán

(Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống)

Bảng 26: Số lượng và tỷ lệ cổ phần nắm giữ của cổ đông lớn và người có liên quan

TT	Tên	Tại ngày trở thành cổ đông lớn			Tại thời điểm đăng ký chào bán (*)			Dự kiến sau đợt chào bán (**)		
		Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu trên VDL sau đợt chào bán
I	Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	81.200	81.200	29,00%	893.200	893.200	29,00%	2.768.920	2.768.920	29,00%
	Người có liên quan của cổ đông lớn	Không có								
II	Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 CAPITAL	610.840	610.840	19,83%	610.840	610.840	19,83%	1.893.604	1.893.604	19,83%
	Người có liên quan của cổ đông lớn	Không có								

(Nguồn: YTECO)

Ghi chú:

(*): Số lượng cổ phần, tỷ lệ sở hữu cổ phần tại thời điểm đăng ký chào bán: Theo số liệu danh sách cổ đông chốt tại thời điểm gần nhất – ngày 18/05/2023 – do VSD cung cấp cho Công ty.

(**): Số lượng cổ phần nắm giữ sau đợt chào bán dự kiến: tạm tính với giá định YTECO chào bán thành công toàn bộ cổ phần cho cổ đông hiện hữu, các cổ đông lớn và người liên quan của cổ đông lớn đều thực hiện quyền mua cổ phiếu theo tỷ lệ sở hữu của họ trước đợt chào bán. Vốn điều lệ của YTECO sau đợt chào bán tạm tính là: 95.480.000.000 đồng.

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

3.1 Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Khánh Linh	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Lê Văn Thiện	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Ông Phan Minh Trung	Thành viên HĐQT

❖ Ông Nguyễn Khánh Linh – Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Họ và tên: Nguyễn Khánh Linh
- Năm sinh: 1975
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Thạc sỹ
- Năng lực chuyên môn: Tài chính ngân hàng
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác, chức vụ
2002 - 2006	Giảng viên Trường Đại học Ngân hàng TP.Hồ Chí Minh
2006 - 2014	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán Bản Việt
2011 - 2016	Phó Chủ tịch Điều hành HĐQT Công ty Cổ phần Ngoại thương và Phát triển Đầu tư TP.Hồ Chí Minh (Fideco)
20/04/2019 - Tháng 5/2020	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công.
Tháng 2/2022 – nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công.
Tháng 6/2020 - nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế TP.HCM
2018 - nay	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn 3 Group
Tháng 6/2019 – Tháng 2/2021	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết
Tháng 3/2021 - nay	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết
2019 - nay	Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital
Tháng 6/2021 - nay	Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Sài Gòn 3 Jean
Tháng 11/2022 - nay	Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công

- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - + Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công;
 - + Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn 3 Group;
 - + Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết;
 - + Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital;

- + Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Sài Gòn 3 Jean;
- + Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của thành viên:
 - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ Công ty
 - + Người đại diện theo ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ Công ty
 - + Những người có liên quan sở hữu: 763.541 cổ phần, chiếm 24,79% vốn điều lệ Công ty
- Thông tin về người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành:

STT	Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/VDL	Người nội bộ của TCPH
1	Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital	Ông Nguyễn Khánh Linh là Chủ tịch Hội đồng thành viên	610.840	19,83%	Không có
2	Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công	Ông Nguyễn Khánh Linh là Chủ tịch Hội đồng thành viên	152.701	4,96%	Không có

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với thành viên và những người có liên quan của thành viên này (nếu có):

STT	Đối tượng	Mối quan hệ	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Điều khoản quan trọng khác của hợp đồng	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
1	Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết	Tổ chức có liên quan của Ông Nguyễn Khánh Linh	Hợp đồng nhà phân phối số 01/2023/HĐNPP/BBT-YTECO ngày 10/07/2023. Hợp đồng hợp tác đấu thầu số 01/2023/HĐHT/BBT-YTECO ngày 10/07/2023.	Không quy định	Không có	HĐQT
2	Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 CAPITAL	Tổ chức có liên quan của Ông Nguyễn Khánh Linh	Hợp đồng cho vay số 019A/2023/HĐ-CVT/SG3C ngày 11/09/2023.	71,94	Không có	HĐQT

- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác:

Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu thưởng...) nhận được từ TCPH	Năm 2021	Năm 2022	6 tháng đầu năm 2023

- Tiền thù lao (đồng)	-	-	-
- Tiền lương, thưởng, lợi ích khác (đồng)	-	-	-
- Cổ phiếu nhận được theo chương trình phát hành cổ phiếu ESOP	-	-	-

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành (nếu có): Không có.
- Lợi ích liên quan của thành viên tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành (nếu có):

STT	Tên doanh nghiệp	Mối quan hệ của doanh nghiệp khác với TCPH	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ của thành viên và những người liên quan của họ với doanh nghiệp (chức vụ, tỷ lệ sở hữu)	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
1	Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết	Hoạt động cùng lĩnh vực với TCPH	Sản xuất các loại băng, gạc y tế. Sản xuất các loại bông y tế, băng vệ sinh phụ nữ và các sản phẩm khác từ bông băng. Sản xuất khẩu trang, khẩu trang sử dụng một lần và khẩu trang y tế.	Ông Nguyễn Khánh Linh giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc của CTCP Bông Bạch Tuyết, Tỷ lệ sở hữu: 0%. Thông tin người có liên quan tại công ty này: Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital sở hữu 40,71% tại CTCP Bông Bạch Tuyết.	Các giao dịch với TCPH được thông qua theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty

❖ Ông Lê Văn Thiện – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Họ và tên: Lê Văn Thiện
- Năm sinh: 1971
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Đại học
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Chuyên ngành Tài chính
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác, chức vụ
10/1997 – 06/2008	Nhân viên kế toán Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn
07/2008 – 09/2010	Phó trưởng phòng Kế toán Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn
05/2010 - 2014	Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Thành phố Hồ Chí Minh
10/2010 – 12/2011	Trưởng phòng Kế toán tổng hợp – Phó Kế toán trưởng Công ty Dược Sài Gòn
12/2011 – 08/2013	Kế toán trưởng – Giám đốc tài chính Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn

Thời gian	Đơn vị công tác, chức vụ
09/2013 – nay	Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán – Tài chính tại Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn
15/01/2013 - 2015	Đại diện vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Cần Giò
23/04/2014 – 20/04/2019	Đại diện vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Dược phẩm dược liệu Pharmedic và tham gia Hội đồng Quản trị Công ty
23/03/2015 đến nay	Đại diện vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Thành phố Hồ Chí Minh và tham gia thành viên Hội đồng Quản trị Công ty. Bổ nhiệm Phó Chủ tịch HĐQT từ 25/05/2023.

- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán - Tài chính tại Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dược phẩm dược liệu Pharmedic.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của thành viên:
 - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ Công ty
 - + Người đại diện theo ủy quyền: 492.800 cổ phần, chiếm 16% vốn điều lệ Công ty
 - + Những người có liên quan sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ Công ty
- Thông tin về người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với thành viên và những người có liên quan của thành viên này (nếu có):

STT	Đối tượng	Mối quan hệ	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch (đồng)	Điều khoản quan trọng khác của hợp đồng	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
1	Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	Tổ chức có liên quan của Ông Lê Văn Thiện	Hợp đồng nguyên tắc số 156/2023/HĐMB/YTC-SPC ngày 10/07/2023	Chưa xác định	Không có	HĐQT
2	Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	Tổ chức có liên quan của Ông Lê Văn Thiện	Hợp đồng mua bán số 075/HĐMB/SGP-YTC ngày 10/07/2023	5.253.807.232 đồng	Không có	HĐQT

- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác:

Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu thưởng...) nhận được từ TCPH	Năm 2021	Năm 2022	6 tháng đầu năm 2023
- Tiền thù lao (đồng)	-	-	-
- Tiền lương, thưởng, lợi ích khác (đồng)	-	-	-

- Cổ phiếu nhận được theo chương trình phát hành cổ phiếu ESOP	-	-	-
--	---	---	---

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành (nếu có): Không có.
- Lợi ích liên quan của thành viên tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành (nếu có): Không có.

❖ **Ông Phan Minh Trung – Thành viên Hội đồng quản trị**

- Họ và tên: Phan Minh Trung
- Năm sinh: 1981
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Thạc sỹ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Cử nhân Điện tử viễn thông
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác, chức vụ
2003 – 2008	Công ty Điện toán và truyền số liệu (VDC), Trưởng phòng Dự án, Kỹ sư Công nghệ thông tin
02 – 09/2009	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Thành Việt, Phân tích đầu tư
2009 – 2011	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sacombank, Trưởng phòng Đầu tư, Chuyên viên cấp cao
2011 – 2012	Công ty Cổ phần Bamboo Capital, Trưởng phòng đầu tư
2012 – 2016	Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C, Trưởng phòng đầu tư
2018 – 06/2020	Công ty TNHH MTV Gelex Land, Giám đốc Tài chính
07/2020 - 12/2020	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc tài chính
02/2022 – nay	Công ty Cổ phần Chứng Khoán Thành Công, Thành viên HĐQT
12/2020 – nay	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh, Tổng Giám đốc
12/2021 – nay	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh, Thành viên HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của thành viên:
 - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ Công ty
 - + Người đại diện theo ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ Công ty
 - + Những người có liên quan sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ Công ty
- Thông tin về người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với thành viên và những người có liên quan của thành viên

này (nếu có): Không có.

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác:

Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (<i>tiền thưởng, cổ phiếu thưởng...</i>) nhận được từ TCPH	Năm 2021	Năm 2022	6 tháng đầu năm 2023
- Tiền thù lao (đồng)	-	-	-
- Tiền lương, thưởng, lợi ích khác (đồng)	1.013.025.000	1.212.631.818	609.850.000
- Cổ phiếu nhận được theo chương trình phát hành cổ phiếu ESOP	-	-	-

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành (nếu có): Không có.
- Lợi ích liên quan của thành viên tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành (nếu có): Không có.

3.2 Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Hoàng Giang	Trưởng Ban kiểm soát
2	Bà Trương Thị Hồng Nhạn	Thành viên Ban kiểm soát
3	Ông Huỳnh Công Triết	Thành viên Ban kiểm soát

❖ Ông Nguyễn Hoàng Giang – Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên: Nguyễn Hoàng Giang
- Năm sinh: 1980
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Tiến sĩ
- Năng lực chuyên môn: Kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác, chức vụ
3/2010 – 2/2012	Giám đốc khối Tư vấn Tài chính doanh nghiệp Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín
2/2013 – 9/2015	Giám đốc Tư vấn Tài chính doanh nghiệp Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia
6/2015 – 5/2016	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Fideco
10/2015 – 3/2017	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung
3/2017 – 1/2019	Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3
8/2015 – 5/2020	Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bất động sản và Xây dựng Trường Thành
9/2015 – nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân
2020 – nay	Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y Tế Thành phố Hồ Chí Minh
7/2022 – nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn 3 Group

- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Trưởng Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân, Thành viên BKS Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn 3 Group.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của thành viên:
 - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ Công ty
 - + Người đại diện theo ủy quyền: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ Công ty
 - + Những người có liên quan sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ Công ty
- Thông tin về người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa TCPIH với thành viên và những người có liên quan của thành viên này (nếu có): Không có.
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác:

Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu thưởng...) nhận được từ TCPIH	Năm 2021	Năm 2022	6 tháng đầu năm 2023
- Tiền thù lao (đồng)	-	-	-
- Tiền lương, thưởng, lợi ích khác (đồng)	-	-	-
- Cổ phiếu nhận được theo chương trình phát hành cổ phiếu ESOP	-	-	-

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành (nếu có): Không có.
- Lợi ích liên quan của thành viên tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành (nếu có): Không có.

❖ **Bà Trương Thị Hồng Nhạn – Thành viên Ban kiểm soát**

- Họ và tên: Trương Thị Hồng Nhạn
- Năm sinh: 1988
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Đại học
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kế toán Kiểm toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác, chức vụ
2010 – 2015	Nhân viên Kế toán Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3
2015 – 2019	Phó Phòng Kế toán Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3
2019 – nay	Kế toán Trưởng Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3
3/2023 – nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần May Da Sài Gòn
06/2023 – nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng Khoán Thành Công

- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Thành viên Ban kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Kế toán Trưởng Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3, Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần May Da Sài Gòn, Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng Khoán Thành Công.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của thành viên:
 - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ Công ty
 - + Người đại diện theo ủy quyền: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ Công ty
 - + Những người có liên quan sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ Công ty
- Thông tin về người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với thành viên và những người có liên quan của thành viên này (nếu có): Không có.
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác:

Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu thưởng...) nhận được từ TCPH (đồng)	Năm 2021	Năm 2022	6 tháng đầu năm 2023
- Tiền thù lao	-	-	-
- Tiền lương, thưởng, lợi ích khác	-	-	-
- Cổ phiếu nhận được theo chương trình phát hành cổ phiếu ESOP	-	-	-

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành (nếu có): Không có.
- Lợi ích liên quan của thành viên tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành (nếu có): Không có.

❖ **Ông Huỳnh Công Triết – Thành viên Ban kiểm soát**

- Họ và tên: Huỳnh Công Triết
- Năm sinh: 1964
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Đại học
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác, chức vụ
1988 – 1994	Nhân viên Công ty Dược phẩm Calipharco
2006 – 2012	Kế toán Trưởng Công ty Dược phẩm Xuân Phúc
2013 – nay	Kế toán Trưởng Công ty TNHH Robinson Pharma
2018 – 2019	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dược phẩm Cần Giờ
2019 – nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần US Pharma USA
2015 – nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thành phố Hồ Chí Minh

- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Thành viên Ban kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Kế toán Trưởng Công ty TNHH Robinson Pharma, Thành viên BKS Công ty Cổ phần US Pharma USA
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của thành viên:
 - + Cá nhân sở hữu: 600 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ Công ty
 - + Người đại diện theo ủy quyền: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ Công ty
 - + Những người có liên quan sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ Công ty
- Thông tin về người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa TCPH với thành viên và những người có liên quan của thành viên này (nếu có): Không có.
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác:

Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu thưởng...) nhận được từ TCPH	Năm 2021	Năm 2022	6 tháng đầu năm 2023
- Tiền thù lao (đồng)	-	-	-
- Tiền lương, thưởng, lợi ích khác (đồng)	-	-	-
- Cổ phiếu nhận được theo chương trình phát hành cổ phiếu ESOP	-	-	-

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành (nếu có): Không có.
- Lợi ích liên quan của thành viên tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành (nếu có): Không có.

3.3 Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Phan Minh Trung	Tổng Giám đốc
2	Bà Trần Thị Nhân	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng

❖ Ông Phan Minh Trung – Tổng Giám đốc

Xem phần “Hội đồng quản trị”.

❖ Bà Trần Thị Nhân – Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng

- Họ và tên: Trần Thị Nhân
- Năm sinh: 1989
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Đại học
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kế toán kiểm toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác, chức vụ
8/2011 - 9/2015	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C, Trưởng nhóm kiểm toán
8/2015 - 12/2015	Công ty TNHH Liên Thái Bình Dương (IPP group), Trợ lý Giám đốc Tái chính, nhân viên kiểm soát nội bộ

Thời gian	Đơn vị công tác, chức vụ
12/2015 - 4/2016	Công ty TNHH Thực phẩm và Giải khát Cánh Diều Xanh (IPP group), Quyền Kế toán trưởng
5/2016 - 4/2018	Công ty Cổ phần AMA (Việt Nam), Kế toán trưởng
4/2018 - 11/2020	Công ty TNHH May Thêu Thuận Phương, Giám đốc Tài chính
11/2020 - 01/2022	Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế TP. Hồ Chí Minh, Kế toán trưởng
25/01/2022 - 05/2023	Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế TP. Hồ Chí Minh, Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng
06/2023 - nay	Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế TP. Hồ Chí Minh, Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng
06/2023 - nay	Công ty Cổ phần Chứng Khoán Thành Công, Trưởng Ban kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của thành viên:
 - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ Công ty
 - + Người đại diện theo ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ Công ty
 - + Những người có liên quan sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ Công ty
- Thông tin về người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với thành viên và những người có liên quan của thành viên này (nếu có): Không có.
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác:

Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu thưởng...) nhận được từ TCPH	Năm 2021	Năm 2022	6 tháng đầu năm 2023
- Tiền thù lao (đồng)	-	-	-
- Tiền lương, thưởng, lợi ích khác (đồng)	737.718.182	617.889.295	386.290.476
- Cổ phiếu nhận được theo chương trình phát hành cổ phiếu ESOP	-	-	-

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành (nếu có): Không có.
- Lợi ích liên quan của thành viên tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành (nếu có): Không có.

(Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống)

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.

2. Mệnh giá cổ phiếu

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán

Tổng số lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu dự kiến: 6.468.000 cổ phiếu.

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá cho cổ đông hiện hữu dự kiến: 64.680.000.000 đồng.

5. Giá chào bán dự kiến

Giá chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: 20.000 đồng/cổ phiếu.

6. Phương pháp tính giá

Nguyên tắc xác định giá chào bán cho cổ đông hiện hữu được xác định dựa theo:

- (i) Giá trị sổ sách cổ phiếu theo BCTC kiểm toán năm 2022: 10.520 đồng/cổ phiếu.
- (ii) Giá đóng cửa bình quân 30 phiên của cổ phiếu YTC (từ ngày 20/06/2023 đến ngày 31/07/2023): 59.000 đồng/cổ phiếu.

Căn cứ nhu cầu vốn của YTECO và bảo vệ lợi ích của cổ đông cũng như đảm bảo sự thành công của đợt chào bán, ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 đã thông qua giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 20.000 đồng/cổ phiếu.

7. Phương thức phân phối

Chào bán cho cổ đông hiện hữu tương ứng với tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ:

- Cổ phiếu được phân phối theo phương thức thực hiện quyền với tỷ lệ thực hiện quyền là 100: 210 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu thì được hưởng 01 quyền mua, cứ 100 quyền mua thì được mua 210 cổ phiếu mới).
- Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách do VSDC lập tại ngày đăng ký cuối cùng (ngày chốt danh sách cổ đông) để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu.
- Phương thức phân phối: Cổ phiếu được phân phối cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua cổ phiếu.
- Tỷ lệ thực hiện quyền 100: 210 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu thì được hưởng 01 quyền mua, cứ 100 quyền mua thì được mua 210 cổ phiếu mới).
- Phương án làm tròn, xử lý cổ phiếu lẻ: Số cổ phiếu chào bán thêm được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống sẽ được cộng dồn vào số lượng cổ phiếu còn lại chưa được phân phối hết để xử lý.
- Phương án xử lý cổ phiếu còn lại chưa được phân phối hết: Số cổ phiếu còn lại chưa được phân phối hết bao gồm: (1) số cổ phiếu do cổ đông không thực hiện quyền mua; (2) số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống khi tính toán cổ phiếu được mua của cổ đông hiện hữu; (3) số cổ phiếu chênh lệch phát sinh giữa tổng số lượng cổ phiếu xin phép chào bán (6.468.000 cổ phiếu) và tổng số lượng cổ phiếu thực tế phát sinh với tỷ lệ thực hiện quyền (nếu có). HĐQT YTECO được quyền phân phối số cổ phiếu còn lại chưa được phân phối hết cho cổ đông YTECO hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với điều kiện đã chào bán cho cổ đông hiện hữu và số cổ phiếu này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, trừ trường hợp số cổ phiếu này được tổ chức bảo lãnh phát hành mua theo cam kết tại hợp đồng bảo lãnh phát hành. Việc phân phối cổ phiếu chưa bán hết phải đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định tại

Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ và Điều 195 Luật Doanh nghiệp.

HDQT quyết định lựa chọn danh sách nhà đầu tư và quyết định số lượng cổ phiếu chưa được phân phối hết được phân bổ cho từng nhà đầu tư trên cơ sở các tiêu chí cụ thể như sau:

- Cán bộ nhân viên của YTECO.
- Hoặc tổ chức, cá nhân khác có năng lực tài chính (không giới hạn cổ đông YTECO).
- Có tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của nhà đầu tư nước ngoài tại YTECO phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp sau khi HDQT xử lý như trên mà vẫn còn số cổ phiếu chưa được phân phối hết thì Tổ chức bảo lãnh phát hành sẽ nhận mua toàn bộ số cổ phiếu còn lại này với giá 20.000 đồng/cổ phiếu.

8. Thông tin đơn vị bảo lãnh phát hành

- Tên đơn vị bảo lãnh phát hành: Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
- Phương thức bảo lãnh: Bên Bảo Lãnh nhận bảo lãnh phát hành cổ phiếu Công ty Xuất Nhập Khẩu Y Tế Thành phố Hồ Chí Minh theo phương thức:
Cam kết mua toàn bộ số cổ phiếu còn lại chưa được phân phối hết. Trong mọi trường hợp, việc thực hiện cam kết bảo lãnh của Bên Bảo Lãnh sẽ bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan. Cụ thể:
 - + Giá chào bán cổ phiếu ra công chúng: 20.000 đồng/cổ phiếu
 - + Giá chiết khấu cho Bên Bảo Lãnh: 20.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu cam kết bảo lãnh: 6.468.000 cổ phiếu, tương đương 100% tổng số lượng cổ phiếu cam kết bảo lãnh và 100% tổng số cổ phiếu đăng ký chào bán.
- Các điều khoản trong hợp đồng cho phép tổ chức bảo lãnh phát hành rút cam kết sau khi đợt chào bán bắt đầu: Sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng và đợt chào bán đảm bảo tuân thủ theo Luật Chứng khoán, YTC và MBS không có điều khoản nào trong hợp đồng cho phép tổ chức bảo lãnh rút cam kết.
- Các điều khoản quan trọng khác: Không có.
- Công ty Cổ phần Chứng khoán MB cam kết tuân thủ quy định tại Khoản 4, Khoản 6 Điều 28 Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về việc quy định về hoạt động của công ty chứng khoán.

9. Đăng ký mua cổ phiếu

- ❖ **Số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối thiểu:**
Không quy định.
- ❖ **Thời hạn đăng ký:**
Sau khi được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng, YTECO sẽ thông báo thời gian đăng ký mua cụ thể cho cổ đông hiện hữu tại bản Thông báo phát hành cổ phiếu và đảm bảo thời hạn đăng ký mua cổ phiếu tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
- ❖ **Phương thức xử lý trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu (nếu có):**
Không quy định.
- ❖ **Phương thức đăng ký và thanh toán:**
 - Đối với cổ đông đã lưu ký:
 - Cổ đông làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký mua tại các Thành viên lưu ký (TVLK) nơi mở tài khoản lưu ký.

- Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện hết hiệu lực.
- Đối với cổ đông chưa lưu ký: Cổ đông làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký mua tại Trụ sở Công ty.
- Tiền mua cổ phiếu được chuyển vào tài khoản phong tỏa của Công ty.
- ❖ **Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu:**
Không quy định.

10. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Thời gian phân phối dự kiến: Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty có hiệu lực. Trong trường hợp Công ty không thể hoàn thành việc phân phối cổ phiếu trong thời hạn 90 ngày, Công ty sẽ đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn thời gian phân phối cổ phiếu nhưng tối đa không quá 30 ngày.

Lịch trình phân phối cổ phiếu dự kiến được thực hiện theo trình tự như sau:

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện dự kiến
1	Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng có hiệu lực.	D
2	Thông báo cho VSD về việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu.	D + 3
3	Công bố thông tin việc chào bán trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định	D + 3 đến D + 7
4	Ngày đăng ký cuối cùng	D + 13
5	Cổ đông đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu, chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu (nếu có)	D + 17 đến D + 38
7	VSD gửi danh sách tổng hợp nhà đầu tư đăng ký mua cổ phiếu phát hành thêm	D + 40
8	HDQT phân phối số cổ phiếu còn lại chưa được phân phối hết (nếu có)	D + 41 đến D + 52
9	Báo cáo kết quả phát hành với UBCKNN	D + 53 đến D + 56
10	Thực hiện thủ tục đăng ký chứng khoán bổ sung, đăng ký giao dịch bổ sung đối với cổ phiếu phát hành thêm	D+60 đến D + 80

Ghi chú: Lịch trình phân phối cổ phiếu sẽ được YTECO thông báo chính thức sau khi YTECO nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu do UBCKNN cấp.

Chuyển giao cổ phiếu:

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt phát hành, Công ty sẽ thực hiện thay đổi đăng ký chứng khoán với VSD và thay đổi đăng ký giao dịch với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Sau khi Công ty hoàn thành thay đổi đăng ký chứng khoán với VSD, cổ phiếu phát hành thêm sẽ được phân bổ như sau:

- Đối với cổ đông đã lưu ký chứng khoán: VSD phân bổ vào tài khoản chứng khoán của các cổ đông.
- Đối với cổ đông chưa lưu ký chứng khoán: Công ty sẽ cấp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần phát hành thêm tại Trụ sở của Công ty trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

- Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu là cổ phiếu phổ thông và được tự do chuyển nhượng.
- Số cổ phiếu còn lại chưa được phân phối hết được HĐQT phân phối lại cho đối tượng khác bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
- Trong trường hợp HĐQT chưa bán hết số cổ phiếu còn lại chưa được phân phối hết, Tổ chức bảo lãnh phát hành cam kết nhận mua toàn bộ số cổ phiếu còn lại chưa được phân phối hết trong đợt chào bán thêm cổ phiếu này của Công ty, số cổ phiếu do Tổ chức bảo lãnh phát hành mua theo cam kết tại hợp đồng bảo lãnh phát hành sẽ không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Quyền mua cổ phiếu được phép chuyển nhượng: Người sở hữu quyền mua có thể chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác theo thỏa thuận của hai bên. Quyền mua chỉ được chuyển nhượng 01 lần trong thời gian quy định và không chuyển nhượng cho người thứ ba. Các đối tượng nhận chuyển nhượng quyền mua phải công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu theo quy định liên quan.
- Cổ đông và nhà đầu tư lưu ý về việc YTECO tỷ lệ sở hữu nước ngoài bằng không, vì vậy cổ đông hiện hữu sẽ không được chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu cho nhà đầu tư nước ngoài (*nội dung này đã được nêu ở Mục VII.15*).

12. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán này sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa do YTECO mở tại ngân hàng theo thông tin chi tiết như sau:

- Tên chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Thành Phố Hồ Chí Minh
- Số tài khoản: 1040137905
- Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP.HCM

13. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Không có.

14. Hủy bỏ đợt chào bán

Đợt chào bán này là đợt chào bán có Tổ chức bảo lãnh phát hành cam kết nhận mua đối với số cổ phiếu không phân phối hết. Tổ chức bảo lãnh phát hành cam kết thực hiện bảo lãnh phát hành theo phương thức nhận mua số cổ phiếu còn lại chưa được phân phối hết trong đợt chào bán thêm cổ phiếu này của Công ty. Đồng thời đợt chào bán này, số tiền thu được từ đợt chào bán không được sử dụng để thực hiện dự án. Do vậy:

- Đợt chào bán bị hủy bỏ trong trường hợp số lượng cổ phiếu được bán cho các nhà đầu tư không đạt tối thiểu: Không quy định.
- Thời hạn, phương thức thu hồi và hoàn trả tiền cho nhà đầu tư: Không quy định.

15. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Theo Công văn số 5798/UBCK-PTTT ngày 29/08/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 0%.

Theo danh sách cổ đông được Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam chốt gần nhất ngày 18/05/2023, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty là 1,1%.

- Đối với đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu này của Công ty, nếu tất cả các cổ đông hiện hữu đều thực hiện quyền mua theo tỷ lệ cổ phiếu sở hữu thì sẽ không làm thay đổi tỷ lệ

sở hữu nước ngoài tại Công ty. Cổ đông hiện hữu là nhà đầu tư nước ngoài được quyền mua thêm cổ phiếu phát hành trong đợt chào bán này theo tỷ lệ thực hiện quyền mua theo quy định tại khoản 5 Điều 139 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

- Đối với trường hợp chuyển nhượng quyền mua của cổ đông hiện hữu: Cổ đông nước ngoài và nhà đầu tư nước ngoài không được nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu trong đợt chào bán này.
- Đối với số cổ phiếu còn lại chưa được phân phối hết: Hội đồng quản trị cam kết chỉ phân phối số cổ phiếu này cho nhà đầu tư trong nước.

16. Các loại thuế có liên quan

16.1 Thuế liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp

❖ Thuế giá trị gia tăng

- Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

❖ Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Căn cứ điểm 5, điều 11, Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 hướng dẫn về thuế TNDN tại Nghị định 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ: Công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN là 10% đối với thu nhập của doanh nghiệp từ hoạt động bán điện năng lượng tái tạo ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Các hoạt động khác Công ty nộp thuế TNDN với thuế suất 20%.

❖ Các loại thuế khác

Các loại thuế khác như: Thuế xuất nhập khẩu, thuế tài nguyên, thuế môn bài, thuế trước bạ, thuế thu nhập cá nhân... Công ty đã thực hiện theo đúng các quy định hiện hành tại Việt Nam. Quyết toán thuế sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

16.2 Thuế liên quan đến nhà đầu tư, cổ đông của Công ty

❖ Đối với nhà đầu tư cá nhân

a. Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán

Đối với nhà đầu tư trong nước: Căn cứ theo Thông tư 25/2018/TT-BTC có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/05/2018; Điều 4, Sửa đổi, bổ sung điểm b Khoản 4 Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính thì thuế thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

Đối với nhà đầu tư nước ngoài: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế TNCN là 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.

b. Thu nhập từ cổ tức

Trong trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức từ Công ty, nếu cổ tức được chia là cổ tức tiền mặt thì Thuế TNCN được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%.

Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, tuy nhiên khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phần này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế quy định tại Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ về hướng dẫn Luật quản lý thuế và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thuế thu nhập cá nhân và Nghị định 65/2013/NĐ-CP do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.

❖ Đối với nhà đầu tư tổ chức

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

+ Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

+ Riêng đối với doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.

- *Thu nhập từ cổ tức:*

Theo quy định tại Khoản 6 Điều 8 Thông tư 78/2014/TT-BTC thu nhập từ cổ tức nhận được từ góp vốn từ doanh nghiệp trong nước, nếu đơn vị nhận vốn góp đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của phần cổ tức đó. Thì cổ tức nhận được thuộc các khoản thu nhập được miễn thuế TNDN khi xác định thu nhập tính thuế.

17. Thông tin về các cam kết

Cam kết sẽ triển khai việc đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Thành Phố Hồ Chí Minh cam kết sẽ triển khai việc đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty (mã chứng khoán: YTC) trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc chào bán theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 15 và khoản 2 Điều 29 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Cam kết điều chỉnh nhân sự phù hợp với Luật Kế toán: Ngày 25/05/2023 HĐQT đã bổ nhiệm Bà Trần Thị Nhân giữ vị trí Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty. Do chưa tìm được ứng cử viên phù hợp với chức danh Kế toán trưởng do đó tạm thời Bà Trần Thị Nhân vẫn kiêm nhiệm vị trí Kế toán trưởng. Tuy nhiên việc kiêm nhiệm này vẫn đảm bảo tính khách quan về tài chính kế toán trong Công ty do Bà Trần Thị Nhân chỉ phụ trách khối văn phòng mà không phụ trách kinh doanh. Sau khi rà soát bộ máy nhân sự, Công ty nhận thấy chưa tuân thủ việc kế toán trưởng không được kiêm nhiệm chức danh quản lý, điều hành công ty theo Khoản 3 Điều 19 Nghị định 174/2016/NĐ-CP về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán. Do đó, Công ty cũng đang gấp rút tuyển dụng Kế toán trưởng để khắc phục vấn đề nêu trên. Công ty cam kết sẽ kiện toàn bộ máy Ban Tổng Giám đốc và Bộ máy kế toán đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật chậm nhất đến hết Quý II/2024.

18. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt

Không có.

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2023/NQ-DHĐCD ngày 17/06/2023; Nghị quyết Hội đồng quản trị số 18/2023/NQ-HĐQT ngày 10/11/2023, toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến là 129.360.000.000 đồng sẽ được sử dụng cho mục đích:

- (1) Bổ sung vốn lưu động, cụ thể là thanh toán tiền mua hàng cho các nhà cung cấp;
- (2) Tái cơ cấu nguồn vốn, cụ thể là thanh toán nợ vay ngân hàng.

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

Ngày 10/11/2023, theo ủy quyền của ĐHĐCD tại Nghị quyết ĐHĐCD số 02/2023/NQ-DHĐCD ngày 17/6/2023, HĐQT Công ty đã thông qua Nghị quyết số 18/2023/NQHĐQT v/v Thông qua triển khai chi tiết Phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, trong đó có nội dung thông qua Phương án sử dụng vốn chi tiết thu được từ đợt chào bán là 129.360.000.000 đồng dùng để bổ sung vốn lưu động để thanh toán tiền mua hàng cho nhà cung cấp và thanh toán nợ vay ngân hàng. Cụ thể như sau:

Stt	Phương án sử dụng vốn	Giá trị dự kiến sử dụng (đồng)	Thời gian dự kiến giải ngân
1	Bổ sung vốn lưu động để thanh toán tiền mua hàng cho các nhà cung cấp	29.360.000.000	Sau khi kết thúc đợt chào bán, dự kiến Quý 1/2024 – Quý 2/2024
2	Thanh toán nợ vay ngân hàng	100.000.000.000	Sau khi kết thúc đợt chào bán, dự kiến Quý 1/2024 – Quý 2/2024

Công ty xin làm rõ nhu cầu vốn cho đợt chào bán như sau:

- Đối với mục đích bổ sung vốn lưu động để thanh toán tiền mua hàng cho các nhà cung cấp:
Hoạt động chính của YTECO là phân phối dược phẩm, trong đó 70% hàng hóa phân phối là từ nhập khẩu nước ngoài. Giá trị hàng hóa nhập khẩu để bán (chưa bao gồm nhập khẩu ủy thác) của Công ty trong 2 năm 2021 và 2022 lần lượt là: 722 tỷ đồng và 415 tỷ đồng. Nhu cầu vốn lưu động của Công ty là rất lớn (tổng chi phí hàng năm trên 600 tỷ đồng) do đó Công ty rất cần bổ sung vốn nguồn vốn lưu động để đáp ứng kế hoạch kinh doanh đề ra. Hiện nay YTECO đã ký với các nhà cung cấp/đối tác, dự kiến nguồn vốn phát sinh để thanh toán giá trị hợp đồng mua hàng phục vụ cho kế hoạch kinh doanh năm 2023-2024 là khoảng hơn 650 tỷ/năm. Ngoài ra các khoản nợ phải trả người bán ngắn hạn trung bình trên 100 tỷ, cụ thể 31/12/2021 là 187,76 tỷ đồng; 31/12/2022 là 166,29 tỷ đồng và đến 31/12/2023 là 109,65 tỷ đồng.

Do đó, việc YTECO dự kiến sẽ sử dụng số tiền 29.360.000.000 đồng để thanh toán tiền mua hàng cho các nhà cung cấp với thời gian dự kiến là từ Quý 1/2024 đến Quý 2/2024 của Công ty là phù hợp.

(Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống)

- Đối với mục đích tái cơ cấu nguồn vốn để thanh toán nợ vay ngân hàng:

YTECO dự kiến sử dụng 100.000.000.000 đồng từ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để thực hiện mục đích trả nợ ngân hàng góp phần tái cơ cấu nguồn vốn, cân bằng tài chính của YTECO.

Hiện tại YTECO thực hiện việc bổ sung vốn dưới hình thức vay tín dụng để bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của YTECO (bao gồm nhưng không giới hạn bổ sung vốn lưu động, phát hành thư bảo lãnh, mở và thanh toán LC, Upas LC...). Số dư nợ vay ngân hàng trung bình trên 170 tỷ đồng, cụ thể tính đến thời điểm 31/03/2023 tổng dư nợ vay ngân hàng của Công ty là 179,6 tỷ đồng; ngày 30/06/2023 tổng dư nợ vay ngân hàng của Công ty là 167,1 tỷ đồng; ngày 30/09/2023 là 177,1 tỷ đồng; ngày 31/12/2023 là 172,8 tỷ đồng và tới thời điểm ngày 15/03/2024 tổng vay nợ của Công ty là 192,88 tỷ đồng, cụ thể như sau:

Ngân hàng cho vay	Số kế ước vay/ Số hợp đồng vay, Số Tài Khoản	Ngày kế ước vay/hợp đồng vay	Giá trị kế vay/hợp đồng vay	Thời hạn vay		Lãi suất vay/năm	Mục đích vay nợ	Số dư nợ vay tại 15/03/2024
				Từ ngày	Đến ngày			
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh (i)	001043544097	26/12/2023	6.892.022.739	26/12/2023	24/06/2023	6.50%	<i>Thanh Toán Công Nợ Hàng Hóa</i>	4.892.022.739
	001043911726	10/01/2024	1.695.903.363	10/01/2024	08/07/2024	6.00%		1.695.903.363
	001044186851	22/01/2024	2.146.626.250	22/01/2024	19/07/2024	6.00%		2.146.626.250
	001044600073	06/02/2024	8.265.807.873	06/02/2024	05/08/2024	6.00%		8.265.807.873
	001045379473	07/03/2024	1.637.126.000	07/03/2024	04/09/2024	6.00%		1.637.126.000
Vay Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (ii)	2000LDS230004479	13/12/2023	1.742.491.730	13/12/2023	13/06/2024	6.00%	<i>Thanh Toán Công Nợ Hàng Hóa</i>	1.742.491.730
	2000LDS230004480	13/12/2023	2.701.143.720	13/12/2023	13/06/2024	6.00%		401.143.720
	2000LDS230004537	15/12/2023	49.049.297.126	15/12/2023	15/06/2024	6.00%		49.049.297.126
	2000LDS230004590	19/12/2023	1.877.460.000	19/12/2023	19/06/2024	6.00%		1.877.460.000
	2000LDS230004616	20/12/2023	910.359.215	20/12/2023	20/06/2024	6.00%		910.359.215
	2000LDS230004796	29/12/2023	1.401.312.746	29/12/2023	29/06/2024	6.00%		1.401.312.746
	2000LDS240000031	03/01/2024	605.120.000	03/01/2024	03/07/2024	6.00%		605.120.000
	2000LDS240000246	19/01/2024	1.103.883.417	19/01/2024	19/07/2024	6.00%		1.103.883.417
2000LDS240000419	31/01/2024	1.628.803.214	31/01/2024	31/07/2024	6.50%	1.628.803.214		

	2000LDS240000456	01/02/2024	1.268.335.328	01/02/2024	01/08/2024	6.50%		1.268.335.328
	2000LDS240000483	02/02/2024	988.825.000	02/02/2024	02/08/2024	6.50%		988.825.000
	2000LDS240000530	06/02/2024	2.330.697.525	06/02/2024	06/08/2024	6.50%		2.330.697.525
	2000LDS240000531	06/02/2024	2.519.673.000	06/02/2024	06/08/2024	6.50%		2.519.673.000
Vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn (iii)	25/441/2023/0131	17/01/2024	11.714.784.558	17/01/2024	17/05/2024	6.75%	<i>Thanh Toán Công Nợ Hàng Hóa</i>	8.830.663.625
	26/441/2023/0131	18/01/2024	736.500.000	18/01/2024	20/05/2024	6.75%		736.500.000
	27/441/2023/0131	25/01/2024	35.049.737.760	25/01/2024	27/05/2024	6.75%		35.049.737.760
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (iv)	409000742333	22/12/2023	5.738.510.750	22/12/2023	22/05/2024	6.00%	<i>Thanh Toán Công Nợ Hàng Hóa</i>	5.738.510.750
	401000769095	27/12/2023	2.556.058.982	27/12/2023	27/05/2024	6.00%		2.556.058.982
	408000788103	29/12/2023	3.315.841.502	29/12/2023	29/05/2024	6.00%		3.315.841.502
	402000860488	16/01/2024	1.697.516.660	16/01/2024	17/06/2024	6.50%		1.697.516.660
	402000874569	18/01/2024	1.202.359.460	18/01/2024	18/06/2024	6.50%		1.202.359.460
	406000879005	19/01/2024	1.414.730.225	19/01/2024	19/06/2024	6.50%		1.414.730.225
	407000903699	24/01/2024	1.280.965.266	24/01/2024	24/06/2024	6.50%		1.280.965.266
	402000911957	25/01/2024	1.991.066.246	25/01/2024	25/06/2024	6.50%		1.991.066.246
	400000917644	26/01/2024	2.463.034.500	26/01/2024	26/06/2024	6.50%		2.463.034.500
	405000926902	29/01/2024	2.145.343.790	29/01/2024	01/07/2024	6.50%		2.145.343.790
	400000934013	30/01/2024	3.292.858.800	30/01/2024	01/07/2024	6.50%		3.292.858.800
	406000949642	01/02/2024	982.027.200	01/02/2024	01/07/2024	6.50%		982.027.200
	406000965241	05/02/2024	544.161.600	05/02/2024	05/07/2024	6.50%		544.161.600
	404001005229	22/02/2024	5.037.509.477	22/02/2024	22/07/2024	6.50%		5.037.509.477
	401001005517	22/02/2024	932.699.196	22/02/2024	22/07/2024	6.50%		932.699.196
	407001016793	26/02/2024	1.033.856.516	26/02/2024	26/07/2024	6.50%		1.033.856.516
400001017215	26/02/2024	3.323.182.666	26/02/2024	26/07/2024	6.50%	3.323.182.666		

409001017374	26/02/2024	2.472.500.000	26/02/2024	26/07/2024	6.50%	2.472.500.000
401001017456	26/02/2024	1.577.122.669	26/02/2024	26/07/2024	6.50%	1.577.122.669
405001030732	28/02/2024	1.321.489.438	28/02/2024	29/07/2024	6.50%	1.321.489.438
400001043564	01/03/2024	4.210.408.000	01/03/2024	01/08/2024	6.50%	4.210.408.000
404001068909	07/03/2024	2.293.720.360	07/03/2024	07/08/2024	6.00%	2.293.720.360
402001075349	08/03/2024	2.686.089.470	08/03/2024	08/08/2024	6.00%	2.686.089.470
409001080903	11/03/2024	5.480.070.600	11/03/2024	12/08/2024	6.00%	5.480.070.600
408001088490	12/03/2024	1.313.055.040	12/03/2024	12/08/2024	6.00%	1.313.055.040
404001097798	13/03/2024	1.209.320.000	13/03/2024	13/08/2024	6.00%	1.209.320.000
403001097783	13/03/2024	1.074.295.720	13/03/2024	13/08/2024	6.00%	1.074.295.720
400001111545	15/03/2024	669.870.300	15/03/2024	15/08/2024	6.00%	669.870.300
400001111524	15/03/2024	539.163.900	15/03/2024	15/08/2024	6.00%	539.163.900

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh theo hợp đồng số 0103/2338/N-CTD ngày 07/12/2023 để bổ sung vốn lưu động với hạn mức tín dụng là 62.000.000.000 VND, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay từng khoản nợ tối đa không quá 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp khoản tiền gửi có kỳ hạn và quyền đòi nợ phát sinh từ các khoản phải thu theo số tổng hợp công nợ phải thu năm 2022 của Công ty.

(ii) Khoản vay tín chấp Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo hợp đồng số 2000LAV230066129 ngày 17/08/2023 để bổ sung vốn lưu động với hạn mức tín dụng là 75.000.000.000 VND, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay từng khoản nợ tối đa không quá 06 tháng.

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công nghiệp - Chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng số 41/2023/0131/MPT/MTD-L-DN/Phụ.04/03 ngày 26/09/2023 để bổ sung vốn lưu động với hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 VND, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay từng khoản nợ tối đa không quá 09 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho luân chuyển tài sản được và tài sản cố định của Công ty.

(iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng số 2220/2023/62882/HĐTD ngày 15/10/2023 để bổ sung vốn lưu động với hạn mức tín dụng là 150.000.000.000 VND, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay từng khoản nợ tối đa không quá 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số khoản tiền gửi có kỳ hạn, quyền đòi nợ luân chuyển, hàng tồn kho luân chuyển và tài sản cố định của Công ty.

Do đó, việc YTECO dự kiến sẽ sử dụng số tiền 100.000.000.000 đồng để thanh toán nợ vay ngân hàng nhằm mục đích tái cơ cấu nguồn vốn của Công ty là hoàn toàn phù hợp.

Tính chất của các khoản giải ngân sẽ được thực hiện theo cơ chế vay và hoàn trả đảm bảo dư nợ nằm trong phạm vi hạn mức được vay và đúng mục đích vay vốn. YTECO đảm bảo sẽ thực hiện sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán theo đúng quy định của hợp đồng đã ký, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

2. Phương án xử lý trong trường hợp số tiền dự kiến sử dụng cho từng hạng mục vượt quá hoặc không đủ cho việc thanh toán cho nhà cung cấp, vượt quá hoặc không đủ cho việc hoàn trả các khoản nợ vay:

Nguồn vốn huy động được từ đợt chào bán phụ thuộc vào nhiều yếu tố: sự hấp dẫn của cổ phiếu, biến động của thị trường chứng khoán, biến động của nền kinh tế, v.v.... Tuy nhiên Công ty đã có Công ty cổ phần chứng khoán MB cam kết bảo lãnh phát hành theo phương thức nhận mua số cổ phiếu còn lại chưa được phân phối hết trong đợt chào bán thêm cổ phiếu này của Công ty, do đó, dự kiến số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ đảm bảo để thực hiện đủ mục đích nêu trên hay Công ty không phải xác định thứ tự mục đích ưu tiên, số tiền và nguồn tài trợ khác của nó.

Như vậy, việc Công ty sẽ sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán để thực hiện cho các mục đích nêu trên là hợp lý, đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo tình hình hiện tại.

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C

Địa chỉ: 02 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3547 2972 Fax: (028) 35472 970

Website: www.a-c.com.vn

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SBS

Trụ sở: 40 Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: +84 28 6268 6868 Fax: +84 28 6255 5939

Website: www.sbs.com.vn

3. Tổ chức bảo lãnh phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Trụ sở: Tầng 7-8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 73045688 Fax: (024) 37262601

Website: www.mbs.com.vn

Ý kiến về đợt chào bán:**Tổ chức bảo lãnh phát hành**

Với tư cách là Tổ chức bảo lãnh phát hành, Công ty Cổ phần Chứng khoán MB đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và chi tiết để đưa ra những đánh giá về đợt chào bán.

Trong đợt chào bán này, YTECO chào bán thêm 6.468.000 cổ phiếu với giá 20.000 đồng/cổ phiếu cho đối tượng là cổ đông hiện hữu. Kể từ ngày 01/08/2001, Công ty chính thức chuyển sang hình thức công ty cổ phần, YTECO chưa thực hiện chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.

Phương án sử dụng vốn của YTECO trong đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu là để: (i) Tái cơ cấu nguồn vốn, cụ thể là thanh toán các khoản vay ngân hàng và các khoản vay khác; (ii) Bổ sung vốn lưu động.

Theo Báo cáo tài chính năm 2023 tự lập của YTECO, thực trạng về tình hình tài chính của YTECO đang mất cân đối, hoạt động của Công ty đang phụ thuộc vào nguồn vốn nợ vay quá lớn. Hệ số Tổng Nợ phải trả/Tổng tài sản là 95,8% thể hiện mức rủi ro quá cao. Tại thời điểm 31/12/2023, Nợ vay ngân hàng hơn 172,8 tỷ, trong đó nợ vay ngắn hạn chiếm 96,9%, gấp 4,4 lần Vốn chủ sở hữu của Công ty. Các khoản nợ vay ngân hàng chủ yếu là tín chấp hoặc được đảm bảo bởi các tài sản có tính rủi ro cao đối với ngân hàng như hàng tồn kho, phải thu khách hàng. Do đó, Công ty có thể đối mặt với những rủi ro khi ngân hàng thay đổi chính sách tín dụng đối với Công ty nếu có.

Do vậy, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán này là phù hợp với thực trạng tình hình tài chính của Công ty, định hướng phát triển của Công ty, nhằm đảm bảo một cấu trúc vốn an toàn hơn và có đủ nguồn vốn lưu động cho việc mở rộng kinh doanh, trong bối cảnh huy động vốn của doanh nghiệp từ các kênh khác còn khó khăn nhất định.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, những ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ của một tổ chức bảo lãnh phát hành, dựa trên cơ sở thông tin thu thập có chọn lọc mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của số liệu được báo cáo, dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, nhà đầu tư phải tự mình xem xét và cân nhắc khi đưa ra quyết định đầu tư.

Tổ chức tư vấn

Với tư cách là tổ chức tư vấn, CTCP Chứng khoán SBS đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và chi tiết để đưa ra những đánh giá về đợt chào bán.

Đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh được tuân thủ theo đúng Quy định của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật và Nghị định.

Về phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu dùng để bổ sung vốn lưu động tái cơ cấu nguồn vốn của Công ty là phù hợp với định hướng phát triển của Công ty. Khối lượng chào bán ra công chúng đợt này là 6.468.000 cổ phiếu, giá chào bán cổ phiếu là 20.000 đồng/cổ phiếu. Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2023 (theo báo cáo tài chính tự lập năm 2023) là 12.829 đồng/cổ phiếu, thu nhập trên mỗi cổ phiếu của Công ty (EPS) (theo báo cáo tài chính tự lập năm 2023) là 2.308 đồng/cổ phiếu.

Với kế hoạch kinh doanh có tính khả thi, tổ chức tư vấn cho rằng đợt chào bán của Tổng Công ty có khả năng thành công.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

Nhà đầu tư nên nghiên cứu kỹ các thông tin có trong Bản cáo bạch này, và nếu thấy cần thiết, nên tham khảo ý kiến của các nhà tư vấn thuế, pháp lý hoặc kinh doanh của mình để ra quyết định đầu tư.

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có.

XII. PHỤ LỤC

- Phụ lục I:** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302366480 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 01/08/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 27 ngày 29/10/2021.
- Phụ lục II:** Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 02/2023/NQ-DHDCD ngày 17/06/2023; Nghị quyết HĐQT số 18/2023/NQ-HĐQT ngày 10/11/2023 thông qua việc triển khai chi tiết phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu; Nghị quyết HĐQT số 19/2023/NQ-HĐQT ngày 01/12/2023 thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.
- Phụ lục III:** Điều lệ Công ty.
- Phụ lục IV:** Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021, năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C; Báo cáo tài chính năm 2023 do Công ty tự lập.

XIII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TÒ CHỨC PHÁT HÀNH,
TÒ CHỨC TƯ VẤN, TÒ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2024

TÒ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHỦ TỊCH HĐQT

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN KHÁNH LINH



PHAN MINH TRUNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN THỊ NHÂN

ĐẠI DIỆN TÒ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SBS

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN NGỌC LƯỢM

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB
TỔNG GIÁM ĐỐC



[Handwritten signature]

PHAN PHƯƠNG ANH



[Vertical handwritten text]

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0302366480

Đăng ký lần đầu: ngày 01 tháng 08 năm 2001

Đăng ký thay đổi lần thứ: 27, ngày 29 tháng 10 năm 2021

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HO CHI MINH CITY MEDICAL IMPORT
EXPORT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: YTECO

2. Địa chỉ trụ sở chính

181 Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84.28) 3930.4372

Email: yteco_hcm@yteco.vn

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 30.800.000.000 đồng.

Bằng chữ: Ba mươi tỷ tám trăm triệu đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 3.080.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: PHAN MINH TRUNG

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 11/05/1981 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 025515452

Ngày cấp: 07/12/2011 Nơi cấp: Công an Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ thường trú: 102/8 Thích Quảng Đức, Phường 05, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 02 đường 19, Khu An Phú, An Khánh, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực (84.28) 3930.6900.....
Quyển số: www.yteco.vn
Ngày 16-09-2024

PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG BẾN THÀNH



Lê Hoàng Việt
Giới tính: Nam



Võ Thành Thơ

Số: 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ

TP.HCM, ngày 17 tháng 06 năm 2023

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần XNK Y tế TP. HCM;
- Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/BB-ĐHĐCĐ ngày 17/06/2023 của Công ty Cổ phần XNK Y tế TP. HCM.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023 CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ TP. HCM QUYẾT NGHỊ:

Thông qua phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ Công ty như sau:

I. Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:

Tổ chức phát hành	: Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Thành Phố Hồ Chí Minh
Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Thành Phố Hồ Chí Minh
Mã cổ phiếu	: YTC
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông.
Mệnh giá cổ phiếu	: 10.000 đồng/cổ phiếu.
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	: 3.080.000 cổ phiếu.
Số lượng cổ phiếu quỹ	: 0 cổ phiếu.
Vốn điều lệ trước khi chào bán	: 30.800.000.000 đồng (bằng chữ: Ba mươi tỷ tám trăm triệu đồng)
Tỷ lệ chào bán (số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán/số lượng cổ phiếu đang lưu hành)	: 210%
Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán	: 6.468.000 cổ phiếu.

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 21 tháng 3 năm 2024



TRẦN VĂN ĐÔNG
GIÁM ĐỐC

- Giá trị cổ phiếu chào bán dự kiến theo mệnh giá : 64.680.000.000 đồng (bằng chữ: Sáu mươi bốn tỷ sáu trăm tám mươi triệu đồng).
- Vốn điều lệ dự kiến sau khi kết thúc đợt chào bán : 95.480.000.000 đồng (bằng chữ: Chín mươi lăm tỷ bốn trăm tám mươi triệu đồng)
- Mục đích chào bán : Bổ sung vốn kinh doanh và tái cơ cấu nguồn vốn.
- Giá chào bán : 20.000 đồng/cổ phiếu
- Nguyên tắc xác định giá chào bán : Căn cứ giá trị sổ sách cổ phiếu YTC tại thời điểm 31/12/2022 là 10.520 đồng/cổ phiếu.

Căn cứ nhu cầu vốn của Công ty, đề xuất mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 20.000 đồng/cổ phiếu.

- Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán (chưa trừ chi phí chào bán) : 129.360.000.000 đồng (bằng chữ: Một trăm hai mươi chín tỷ ba trăm sáu mươi triệu đồng)

- Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu : Toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán là 129.360.000.000 đồng được dùng để bổ sung vốn lưu động và tái cơ cấu nguồn vốn (trả nợ vay ngân hàng và các khoản vay khác), trong đó:

- Tái cơ cấu nguồn vốn (trả nợ vay ngân hàng và các khoản vay khác): dự kiến 100.000.000.000 đồng.
- Bổ sung vốn lưu động: dự kiến 29.360.000.000 đồng.

DHĐCĐ giao/ủy quyền cho HĐQT quyết định chi tiết phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.

Căn cứ tình hình thực tế nếu xét thấy cần thiết, HĐQT giao/ủy quyền cho HĐQT có thể quyết định thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán, điều chỉnh việc phân bổ vốn cho các mục đích sử dụng vốn phù hợp với tình hình thực tế và báo cáo HĐQT gần nhất.

Công ty sẽ phải thực hiện đúng quy định tại khoản 2 và 3 Điều 9 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

- Phương thức chào bán : Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
- Đối tượng chào bán : Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam/Trung tâm lưu ký chứng khoán (VSD) lập tại ngày đăng ký cuối cùng (ngày chốt danh sách cổ đông) để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu.
- Phương thức phân phối : Cổ phiếu được phân phối cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua cổ phiếu.
- Tỷ lệ thực hiện quyền : 100 : 210 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền mua và cứ 100 quyền mua sẽ được mua 210 cổ phiếu mới).
- Điều kiện hạn chế chuyển nhượng : Cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Chuyển nhượng quyền mua : Người sở hữu quyền mua có thể chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác theo thỏa thuận của hai bên. Quyền mua chỉ được chuyển nhượng 01 (một) lần trong thời gian quy định và không chuyển nhượng cho người thứ ba.
- Nguyên tắc làm tròn : Số cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống sẽ được cộng dồn vào số lượng cổ phiếu còn lại chưa được phân phối hết để xử lý.
- Phương án xử lý số cổ phiếu còn lại chưa được phân phối hết : ▪ Số cổ phiếu còn lại chưa được phân phối hết bao gồm: (1) số cổ phiếu do cổ đông không thực hiện quyền mua; (2) số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống khi tính toán cổ phiếu được mua của cổ đông hiện hữu; (3) số cổ phiếu chênh lệch phát sinh giữa tổng số lượng cổ phiếu xin phép chào bán (6.468.000 cổ phiếu) và tổng số lượng cổ phiếu thực tế phát hành với tỷ lệ thực hiện quyền (nếu có).
- Tổ chức bảo lãnh phát hành sẽ nhận mua toàn bộ số cổ phiếu còn lại chưa được phân phối hết với giá bằng với giá bán cho cổ đông hiện hữu.

- Tổ chức bảo lãnh phát hành : HĐQT quyết định lựa chọn tổ chức bảo lãnh phát hành có đủ năng lực và chức năng bảo lãnh phát hành theo quy định.
- Hình thức bảo lãnh phát hành : Bảo lãnh với cam kết chắc chắn (Tổ chức bảo lãnh phát hành sẽ nhận mua toàn bộ số cổ phiếu còn lại chưa được phân phối hết để bảo đảm toàn bộ cổ phiếu được chào bán phát hành thành công 100%).
- Giá cổ phiếu được bảo lãnh : 20.000 đồng/cổ phiếu (bằng với giá chào bán cho cổ đông hiện hữu)
- Phí bảo lãnh phát hành, phí tư vấn và chi phí khác có liên quan : HĐQT quyết định
- Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài : HĐQT quyết định phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài
- Thời gian dự kiến thực hiện : HĐQT quyết định thời điểm thực hiện cụ thể.

II. Thông qua việc đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu chào bán thêm

ĐHĐCĐ thông qua việc đăng ký lưu ký cổ phiếu bổ sung tại VSD và đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán cho toàn bộ số lượng cổ phiếu thực tế chào bán thêm sau khi kết thúc đợt chào bán theo quy định.

III. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty phù hợp với số cổ phiếu thực tế chào bán tăng thêm

ĐHĐCĐ thông qua việc sửa đổi Điều 5 Điều lệ Công ty với số vốn điều lệ tăng thêm phù hợp với số cổ phiếu chào bán thực tế tăng thêm. Ủy quyền/giao cho HĐQT thực hiện các thủ tục sửa đổi Điều lệ Công ty, thay đổi vốn điều lệ Công ty và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định

IV. Các nội dung ĐHĐCĐ giao/ủy quyền cho HĐQT:

ĐHĐCĐ thống nhất giao/ủy quyền cho HĐQT toàn bộ các công việc liên quan đến đợt chào bán sau:

- Quyết định thời điểm thích hợp để thực hiện phát hành và thực hiện các thủ tục cần thiết liên quan để đăng ký chào bán theo quy định của pháp luật.

SB
C
T
Y
I
A
N
P
H
I
P
H
I
C
C
M

18/11/2024

- Quyết định phương án chào bán cổ phiếu chi tiết cho cổ đông hiện hữu và phương án sử dụng vốn chi tiết thu được từ đợt chào bán.
- Quyết định tổ chức triển khai phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.
- Quyết định phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
- Quyết định hồ sơ chào bán cổ phiếu theo quy định.
- Quyết định chi tiết phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu trên cơ sở số tiền thực tế thu được từ đợt chào bán, quyết định việc phân bổ vốn cho các hạng mục tài trợ cụ thể và chủ động triển khai giải ngân đúng mục đích.
- Quyết định thời điểm thích hợp để thực hiện chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu sau khi có chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN), đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật.
- Quyết định thực hiện các công việc và thủ tục liên quan để việc chào bán theo đúng thủ tục và quy định hiện hành.
- Quyết định lựa chọn tổ chức bảo lãnh phát hành cổ phiếu có đủ năng lực và chức năng bảo lãnh phát hành cổ phiếu theo quy định, quyết định mức phí bảo lãnh phát hành, phí tư vấn và các vấn đề khác liên quan đến việc bảo lãnh phát hành cổ phiếu để đảm bảo đợt phát hành thành công 100%.
- Căn cứ tình hình thực tế nếu xét thấy cần thiết, HĐQT có thể quyết định thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán, điều chỉnh việc phân bổ vốn cho các mục đích sử dụng vốn phù hợp với tình hình thực tế và báo cáo ĐHCĐ gần nhất.
- Thực hiện các thủ tục sửa đổi Điều lệ Công ty, đăng ký thay đổi vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với Sở Kế hoạch Đầu tư và tiến hành đăng ký lưu ký cổ phiếu bổ sung tại VSD, đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu thực tế tăng thêm tại Sở giao dịch chứng khoán;
- Thực hiện sửa đổi, bổ sung các tài liệu có liên quan (bao gồm nhưng không hạn chế việc: sửa đổi, bổ sung, chỉnh sửa phương án chào bán chi tiết theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền...) và thực hiện các thủ tục cần thiết theo hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc chào bán cổ phiếu, tăng vốn điều lệ, sửa đổi đăng ký doanh nghiệp, đăng ký lưu ký và đăng ký giao dịch bổ sung toàn bộ cổ phiếu thực tế chào bán tăng thêm.

- Ngoài những nội dung ủy quyền trên đây, trong quá trình thực hiện phương án chào bán, Đại Hội Đồng Cổ Đông ủy quyền/giao cho Hội đồng quản trị bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh, thay đổi phương án chào bán cổ phiếu, giải trình theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền sao cho việc chào bán cổ phiếu được thực hiện một cách hợp pháp và đúng quy định.
- Tùy vào từng trường hợp cụ thể, HĐQT có thể giao và/hoặc ủy quyền lại cho người đại diện pháp luật Công ty có thể thực hiện một hoặc một số công việc nêu trên.

Tỷ lệ biểu quyết: 68,00% tán thành, 31,04% không tán thành, 0,96% không ý kiến.

Nghị quyết này được lập, công bố và thống nhất thông qua trước toàn thể cổ đông vào lúc 17:00 ngày 17 tháng 06 năm 2023. Hội đồng quản trị và Ban Điều hành căn cứ nội dung Nghị quyết này để triển khai, thực hiện.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



NGUYỄN KHÁNH LINH
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Số: 18/2023/NQ-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 11 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

V/v: Thông qua triển khai chi tiết phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế TP. Hồ Chí Minh ("Công ty");
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/06/2023;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty ngày 10/11/2023.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ TP.HCM
QUYẾT NGHỊ**

Điều 1: Thông qua triển khai chi tiết Phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/06/2023 như sau:

Tổ chức phát hành	:	Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Thành Phố Hồ Chí Minh
Tên cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Thành Phố Hồ Chí Minh
Mã chứng khoán	:	YTC
Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá cổ phiếu	:	10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số cổ phiếu đã phát hành	:	3.080.000 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ	:	0 cổ phiếu
Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	:	3.080.000 cổ phiếu
Vốn điều lệ trước khi chào bán	:	30.800.000.000 đồng
Tỷ lệ chào bán (số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán/số lượng cổ phiếu đang lưu hành)	:	210%
Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán	:	6.468.000 cổ phiếu
Giá trị cổ phiếu phát hành dự kiến (tính theo mệnh giá)	:	64.680.000.000 đồng
Vốn điều lệ dự kiến sau khi kết thúc đợt chào bán	:	95.480.000.000 đồng

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 21 tháng 03 năm 2024



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Minh Trung



Handwritten text at the bottom right corner.

- Mục đích chào bán : Bổ sung vốn kinh doanh và tái cơ cấu nguồn vốn
- Giá chào bán : 20.000 đồng/cổ phiếu
- Nguyên tắc xác định giá chào bán : Căn cứ giá trị sổ sách cổ phiếu theo BCTC kiểm toán năm 2022: 10.520 đồng/cổ phiếu.
Căn cứ nhu cầu vốn của YTECO và bảo vệ lợi ích của cổ đông cũng như đảm bảo sự thành công của đợt chào bán, ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 đã thông qua giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 20.000 đồng/cổ phiếu.
- Phương thức chào bán : Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
- Đối tượng chào bán : Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) lập tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu.
- Phương thức phân phối : Cổ phiếu được phân phối cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua cổ phiếu
- Tỷ lệ thực hiện quyền : 100:210 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền mua và cứ 100 quyền mua sẽ được mua 210 cổ phiếu mới)
- Nguyên tắc làm tròn : Số cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống sẽ được cộng dồn vào số lượng cổ phiếu còn lại chưa được phân phối hết để xử lý.
Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 1.115 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền. Với tỷ lệ thực hiện quyền 100:210; số lượng cổ phiếu cổ đông A được quyền mua thêm trong đợt chào bán này là: $(1.115 \times 210)/100 = 2.341,5$ cổ phiếu. Theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị thì số lượng cổ phiếu mà cổ đông A được quyền mua là 2.341 cổ phiếu.
- Phương án xử lý cổ phiếu còn lại chưa được phân phối hết : Số cổ phiếu còn lại chưa được phân phối hết bao gồm: (1) số cổ phiếu do cổ đông không thực hiện quyền mua; (2) số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống khi tính toán cổ phiếu được mua của cổ đông hiện hữu; (3) số cổ phiếu chênh lệch phát sinh giữa tổng số lượng cổ phiếu xin phép chào bán (6.468.000 cổ phiếu) và tổng số lượng cổ phiếu thực tế phát sinh với tỷ lệ thực hiện quyền (nếu có). Hội đồng quản trị được quyền phân phối số cổ phiếu còn lại chưa được phân phối hết cho cổ đông YTECO hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với điều kiện đã chào bán cho cổ đông hiện hữu và số cổ phiếu này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, trừ trường hợp số cổ phiếu này được tổ chức bảo lãnh phát hành mua theo cam kết tại hợp đồng bảo lãnh phát hành. Việc phân phối cổ phiếu chưa bán hết phải

đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ và Điều 195 Luật Doanh nghiệp.

Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn danh sách nhà đầu tư và quyết định số lượng cổ phiếu chưa được phân phối hết được phân bổ cho từng nhà đầu tư trên cơ sở các tiêu chí cụ thể như sau:

- Cán bộ nhân viên của YTECO.
- Hoặc tổ chức, cá nhân khác có năng lực tài chính (không giới hạn cổ đông YTECO).

Trường hợp sau khi Hội đồng quản trị xử lý như trên mà vẫn còn số cổ phiếu chưa được phân phối hết thì Tổ chức bảo lãnh phát hành sẽ nhận mua toàn bộ số cổ phiếu còn lại này với giá 20.000 đồng/cổ phiếu.

Điều kiện hạn chế chuyển nhượng

- Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu là cổ phiếu phổ thông và được tự do chuyển nhượng.
- Số cổ phiếu còn lại chưa được phân phối hết được Hội đồng quản trị phân phối lại cho đối tượng khác bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
- Trong trường hợp Hội đồng quản trị chưa bán hết số cổ phần còn lại chưa được phân phối hết, Tổ chức bảo lãnh phát hành cam kết nhận mua toàn bộ số cổ phiếu còn lại chưa được phân phối hết trong đợt chào bán thêm cổ phiếu này của Công ty, số cổ phiếu do Tổ chức bảo lãnh phát hành mua theo cam kết tại hợp đồng bảo lãnh phát hành sẽ không bị hạn chế chuyển nhượng.

Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu

: Người sở hữu quyền mua có thể chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác theo thỏa thuận của hai bên. Quyền mua chỉ được chuyển nhượng 01 (một) lần trong thời gian quy định và không chuyển nhượng cho người thứ ba.

Hình thức bảo lãnh phát hành

: Bảo lãnh với cam kết chắc chắn (Tổ chức bảo lãnh phát hành sẽ nhận mua toàn bộ số cổ phiếu còn lại chưa được phân phối hết để bảo đảm toàn bộ cổ phiếu được chào bán phát hành thành công 100%)

Giá cổ phiếu được bảo lãnh

: 20.000 đồng/cổ phiếu

Thời điểm phát hành

: Dự kiến Quý 1/2024, sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu.

Đăng ký bổ sung và đăng ký giao dịch bổ sung

: Toàn bộ số cổ phiếu chào bán thành công sẽ được đăng ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Đợt chào bán bị hủy bỏ trong trường hợp số lượng cổ phiếu được bán cho các nhà đầu tư không đạt tối thiểu

: Không quy định

Thời hạn, phương thức thu hồi và hoàn : Không quy định
trả tiền cho nhà đầu tư

Điều 2: Thông qua phương án sử dụng vốn chi tiết thu được từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu:

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến là 129.360.000.000 đồng sẽ được sử dụng cụ thể như sau:

Stt	Phương án sử dụng vốn	Giá trị dự kiến sử dụng (đồng)	Thời gian dự kiến giải ngân
1	Bổ sung vốn lưu động để thanh toán tiền mua hàng cho các nhà cung cấp	29.360.000.000	Sau khi kết thúc đợt chào bán, dự kiến Quý 1/2024 – Quý 2/2024
2	Thanh toán nợ vay ngân hàng	100.000.000.000	Sau khi kết thúc đợt chào bán, dự kiến Năm 2024

Tùy vào tình hình thực tế triển khai, Hội đồng quản trị Công ty Ủy quyền cho Ông Phan Minh Trung – Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện phương án sử dụng chi tiết vốn nói trên đảm bảo đúng mục đích đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã thông qua.

Điều 3: Thông qua cam kết triển khai đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán

Hội đồng quản trị cam kết sẽ triển khai việc đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Thành Phố Hồ Chí Minh (mã chứng khoán: YTC) trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán theo quy định tại khoản 2 Điều 15 và khoản 2 Điều 29 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các quy định khác có liên quan.

Điều 4: Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/06/2023 đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty

Theo Công văn số 5798/UBCK-PTTT ngày 29/08/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 0%.

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại YTECO tính đến thời điểm 01/11/2023 theo thông tin về số liệu sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài của VSDC: 1,11%. (Link: https://vsd.vn:9994/VSD_PORTAL//ckeditor/145/7Ge8k_01112023%20VIET-1.pdf)

Để đảm bảo tuân thủ quy định của Pháp luật, Hội đồng quản trị thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ nhà đầu tư nước ngoài như sau:

- Đối với đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu này của Công ty, nếu tất cả các cổ đông hiện hữu đều thực hiện quyền mua theo tỷ lệ cổ phiếu sở hữu thì sẽ không làm thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty. Cổ đông hiện hữu là nhà đầu tư nước ngoài được quyền mua

thêm cổ phiếu phát hành trong đợt chào bán này theo tỷ lệ thực hiện quyền mua theo quy định tại khoản 5 Điều 139 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

- Đối với trường hợp chuyển nhượng quyền mua của cổ đông hiện hữu: Cổ đông nước ngoài và nhà đầu tư nước ngoài không được nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu trong đợt chào bán này.
- Đối với số cổ phiếu còn lại chưa được phân phối hết: Hội đồng quản trị cam kết chỉ phân phối số cổ phiếu này cho nhà đầu tư trong nước.

Điều 5: Thông qua lựa chọn tổ chức bảo lãnh phát hành trong đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty

Thông qua lựa chọn tổ chức bảo lãnh phát hành trong đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty là:

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

Địa chỉ: Tầng 7-8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 73045688

Fax: (024) 37262601

Website: <https://mbs.com.vn/>

MBS thực hiện bảo lãnh với hình thức bảo lãnh là cam kết chắc chắn (MBS cam kết nhận mua toàn bộ cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết trong đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Thành Phố Hồ Chí Minh).

Điều 6: Ủy quyền

Thông qua ủy quyền cho Ông Phan Minh Trung – Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện các công việc sau:

- Tổ chức triển khai các công việc, ký kết các tài liệu pháp lý có liên quan, thực hiện các thủ tục để triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công ty.
- Đàm phán, quyết định các điều khoản bảo lãnh với Tổ chức bảo lãnh phát hành được nêu tại Điều 5 Nghị quyết này, đảm bảo lợi ích cho cổ đông và Công ty. Đồng thời thực hiện ký kết các cam kết bảo lãnh phát hành, hợp đồng bảo lãnh phát hành và các tài liệu khác liên quan đến tài liệu bảo lãnh phát hành với Tổ chức bảo lãnh phát hành trong đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2023.

Điều 7: Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc/trưởng các phòng/ban chức năng căn cứ theo nghĩa vụ và quyền hạn có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:
- Như Điều 7;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Khánh Linh

C.T.C.P. * *

C.T.C.P. * *
H.N.

h.c. số 10/2017

Ngày 21 tháng 3 năm 2024

Số: 19/2023/NQ-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

V/v: Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế TP. Hồ Chí Minh ("Công ty");
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 02/2023/NQ-DHĐCD ngày 17/06/2023;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty số 18/2023/NQ-HĐQT ngày 10/11/2023;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty số 19/2023/BB-HĐQT ngày 01/12/2023.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ TP.HCM
QUYẾT NGHỊ**

Điều 1: Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Thành phố Hồ Chí Minh

Hội đồng quản trị thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu như sau:

- Giấy đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 02/2023/NQ-DHĐCD ngày 17/06/2023;
- Tờ trình ngày 25/05/2023 về việc thông qua phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ.
- Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐQT ngày 10/11/2023 của Hội đồng quản trị thông qua việc triển khai chi tiết phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu;
- Bản cáo bạch;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động;
- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021, năm 2022; Báo cáo tài chính tự lập Quý 2 năm 2023;
- Công văn số 586/2023/TCKT-YTC ngày 01/12/2023 của Công ty về việc làm rõ ý kiến ngoại trừ và nhấn mạnh trên Báo cáo tài chính kiểm toán niên độ kết thúc ngày 31/12/2021;
- Văn bản xác nhận số 12213/HCM-DVKHTC1 ngày 08/11/2023 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương – Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh về việc xác nhận có tài khoản phong tỏa;



01/12/2023

- Văn bản của Hội đồng quản trị Công ty số 587/2023/HĐQT-YTC ngày 01/12/2023 về việc cam kết triển khai đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán;
- Văn bản của Công ty số 588/2023/HĐQT-YTC ngày 01/12/2023 về việc cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích;
- Văn bản của Công ty Số 589/2023/HĐQT-YTC ngày 01/12/2023 về Báo cáo về tình hình sử dụng vốn trong lần tăng vốn gần nhất;
- Văn bản của Công ty Số 590/2023/HĐQT-YTC ngày 01/12/2023 về cam kết đối với trường hợp phân phối cổ phần không đăng ký mua, không nộp tiền mua, cổ phiếu lẻ;
- Hợp đồng tư vấn chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu giữa Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty Cổ phần Chứng khoán SBS số 13/2023/HĐTVPH-NHĐT/YTC-SBS ngày 03/11/2023;
- Văn bản cam kết bảo lãnh phát hành ra công chúng giữa Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Thành phố Hồ Chí Minh và CTCP Chứng khoán MB;
- Văn bản của Công ty Số 591/2023/HĐQT-YTC ngày 01/12/2023 về Phương án sử dụng vốn trong đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu;
- Các tài liệu liên quan đến phương án sử dụng vốn.

Điều 2: Ủy quyền

Hội đồng quản trị ủy quyền và giao cho Ông Phan Minh Trung – Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật tổ chức triển khai các công việc, ký kết các hồ sơ, tài liệu có liên quan, thực hiện các thủ tục để triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công ty.

Điều 3: Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc/trưởng các phòng/ban chức năng căn cứ theo nghĩa vụ và quyền hạn có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BKS;
- Lưu: Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



Nguyễn Khánh Linh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

yteco

ĐIỀU LỆ

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 06 năm 2023

MỤC LỤC

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	4
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty... 4	
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	5
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	7
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	7
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	7
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	8
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	8
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	8
Điều 10. Thu hồi cổ phần	9
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	9
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	9
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	9
Điều 12. Quyền của cổ đông	9
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	11
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 16. Đại diện theo ủy quyền	14
Điều 17. Thay đổi các quyền	15
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	22
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	23
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	23
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	23
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	24

Điều 28. Thủ lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	25
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	25
Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	26
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	28
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	29
Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý	29
Điều 33. Người điều hành doanh nghiệp.....	29
Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.....	29
Điều 35. Thư ký Công ty.....	30
IX. BAN KIỂM SOÁT	31
Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	31
Điều 37. Kiểm soát viên.....	31
Điều 38. Ban kiểm soát	32
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	33
Điều 39. Trách nhiệm căn trọng	33
Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	33
Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	34
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	34
Điều 42. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	34
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	35
Điều 43. Công nhân viên và công đoàn.....	35
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	35
Điều 44. Phân phối lợi nhuận	35
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	35
Điều 45. Tài khoản ngân hàng.....	35
Điều 46. Năm tài chính.....	36
Điều 47. Chế độ kế toán	36
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	36
Điều 48. Báo cáo tài chính năm.....	36
Điều 49. Báo cáo thường niên	36
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	37
Điều 50. Kiểm toán.....	37
XVII. CON ĐẤU.....	37
Điều 51. Con dấu.....	37
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	37
Điều 52. Chấm dứt hoạt động.....	37
Điều 53. Gia hạn hoạt động.....	37
Điều 54. Thanh lý.....	37

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	38
Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	38
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	38
Điều 56. Điều lệ Công ty	38
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	39
Điều 57. Ngày hiệu lực.....	39

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tại đại hội tổ chức chính thức vào ngày 17 tháng 06 năm 2023.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b. "Luật Doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu;
- e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng Giám đốc; Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.
- f. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;
- g. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
- h. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán;
- i. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- j. "Địa bàn kinh doanh" có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Tên tiếng Anh: **HO CHI MINH CITY MEDICAL IMPORT EXPORT JOINT STOCK COMPANY**

- Tên viết tắt: **YTECO**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

3.1 Trụ sở chính:

- Địa chỉ : 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: (028) 3930 4372

- Fax : (028) 3930 6909
- E-mail : yteco-hcm@yteco.vn
- Website : www.yteco.vn

3.2 Cơ sở 2 :

- Địa chỉ : 76 Sương Nguyệt Ánh, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3 Kho hàng xuất nhập khẩu:

- Địa chỉ : 24 đường 17, Phường Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (028) 3726 9520

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 52 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và kéo dài đến vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

a. Số lượng người đại diện theo pháp luật là một (01) người. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

b. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

c. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tại Công ty khi xuất cảnh khỏi Việt Nam.

d. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

e. Trường hợp vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

STT	Tên ngành
1	Kinh doanh xuất nhập khẩu dược phẩm, dược liệu. Mua bán mỹ phẩm. Mua bán hàng trang trí nội thất. Xuất khẩu, nhập khẩu, bán buôn thuốc
2	Kinh doanh xuất nhập khẩu trang thiết bị, vật tư y tế. Mua bán vật tư-máy móc-phụ tùng các loại. Mua bán máy phát điện
3	Sản xuất trang thiết bị, vật tư y tế
4	Mua bán sữa, sản phẩm dinh dưỡng, thực phẩm. Bán buôn thực phẩm chức năng
5	Mua bán nông lâm sản (không hoạt động tại trụ sở)
6	Sản xuất thiết bị ngành y tế (không hoạt động tại trụ sở)
7	Sản xuất thiết bị ngành thực phẩm, thiết bị khoa học kỹ thuật (không hoạt động tại trụ sở)
8	Mua bán xe cứu thương
9	Sản xuất thang máy (không hoạt động tại trụ sở)
10	Sản xuất máy giặt công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở)
11	Mua bán hàng điện tử và linh kiện điện tử
12	Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp
13	Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô
14	Đại lý thu đổi ngoại tệ. Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa. Môi giới thương mại
15	Nhà hàng ăn uống (không hoạt động tại trụ sở)
16	Giặt ủi
17	Tổ chức hội nghị, hội thảo (không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ và không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)
18	Bán lẻ thuốc
19	Dịch vụ bảo quản và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
20	Sản xuất dược phẩm, dược liệu. Sản xuất thuốc
21	Được phép kinh doanh đa ngành nghề theo quy định của pháp luật
22	Mua bán vắc-xin, sinh phẩm, hóa chất dùng trong phòng thí nghiệm và nghiên cứu khoa học (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Mua bán vật liệu ngành in. Mua bán thiết bị ngành y tế. Mua bán thiết bị ngành thực phẩm, thiết bị khoa học kỹ thuật. Mua bán thang máy. Mua bán máy giặt công nghiệp. Mua bán tinh dầu, hương liệu. Mua bán lò thiêu xác (xác, xử lý rác). (doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động)
23	Sửa chữa, bảo trì các loại máy móc và thiết bị y tế
24	Cho thuê kho bãi, văn phòng, mặt bằng. Kinh doanh bất động sản
25	Sản xuất tinh dầu, hương liệu (không hoạt động tại trụ sở)
26	Mua bán xe cứu hỏa

27	Sản xuất lò thiêu xác (xác, xử lý rác) (không hoạt động tại trụ sở)
28	Sản xuất hàng điện tử và linh kiện điện tử (không hoạt động tại trụ sở)
29	Tư vấn du học
30	Kinh doanh dịch vụ quảng cáo thương mại
31	Mua bán kính đeo mắt
32	In trên bao bì (không hoạt động tại trụ sở)
33	Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu. Dịch vụ khai thuế Hải quan
34	Kinh doanh lữ hành nội địa, Quốc tế
35	Sản xuất hàng trang trí nội thất (không hoạt động tại trụ sở). Sản xuất máy phát điện (không hoạt động tại trụ sở). Sản xuất sản phẩm dinh dưỡng, thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở). Sản xuất nông lâm sản (không hoạt động tại trụ sở). Sản xuất xe cứu thương (không hoạt động tại trụ sở). Sản xuất xe cứu hỏa (không hoạt động tại trụ sở)
36	Sản xuất điện mặt trời (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và xây dựng, vận hành thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân)
37	Cho thuê trang thiết bị y tế
38	Cho thuê lại lao động
39	Dịch vụ cho thuê và cung ứng nguồn lao động

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là: thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển kinh doanh trang thiết bị y tế, dược phẩm các loại, nguyên vật liệu phục vụ ngành dược và một số ngành nghề khác được quy định tại Khoản 1 Điều 4; nhằm mục tiêu thu tối đa các khoản lợi nhuận; tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động; tăng cổ tức cho các cổ đông; đóng góp cho ngân sách nhà nước và không ngừng phát triển Công ty.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành, nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là **30.800.000.000 đồng** (Ba mươi tỷ tám trăm triệu đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **3.080.000** cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/Cổ phần

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12 và Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục 01 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 2 tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu được đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ không quá 1% một tháng vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa hoặc hình thức khác do pháp luật quy định; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

j. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

Các quyền đối với các loại cổ phần khác (nếu có) phát sinh sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ

trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cá nhân cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

f. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

3. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty

7. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

8. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

9. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ

đồng thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c. Số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 14 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều 14;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 14 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 14 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 14 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- f. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
- g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- d. Báo cáo của Ban kiểm soát;
- e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- f. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- g. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- h. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- i. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- j. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

k. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

l. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

m. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

n. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỹ gần nhất của Công ty;

o. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;

p. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

q. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

r. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

s. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều 15 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền hoặc văn bản ủy quyền được lập theo mẫu của Công ty phù hợp quy định của pháp luật và phải có chữ ký theo quy định sau đây iệc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư.

4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 16 Điều lệ này, phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết trừ lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, Điều 20 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

c. Phiếu biểu quyết/bầu cử;

d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị liên quan đến Khoản 4 Điều 18 và trả lời cổ đông bằng văn bản và nêu rõ lý do chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;

- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký sở hữu, họ và tên của cổ đông, số cổ phiếu biểu quyết/phiếu bầu của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

4. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc uỷ quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

b) Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

7. Chủ tọa của đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó ("Địa điểm chính của đại hội");
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

13. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các nội dung sau đây được thông qua khi được số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành hoặc từ 65% trở lên tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất của công ty;

e. Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Các nghị quyết, quyết định khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện từ 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành hoặc từ 50% trở lên tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện khoản 2 Điều 21 Điều lệ này.

4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

5. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông các vấn đề sau đây:

- a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
- b. Định hướng phát triển công ty;
- c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của công ty;
- e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- f. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- g. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- h. Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông;
- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- e. Phương án bầu cử (nếu có);
- f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử hợp lệ và số biểu quyết/phiếu bầu cử không hợp lệ, phương thức gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề và tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên;

e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Tổng hợp số phiếu bầu đối với từng ứng viên (nếu có);

i. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

j. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến không tán thành về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 21 Điều lệ này.

2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; và từ 65% được đề cử năm (05) ứng viên trở lên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn lên.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

3.1 Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Thành viên Hội đồng quản trị không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b. Có đơn xin từ chức và được chấp thuận;

3.2 Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau:

Thành viên Hội đồng quản trị không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

3.3 Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 3.1 và 3.2 Điều này.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;



- m. Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
- q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty;
- r. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị và chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, đồng thời có những quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị, ủy quyền phải được sự đồng ý của đa số các thành viên Hội đồng quản trị còn lại. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a. Ban kiểm soát;
- b. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
- c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Các trường hợp khác (nếu có).

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều 30. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng



Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đồng nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều 30 trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và không tán thành ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến không tán thành về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty

a. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

b. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

- Tham dự các cuộc họp;
- Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 33. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn giảm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

3. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thống lệ quản lý tốt nhất;

- c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
- f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- g. Vào ngày 01 tháng 12 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
- h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
- i. Tuyển dụng lao động;
- j. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- k. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 35. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

- 1. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- 2. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- 3. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- 4. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
- 5. Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- 6. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Trưởng Ban kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;
- b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
- c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông;
- d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp;
- f. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- g. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu trữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;
- h. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty;
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, di lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

- a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
- b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

Hội đồng Quản trị công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty về việc lập danh sách cổ đông nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Qua thời gian trên, sau khi Trung tâm lưu ký cung cấp danh sách cổ đông cho Công ty, Hội đồng Quản trị sẽ thực hiện chi trả cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu cho Cổ đông theo thông tin đã công bố.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 46. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 47. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 48. Báo cáo tài chính năm

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

4. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 49. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 50. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. CON DẤU

Điều 51. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.

2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 52. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 53. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông (hoặc các đại diện được ủy quyền) dự họp tán thành hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 54. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ

một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- e. Các khoản nợ khác của Công ty;
- f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Công ty chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Điều lệ Công ty

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm XXI chương 57 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Tp. Hồ Chí Minh nhất trí thông qua ngày 18/04/2022 tại Tp. Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này; Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày Đại hội đồng Cổ đông biểu quyết thông qua.
2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương
 - b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố;
 - c. Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



PHỤ LỤC 1
DANH SÁCH VÀ THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc số chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	Đại diện vốn nhà nước: - Huyện Kim Hoàng, - Nguyễn Thị Quốc Linh	-245/19 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 7 Quận Tân Phú, TP.HCM - 93 Bùi Đình Túy, phường 12, quận Bình Thạnh, TP.HCM	Cổ phần phổ thông	81.200	8.120.000.000	29		
2	Dư Mỹ Hạnh	18B/27/23 Đường 3/2, Phường 12 Quận 10, TP.HCM	Cổ phần phổ thông	3.500	350.000.000	1.25		
3	Dương Thị Xuân Hà	68/14 Bùi Thị Xuân, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM	Cổ phần phổ thông	3.500	350.000.000	1.25		

4	Lê Thiệt Phước	187/11 Cô Giang, Phường Cô Giang, Quận 1, TPHCM	Cổ phần phổ thông	700	70.000.000	0.25		
5	Phan Đức Bình	152/7 Lý Chính Thắng	Cổ phần phổ thông	700	70.000.000	0.25		
6	Vũ Khánh	139 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TPHCM	Cổ phần phổ thông	500	50.000.000	0.18		
7	Và 469 cổ đông	Việt Nam	Cổ phần phổ thông	189.900	18.990.000.000	67.82		

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	14 - 41

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế TP. Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế TP. Hồ Chí Minh được thành lập từ năm 1984 (tiền thân là Công ty Xuất Nhập Khẩu Y tế), được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần vào ngày 01 tháng 8 năm 2001. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302366480, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 8 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 27 ngày 29 tháng 10 năm 2021 do Số Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : +84 (028) 3930 4372
- Fax : +84 (028) 3930 6909

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại Đà Nẵng	Lô 10 Khu dân cư đầu tuyến Đồng Đa – Lê Lợi – Trần Quý Cáp, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.
Chi nhánh tại Cần Thơ	283 Đường Tú Xương, KV2, phường An Bình, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.
Chi nhánh tại Hà Nội	Phòng 2, Tầng 1, Khu tập thể 63 Lý Nam Đế, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.
Địa điểm kinh doanh - Hiệu thuốc số 4	68 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
Địa điểm kinh doanh - Kho hàng	24 đường 17, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.
Địa điểm kinh doanh - Kho hàng	181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
Địa điểm kinh doanh - Cơ sở Sương Nguyệt Ánh	76 Sương Nguyệt Ánh, phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh chính chính của Công ty là: Kinh doanh, xuất nhập khẩu dược phẩm, nguyên liệu dược, trang thiết bị y tế, vắc - xin, sinh phẩm, hóa chất xét nghiệm, mỹ phẩm, sữa, chất dinh dưỡng, kính đeo mắt; cung cấp dịch vụ xuất nhập khẩu và khai thuế hải quan; sửa chữa, bảo trì máy móc, trang thiết bị y tế; cho thuê kho và văn phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Khánh Linh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2020
Ông Phan Phương Anh	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 7 năm 2020
Ông Nguyễn Quốc Việt	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 12 năm 2020
Ông Lê Văn Thiện	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2020
Ông Phan Minh Trung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2021
Ông Trịnh Đào Cung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2021

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2020
Ông Huỳnh Công Triết	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2020
Bà Trương Thị Hồng Nhạn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2020

Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phan Minh Trung	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 10 năm 2021
Ông Nguyễn Quốc Việt	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 10 năm 2021

Đại diện theo pháp luật

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phan Minh Trung	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 10 năm 2021
Ông Nguyễn Quốc Việt	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 10 năm 2021

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

440815
 NG TY
 NIEM HUU
 AN VA TƯ
 & C
 T. PHONG

440815
 NG TY
 NIEM HUU
 AN VA TƯ
 & C
 T. PHONG

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp

Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ngày 14 tháng 3 năm 2022



Phan Minh Trung
Tổng Giám đốc



PH
KH
Y
T
H
C
M

PH
KH
Y
T
H
C
M

PH
KH
Y
T
H
C
M

Số: 1.0428/22/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế TP. Hồ Chí Minh, được lập ngày 16 tháng 3 năm 2022, từ trang 07 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Năm 2020 Công ty có sự thay đổi Ban điều hành và các thành viên quản lý chủ chốt. Do quy trình theo dõi, quản lý công nợ trước đây chưa chặt chẽ và số lượng khách hàng nhiều nên Ban điều hành chưa thể kiểm tra, đối chiếu để làm rõ một số khoản công nợ có giá trị theo sổ sách như sau:

	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 31/12/2020	Thuyết minh
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	21.521.918.075	49.680.312.781	V.3
Phải thu ngắn hạn khác	27.465.336.046	44.958.529.779	V.5
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17.821.659.948	27.391.334.021	V.15
Phải trả ngắn hạn khác	40.302.295.221	45.702.343.654	V.19

Với các tài liệu và thông tin hiện có tại Công ty, chúng tôi cũng không thể kiểm tra được các khoản công nợ trên bằng các thủ tục kiểm toán khác.

486
 AN
 KH
 PH
 MIN
 0/0

M.S.D.N.07
 TRÁC
 KIỂM
 O.TAN BIA

- Trong năm 2021, Cơ quan thuế TP. Hồ Chí Minh đã gửi một số thông báo yêu cầu Công ty nộp bổ sung tiền thuế đất từ năm 2020 trở về trước với số tiền 10.917.913.254 VND và tiền chậm nộp tiền thuế đất với số tiền là 3.531.322.921 VND. Công ty đã nộp tiền thuế đất bổ sung nhưng chưa phản ánh vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh tiền thuế đất nộp bổ sung và tiền chậm nộp này do đang khiếu nại Cục thuế TP. Hồ Chí Minh. Nếu tiền thuế đất và phạt chậm nộp tiền thuế đất được ghi nhận vào chi phí thì sẽ làm cho lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 giảm 1.085.393.548 VND, năm 2020 giảm 3.657.181.831 VND. Đồng thời chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" (mã số 421) trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 giảm đi 14.449.236.175 VND, tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 giảm đi 13.363.842.627 VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại phần "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế TP. Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi xin lưu ý người đọc thuyết minh số VII.1 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp về việc Thanh tra TP. Hồ Chí Minh đang đề nghị Công ty nộp thuế nhà thầu cho các hợp đồng nhập khẩu ủy thác có bao gồm dịch vụ lắp đặt. Công ty đang phối hợp với đơn vị nhập khẩu kiểm tra lại các hợp đồng này và đã thực hiện khiếu nại kết luận của Thanh tra TP. Hồ Chí Minh. Trường hợp phải nộp thuế nhà thầu, Công ty sẽ yêu cầu đơn vị nhập khẩu hoàn lại tiền thuế nhà thầu phải nộp.



Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0100-2018-008-1

Võ Thành Công - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1033-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		721.815.697.047	939.038.988.817
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	18.272.174.324	24.819.337.733
1. Tiền	111		13.422.174.324	12.264.337.733
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.850.000.000	12.555.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		38.103.914.906	36.511.936.666
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	38.103.914.906	36.511.936.666
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		530.293.903.971	723.968.908.721
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	185.855.291.570	264.524.732.348
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	7.740.039.817	1.043.033.237
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	350.405.303.104	471.019.902.408
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(13.706.730.520)	(12.618.759.272)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		121.818.301.313	148.802.267.696
1. Hàng tồn kho	141	V.7	125.531.652.560	152.924.751.140
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(3.713.351.247)	(4.122.483.444)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.327.402.533	4.936.538.001
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	496.928.031	287.889.116
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.880.556.298	3.863.533.650
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	10.949.918.204	785.115.235
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

9875
 TỶ
 KHU
 Á TỰ
 C
 HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		58.987.753.657	56.495.789.709
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		54.065.389.339	55.167.595.187
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	47.021.213.484	47.436.843.304
- Nguyên giá	222		76.732.421.341	74.313.440.777
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.711.207.857)	(26.876.597.473)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	2.267.344.066	2.579.303.674
- Nguyên giá	225		3.566.467.237	3.566.467.237
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.299.123.171)	(987.163.563)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	4.776.831.789	5.151.448.209
- Nguyên giá	228		7.679.645.289	7.679.645.289
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.902.813.500)	(2.528.197.080)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.737.216.051	358.184.378
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	2.737.216.051	358.184.378
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.185.148.267	970.010.144
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	2.185.148.267	970.010.144
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.13	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		789.803.450.704	995.534.778.526

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH


Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		759.056.855.359	982.075.696.036
I. Nợ ngắn hạn	310		758.274.855.359	980.885.696.036
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	187.762.072.914	255.907.773.030
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	19.581.525.880	36.265.006.142
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	929.146.183	23.914.527
4. Phải trả người lao động	314	V.17	2.586.747.848	500.585.270
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	1.189.531.711	1.046.476.462
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	326.678.570.512	462.098.679.037
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a, c	219.540.757.536	225.025.358.793
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	6.502.775	17.902.775
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		782.000.000	1.190.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b, c	782.000.000	1.190.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-


 KƯ
 T
 H
 C

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		21.746.595.345	13.459.082.490
I. Vốn chủ sở hữu	410		21.746.595.345	13.459.082.490
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22	30.800.000.000	30.800.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.800.000.000	30.800.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22	-	22.764.099.034
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22	(9.053.404.655)	(40.105.016.544)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(19.718.386.437)	(40.105.016.544)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		10.664.981.782	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí để hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		780.803.450.704	995.534.778.526


Trần Thị Nhân
Kế toán trưởng/Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2022

Phan Minh Trung
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	608.915.443.601	610.043.365.528
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL2	4.650.822.537	43.574.069.154
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		604.264.621.064	566.469.296.374
4. Giá vốn hàng bán	11	VL3	551.800.333.423	517.668.340.713
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		52.464.287.641	48.800.955.661
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL4	20.870.674.656	31.994.967.177
7. Chi phí tài chính	22	VL5	21.506.442.147	28.388.570.431
Trong đó: chi phí lãi vay	23		15.196.118.761	23.759.175.110
8. Chi phí bán hàng	25	VL6	25.959.566.100	37.245.570.595
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VL7	25.535.419.109	31.213.416.333
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		333.534.941	(16.051.634.521)
11. Thu nhập khác	31	VL8	12.064.312.297	4.280.497.253
12. Chi phí khác	32	VL9	646.324.156	241.941.148
13. Lợi nhuận khác	40		11.417.988.141	4.038.556.105
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.751.523.082	(12.013.078.416)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	1.086.541.300	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.664.981.782	(12.013.078.416)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL10a, b	3.463	(3.900)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VL10a, b	3.463	(3.900)

306
VỐ T
PH
HÁP
TẾ
HỒ
CHÍ
MINH1/0
HẮC
IEM
9/0

Trần Thị Nhân
Kế toán trưởng/Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2022

Phan Minh Trung
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		11.751.523.082	(12.013.078.416)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, 10, 11	4.349.865.175	5.099.216.224
- Các khoản dự phòng	03	V.6, 7	2.304.579.903	6.007.672.443
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	940.058.281	298.571.203
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, 8	(3.731.762.397)	(3.971.828.696)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	15.196.118.761	23.759.175.110
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		30.810.382.805	19.179.727.868
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		185.329.116.712	(279.909.020.499)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		25.767.357.728	(50.249.288.885)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(221.461.729.266)	293.851.661.357
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.424.177.038)	445.960.183
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.18, VI.5	(15.253.297.423)	(23.267.460.098)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	-	(2.409.001.352)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.21	(11.400.000)	(404.038.556)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.756.253.518	(42.761.459.982)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, 12	(5.626.691.000)	(3.060.027.733)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.8	317.545.820	559.090.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(23.987.969.752)	(24.837.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		22.395.991.512	7.729.873.924
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.4	2.490.307.750	3.385.852.745
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.410.815.670)	(16.222.210.155)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

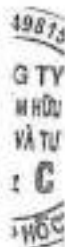
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20a	518.864.739.084	860.124.615.723
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20a	(524.303.494.377)	(909.961.670.571)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.20a, b	(453.845.964)	(453.845.964)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(4.790.578.182)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>(5.892.601.257)</u>	<u>(55.081.478.994)</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(6.547.163.409)	(114.065.149.131)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	24.819.337.733	138.884.486.864
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>18.272.174.324</u>	<u>24.819.337.733</u>


Trần Thị Nhân
Kế toán trưởng/Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2022

Phan Minh Trung
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế TP. Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Kinh doanh, xuất nhập khẩu dược phẩm, nguyên liệu dược, trang thiết bị y tế, vắc - xin, sinh phẩm, hóa chất xét nghiệm, mỹ phẩm, sữa, chất dinh dưỡng, kính đeo mắt; cung cấp dịch vụ xuất nhập khẩu và khai thuế hải quan; sửa chữa, bảo trì máy móc, trang thiết bị y tế; cho thuê kho và văn phòng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đại dịch Covid-19

Năm 2021, dịch Covid-19 lây lan trên diện rộng đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng do nhiều địa phương (TP. Hồ Chí Minh, các tỉnh Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, Miền Trung, TP. Hà Nội,...) phải thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16+, Chỉ thị 16 hoặc Chỉ thị 15 trong thời gian dài để kiểm soát dịch bệnh. Các biện pháp ngăn chặn nghiêm ngặt được áp dụng trên phạm vi rộng, giãn cách xã hội kéo dài dẫn đến đứt gãy lưu thông, sản xuất kinh doanh bị đình trệ.

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá về tác động tổng thể của tình hình đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như các ảnh hưởng đến tài chính, bao gồm khả năng thu hồi nợ và nhận thấy dịch Covid-19 không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty có các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại Đà Nẵng	Lô 10 Khu dân cư đầu tuyến Đồng Đa - Lê Lợi - Trần Quý Cáp, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.
Chi nhánh tại Cần Thơ	283 Đường Tứ Xương, KV2, phường An Bình, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.
Chi nhánh tại Hà Nội	Phòng 2, Tầng 1, Khu tập thể 63 Lý Nam Đế, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.
Địa điểm kinh doanh - Hiệu thuốc số 4	68 Cách Mạng Tháng Tám, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
Địa điểm kinh doanh - Kho hàng	24 đường 17, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.
Địa điểm kinh doanh - Kho hàng	181 Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
Địa điểm kinh doanh - Cơ sở Sương Nguyệt Ánh	76 Sương Nguyệt Ánh, phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp**
Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.
- Nhân viên**
Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 101 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 109 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp**
Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
- Các giao dịch bằng ngoại tệ**
Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

302
CỔ
CỔ
C/T K
RBA
Đ C
/ 77

18/1
TÁC
ĐI
/ 18/18

18/1 18/18

18/1 18/18

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là công cụ dụng cụ, hàng hóa bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian không quá 36 tháng.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	10

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của phương tiện tải thuê tài chính là 08 năm.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 10 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

19/12/2021
KHOA
ĐC
C/

19/12/2021
3 TY
V HỒI
VÀ TVI
C
HOC

19/12/2021

19/12/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính tổng hợp và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kết toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	298.650.322	533.328.113
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.123.524.002	11.731.009.620
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) ⁽¹⁾	4.850.000.000	12.555.000.000
Cộng	18.272.174.324	24.819.337.733

⁽¹⁾ Trong đó, khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn với số tiền 4.850.000.000 VND đã được dùng để đảm bảo cho khoản nợ phải trả về Upas L/C, các khoản vay tại ngân hàng này (xem thuyết minh số V.19 và V.20a).

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm.

Trong đó, các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định và Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Chợ lớn với số tiền lần lượt là 19.690.000.000 VND, 2.413.914.906 VND và 16.000.000.000 VND đã được cầm cố để đảm bảo cho khoản nợ phải trả về Upas L/C, các khoản vay, bảo lãnh tại các ngân hàng này (xem thuyết minh số V.19 và V.20a).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>100.900.000</i>	<i>25.718.692.500</i>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Quận 3	-	25.718.692.500
Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết	100.900.000	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>185.754.391.570</i>	<i>238.806.039.848</i>
Công ty TNHH Dược phẩm Trang thiết bị Y tế T.D	5.656.615.535	16.292.380.204
Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Tâm An	2.809.132.817	15.861.858.496
Công ty TNHH Dược phẩm Kim Đô	2.166.191.038	-
Các khoản nợ đang kiểm tra, đối chiếu	21.521.918.075	49.680.312.781
Các khách hàng khác	153.600.534.105	156.971.488.367
Cộng	185.855.291.570	264.524.732.348

Công ty đã thế chấp quyền đòi nợ luân chuyển để đảm bảo cho các khoản nợ phải trả về Upas L/C, các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (xem thuyết minh số V.19 và V.20a).

03/03/2022
CÁM
TH
HỒ

0445
SNG
KHU
M&V
&
T.P1

11/11/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho bên liên quan</i>	987.647.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Quận 3	987.647.000	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	6.752.392.817	1.043.033.237
Shandong Chengwu Medical Products Factory	1.392.697.513	-
Jin Yang Pharm Co., Ltd.	1.069.122.926	-
A&D Company Limited	1.255.885.678	-
Các nhà cung cấp khác	3.034.686.700	1.043.033.237
Cộng	7.740.039.817	1.043.033.237

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu bên liên quan</i>	694.580.129	-	82.294.128	-
Ông Phan Minh Trung – tạm ứng	694.580.129	-	82.294.128	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	349.710.722.975	(2.609.648.492)	470.937.608.280	(2.609.648.492)
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm phải thu	-	-	54.323.133	-
Lãi dự thu tiền gửi	1.073.067.931	-	149.159.104	-
Tạm ứng	343.380.400	-	3.511.899.276	(2.609.648.492)
Các khoản ký quỹ	3.830.731.907	-	3.505.696.102	-
Chi hộ chi phí hàng ủy thác	287.505.848.745	-	400.125.631.442	-
Các khoản chi hộ chi phí hàng ủy thác đang kiểm tra, đối chiếu	27.465.336.046	-	44.958.529.779	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Duy Tân - tiền lãi trả chậm	12.380.176.050	-	11.675.394.262	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	17.112.181.896	(2.609.648.492)	6.956.975.182	-
Cộng	350.405.303.104	(2.609.648.492)	471.019.902.408	(2.609.648.492)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Bên liên quan</i>		-	-	18.956.460.000	18.956.460.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Quận 3 - phải thu tiền bán hàng	Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	-	13.319.700.000	13.319.700.000
	Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	-	5.636.760.000	5.636.760.000
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		42.475.635.631	28.768.905.111	41.703.311.826	29.984.552.554
Công ty Cổ phần Dược phẩm Duy Tân - phải thu tiền hàng hóa	Quá hạn trên 3 năm	14.357.014.866	14.357.014.866	15.907.014.866	15.907.014.866
Công ty Cổ phần Dược phẩm Duy Tân - phải thu tiền lãi trả chậm	Quá hạn trên 3 năm	10.125.297.487	10.125.297.487	11.675.394.262	11.675.394.262
Công ty TNHH In Di Co - phải thu tiền bán hàng	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	2.198.553.454	2.198.553.454	-	-
Công ty TNHH In Di Co - phải thu tiền bán hàng	Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	1.481.723.237	1.481.723.237	1.363.304.769	1.363.304.769
Công ty TNHH In Di Co - phải thu tiền bán hàng	Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	415.791.710	415.791.710	69.343.067	69.343.067
Công ty TNHH In Di Co - phải thu tiền bán hàng	Quá hạn trên 3 năm	83.217.600	83.217.600	-	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Thiết bị Y tế Minh Thành - phải thu tiền bán hàng	Quá hạn trên 3 năm	3.829.646.001	-	3.829.646.001	-
Ông Trần Cao Sơn - tạm ứng	Không có khả năng thu hồi	2.609.648.492	-	2.609.648.492	-
Công ty TNHH Dược phẩm Lê Khải - phải thu tiền bán hàng	Không có khả năng thu hồi	1.881.118.197	-	1.881.118.197	-
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Dương Hồ - phải thu tiền bán hàng	Không có khả năng thu hồi	999.924.117	-	999.924.117	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác - phải thu tiền bán hàng	Quá hạn từ 06 tháng trở lên	4.493.700.470	107.306.757	3.367.918.055	69.495.590
Cộng		42.475.635.631	28.768.905.111	60.659.771.826	48.041.012.554

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	12.618.759.272	22.471.000.118
Trích lập dự phòng bổ sung	1.087.971.248	3.254.069.331
Xóa số khoản nợ CCL Pharmaceuticals (Pvt) Ltd. khó thu hồi	-	(13.106.310.177)
Số cuối năm	13.706.730.520	12.618.759.272

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	9.961.341.705	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	87.463.182	-
Hàng hóa ⁽ⁱ⁾	115.570.310.855	(3.713.351.247)	152.837.287.958	(4.122.483.444)
Cộng	125.531.652.560	(3.713.351.247)	152.924.751.140	(4.122.483.444)

- (i) Công ty đã thế chấp hàng tồn kho luân chuyển để đảm bảo cho các khoản nợ phải trả về Upas L/C, các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn và Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn (xem thuyết minh số V.19 và V.20a).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.122.483.444	1.368.880.332
Trích lập dự phòng bổ sung	1.216.608.655	2.753.603.112
Xử lý hàng tồn kho đã lập dự phòng	(1.625.740.852)	-
Số cuối năm	3.713.351.247	4.122.483.444

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	196.444.535	105.403.446
Công cụ, dụng cụ	67.831.364	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	232.652.132	182.485.670
Cộng	496.928.031	287.889.116

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa tài sản	491.988.931	203.737.988
Chi chi công cụ, dụng cụ	697.812.701	103.912.790
Các chi phí trả trước dài hạn khác	995.346.635	662.359.366
Cộng	2.185.148.267	970.010.144

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	59.173.324.393	6.714.661.080	4.500.883.134	3.320.490.170	604.082.000	74.313.440.777
Mua trong năm	-	-	263.243.636	-	-	263.243.636
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.586.909.091	-	-	-	397.506.600	2.984.415.691
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(828.678.763)	-	-	(828.678.763)
Số cuối năm	61.760.233.484	6.714.661.080	3.935.448.007	3.320.490.170	1.001.588.600	76.732.421.341
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	7.196.441.611	317.059.070	1.648.665.705	2.883.044.716	604.082.000	12.649.293.102
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	18.279.547.688	1.373.829.534	3.650.643.902	2.968.494.349	604.082.000	26.876.597.473
Khấu hao trong năm	2.762.395.444	511.589.196	286.535.621	96.143.776	6.625.110	3.663.289.147
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(828.678.763)	-	-	(828.678.763)
Số cuối năm	21.041.943.132	1.885.418.730	3.108.500.760	3.064.638.125	610.707.110	29.711.207.857
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	40.893.776.705	5.340.831.546	850.239.232	351.995.821	-	47.436.843.304
Số cuối năm	40.718.290.352	4.829.242.350	826.947.247	255.852.045	390.881.490	47.021.213.484
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 42.664.439 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn (xem thuyết minh số V.20a).

10. Tài sản cố định thuê tài chính

	Phương tiện vận tải
Số đầu năm	3.566.467.237
Số cuối năm	3.566.467.237
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	987.163.563
Khấu hao trong năm	311.959.608
Số cuối năm	1.299.123.171
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	2.579.303.674
Số cuối năm	2.267.344.066

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	3.500.000.000	4.179.645.289	7.679.645.289
Số cuối năm	3.500.000.000	4.179.645.289	7.679.645.289
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	1.405.173.039	1.405.173.039
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	2.528.197.080	2.528.197.080
Khấu hao trong năm	-	374.616.420	374.616.420
Số cuối năm	-	2.902.813.500	2.902.813.500
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	3.500.000.000	1.651.448.209	5.151.448.209
Số cuối năm	3.500.000.000	1.276.831.789	4.776.831.789
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn (xem thuyết minh số V.20a).

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	167.272.727	135.572.727	-	(236.272.727)	66.572.727
Xây dựng cơ bản dở dang	190.911.651	6.410.853.169	(2.984.415.691)	(946.705.805)	2.670.643.324
<i>Công trình 181 Nguyễn Đình Chiểu</i>	-	1.829.727.273	-	-	1.829.727.273
<i>Thi công lắp đặt hệ thống PCCC</i>	-	397.506.600	(397.506.600)	-	-
<i>Các công trình khác</i>	190.911.651	4.183.619.296	(2.586.909.091)	(946.705.805)	840.916.051
Cộng	358.184.378	6.546.425.896	(2.984.415.691)	(1.182.978.532)	2.737.216.051

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chi phí lãi vay không được trừ của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 với số tiền là 1.574.832.781 VND.

Theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ, từ kỳ tính thuế năm 2019 trở đi, phần chi phí lãi vay không được trừ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận do ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những khoản chi phí lãi vay được chuyển này.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>382.315.484</i>	<i>323.246.786</i>
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	405.001	49.500.084
Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết	370.559.983	103.903.002
Công ty Cổ phần Dược phẩm Quận 3	11.350.500	169.843.700
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>187.379.757.430</i>	<i>255.584.526.244</i>
Belasia Limited.	10.418.429.609	9.882.231.048
Neo Unicap Co., Ltd.	3.493.851.466	15.883.030.196
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thiết bị Y tế Cao Minh	16.945.035.000	27.395.027.000
Hop Healthcare Asia Pte., Ltd.	9.971.843.682	2.757.333.035
Kalbe International Pte., Ltd.	16.479.974.235	5.076.312.884
Pt. Kalbe Farma Tbk	6.708.503.231	17.154.017.138
Gedeon Richter Plc.	32.733.294.676	83.400.585.981
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco	12.057.609.783	2.500.221.915
Các nhà cung cấp khác	78.571.215.748	91.535.767.047
Cộng	187.762.072.914	255.907.773.030

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Thương mại Dược phẩm Khang Huy (đang kiểm tra, đối chiếu)	505.569.939	4.301.877.644
Các khoản trả trước đang kiểm tra, đối chiếu	17.316.090.009	23.089.456.377
Công ty TNHH Dược phẩm Kim Đô	-	6.259.991.867
Các khách hàng khác	1.759.865.932	2.613.680.254
Cộng	19.581.525.880	36.265.006.142

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	23.914.527	-	167.000.118	(154.732.122)	36.182.523	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	21.300.337.030	(21.300.337.030)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	3.614.922.509	(3.646.927.459)	-	32.004.950
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	571.429.548	1.086.541.300	-	515.111.752	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	59.868.671	816.478.708	(676.943.441)	79.666.596	-
Tiền thuế đất	-	85.657.272	4.716.207.489	(15.548.463.471)	-	10.917.913.254
Thuế nhà thầu	-	-	2.702.489.373	(2.632.070.777)	70.418.596	-
Thuế môn bài	-	-	11.000.000	(11.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	68.159.744	301.926.460	(6.000.000)	227.766.716	-
Cộng	23.914.527	785.115.235	34.716.902.987	(43.976.474.300)	929.146.183	10.949.918.204

K.Đ.
K.Đ.
T
H915-C.1
TY
HỮU HẠN
TƯ VẤN
C
HỒ CHÍ MINHK.Đ.
K.Đ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 5% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.751.523.082	(12.013.078.416)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
• Chi phí lãi vay không được trừ ⁽¹⁾	1.574.832.781	-
• Các khoản điều chỉnh tăng khác	311.292.712	937.946.792
Thu nhập chịu thuế	13.637.648.575	(11.075.131.624)
Lỗ các năm trước được chuyển	(12.053.796.846)	-
Thu nhập tính thuế	1.583.851.729	(11.075.131.624)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	316.770.346	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	769.770.954	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.086.541.300	-

- ⁽¹⁾ Chi phí lãi vay không được trừ này được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp theo sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuế đất

Tiền thuế đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Trong năm 2021, Cơ quan thuế TP. Hồ Chí Minh đã gửi một số thông báo yêu cầu Công ty nộp bổ sung tiền thuế đất từ năm 2020 trở về trước với số tiền 10.917.913.254 VND và tiền chậm nộp tiền thuế đất với số tiền là 3.531.322.921 VND. Công ty đã nộp tiền thuế đất bổ sung nhưng chưa phản ánh vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh tiền thuế đất nộp bổ sung và tiền chậm nộp này do đang khiếu nại Cục thuế TP. Hồ Chí Minh.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động

Tiền lương, thưởng còn phải trả cho người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả bên liên quan</i>	<i>42.169.863</i>	-
Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital - chi phí lãi vay phải trả	42.169.863	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1.147.361.848</i>	<i>1.046.476.462</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	290.854.365	335.500.000
Chi phí lãi vay phải trả	392.366.487	491.715.012
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	464.140.996	219.261.450
Cộng	1.189.531.711	1.046.476.462

19. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả bên liên quan</i>	<i>346.156.367</i>	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Quận 3 - phải trả khác	346.156.367	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>326.332.414.145</i>	<i>462.098.679.037</i>
Phải trả về Upas L/C ⁽¹⁾	1.333.800.300	130.354.197.314
Các khoản ứng trước về hàng nhận ủy thác	261.034.188.292	264.240.313.335
Các khoản ứng trước về hàng nhận ủy thác đang kiểm tra, đối chiếu	40.302.295.221	45.702.343.654
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm phải trả	24.072.061	-
Nhận ký quỹ ngắn hạn	4.591.849.012	3.287.475.408
Phải trả Bà Võ Thị Sáu - hợp tác kinh doanh Hiệu thuốc số 1	13.539.918.664	14.733.000.000
Phải trả về chiết khấu thương mại	-	3.461.563.673
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	5.506.290.595	319.785.653
Cộng	326.678.570.512	462.098.679.037

⁽¹⁾ Khoản nợ phải trả các ngân hàng về Upas L/C đã được đảm bảo bằng một số khoản tiền gửi có kỳ hạn, quyền đòi nợ luân chuyển và hàng tồn kho luân chuyển (xem thuyết minh số V.1, V.2 và V.3).

20. Vay và nợ thuê tài chính**20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital (là bên liên quan) ⁽¹⁾	6.500.000.000	-
Vay ngắn hạn ngân hàng	211.682.424.001	221.621.179.294
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ⁽²⁾	50.968.193.940	15.569.487.500
Vay Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽²⁾	73.095.178.232	56.560.465.711
Vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn ⁽²⁾	72.697.608.289	99.413.341.791
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định ⁽²⁾	14.921.443.540	14.980.448.868
Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín - Chi nhánh Sài Gòn	-	21.597.435.424
Vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sài Gòn	-	13.500.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân	1.000.000.000	3.000.000.000
Vay Ông Lương Huỳnh Quốc Bảo	1.000.000.000	2.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Bản thuyết minh



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay Bà Nguyễn Thị Từ Anh	-	1.000.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	358.333.535	404.179.499
Cộng	219.540.757.536	225.025.358.793

- (ii) Vay không có tài sản đảm bảo Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 7,4%/năm, thời hạn vay 06 tháng.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động với hạn mức tín dụng là 80.000.000.000 VND, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay từng khoản nợ tối đa không quá 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số khoản tiền gửi có kỳ hạn, quyền đòi nợ luân chuyển, hàng tồn kho luân chuyển và tài sản cố định của Công ty (xem thuyết minh số V.1, V.2, V.3, V.7 và V.9).
- (iv) Khoản vay tín chấp Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với hạn mức tín dụng là 150.000.000.000 VND, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay từng khoản nợ tối đa không quá 06 tháng.
- (v) Khoản vay ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động với hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 VND, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay từng khoản nợ tối đa không quá 09 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho luân chuyển tân được và tài sản cố định của Công ty (xem thuyết minh số V.7 và V.10).
- (vi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định để bổ sung vốn lưu động với hạn mức tín dụng là 15.000.000.000 VND, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay từng khoản nợ tối đa không quá 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp khoản tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết phát sinh của khoản vay ngắn hạn vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	221.621.179.294	511.364.739.084	-	(521.303.494.377)	211.682.424.001
Vay ngắn hạn tổ chức khác	-	6.500.000.000	-	-	6.500.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân	3.000.000.000	1.000.000.000	-	(3.000.000.000)	1.000.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	404.179.499	-	358.333.535	(404.179.499)	358.333.535
Cộng	225.025.358.793	518.864.739.084	358.333.535	(524.707.673.876)	219.540.757.536

20b. Nợ thuê tài chính dài hạn

Thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu để thuê phương tiện vận tải với lãi suất thả nổi, thời hạn thuê là 60 tháng.

Kỳ hạn thanh toán các khoản nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	358.333.535	404.179.499
Trên 01 năm đến 05 năm	782.000.000	1.190.000.000
Cộng	1.140.333.535	1.594.179.499

Công ty có khả năng trả được các khoản nợ thuê tài chính dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản nợ thuế tài chính dài hạn trong năm như sau:

Số đầu năm	1.190.000.000
Số tiền vay đã trả	(49.666.465)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(358.333.535)
Số cuối năm	782.000.000

20c. Vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	17.902.775	421.941.331
Chi quỹ trong năm	(11.400.000)	(404.038.556)
Số cuối năm	6.502.775	17.902.775

22. Vốn chủ sở hữu**22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	30.800.000.000	22.764.099.034	(27.791.862.514)	25.772.236.520
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	(12.013.078.416)	(12.013.078.416)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	(308.000.000)	(308.000.000)
Điều chỉnh khác	-	-	7.924.386	7.924.386
Số dư cuối năm trước	30.800.000.000	22.764.099.034	(40.105.016.544)	13.459.082.490
Số dư đầu năm nay	30.800.000.000	22.764.099.034	(40.105.016.544)	13.459.082.490
Lợi nhuận trong năm	-	-	10.664.981.782	10.664.981.782
Chuyển quỹ đầu tư phát triển về lợi nhuận chưa phân phối	-	(22.764.099.034)	22.764.099.034	-
Thuế bị truy thu từ các năm trước theo Biên bản thanh tra	-	-	(2.368.689.031)	(2.368.689.031)
Điều chỉnh khác	-	-	(8.779.896)	(8.779.896)
Số dư cuối năm nay	30.800.000.000	-	(9.053.404.655)	21.746.595.345

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital	6.108.400.000	-
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	8.932.000.000	8.932.000.000
Các cổ đông khác	15.759.600.000	21.868.000.000
Cộng	30.800.000.000	30.800.000.000

22c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.080.000	3.080.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.080.000	3.080.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.080.000	3.080.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.080.000	3.080.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.080.000	3.080.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp**23a. Tài sản thuế ngoài**

Tổng số tiền thuế tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	2.570.204.285	2.570.204.285
Trên 01 năm đến 05 năm	10.280.817.140	10.280.817.140
Trên 05 năm	48.833.881.415	51.404.085.700
Cộng	61.684.902.840	64.255.107.125

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên thể hiện tiền thuê đất của Công ty tại số 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh; số 76 Sương Nguyệt Ánh, phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh và số 24 đường 17, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh theo đơn giá cũ, hiện tại Công ty đang khiếu nại về việc thay đổi đơn giá thuê đất.

23b. Tài sản nhận giữ hộ

Công ty nhận giữ hộ thuốc cho các đơn vị khác, chi tiết như sau:

<u>Mặt hàng</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Quy cách</u>
(Ksd) Flip Off Seal 13Mm Code 3768 Green	84.000	Cái
15 Days Diet Chai/60V, T/120	1.560	Chai
20Mm Aluminium Seal, 20-10 Glđ Lq	497.000	Cái
A + Nutrition Heart Care C/30v	900	Chai
A + Nutrition Menmax C/60v	1.560	Chai
A + Nutrition Sunsafe C/60v, T/190	610	Chai
A + Nutrition White C/60v, T/96	960	Chai
Air-X	39.896	H10V10
Alputine Capsule	9.777	Hộp
Alu Cap 32mm, Silver Color	8.000	Cái
Aluminium Seal 20mm (20-10) Green	504.000	Cái
Alzepil 5Mg, H2V14, T/168	80.938	H2V14
Alzepil 5Mg, T/160	10.336	Hộp
Ampoule Amber 2ml	554.880	Cái
Angels Sun VI/10v	1.908	Vi
Apratam	1.956	H10V10
Ardineclav 500/125	93.067	H12G
Atcobeta-N Ointment hộp 1 tuýp 15g	8.940	Hộp
Băng thun 10cm x 3m, Kvt. Nsx: Danameco	4.800	Cuộn
Basultam	483.100	Hộp
B-Hist 16	2.337	H10V10
Biseko 50ml	10.000	Chai
Bixocot 90	19.385	H3V10
Bixocot	9.533	H10V10

C.P. * AN

815-C.T. TY HỮU HẠN 4 TỰ YAM C HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Mặt hàng	Số lượng	Quy cách
Blackknights, 1100 µl	1.920	Cái
Blackknights, 300 µl	1.920	Cái
Bloci 500mg	30.323	Hộp
Bông gạc đắp vết thương 20 X 20cm, Vkd, Tt (Bông Bạch Tuyết)	12.000	Miếng
Brakib Eye Drops	158.513	Lọ
Briozcal Tablet, H3V10	26.847	Hộp
Cefotaxime (Cefotaxim 1g)	23.520	Lọ
Cordyceps Capsules 30 viên, T/320	2.560	Chai
Croscarmellose Sodium-Disolcel	1.925	Kg
Cyclindox 100mg	17.160	H10V10
Dầu bi lăn Beaute Diamond Princess 8ml, T/150	11.400	Hộp
Dầu bi lăn Beaute Jasmin 8ml, T/150	9.000	Hộp
Dầu bi lăn Beaute Sea Lavender 8ml, T/150	12.000	Hộp
Dầu bi lăn Harmonic 8ml, T/150	9.000	Hộp
Dầu bi lăn Sante 8ml, T/150	12.000	Hộp
Dbs Collection Card 903 (A-Ay-026) (Giấy thấm máu gót chân)	500	Tờ
Derma White Advanced Suncare C/60V, T/190	1.330	Chai
Drensa Injection 50mg/ml	10.831	H10A
Egilok 100mg, T/140	1.631	H60
Elaria Inj 75mg/3ml, H10A	20.000	Hộp
Elizen Neonatal 17-Ohp Screening (Kit/192)	24	KIT
Era Gel	3.900	Kg
Era Pac	200	Kg
Era Tab	840	Kg
Euro-Ferof	14.040	H30
Europlin 25mg	45.976	H5V10
Eurozitem 60mg	3.596	H5V10
Evopride 2mg	14.695	H2V10
Fatedia	43.880	H3V10
Fleet Enema Ch/133ml	3.600	Chai
Flip Off Seal 13mm Code 3769 Blue	780.000	Cái
Flip Off Seal 20mm (20Fo Lq 3768 Green)	90.000	Cái
Flip Off Seal 20mm (20Fo Lq 3769 Blue)	85.500	Cái
Follitrope Prefilled Syringe 150Iu	6.600	Hộp
Follitrope Prefilled Syringe 225Iu	10.485	Hộp
Follitrope Prefilled Syringe 300Iu	12.010	Hộp
Follitrope Prefilled Syringe 75Iu	8.000	Hộp
Fovepta 0,4ML, hộp/1 ống, T/12H	15.150	Hộp
Freeze Dried Stopper 13mm, Type: V50 4405/50 Rs Grey Epp Sil.A	30.000	Cái
Freeze Dried Stopper 20mm S-87-J 4405/50 Grey Epp Rs Sil.A	517.000	Cái
Gelorevioce Cassis, T/120	2.160	Hộp
Gelorevioce Cherry, T/120	3.000	Hộp
Gelorevioce Grapefruit, T/120	3.000	Hộp
Glamour Blanche Collagen C/60v	780	Chai
Glucosamin chai 60 viên, T/60 chai	6.655	Chai
Glutathione Injection "Tai Yu"	61.160	Hộp
Good Choice'S Odette chai/60v	626	Chai
Green Living Brain chai/60v	10.524	Chai
Green Living Canxi, T/60	1.402	Chai
Green Living Fucoidan, T/120	4.180	Chai
Green Living Lygalon Chai/60v	1.200	Chai
Green Living Sugar Less C/60 - T/120	2.040	Chai
Green Living Vein Care chai/60v	3.840	Chai

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

<u>Mặt hàng</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Quy cách</u>
Himeron Eye Drops, hộp 1 lọ 5ml	165.040	H1L
Healthy Choice Brain C/60v	2.880	Chai
Healthy Choice Omega 369 C/100v	1.920	Chai
Healthy Choice Omega 369 Chai/30v, T/128	2.304	Chai
Healthy Choice Shark Cartilage chai/30v, T/120	3.000	Chai
Healthy Choice Shark Cartilage C/100v, T/120	2.000	Chai
Healthy Life Fucoidan, T/120	1.680	Chai
Healthy Life Green Living Sugarless C/60V, T/120	1.520	Chai
Healthy Life Milk Thistle, chai/60c	1.680	Chai
Healthy Life Omega Fish Oil C/100v	4.560	Chai
Healthy Life Sleep Aid chai/60v, T/60 chai	900	Chai
Healthy Life Eye Care chai/60v	912	Chai
Hydroxypropyl Methylcellulose Sustained Release (Metolose 90Sh-15000Sr)	280	Kg
Hydroxypropyl Methylcellulose Sustained Release-Metolose 90Sh-4000Sr	640	Kg
Hydroxypropyl Methylcellulose, Pharmacoat 606	1.650	Kg
Hydroxypropyl Methylcellulose-Pharmacoat 615	400	Kg
Hypromellose Phthalate-Hp55	400	Kg
Infusions Glass, 250ml Infusion Clear Glass, Type li-Hp756/250	8.568	Cái
Infusions Glass, 50ml Infusion Clear Glass, Type li-Hp756/50	12.480	Cái
Iopamiro (300Mg/ml-100ml)	6.013	Lọ
Iopamiro (370Mg/ml-100ml)	6.345	Lọ
Iopamiro (370Mg/ml-50ml)	1.175	Lọ
Itametazin 5mg	88.242	H2V7
Ivf-C 1000Iu H/1lọ + 1 ống	5.500	Hộp
Ivf-C 5000Iu H/3lọ + 3 ống	3.060	Hộp
Ivf-M Injection 150Iu, hộp/5 lọ * 5 ống	4.700	Hộp
Ivf-M Injection 75Iu, hộp/1 lọ * 1 ống	23.000	Hộp
Kefentech (Ketoprofen 30Mg) hộp 20 gói x 7 miếng	60.000	G7
Kinohimitsu Collagen Diamond 5300, hộp 16 chai	180	Hộp
Kinohimitsu Collagen Men, hộp 16 chai	200	Hộp
Latex Examination Gloves (Powdered) Size M (Găng tay khám)	25.000	Đôi
Latex Examination Gloves (Powdered) Size S (Găng tay khám)	40.000	Đôi
Low Substituted Hydroxypropyl Cellulose (L-Hpc Lh-11)	2.000	Kg
Low Substituted Hydroxypropyl Cellulose(L-Hpc Lh-21)	300	Kg
Microcrystalline Cellulose & Carboxymethyl Cellulose Sodium Neocel Neo-C9I	175	Kg
Microcrystalline Cellulose (Avicel Ph-102)	200	Kg
Microcrystalline Cellulose, Comprecel M101	6.180	Kg
Microcrystalline Cellulose, Comprecel M102	17.700	Kg
Microcrystalline Cellulose, Comprecel M112	4.375	Kg
Microcrystalline Cellulose, Comprecel M200	1.300	Kg
Misadin 2Mg Tab, H1V10V	38.000	Hộp
Moktin Injection, H10A	1.300	H10A
Montemax Tab 10mg, hộp 1 vỉ X 14 viên	1.398	Hộp
Montemax Tab 5mg, hộp 1 vỉ X 14 viên	4.340	Hộp
Moulded Vial 15ml Clear Type li	3.300	Cái
Moulded Vial Amber 100ml (Code: 411001)	184.842	Cái
Moulded Vial Amber 20ml (410201)	228.000	Cái
Moulded Vial Clear 100ml (111001)	93.177	Cái
Moulded Vial Clear 20ml (110201)	208.800	Cái
Moulded Vial Clear 50ml	1.344	Cái

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

<u>Mặt hàng</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Quy cách</u>
Mucambrox 15, H1L	43.002	Lọ
Multihance 10ml	700	Lọ
Myomethol hộp 10 vi X 10 viên	5.529	H10V10
Nattokinase C/60v, T/120	960	Chai
Naxxid Suspension	3.401	Hộp
Neonatal Accessories	80	KIT
Neonatal G6Pd Screening Assay (Kit/480)	12	Bộ
Neonatal Tsh Screening Elisa (Kit/192)	26	KIT
Newgenasada Cream 10g	331.900	Tube
Olavex 10	17.460	H3V10
Olavex 5	94.990	H3V10
Omega 3 Ch/100 (Ubb)	33.064	Chai
Omega 3 chai 30v, T/115	21.965	Chai
Omega 3/30 viên, T/52	520	Chai
Omega 369, chai 30v	27.236	Chai
Omega 369, chai 100v	58.559	Chai
Paracetamol G.E.S 10mg/ml	36.448	Túi
Pediafer hộp 1 lọ 50ml	13.620	Hộp
Perfect White chai/60v	780	Chai
Po Nutrition C/60v	2.470	Chai
Po Sunsafe C/60v	1.735	Chai
Posod Eye Drops	18.260	Hộp
Povidone K-30 (Pvp K-30)	75	Kg
Prostate Chai/60V, T/120	2.618	Chai
Rigevidon	687.310	Hộp
R-Tist (Cefdinir 125Mg/5MI) hộp 1 chai	7.900	Hộp
Rubber Stopper 13Mm Type:V35 4405/50	1.120.400	Cái
Rubber Stopper 13Mm Type:V35 4405/50 Grey Epp Rs Sil 1/4A	280.100	Cái
Rubber Stopper 20Mm Art.1071 4420/45 Light Grey Epp Rs Sil.A	1.144.000	Cái
Rubber Stopper 20Mm Art.1071 4420/45 Light Grey Sil. Standard	917.000	Cái
Rubber Stopper 20Mm, Code: 20-A-03	810.000	Cái
Rubber Stopper 20Mm, Type: S127 4405/50 Epp Rs Grey Sil.A	873.000	Cái
Rubber Stopper 32Mm-Type 3203 Iv 4420/45 Light Grey Epp Sil 1/4A	103.000	Cái
Samchundangtoracin Eye Drops (Tobramycin 15Mg - Dung dịch nhỏ mắt) hộp 1 lọ 5ml	64.200	H1L
Shark Cartilage C/30v	42.078	Chai
Shark Cartilage Chai/100v	1.080	Chai
Sodium Starch Glycolate, Dst	3.100	Kg
Somidex Inj	5.670	H10L
Spreacef 2g	45.680	Lọ
Spreapim 2g	32.420	Lọ
Spring Leaf Inner Beauty Collagen 6-In-1 Advanced	3.610	Lọ
Spring Leaf Liver Detox 15000Mg, lọ 60 viên, T/96	6.528	Lọ
Staga-50 (Sildenafil 50mg)	25.725	H1V4
Tongkat Ali Man Up 30v	3.600	Chai
Tongkat Ali Man Up chai/60v	3.255	Chai
Tongkat Ali Max Male, H/1C*30v	2.787	Hộp
Toxocara Canis Igg (Kit/96)	2	KIT
Trà Shape Tea, T/96	1.051	Hộp
Triamvirgi Inj 80mg, H/5	90.982	H5A
Trionstrep	43.339	H4V7
Tubular Vial 15ml Ta, Type I, Clear Finish 20mm (610151)	198.144	Cái
Tubular Vial 20ml, Type I, Clear Finish 20mm (610201)	150.480	Cái

12/12/2021

TRÁI KIỂM

12/12/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Mặt hàng	Số lượng	Quy cách
Vial 10ml, Clear, Type I, Finish 20mm	804.528	Cái
Vial 2ml Clear, Type I	67.320	Cái
Vial 2ml, Clear, Type I, Finish 13mm	546.480	Cái
Viên Nén: Naxxid Tablets	3.300	Hộp
Visilaton hộp 1 chai 10ml	32.596	Hộp
Wellness Nutrition Cordyceps C/30 viên	11.405	Chai
Wellness Nutrition Cordyceps C/30v, T/60	8.760	Chai

23c. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	357,14	422,58
Euro (EUR)	3.993,60	6,31

23d. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Hoài Khanh	587.734.195	587.734.195
CCL Pharmaceuticals (Pvt) Ltd.	13.106.310.177	13.106.310.177
Các đối tượng khác	1.899.395.153	1.899.395.153
Cộng	15.593.439.525	15.593.439.525

Các khoản nợ này được xóa sổ do không có khả năng thu hồi.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	503.869.657.343	496.562.683.453
Doanh thu cung cấp dịch vụ	105.045.786.258	113.480.682.075
Cộng	608.915.443.601	610.043.365.528

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Dược phẩm Quận 3		
Doanh thu bán hàng	-	30.354.556.277
Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết		
Doanh thu bán hàng	301.085.713	-

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	-	3.461.563.673
Hàng bán bị trả lại	3.333.687.737	38.664.959.327
Giảm giá hàng bán	1.317.134.800	1.447.546.154
Cộng	4.650.822.537	43.574.069.154

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Trong đó, giao dịch với Công ty Cổ phần Dược phẩm Quận 3 như sau:		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hàng bán bị trả lại	-	336.314.286
Chiết khấu thương mại	-	3.461.563.673
3. Giá vốn hàng bán		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ	550.583.724.768	514.914.737.601
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.216.608.655	2.753.603.112
Cộng	551.800.333.423	517.668.340.713
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	3.414.216.577	3.535.011.849
Lãi hỗ trợ vốn	7.391.558.428	21.453.429.893
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	10.064.899.651	7.006.525.435
Cộng	20.870.674.656	31.994.967.177
5. Chi phí tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	15.196.118.761	23.759.175.110
Chi phí chiết khấu, hàng bán trả chậm	1.506.656.489	215.520.577
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.863.608.616	4.115.303.541
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	940.058.281	298.571.203
Cộng	21.506.442.147	28.388.570.431
6. Chi phí bán hàng		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	12.372.632.812	12.809.147.025
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	301.698.698	22.714.291
Chi phí khấu hao tài sản cố định	440.644.854	542.247.361
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.626.345.517	23.517.407.091
Các chi phí khác	218.244.219	354.054.827
Cộng	25.959.566.100	37.245.570.595
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	11.169.749.283	13.724.253.309
Chi phí vật liệu quản lý	5.628.337	12.234.998
Chi phí đồ dùng văn phòng	269.300.348	210.009.061
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.909.220.321	4.556.968.863
Thuế, phí và lệ phí	4.047.318.197	2.610.104.342
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.087.971.248	3.254.069.331
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.316.019.900	2.621.422.073
Chi phí bằng tiền khác	730.211.475	4.224.354.356
Cộng	25.535.419.109	31.213.416.333

M. S. P. M. S.

498
IG 1
EMH
IV
PW

M. S. P. M. S.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Số: 1/2021-KT-VS/2021

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	317.545.820	436.816.847
Thu nhập từ việc hỗ trợ của nhà cung cấp	11.492.691.014	3.622.147.005
Thu nhập khác	254.075.463	221.533.401
Cộng	12.064.312.297	4.280.497.253

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	383.828.563	155.159.651
Phạt vi phạm hành chính	240.211.531	86.741.751
Chi phí khác	22.284.062	39.746
Cộng	646.324.156	241.941.148

10. Lãi trên cổ phiếu**10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.664.981.782	(12.013.078.416)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Trích thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	10.664.981.782	(12.013.078.416)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	3.080.000	3.080.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	3.463	(3.900)

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính tổng hợp này.

**11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	576.627.383	244.958.350
Chi phí nhân công	23.542.382.095	26.533.400.334
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.349.865.175	5.099.216.224
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.942.365.417	26.138.829.164
Chi phí khác	6.083.745.139	10.442.582.856
Cộng	51.494.985.209	68.458.986.928

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Nợ tiềm tàng**

Thanh tra TP. Hồ Chí Minh đang đề nghị Công ty nộp thuế nhà thầu cho các hợp đồng nhập khẩu ủy thác có bao gồm dịch vụ lắp đặt. Công ty đang phối hợp với đơn vị nhập khẩu kiểm tra lại các hợp đồng này và đã thực hiện khiếu nại kết luận của Thanh tra TP. Hồ Chí Minh. Trường hợp phải nộp thuế nhà thầu, Công ty sẽ yêu cầu đơn vị nhập khẩu hoàn lại tiền thuế nhà thầu phải nộp.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Giao dịch khác trong năm chỉ có giao dịch về tạm ứng cho Tổng Giám đốc với số tiền là 1.522.924.500 VND (năm trước là 135.491.636 VND).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.5.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt gồm lương, thưởng và thù lao là 1.013.025.000 VND (năm trước là 1.528.762.559 VND).

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	Cổ đông nắm giữ 29% vốn điều lệ
Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital	Cổ đông nắm giữ 19,83% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Dược phẩm Quận 3	Công ty có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Dược phẩm Quận 3 đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b và VI.2, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn		
Mua hàng hóa	1.619.044	390.058.820
Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết		
Mua hàng hóa	787.465.610	108.048.538
Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital		
Vay trong năm	6.500.000.000	-
Chi phí lãi vay	42.169.863	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Quận 3		
Mua hàng hóa	134.658.189	1.010.561.780
Chiếu khấu thanh toán	1.501.000.000	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.14, V.18, V.19 và V.20a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

3. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là xuất nhập khẩu dược phẩm, vật tư, trang thiết bị y tế tại Việt Nam. Theo đó, Tổng Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày thông tin bộ phận trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện tại của Công ty.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2022

Trần Thị Nhân
Kế toán trưởng/Người lập



Phan Minh Trung
Tổng Giám đốc

CHỨNG THỰC BẢN SẠO DỰNG YỚ BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 001704

Quyển số: -SCT/BS

Ngày 06-03-2024

PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG BẾN THÀNH



Lê Hoàng Việt



BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	13 - 41

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế TP. Hồ Chí Minh được thành lập từ năm 1984 (tiền thân là Công ty Xuất Nhập Khẩu Y tế), được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần vào ngày 01 tháng 8 năm 2001. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302366480, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 8 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 27 ngày 29 tháng 10 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính

Địa chỉ : 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : +84 (028) 3930 4372
Fax : +84 (028) 3930 6909

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại Đà Nẵng	Số 17 Tân Lập 1, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.
Chi nhánh tại Cần Thơ	283 Đường Tú Xương, KV2, phường An Bình, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.
Chi nhánh tại Hà Nội	Phòng 305 – 306, Tòa nhà 28 Khu văn phòng Hồng Hà, ngõ 109 Trường Chinh, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội.
Địa điểm kinh doanh - Hiệu thuốc số 4	68 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
Địa điểm kinh doanh - Kho hàng	24 đường 17, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.
Địa điểm kinh doanh - Kho hàng	181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
Địa điểm kinh doanh - Cơ sở Sương Nguyệt Ánh	76 Sương Nguyệt Ánh, phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Kinh doanh, xuất nhập khẩu dược phẩm, nguyên liệu dược, trang thiết bị y tế, vắc - xin, sinh phẩm, hóa chất xét nghiệm, mỹ phẩm, sữa, chất dinh dưỡng, kính đeo mắt; cung cấp dịch vụ xuất nhập khẩu và khai thuế hải quan; sửa chữa, bảo trì máy móc, trang thiết bị y tế; cho thuê kho và văn phòng.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Khánh Linh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2020
Ông Phan Phương Anh	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Quốc Việt	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 12 năm 2020
Ông Lê Văn Thiện	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2020
Ông Phan Minh Trung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2021
Ông Đặng Phước Tú	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2022

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2020
Ông Huỳnh Công Triết	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2020
Bà Trương Thị Hồng Nhạn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2020

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phan Minh Trung	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 10 năm 2021
Ông Đặng Phước Tú	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2022 Miễn nhiệm ngày 27 tháng 7 năm 2022

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phan Minh Trung – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 29 tháng 10 năm 2021).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và đo đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

18492
CÔNG TY
HÀNG
ÁP KH
TẾ
HỒ CHÍ
MINH
HỒ C

19818
CÔNG TY
KIỂM TOÁN
VÀ TƯ VẤN
& C
HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

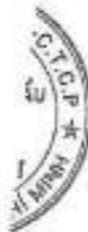
Phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp

Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



Ngày 05 tháng 5 năm 2023

Phan Minh Trung
Tổng Giám đốc



Số: 1.1085/23/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
 CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh, được lập ngày 10 tháng 5 năm 2023, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



Nguyễn Hải Đông
 Thành viên Ban Giám đốc
 Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0100-2023-008-1
 Người được ủy quyền



Nguyễn Hoàng Yên
 Kiểm toán viên
 Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0088-2023-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		866.180.203.404	710.897.783.793
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	25.018.154.084	18.272.174.324
1. Tiền	111		25.018.154.084	13.422.174.324
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	4.850.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		44.891.978.992	38.103.914.906
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	44.891.978.992	38.103.914.906
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		692.846.680.277	530.293.903.971
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	164.824.893.030	185.855.291.570
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.524.079.069	7.740.039.817
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	537.467.307.990	350.405.303.104
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(11.969.599.862)	(13.706.730.520)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		102.258.191.855	121.818.301.313
1. Hàng tồn kho	141	V.7	105.238.345.565	125.531.652.560
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(2.980.153.710)	(3.713.351.247)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.165.198.196	2.409.489.279
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	411.979.739	496.928.031
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		746.854.057	1.880.556.298
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	6.364.400	32.004.950
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số	
			cuối năm	đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		57.440.422.772	58.987.753.657
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		51.764.210.828	54.065.389.339
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	43.699.635.900	47.021.213.484
- Nguyên giá	222		77.023.666.341	76.732.421.341
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.324.030.441)	(29.711.207.857)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	1.955.384.458	2.267.344.066
- Nguyên giá	225		3.566.467.237	3.566.467.237
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.611.082.779)	(1.299.123.171)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	6.109.190.470	4.776.831.789
- Nguyên giá	228		9.428.081.289	7.679.645.289
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.318.890.819)	(2.902.813.500)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.698.822.917	2.737.216.051
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	3.698.822.917	2.737.216.051
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.977.389.027	2.185.148.267
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	1.977.389.027	2.185.148.267
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		923.620.626.176	769.885.537.450

18/12/2022
 BAN PHỤ C
 PH K H
 PH K H
 PH K H

18/12/2022
 BAN PHỤ C
 PH K H
 PH K H
 PH K H

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		891.217.571.306	769.478.808.468
I. Nợ ngắn hạn	310		890.901.992.827	768.696.808.468
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	166.291.145.085	187.762.072.914
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	382.446.858	19.581.525.830
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	19.657.799.355	11.351.099.292
4. Phải trả người lao động	314	V.17	1.565.897.192	2.586.747.848
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	1.045.909.770	1.189.531.711
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	510.915.476.976	326.678.570.512
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a, c	191.043.317.591	219.540.757.536
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	-	6.502.775
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		315.578.479	782.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b, c	315.578.479	782.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		32.403.054.870	406.728.982
I. Vốn chủ sở hữu	410		32.403.054.870	406.728.982
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22	30.800.000.000	30.800.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.800.000.000	30.800.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22	-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22	1.603.054.870	(30.393.271.018)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(30.393.271.018)	(30.393.271.018)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		31.996.325.888	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		923.620.626.176	769.885.537.450


Trần Thị Hạt
Người lập

Trần Thị Nhân
Kế toán trưởngPhan Minh Trung
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	683.439.631.249	608.915.443.601
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL2	3.292.324.581	4.650.822.537
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		680.147.306.668	604.264.621.064
4. Giá vốn hàng bán	11	VL3	618.484.282.614	551.800.333.423
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		61.663.024.054	52.464.287.641
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL4	38.275.512.905	20.870.674.656
7. Chi phí tài chính	22	VL5	32.060.874.390	21.506.442.147
Trong đó: chi phí lãi vay	23		15.773.067.900	15.196.118.761
8. Chi phí bán hàng	25	VL6	26.752.036.366	25.959.566.100
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VL7	30.236.426.684	25.535.419.109
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.889.199.519	333.534.941
11. Thu nhập khác	31	VL8	30.410.994.185	12.064.312.297
12. Chi phí khác	32	VL9	1.505.666.890	1.731.717.704
13. Lợi nhuận khác	40		28.905.327.295	10.332.594.593
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		39.794.526.814	10.666.129.534
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	7.798.200.926	1.086.541.300
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>31.996.325.888</u>	<u>9.579.588.234</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL10a, b	<u>10.388</u>	<u>3.110</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VL10a, b	<u>10.388</u>	<u>3.110</u>


Trần Thị Họt
Người lập

Trần Thị Nhân
Kế toán trưởngPhan Minh Trung
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		39.794.526.814	10.666.129.534
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, 10, 11	4.340.859.311	4.349.865.175
- Các khoản dự phòng	03	V.6, 7	21.393.911	2.304.579.903
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	(101.140.717)	940.058.281
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4	(1.964.935.045)	(3.731.762.397)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	15.773.067.900	15.196.118.761
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		57.863.772.374	29.724.989.257
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(159.650.628.586)	196.247.029.966
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		17.801.584.889	25.767.357.728
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		143.096.438.846	(231.294.248.972)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		292.707.532	(1.424.177.038)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.18, VI.5	(15.857.439.876)	(15.253.297.423)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.21	(6.502.775)	(11.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		43.539.932.404	3.756.253.518
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.12	(3.001.287.866)	(5.626.691.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	317.545.820
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.148.064.086)	(23.987.969.752)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.360.000.000	22.393.991.512
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.4	1.939.260.774	2.490.307.750
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.830.091.178)	(4.410.815.670)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền (đồng)	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20a	573.912.168.374	518.864.739.084
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20a	(602.422.183.876)	(524.303.494.377)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.20a, b	(453.845.964)	(453.845.964)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(28.963.861.466)</i>	<i>(5.892.601.257)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		6.745.979.760	(6.547.163.409)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	18.272.174.324	24.819.337.733
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	25.018.154.084	18.272.174.324


Trần Thị Hạt
Người lập

Trần Thị Nhân
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2023

Phan Minh Trung
Tổng Giám đốc

HỒ CHÍ MINH

A & V-TT

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Kinh doanh, xuất nhập khẩu dược phẩm, nguyên liệu dược, trang thiết bị y tế, vắc - xin, sinh phẩm, hóa chất xét nghiệm, mỹ phẩm, sữa, chất dinh dưỡng, kính đeo mắt; cung cấp dịch vụ xuất nhập khẩu và khai thuế hải quan; sửa chữa, bảo trì máy móc, trang thiết bị y tế; cho thuê kho và văn phòng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp

Tổng Giám đốc đã quyết định điều chỉnh hồi tố số liệu Báo cáo tài chính các năm trước liên quan đến tiền thuế đất phải nộp từ năm 2020 trở về trước với số tiền 10.917.913.254 VND, tiền chậm nộp tiền thuế đất với số tiền là 3.531.322.921 VND cũng như thuế nhà thầu, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, phạt chậm nộp, phạt do truy thu từ năm 2020 trở về trước theo Biên bản thanh tra thuế với số tiền là 6.890.630.188 VND. Các điều chỉnh này ảnh hưởng chủ yếu đến lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty.

Ngoài ra, trong năm Ông Trịnh Đào Cung (Tổng Giám đốc cũ) đã trả cho Công ty 13.106.310.177 VND (khoản nợ khó đòi của CCL Pharmaceuticals (Pvt) Ltd. đã được xử lý xóa sổ từ những năm trước) và được ghi nhận vào thu nhập khác (xem thuyết minh số VI.8). Khoản thu nhập này ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty có các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại Đà Nẵng	Số 17 Tân Lập 1, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.
Chi nhánh tại Cần Thơ	283 Đường Tú Xương, KV2, phường An Bình, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.
Chi nhánh tại Hà Nội	Phòng 305 – 306, Tòa nhà 28 Khu văn phòng Hồng Hà, ngõ 109 Trường Chinh, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội.
Địa điểm kinh doanh - Hiệu thuốc số 4	68 Cách Mạng Tháng Tám, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
Địa điểm kinh doanh - Kho hàng	24 đường 17, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

HẢI CHÂU
1/3
TY
HVN
R/V
C/C

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Địa điểm kinh doanh - Kho hàng	181 Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
Địa điểm kinh doanh - Cơ sở Suong Nguyệt Ánh	76 Suong Nguyệt Ánh, phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 80 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 101 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng hóa tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian không quá 36 tháng.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	10

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính.

Số năm khấu hao của phương tiện vận tải thuê tài chính là 08 năm.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra để có được quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 10 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Website

Nguyên giá của giá trị website là toàn bộ chi phí mà Công ty đã chi ra để thiết kế website ở thời điểm hiện tại.

Chi phí thiết kế website được khấu hao 5 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của năm sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính tổng hợp và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	176.355.825	298.650.322
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	24.841.798.259	13.123.524.002
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) ⁽¹⁾	-	4.850.000.000
Cộng	25.018.154.084	18.272.174.324

- ⁽¹⁾ Trong đó, khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn với số tiền 4.850.000.000 VND đã được dùng để đảm bảo cho khoản nợ phải trả về Upas L/C, các khoản vay tại ngân hàng này (xem thuyết minh số V.19 và V.20a).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm.

Trong đó, các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn với số tiền lần lượt là 24.867.024.000 VND, 2.500.000.000 VND và 15.000.000.000 VND đã được cầm cố để đảm bảo cho khoản nợ phải trả về Upas L/C, các khoản vay, bảo lãnh tại các ngân hàng này (xem thuyết minh số V.19 và V.20a).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu bên liên quan</i>	-	100.900.000
Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết	-	100.900.000
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	164.824.893.080	185.754.391.570
Bệnh viện Chợ Rẫy	14.659.097.747	1.766.215.996
Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Tâm An	15.714.975.069	2.809.132.817
Công ty TNHH Dược phẩm Kim Đô	10.836.868.339	2.166.191.038
Các khách hàng khác	123.613.951.925	179.012.851.719
Cộng	164.824.893.080	185.855.291.570

Công ty đã thế chấp quyền đòi nợ luân chuyển để đảm bảo cho các khoản nợ phải trả về Upas L/C, các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.19 và V.20a).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho bên liên quan</i>	-	987.647.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Quận 3	-	987.647.000
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	2.524.079.069	6.752.392.817
Shandong Chengwu Medical Products Factory	-	1.392.697.513
Jin Yang Pharm Co., Ltd.	-	1.069.122.926
A&D Company Limited	-	1.255.885.678
Công ty Cổ phần Dược phẩm Am Vi	1.858.179.999	243.611.999
Các nhà cung cấp khác	665.899.070	2.791.074.701
Cộng	2.524.079.069	7.740.039.817

5. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu bên liên quan</i>	-	-	694.580.129	-
Ông Phan Minh Trung – tạm ứng	-	-	694.580.129	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	537.467.307.990	(1.845.768.733)	349.710.722.975	(2.609.648.492)
Lãi dự thu tiền gửi	1.078.742.202	-	1.073.067.931	-
Tạm ứng	1.555.320.740	-	343.380.400	-
Các khoản ký quỹ	740.740.360	-	3.830.731.907	-
Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Thiên Kim - chi hệ chỉ phí hàng ủy thác	83.409.938.376	-	42.134.815.998	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hào Nam - chi hệ chi phí hàng ủy thác	45.827.455.834	-	41.289.607.034	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hướng Việt - chi hệ chi phí hàng ủy thác	233.057.960.465	-	41.381.953.819	-
Chi hệ chi phí hàng ủy thác Công ty Cổ phần Dược phẩm Duy Tân - tiền lãi trà chậm	149.686.684.251	-	190.164.807.940	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	15.407.062.194	-	12.380.176.050	-
Cộng	6.703.403.568	(1.845.768.735)	17.112.181.896	(2.609.648.492)
	537.467.307.990	(1.845.768.735)	350.405.303.104	(2.609.648.492)

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Thiết bị Y tế Minh Thành - phải thu tiền bán hàng	Quá hạn trên 3 năm	3.829.646.001	-	Quá hạn trên 3 năm	3.829.646.001	-
Ông Trần Cao Sơn - tạm ứng		-	-	Không có khả năng thu hồi	2.609.648.492	-
Công ty TNHH Dược phẩm Lê Khái - phải thu tiền bán hàng	Không có khả năng thu hồi	1.881.118.197	-	Không có khả năng thu hồi	1.881.118.197	-
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Dương Hồ - phải thu tiền bán hàng	Không có khả năng thu hồi	999.924.117	-	Không có khả năng thu hồi	999.924.117	-
Albios Lifesciences Pvt Ltd. in VietNam - phải thu khác	Quá hạn từ 06 tháng trở lên	6.152.562.449	4.306.793.714			
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác - phải thu tiền bán hàng	Quá hạn từ 06 tháng trở lên	3.467.470.694	54.327.882	Quá hạn từ 06 tháng trở lên	4.493.700.470	107.306.757
Cộng		16.330.721.458	4.361.121.596		13.814.037.277	107.306.757

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	13.706.730.520	12.618.759.272
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	(1.737.130.658)	1.087.971.248
Số cuối năm	11.969.599.862	13.706.730.520

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	9.961.341.705	-
Hàng hóa ⁽⁶⁾	105.238.345.565	(2.980.153.710)	115.570.310.855	(3.713.351.247)
Cộng	105.238.345.565	(2.980.153.710)	125.531.652.560	(3.713.351.247)

- ⁽⁶⁾ Công ty đã thế chấp hàng tồn kho luân chuyển để đảm bảo cho các khoản nợ phải trả về Upas L/C, các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn và Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn (xem thuyết minh số V.19 và V.20a).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.713.351.247	4.122.483.444
Trích lập dự phòng bổ sung	1.758.524.569	1.216.608.655
Xử lý hàng tồn kho đã lập dự phòng	(2.483.597.184)	(1.625.740.852)
Giảm khác	(8.124.922)	-
Số cuối năm	2.980.153.710	3.713.351.247

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	47.906.825	196.444.535
Chi phí công cụ, dụng cụ	216.024.244	67.831.364
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	148.048.670	232.652.132
Cộng	411.979.739	496.928.031

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa tài sản	660.465.570	491.988.931
Chi phí công cụ, dụng cụ	489.740.634	697.812.701
Các chi phí trả trước dài hạn khác	827.182.823	995.346.635
Cộng	1.977.389.027	2.185.148.267

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	61.760.233.484	6.714.661.080	3.935.448.007	3.320.490.170	1.001.588.600	76.732.421.341
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	291.245.000	-	-	-	-	291.245.000
Số cuối năm	62.051.478.484	6.714.661.080	3.935.448.007	3.320.490.170	1.001.588.600	77.023.666.341
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	9.949.536.442	654.319.070	2.674.525.705	2.942.044.716	604.082.000	16.824.507.933
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	21.041.943.132	1.885.418.754	3.108.500.737	3.064.638.124	610.707.110	29.711.207.857
Khấu hao trong năm	2.838.164.663	492.852.542	175.337.787	66.716.932	39.750.660	3.612.822.584
Số cuối năm	23.880.107.795	2.378.271.296	3.283.838.524	3.131.355.056	650.457.770	33.324.030.441

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	40.718.290.352	4.829.242.326	826.947.270	255.852.046	350.881.490	47.021.213.484
Số cuối năm	38.171.370.689	4.336.389.784	651.609.483	189.135.114	351.130.830	43.699.635.900
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn (xem thuyết minh số V.20a).

10. Tài sản cố định thuê tài chính

	Phương tiện vận tải
Số đầu năm	3.566.467.237
Số cuối năm	3.566.467.237
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	1.299.123.171
Khấu hao trong năm	311.959.608
Số cuối năm	1.611.082.779
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	2.267.344.066
Số cuối năm	1.955.384.458

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Website	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	3.500.000.000	4.179.645.289	-	7.679.645.289
Chuyển từ xây dựng cơ bản	-	1.658.436.000	90.000.000	1.748.436.000
Số cuối năm	3.500.000.000	5.838.081.289	90.000.000	9.428.081.289
Trong đó:				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	1.595.173.039	-	1.595.173.039
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	2.902.813.500	-	2.902.813.500
Khấu hao trong năm	-	416.077.319	-	416.077.319
Số cuối năm	-	3.318.890.819	-	3.318.890.819
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	3.500.000.000	1.276.831.789	-	4.776.831.789
Số cuối năm	3.500.000.000	2.519.190.470	90.000.000	6.109.190.470
Trong đó:				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn (xem thuyết minh số V.20a).

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Phân loại lại	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	66.572.727	-	-	(59.672.727)	(6.900.000)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	2.670.643.324	3.888.229.517	(2.039.681.000)	(827.268.924)	6.900.000	3.698.822.917
Công trình 181 Nguyễn Đình Chiểu	1.829.727.273	2.285.421.293	-	(649.727.273)	6.900.000	3.472.321.293
Công trình xây dựng kho Thủ Đức	177.541.651	305.068.563	(291.245.000)	(177.541.651)	-	13.823.563
Phát triển phần mềm Bravo, website	663.374.400	1.085.061.600	(1.748.436.000)	-	-	-
Các công trình khác	-	212.678.061	-	-	-	212.678.061
Cộng	2.737.216.051	3.888.229.517	(2.039.681.000)	(886.941.651)	-	3.698.822.917

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chi phí lãi vay không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Cụ thể như sau:

Năm 2021	1.574.832.781
Năm 2022	298.102.950
Cộng	1.872.935.731

Theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ, từ kỳ tính thuế năm 2019 trở đi, phần chi phí lãi vay không được trừ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận do ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những khoản chi phí lãi vay được chuyển này.

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	80.034.419	457.065.771
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	-	405.001
Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết	80.034.419	445.310.270
Công ty Cổ phần Dược phẩm Quận 3	-	11.350.500
Phải trả các nhà cung cấp khác	166.211.110.666	187.305.007.143
Neo Unicap Co., Ltd.	17.410.039.438	3.475.603.711
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thiết bị Y tế Cao Minh	12.277.803.000	20.228.235.600
Gedeon Richter Plc.	19.593.059.806	32.733.294.676
Các nhà cung cấp khác	116.930.208.422	130.867.873.156
Cộng	166.291.145.085	187.762.072.914

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Dược phẩm Thanh An	139.690.936	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Minh Kỳ	84.386.162	-
Các khách hàng khác	158.369.760	19.581.525.880
Cộng	382.446.858	19.581.525.880

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	634.075.911	-	80.134.620	(107.861.750)	606.348.781	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	85.700.260.054	(85.706.624.454)	-	6.364.400
Thuế xuất, nhập khẩu	-	32.004.950	9.995.217.738	(9.961.604.153)	1.608.635	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.770.638.275	-	7.798.200.926	-	10.568.839.201	-
Thuế thu nhập cá nhân	79.666.596	-	980.295.363	(1.002.323.007)	57.638.952	-
Thuế nhà thầu	1.247.623.617	-	513.121.097	(534.705.808)	1.226.038.906	-
Tiền thuế đất	-	-	8.324.700.820	(8.324.700.820)	-	-
Thuế môn bài	-	-	8.000.000	(8.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	6.619.094.893	-	578.229.987	-	7.197.324.880	-
Cộng	11.351.099.292	32.004.950	113.978.160.605	(105.645.819.992)	19.657.799.355	6.364.400

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Bán vật tư y tế, thuốc xuất khẩu : 0%
- Bán vật tư y tế, thuốc trong nước : 5%
- Dịch vụ khác : 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	39.794.526.814	10.666.129.534
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Chi phí lãi vay không được trừ ⁽ⁱ⁾	298.102.950	1.574.832.781
- Các khoản điều chỉnh tăng khác	1.508.023.358	1.396.686.260
- Các khoản điều chỉnh giảm	(2.609.648.492)	-
Thu nhập chịu thuế	38.991.004.630	13.637.648.575
Lỗi các năm trước được chuyển	-	(12.053.796.846)
Thu nhập tính thuế	38.991.004.630	1.583.851.729
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i>	7.798.200.926	316.770.346
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	-	769.770.954
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	7.798.200.926	1.086.541.300

10. Chi phí lãi vay không được trừ này được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp theo sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuế đất

Tiền thuế đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. **Phải trả người lao động**
Tiền lương, thưởng còn phải trả cho người lao động.

18. **Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả bên liên quan</i>	-	42.169.863
Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital - chi phí lãi vay phải trả	-	42.169.863
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.045.909.770	1.147.361.848
Chi phí dịch vụ mua ngoài	206.271.980	290.854.365
Chi phí lãi vay phải trả	350.164.374	392.366.487
Chi phí hỗ trợ quảng bá sản phẩm	489.473.416	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	-	464.140.996
Cộng	1.045.909.770	1.189.531.711

19. **Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả bên liên quan</i>	-	346.156.367
Công ty Cổ phần Dược phẩm Quận 3 - phải trả khác	-	346.156.367
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	510.915.476.976	326.332.414.145
Phải trả về Upas L/C ⁽¹⁾	-	1.333.800.300
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm phải trả	111.581.693	24.072.061
Nhận ký quỹ ngắn hạn	4.064.686.370	4.591.849.012
Phải trả Bà Đỗ Thị Sáu - hợp tác kinh doanh Hiệu thuốc số 1	923.867.145	13.539.918.664
Growena Impex Company - phải trả hộ về hàng nhận ủy thác	108.823.778.365	61.616.239.267
LG Chem Ltd. - phải trả hộ về hàng nhận ủy thác	224.547.821.025	34.812.562.077
Các khoản phải trả hộ về hàng nhận ủy thác	171.558.761.644	204.907.682.169
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	884.980.734	5.506.290.595
Cộng	510.915.476.976	326.678.570.512

0-C.2-
 HẬU
 16
 NG
 CHÍ MINH

15. /
 10. /
 10. /
 10. /

10. /
 10. /
 10. /

10. /
 10. /
 10. /

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (7) Khoản nợ phải trả các ngân hàng về Upas L/C đã được đảm bảo bằng một số khoản tiền gửi có kỳ hạn, quyền đòi nợ luân chuyển và hàng tồn kho luân chuyển (xem thuyết minh số V.1, V.2, V.3 và V.7).

20. Vay và nợ thuê tài chính**20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital (là bên liên quan)	-	6.500.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng	189.672.408.499	211.682.424.001
<i>Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn</i> ⁽⁸⁾	38.828.984.253	50.968.193.940
<i>Vay Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh</i> ⁽⁹⁾	86.414.169.466	73.095.178.232
<i>Vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn</i> ⁽¹⁰⁾	31.256.666.111	72.697.608.289
<i>Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định</i>	-	14.921.443.540
<i>Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh</i> ⁽¹¹⁾	33.172.588.669	-
Vay Ông Lương Huỳnh Quốc Bảo	1.000.000.000	1.000.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	370.909.092	358.333.535
Cộng	<u>191.043.317.591</u>	<u>219.540.757.536</u>

- (8) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động với hạn mức tín dụng là 80.000.000.000 VND, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay từng khoản nợ tối đa không quá 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số khoản tiền gửi có kỳ hạn, quyền đòi nợ luân chuyển, hàng tồn kho luân chuyển và tài sản cố định của Công ty (xem thuyết minh số V.1, V.2, V.3, V.7 và V.9).

- (9) Khoản vay tín chấp Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 VND, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay từng khoản nợ tối đa không quá 06 tháng.

- (10) Khoản vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động với hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 VND, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay từng khoản nợ tối đa không quá 09 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho luân chuyển tân được và tài sản cố định của Công ty (xem thuyết minh số V.7 và V.10).

- (11) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 VND, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay từng khoản nợ tối đa không quá 05 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp khoản tiền gửi có kỳ hạn và quyền đòi nợ phát sinh từ các khoản phải thu theo số tổng hợp công nợ phải thu năm 2022 của Công ty (xem thuyết minh số V.2 và V.3).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết phát sinh của khoản vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	211.682.424.001	563.912.168.374	-	(585.922.183.876)	189.672.408.499
Vay ngắn hạn tổ chức khác	6.500.000.000	-	-	(6.500.000.000)	-
Vay ngắn hạn cá nhân	1.000.000.000	10.000.000.000	-	(10.000.000.000)	1.000.000.000
Nợ thuế tài chính đến hạn trả	358.333.535	-	370.909.092	(358.333.535)	370.909.092
Cộng	219.540.757.536	573.912.168.374	370.909.092	(602.780.517.411)	191.043.317.591

20b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn

Thuế tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu để thuê phương tiện vận tải với lãi suất thả nổi, thời hạn thuế là 60 tháng.

Kỳ hạn thanh toán các khoản nợ thuế tài chính dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	370.909.092	358.333.535
Trên 01 năm đến 05 năm	315.578.479	782.000.000
Cộng	686.487.571	1.140.333.535

Công ty có khả năng trả được các khoản nợ thuế tài chính dài hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản nợ thuế tài chính dài hạn trong năm như sau:

Số đầu năm	782.000.000
Số tiền vay đã trả	(95.512.429)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(370.909.092)
Số cuối năm	315.578.479

20c. Vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	6.502.775	17.902.775
Chi quỹ trong năm	(6.502.775)	(11.400.000)
Số cuối năm	-	6.502.775

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

22. Vốn chủ sở hữu**22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	30.800.000.000	22.764.099.034	(40.105.016.544)	13.459.082.490
Điều chỉnh theo kết luận Cơ quan thuế	-	-	(20.254.472.815)	(20.254.472.815)
Số dư đầu năm trước được trình bày lại	30.800.000.000	22.764.099.034	(60.359.489.359)	(6.795.390.325)
Chuyển từ Quỹ đầu tư phát triển sang Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	(22.764.099.034)	22.764.099.034	-
Thuế bị truy thu từ các năm trước theo Biên bản thanh tra	-	-	(2.368.689.031)	(2.368.689.031)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	9.579.588.234	9.579.588.234
Điều chỉnh khác	-	-	(8.779.896)	(8.779.896)
Số dư cuối năm trước	30.800.000.000	-	(30.393.271.018)	406.728.982
Số dư đầu năm nay	30.800.000.000	-	(30.393.271.018)	406.728.982
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	31.996.325.888	31.996.325.888
Số dư cuối năm nay	30.800.000.000	-	1.603.054.870	32.403.054.870

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital	6.108.400.000	6.108.400.000
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	8.932.000.000	8.932.000.000
Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công (Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Hợp lực đổi tên thành Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công)	1.527.010.000	-
Các cổ đông khác	14.232.590.000	15.759.600.000
Cộng	30.800.000.000	30.800.000.000

22c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.080.000	3.080.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.080.000	3.080.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.080.000	3.080.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.080.000	3.080.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.080.000	3.080.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp**23a. Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	5.982.142.144	5.982.142.144
Trên 01 năm đến 05 năm	23.928.568.576	23.928.568.576
Trên 05 năm	107.678.558.592	113.660.700.736
Cộng	137.589.269.312	143.571.411.456

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên thể hiện tiền thuê đất của Công ty tại địa chỉ:

- Số 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh;
- Số 76 Sương Nguyệt Ánh, phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh;
- Số 24 đường 17, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

23b. Tài sản nhận giữ hộ

Công ty nhận giữ hộ thuốc cho các đơn vị khác, chi tiết như sau:

Mặt hàng	Số lượng	Quy cách
15 Days, chai/60V, T/120	Chai	3.600
A + Leptin chai /60V, thùng/120 chai	Chai	960
A + Nutrition White chai/30V	Chai	630
A + Nutrition Womens Enhancement	Chai	2.400
A+ Cysderm chai 60V	Chai	946
A+ Nutrition Brain chai/60V, T/60	Chai	2.160
A+ Nutrition Cordyceps chai 60V	Chai	2.015
A+ Nutrition Multivitamin chai/60V, T/60	Chai	5.640
A+ Nutrition Omega 369 chai 100V	Chai	1.320
Air-X 120, hộp 10 vỉ x 10 viên	Hộp	51.548
Air-X Tablet Orange Flavoured, hộp 10 vỉ x 10 viên	Hộp	75.369
Alu Cap 32mm, Silver Color	Cái	8.000
Aluminium Seal 20mm (20-10) Green	Cái	504.000
Ampoule Amber 2ml	Cái	554.880
Apratam H10V10	Hộp	27.201
Barudon Suspension, hộp/20gói, thùng/50 hộp	Hộp	44.900
Basultam hộp 1 lọ	Hộp	503.700
Bisocar 2,5 - hộp 10 vỉ x 10 viên	Hộp	28.507
Bisocar 5, hộp 3 vỉ x 10 viên	Hộp	12.470
Bơm tiêm 1cc Insulin 30Gx1/2 U100 VN	Cái	1.500
Briozcal Tablet, H3V10	Hộp	11.304
Carbatol-20	Hộp	46.314
Cardimax Mr 35mg, H5V10	Hộp	14.102
Cefotaxime (Cefotaxim 1g)	Lọ	39.400
Cheklip 20 (Atorvastatin Tablets 20mg) hộp 3 vỉ x 10 viên	Hộp	18.450
Croscarmellose Sodium-Disolcel	Kg	1.375
Cross Carmellose Sodium	Kg	1.400
Cyclindox 100mg	Hộp	7.620
Dbs Collection Card 903 (A-Ay-026)	Tờ	1.000
Diphereline 0,1mg	Hộp	6.330
Drensa Injection 50mg/ml	Hộp	6.509
Elaria Inj 75mg/3ml, H10A	Hộp	16.160
Elaria 100mg, H2V5	Hộp	20.000
Elizen Neonatal 17-Ohp Screening (Kit/192)	KIT	17
Emzinc Tablets, hộp 10 vỉ x 10 viên	Hộp	11.664

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

<u>Mặt hàng</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Quy cách</u>
Era Gel	Kg	9.200
Era Pac	Kg	4.520
Era Tab	Kg	3.680
Ester C chai/60V, thùng /120 chai	Chai	960
Euro-Fercf hộp 30 viên	Hộp	13.824
Europlin 25mg, H5V10	Hộp	4.160
Eurozitim 60mg, H5V10	Hộp	18.522
Evopride 2mg, H2V10	Hộp	8.935
Flip Off Seal 13mm Code 3768 Green	Cái	84.000
Flip Off Seal 13mm Code 3769 Blue	Cái	780.000
Flip Off Seal 20mm (20Fo Lq 3768 Green)	Cái	90.000
Flip Off Seal 20mm (20Fo Lq 3769 Blue)	Cái	1.345.500
Follitrope Prefilled Syringe 150iu	Hộp	23.240
Follitrope Prefilled Syringe 225iu	Hộp	24.040
Follitrope Prefilled Syringe 300iu	Hộp	25.000
Follitrope Prefilled Syringe 75iu	Hộp	53.240
Freeze Dried Stopper 13mm, Type: V50 4405/50 Rs Grey Epp SiLA	Cái	30.000
Gạc phẫu thuật 8 x 12Cm x 12 Lốp KTT M1 Pe	Miếng	50.000
Glutathione Injection Tai Yu, hộp 1 lọ	Hộp	18.900
Good Choice Cordyceps 60V, thùng/120 chai	Chai	2.538
Green Living Fucoidan, T/120	Chai	1.320
Green Living Sugar Less C/60 - T/120	Chai	2.400
Green Living Women chai/60V, thùng/60 chai	Chai	2.400
Healthy Choice Brain C/60V	Chai	2.880
Healthy Choice Omega 369 C/100V	Chai	640
Healthy Choice Omega 369 chai/30V, T/128	Chai	1.664
Healthy Choice Shark Cartilage chai/30V, T/120	Chai	3.000
Healthy Choice Shark Cartilage C/100V, T/120	Chai	7.970
Healthy Life Celery Gout chai/60V	Chai	4.920
Healthy Life Green Living Sugarless C/60V, T/120	Chai	2.156
Healthy Life Milk Thistle, chai 60V, T/120	Chai	600
HI Gastro Relief chai/60V, thùng/120 chai	Chai	1.920
Hydroxypropyl Methylcellulose, Pharmacoat 606	Kg	6.600
Hydroxypropyl Methylcellulose-Pharmacoat 615	Kg	1.400
Hypromellose (Metolose 90Sh-15000Sr)	Kg	7.300
Hypromellose (Metolose 90Sh-4000Sr)	Kg	800
Hypromellose Phthalate-Hp55	Kg	375
Infusions Glass, 250ml Infusion Amber Glass, Type li-Hp756/250	Cái	9.996
Infusions Glass, 250ml Infusion Clear Glass, Type li-Hp756/250	Cái	5.712
Infusions Glass, 500ml Infusion Clear Glass, Type li-Hp5005/500	Cái	16.128
Insta Moistshield	Kg	1.000
Iopamiro (300mg/ml-100ml)	Hộp	4.034
Iopamiro (300mg/ml-50ml)	Hộp	7.988
Iopamiro (370mg/ml-100ml)	Hộp	11.773
Iopamiro (370mg/ml-50ml)	Hộp	420
Itametazin 5mg	Hộp	9.000
Ivf-C Injection 5000iu	Hộp	15.732
Ivf-M Injection 150iu, hộp/5 lọ x 5 ống	Hộp	21.300
Ivf-M Injection 75iu, hộp/1 lọ x 1 ống	Hộp	26.904
Kefentech - hộp 20 gói x 7 miếng	Gói	210.000
Kim dùng 01 lần vô trùng dành cho bát	Cái	1.000
Klavunamox 625mg hộp 3 vỉ x 5 viên	Hộp	15.998
Lainmi 4mg, H4V7	Hộp	3.766

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Mặt hàng	Số lượng	Quy cách
Lainmi 5mg, H4V7	Hộp	5.902
Low Substituted Hydroxypropyl Cellulose (L-Hpc Lh-11)	Kg	8.750
Low Substituted Hydroxypropyl Cellulose(L-Hpc Lh-21)	Kg	550
Medoxasol 250mg	Hộp	20.000
Microcrystalline Cellulose & Carboxymethyl Cellulose Sodium Neocel Neo-C91	Kg	1.300
Microcrystalline Cellulose Accel 101	Kg	3.000
Microcrystalline Cellulose Accel 112	Kg	1.500
Microcrystalline Cellulose, Comprecel M101	Kg	13.080
Microcrystalline Cellulose, Comprecel M102	Kg	14.500
Microcrystalline Cellulose, Comprecel M112	Kg	2.875
Microcrystalline Cellulose, Comprecel M200	Kg	1.300
Moulded Vial 10ml, Clear Type li (110101)	Cái	50.688
Moulded Vial Amber 10ml	Cái	100.608
Moulded Vial Amber 20ml (410201)	Cái	144.000
Moulded Vial Clear 100ml (111001)	Cái	257.040
Moulded Vial Clear 20ml (110201)	Cái	72.000
Multihance HIX10ml	Hộp	270
Neonatal Accessories (Plate Flat Bottom)	Đĩa	50
Neonatal Accessories (Plate U Bottom)	KIT	50
Neonatal G6Pd Screening Assay (Kit/480)	Bộ	5
Neonatal Tsh Screening Elisa (Kit/192)	KIT	17
Newgenasada Cream 10g	Hộp	204.750
Nguyên liệu sản xuất thuốc/Alu Phosphate Gel Ep	Kg	7.540
Nguyên liệu sản xuất thuốc/Hydrochlorothiazide	Kg	15
Nguyên liệu sản xuất thuốc/Piracetam Injectable	Kg	3.670
Nguyên liệu sản xuất thuốc/Protanal Lfr5/60	Kg	250
Olanz-10	Hộp	12.382
Olavex 10, hộp 3 vỉ x 10 viên	Hộp	192.868
Omega 3 chai 30V, T/115	Chai	9.775
Omega 369 chai 30V	Chai	32.315
Opadry Blue	Kg	25
Ozip 10, H10V10	Hộp	2.305
Pediafer hộp 1 lọ 50ml	Hộp	23.061
Phụ gia thực phẩm/ Avicel Cl-611 NF	Kg	400
Pinadine Inj	Hộp	10.340
Po Sunsafe C/60V	Chai	852
Posod Eye Drops, hộp 1 lọ 10 ml	Hộp	214.040
Pretension Plus 80/12.5mg	Hộp	25.910
Rubber Stopper 13mm Type:V35 4405/50 Grey Epp Rs Sil 1/4A	Cái	280.100
Rubber Stopper 20mm, Code: 20-A-03	Cái	860.000
Rubber Stopper 20mm, Type: S127 4405/50 Epp Rs Grey SilA	Cái	873.000
Samnir 500mg, H10	Hộp	19.432
Scilin M30 (30/70) (Recombinant Human Insulin - 100 iu/ml (30%		
Solube Insulin & 70% Isophane Insulin)	Hộp	250
Shark Cartilage C/100 - T/120	Chai	1.680
Shark Cartilage C/30V	Chai	18.360
Sizoca-10	Hộp	39.022
Sizoca-5	Hộp	9.184
Sodium Starch Glycolate, Dst	Kg	2.100
Solufos (Tp: Fosfomycin (As Fosfomycin Calcium 703mg) 500mg) hộp 1 chai 24 viên	Hộp	4.876
Somidex Inj, H10L	Hộp	5.670

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Mặt hàng	Số lượng	Quy cách
Spreapim 2G	Lọ	1.720
Sulcilat 750mg, H1V10	Hộp	9.000
Tá dược/Carbopol 940 Nf Polymer	Kg	462
Tá dược/Carbopol 980 Nf Polymer	Kg	40
Tá dược/Di-Cafos A60	Kg	3.000
Tá dược/Di-Cafos D14	Kg	6.000
Tá dược/Finc Sd600 Croscarmellose Sodium	Kg	20
Tá dược/Pharsq Base Ds 30	Kg	25
Tongkat Ali Man Up 30V	Chai	6.594
Triamvirgi Inj 80mg, H/5	Hộp	39.047
Trionstrep, H4V7	Hộp	31.789
Tubular Vial 15ml Ta, Type I, Clear Finish 20mm (610151)	Cái	23.040
Vasotrate 30 Od Hộp 2 vỉ Lớn x 2 vỉ Nhỏ x 7 viên nén	Hộp	208.908
Vial 10ml, Clear, Type I, Finish 20mm	Cái	804.528
Vial 2ml Clear, Type I	Cái	67.320
Vial 2ml, Clear, Type I, Finish 13mm	Cái	546.480
Viên nén: Naxxid Tablets	Hộp	2.310
Vitaminnatural Menmax 60V, thùng/189 chai	Chai	945
Wellness Nutrition Cordyceps C/30 viên	Chai	8.772

23c. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	10.740,24	357,14
Euro (EUR)	1,52	3.993,60
Dollar Úc (AUD)	100,00	-

23d. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Hoài Khanh	587.734.195	587.734.195
CCL Pharmaceuticals (Pvt) Ltd. ⁽ⁱ⁾	-	13.106.310.177
Các đối tượng khác	1.899.395.153	1.899.395.153
Cộng	2.487.129.348	15.593.439.525

⁽ⁱ⁾ Ông Trịnh Đào Cung đã trả khoản nợ này cho Công ty theo Biên bản thỏa thuận ngày 20 tháng 6 năm 2022 (xem thuyết minh số VI.8).

Các khoản nợ này được xử lý xóa sổ do không có khả năng thu hồi.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	655.761.259.069	592.095.013.955
Doanh thu cung cấp dịch vụ	27.678.372.180	16.820.429.646
Cộng	683.439.631.249	608.915.443.601

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Quận 3		
Doanh thu bán hàng	123.683.428	-
Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết		
Doanh thu bán hàng	26.000.000	301.085.713
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hàng bán bị trả lại	2.702.778.037	3.333.687.737
Giảm giá hàng bán	589.546.544	1.317.134.800
Cộng	3.292.324.581	4.650.822.537
3. Giá vốn hàng bán		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ	616.725.758.045	550.583.724.768
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.758.524.569	1.216.608.655
Cộng	618.484.282.614	551.800.333.423
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	1.964.935.045	3.414.216.577
Lãi hỗ trợ vốn	7.327.228.400	7.391.558.428
Lãi bán chứng khoán kinh doanh	6.496.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	22.386.208.743	10.064.899.651
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	101.140.717	-
Cộng	38.275.512.905	20.870.674.656
5. Chi phí tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	15.773.067.900	15.196.118.761
Chi phí chiết khấu, hàng bán trả chậm	-	1.506.656.489
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	16.287.806.490	3.863.608.616
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	940.058.281
Cộng	32.060.874.390	21.506.442.147
6. Chi phí bán hàng		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	12.616.874.622	12.372.632.812
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	296.309.634	301.698.698
Chi phí khấu hao tài sản cố định	331.572.533	440.644.854
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.948.306.140	12.626.345.517
Các chi phí khác	558.973.437	218.244.219
Cộng	26.752.036.366	25.959.566.100

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	12.231.449.700	11.169.749.283
Chi phí vật liệu quản lý	4.600.346	5.628.337
Chi phí đồ dùng văn phòng	239.972.801	269.300.348
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.009.286.978	3.909.220.321
Thuế, phí và lệ phí	8.818.712.565	4.047.318.197
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	(1.737.130.658)	1.087.971.248
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.300.174.212	4.316.019.900
Chi phí bằng tiền khác	369.360.740	730.211.475
Cộng	30.236.426.684	25.535.419.109

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	317.545.820
Thu từ khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ	13.106.310.177	-
Thu nhập từ việc xử lý các khoản nợ	5.463.679.257	-
Thu nhập từ việc hỗ trợ của nhà cung cấp	8.797.400.485	11.492.691.014
Thu nhập từ việc xử lý các khoản nợ phải trả	2.837.216.564	-
Thu nhập khác	206.387.702	254.075.463
Cộng	30.410.994.185	12.064.312.297

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	383.828.563
Phạt chậm nộp	578.229.987	1.085.393.548
Phạt vi phạm hành chính	787.473.356	240.211.531
Chi phí khác	139.963.547	22.284.062
Cộng	1.505.666.890	1.731.717.704

10. Lãi trên cổ phiếu**10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	31.996.325.888	9.579.588.234
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Trích thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	31.996.325.888	9.579.588.234
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	3.080.000	3.080.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	10.388	3.110

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính tổng hợp này.

360.
VỐ T
PHÁI
HỢP
TẾ
NH PI
HỈ ME
HỒ

445
ƯNG
ĐU
NH
Đ
Y.P

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

II. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	540.882.781	576.627.383
Chi phí nhân công	24.848.324.322	23.542.382.095
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.340.859.511	4.349.865.175
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.249.678.885	16.942.365.417
Chi phí khác	8.008.717.551	6.083.745.139
Cộng	56.988.463.050	51.494.985.209

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

I. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Giao dịch khác trong năm chỉ có giao dịch về tạm ứng cho Tổng Giám đốc với số tiền là 4.582.567.152 VND (năm trước là 1.522.924.500 VND).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.5.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức danh	Tiền lương	Phụ cấp và tiền thưởng	Cộng thu nhập
Năm nay				
Hội đồng quản trị				
Ông Nguyễn Khánh Linh	Chủ tịch	-	-	-
Ông Phan Phương Anh	Phó Chủ tịch	-	-	-
Ông Nguyễn Quốc Việt	Phó Chủ tịch	-	-	-
Ông Lê Văn Thiện	Thành viên	-	-	-
Ban kiểm soát				
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Trưởng ban	-	-	-
Ông Huỳnh Công Triết	Thành viên	-	-	-
Bà Trương Thị Hồng Nhạn	Thành viên	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Chức danh	Tiền lương	Phụ cấp và tiền thưởng	Cộng thu nhập
Ban Tổng Giám đốc				
Ông Phan Minh Trung	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.193.181.818	19.450.000	1.212.631.818
Ông Đặng Phước Tú	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	122.857.143	2.150.000	125.007.143
Cộng		1.316.038.961	21.600.000	1.337.638.961
Năm trước				
Hội đồng quản trị				
Ông Nguyễn Khánh Linh	Chủ tịch	-	-	-
Ông Phan Phương Anh	Phó Chủ tịch	-	-	-
Ông Nguyễn Quốc Việt	Phó Chủ tịch	-	-	-
Ông Lê Văn Thiện	Thành viên	-	-	-
Ông Phan Minh Trung	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	840.000.000	173.025.000	1.013.025.000
Ban kiểm soát				
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Trưởng ban	-	-	-
Ông Huỳnh Công Triết	Thành viên	-	-	-
Bà Trương Thị Hồng Nhạn	Thành viên	-	-	-
Cộng		840.000.000	173.025.000	1.013.025.000

Ib. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	Cổ đông nắm giữ 29% vốn điều lệ
Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital	Cổ đông nắm giữ 19,83% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn 3 Group	Công ty có cùng thành viên Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết	Công ty có cùng thành viên Hội đồng quản trị và là công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn 3 Group
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công	Công ty có cùng thành viên Hội đồng quản trị và là công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn 3 Group
Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3	Công ty có cùng thành viên Hội đồng quản trị và là công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn 3 Group
Công ty TNHH Sài Gòn 3 Jean	Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty là thành viên Ban điều hành của công ty này và là công ty con của Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3
Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công (trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Hợp lực)	Cổ đông nắm giữ 4,95% vốn điều lệ đồng thời là công ty có cùng thành viên Hội đồng quản trị và là công ty con của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công
Công ty TNHH Bạch Tuyết Kotton	Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty là Chủ tịch của công ty này và là công ty con của Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Bên liên quan khác

Công ty Cổ phần Ngoại thương và Phát triển
Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Pin ắc quy Miền Nam
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư MB

Mối quan hệ

Công ty có cùng thành viên Hội đồng quản trị
Công ty có cùng thành viên Hội đồng quản trị
Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty là Phó
Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
của công ty này
Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty là ủy
viên Hội đồng quản trị của công ty này

Tổng công ty Gas Petrolimex – CTCP

Công ty Cổ phần Dược phẩm Quận 3 (đến
ngày 20 tháng 12 năm 2021 đã miễn nhiệm
thành viên Hội đồng quản trị đối với Ông
Trịnh Đào Cung)

Công ty có cùng thành viên Hội đồng quản trị

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở
thuyết minh số VL1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết		
Mua hàng hóa	1.756.169.958	911.108.910
Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital		
Vay trong năm	-	6.500.000.000
Chi phí lãi vay	366.249.316	42.169.863
Công ty Cổ phần Dược phẩm Quận 3		
Mua hàng hóa	-	134.658.189
Chiều khấu thanh toán	-	1.501.000.000

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch
vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.14, V.18, V.19
và V.20a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng
tiền.

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là cung cấp dược phẩm, vật tư, trang thiết bị y tế (chiếm
trên 95% tổng doanh thu) tại Việt Nam. Theo đó, Tổng Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc
không lập và trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý trong Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm
tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt
Nam số 28 “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện tại của Công ty.

3. Số liệu so sánh

Trong năm, Tổng Giám đốc đã quyết định điều chỉnh hồi tố số liệu tiền thuế đất và các khoản thuế
phải nộp sau:

- Tiền thuế đất từ năm 2020 trở về trước với số tiền 10.917.913.254 VND, tiền chậm nộp tiền thuế
đất với số tiền là 3.531.322.921 VND.
- Thuế nhà thầu, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, phạt chậm nộp, phạt do truy thu
từ năm 2020 trở về trước theo Biên bản thanh tra thuế với số tiền là 6.890.630.188 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố này đến số liệu so sánh như sau:

	Mã số	Số liệu đã báo cáo	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán tổng hợp				
Tài sản ngắn hạn	100	721.815.697.047	(10.917.913.254)	710.897.783.793
Tài sản ngắn hạn khác	150	13.327.402.533	(10.917.913.254)	2.409.489.279
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	10.949.918.204	(10.917.913.254)	32.004.950
Tổng cộng tài sản	270	780.803.450.704	(10.917.913.254)	769.885.537.450
Nợ phải trả	300	759.056.855.359	10.421.953.109	769.478.808.468
Nợ ngắn hạn	310	758.274.855.359	10.421.953.109	768.696.808.468
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	929.146.183	10.421.953.109	11.351.099.292
Vốn chủ sở hữu	400	21.746.595.345	(21.339.866.363)	406.728.982
Vốn chủ sở hữu	410	21.746.595.345	(21.339.866.363)	406.728.982
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(9.053.404.655)	(21.339.866.363)	(30.393.271.018)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	(9.053.404.655)	(21.339.866.363)	(30.393.271.018)
Tổng cộng nguồn vốn	440	780.803.450.704	(10.917.913.254)	769.885.537.450
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp				
Chi phí khác	32	646.324.156	1.085.393.548	1.731.717.704
Lợi nhuận khác	40	11.417.988.141	(1.085.393.548)	10.332.594.593
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	11.751.523.082	(1.085.393.548)	10.666.129.534
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	10.664.981.782	(1.085.393.548)	9.579.588.234
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	3.463	(353)	3.110
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	3.463	(353)	3.110
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp				
Lợi nhuận trước thuế	01	11.751.523.082	1.085.393.548	10.666.129.534
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	30.810.382.805	(1.085.393.548)	29.724.989.257
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	185.329.116.712	10.917.913.254	196.247.029.966
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(221.461.729.266)	(9.832.519.706)	(231.294.248.972)

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2023

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 001.7.05

Quyển số:

Ngày 06/03/2024

Trần Thị Huệ
Người lậpTrần Thị Nhân
Kế toán trưởngPhan Minh Trung
Tổng Giám đốc

Lê Hoàng Việt

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Minh Trung

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Tuyệt minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		871,706,628,549	866,180,203,404
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	43,650,938,104	25,018,154,084
1. Tiền	111		43,650,938,104	25,018,154,084
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		49,555,425,536	44,891,978,992
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	49,555,425,536	44,891,978,992
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		699,318,381,990	692,846,680,277
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	92,827,447,611	164,824,893,080
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	4,756,130,031	2,524,079,069
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	611,269,068,925	537,467,307,990
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(9,534,264,577)	(11,969,599,862)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		77,123,313,770	102,258,191,855
1. Hàng tồn kho	141	V.7	77,304,418,043	105,238,345,565
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(181,104,273)	(2,980,153,710)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,058,569,149	1,165,198,196
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1,170,723,195	411,979,739
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		887,845,954	746,854,057
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	-	6,364,400
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



Cần năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
Bảng cân đối kế toán năm 2023 (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		66,001,441,404	57,440,422,772
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		48,785,316,259	51,764,210,828
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	41,485,938,651	43,699,635,900
- Nguyên giá	222		77,176,564,762	77,023,666,341
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(35,690,626,111)	(33,324,030,441)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	1,669,923,108	1,955,384,458
- Nguyên giá	225		3,566,467,237	3,566,467,237
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1,896,544,129)	(1,611,082,779)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	5,629,454,500	6,109,190,470
- Nguyên giá	228		9,428,081,289	9,428,081,289
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3,798,626,789)	(3,318,890,819)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		15,864,776,717	3,698,822,917
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	15,864,776,717	3,698,822,917
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1,351,348,428	1,977,389,027
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	1,351,348,428	1,977,389,027
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.13	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		937,708,069,953	923,620,626,176

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 Bảng cân đối kế toán năm 2023 (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	MÃ số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số cuối năm
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		898,195,285,415	891,217,571,306
I. Nợ ngắn hạn	310		870,550,448,421	890,901,992,827
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	109,648,838,542	166,291,145,085
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	5,286,830,950	382,446,858
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	16,372,729,183	19,657,799,335
4. Phải trả người lao động	314	V.17	74,329,691	1,565,897,192
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	9,366,576,646	1,045,909,770
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	554,690,364,101	510,915,476,976
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a, c	175,110,779,308	191,043,317,591
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		27,644,836,994	315,578,479
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b, c	27,644,836,994	315,578,479
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
Bảng cân đối kế toán năm 2023 (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số cuối năm
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		39,512,784,538	32,403,054,870
I. Vốn chủ sở hữu	410		39,512,784,538	32,403,054,870
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22	30,800,000,000	30,800,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30,800,000,000	30,800,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22	-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22	8,712,784,538	1,603,054,870
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1,603,054,870	(30,393,271,018)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		7,109,729,668	31,996,325,888
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		937,708,869,953	923,620,626,176

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2024



Trần Thị Hạt
Người lập



Trần Thị Nhân
Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	559,379,892,219	683,439,631,249
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	2,995,247,173	3,292,324,581
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		556,384,645,046	680,147,306,668
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	495,070,224,904	618,484,282,614
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		61,314,420,142	61,663,024,054
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	39,843,814,904	38,275,512,905
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	38,578,697,496	32,060,874,390
Trong đó: chi phí lãi vay	23		15,261,483,794	15,773,067,900
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	35,293,503,861	26,752,036,366
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	28,161,593,606	30,236,426,684
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(875,559,917)	10,889,199,519
11. Thu nhập khác	31		12,979,870,595	30,410,994,185
12. Chi phí khác	32	VI.8	930,549,310	1,505,666,890
13. Lợi nhuận khác	40		12,049,321,285	28,905,327,295
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11,173,761,368	39,794,526,814
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	4,064,031,700	7,798,200,926
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7,109,729,668	31,996,325,888

Trần Thị Hết
Người lậpTrần Thị Nhân
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2024

Phạm Minh Trung
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		11,173,761,368	39,794,526,814
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, 10, 11	4,352,881,535	4,340,859,511
- Các khoản dự phòng	03	V.6, 7	(2,435,335,285)	21,393,911
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	-	(101,140,717)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4	(3,095,296,138)	(1,964,935,045)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	15,361,483,794	15,773,067,900
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		25,357,495,274	57,863,772,374
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3,750,498,626)	(159,650,628,586)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		25,134,878,085	17,801,584,889
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		16,962,177	143,096,438,846
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(132,702,857)	292,707,532
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.18, VI.5	(15,361,483,794)	(15,857,439,876)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(8,500,000,000)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.21	-	(6,502,775)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		22,764,650,259	43,539,932,404
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.12	(13,539,940,766)	(3,001,287,866)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		227,272,727	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(7,304,556,702)	(10,148,064,086)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2,641,110,158	3,360,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.4	2,447,528,112	1,959,260,774
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(15,528,586,471)	(7,830,091,178)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	MÃ số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20a	982,279,388,189	573,912,168,374
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20a	(970,501,603,623)	(602,422,183,876)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.20a, b	(381,064,334)	(453,845,964)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		11,396,720,232	(28,963,861,466)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		18,632,784,020	6,745,979,760
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	25,018,154,084	18,272,174,324
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	43,650,938,104	25,018,154,084

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2024

Trần Thị Hạt
Người lập

Trần Thị Nhân
Kế toán trưởng



Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Kinh doanh, xuất nhập khẩu dược phẩm, nguyên liệu dược, trang thiết bị y tế, vắc-xin, sinh phẩm, hóa chất xét nghiệm, mỹ phẩm, sữa, chất dinh dưỡng, kính đeo mắt; cung cấp dịch vụ xuất nhập khẩu và khai thuế hải quan; sửa chữa, bảo trì máy móc, trang thiết bị y tế; cho thuê kho và văn phòng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty có các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại Đà Nẵng	Số 17 Tân Lập I, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.
Chi nhánh tại Cần Thơ	283 Đường Tô Xương, KV2, phường An Bình, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.
Chi nhánh tại Hà Nội	Phòng 305 – 306, Tòa nhà 28 Khu văn phòng Hồng Hà, ngõ 109 Trường Chinh, P. Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội.
Địa điểm kinh doanh - Kho hàng	24 đường 17, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.
Địa điểm kinh doanh - Kho hàng	181 Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
Địa điểm kinh doanh - Cơ sở Sương Nguyệt Ánh	76 Sương Nguyệt Ánh, phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại thời điểm ngày 31/12/2023 Công ty có 101 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 80 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 (tiếp theo)

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng hóa tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng một hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian không quá 36 tháng.

8. Tài sản thuế hoạt động

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 (tiếp theo)

Thuế tài sản được phân loại là thuế hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuế hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuế tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	03 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	10

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuế tài sản được phân loại là thuế tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính.

Số năm khấu hao của phương tiện vận tải thuê tài chính là 08 năm.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra để có được quyền sử dụng đất.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 10 năm.

Website

Nguyên giá của giá trị website là toàn bộ chi phí mà Công ty đã chi ra để thiết kế website ở thời điểm hiện tại.

Chi phí thiết kế website được khấu hao 5 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được căn nhắc đến các khoản mục phí tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phí tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

Nếu khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của năm nay.

Nếu khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của năm sau.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 (tiếp theo)

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính tổng hợp và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - + Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - + Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong cùng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 (tiếp theo)

Phải thu bên liên quan	108,000,000	-
Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết	108,000,000	-
Phải thu các khách hàng khác	92,719,447,611	164,824,893,080
BỆNH VIỆN CHỢ RẴY	48,247	14,659,097,747
CÔNG TY TNHH DƯỢC KIM ĐỒ	5,689,191,871	10,836,868,339
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM TÂM AN	16,430,561,543	15,714,975,069
Các khách hàng khác	70,599,645,950	123,613,951,925
Cộng	92,827,447,611	164,824,893,080

Công ty đã thế chấp quyền đòi nợ luân chuyển để đảm bảo cho các khoản nợ phải trả về Upas L/C, các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.19 và V.20a).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho bên liên quan	254,034,000	-
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	254,034,000	-
Trả trước cho người bán khác	4,756,130,031	2,524,079,069
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG AN PHONG	3,374,644,972	-
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AM VI	41,234,096	1,858,179,999
Các nhà cung cấp khác	1,086,216,963	665,899,070
Cộng	5,010,164,031	2,524,079,069

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu bên liên quan	-	-	-	-
Ông Phan Minh Trung - tạm ứng	-	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	611,269,068,925	(1,845,768,735)	537,467,307,990	(1,845,768,735)
Lãi dự thu tiền gửi	1,499,237,501	-	1,078,742,202	-
Tạm ứng	9,421,100,685	-	1,555,320,740	-
Các khoản ký quỹ	1,350,724,253	-	740,740,360	-
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM THIÊN KIM - Chi hệ chi phí hàng ủy thác	93,630,674,858	-	83,409,938,376	-
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HẢO NAM - Chi hệ chi phí hàng ủy thác	40,105,654,754	-	45,827,455,834	-
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HƯƠNG VIỆT - Chi hệ chi phí hàng ủy thác	305,187,811,122	-	233,057,960,465	-
Chi hệ chi phí hàng ủy thác	125,155,574,967	-	149,686,684,251	-
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DUY TÂN - Tiền lãi trả chậm	19,759,388,150	-	15,407,062,194	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	15,158,902,635	(1,845,768,735)	6,703,403,568	(1,845,768,735)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 (tiếp theo)

Cộng	611,269,068,925	(1,845,768,735)	537,467,307,990	(1,845,768,735)
-------------	------------------------	------------------------	------------------------	------------------------

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Thiết bị Y tế Minh Thành - phải thu tiền bán hàng	Quá hạn trên 3 năm	2,300,000,001	-	Quá hạn trên 3 năm	3,820,646,001	
Công ty TNHH Dược phẩm Lê Khai - phải thu tiền bán hàng	Không có khả năng thu hồi	1,881,118,197	-	Không có khả năng thu hồi	1,881,118,197	
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Dương Hồ - phải thu tiền bán hàng	Không có khả năng thu hồi	999,924,117	-	Không có khả năng thu hồi	999,924,117	
Albios Lifesciences Pvt Ltd. in VietNam - phải thu khác	Quá hạn từ 06 tháng trở lên	6,152,582,449	4,306,793,714		6,152,582,449	4,306,793,714
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác - phải thu tiền bán hàng	Quá hạn từ 06 tháng trở lên	2,551,571,523	44,117,895	Quá hạn từ 06 tháng trở lên	3,467,470,894	54,327,862
Cộng		13,885,176,287	4,350,911,710		16,330,721,458	4,361,121,596

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	11,969,599,862	13,706,730,520
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	(2,435,335,285)	(1,737,130,658)
Số cuối năm	9,534,264,577	11,969,599,862

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường				
Hàng hóa ⁽¹⁾	77,304,418,043	(181,104,273)	105,238,345,563	(2,980,153,710)
Cộng	77,304,418,043	(181,104,273)	105,238,345,563	(2,980,153,710)

⁽¹⁾Công ty đã thế chấp hàng tồn kho luân chuyển để đảm bảo cho các khoản nợ phải trả về Upas L/C, các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn và Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn (xem thuyết minh số V.19 và V.20a).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2,980,153,710	3,713,351,247
Trích lập dự phòng bổ sung	-	1,758,524,569
Xử lý hàng tồn kho đã lập dự phòng	(2,799,049,437)	(2,483,597,184)
Giảm khác	-	(8,124,922)
Số cuối năm	181,104,273	2,980,153,710

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	235,212,439	47,906,825
Chi phí công cụ, dụng cụ	112,352,786	216,024,244
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	823,157,970	148,048,670
Cộng	1,170,723,195	411,979,739

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa tài sản	501,696,571	660,465,570
Chi phí công cụ, dụng cụ	329,024,685	489,740,634
Các chi phí trả trước dài hạn khác	520,627,172	827,182,823
Cộng	1,351,348,428	1,977,389,027

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	62,051,478,484	6,714,661,080	3,935,448,007	3,320,490,170	1,001,588,600	77,023,666,341
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1,373,986,966	-	-	-	-	1,373,986,966
Tình lý trong năm	-	-	1,221,088,545	-	-	1,221,088,545
Số cuối năm	63,425,465,450	6,714,661,080	2,714,359,462	3,320,490,170	1,001,588,600	77,176,564,762
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	10,150,554,671	692,500,888	1,453,437,160	2,989,544,716	604,082,000	15,890,119,435
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Ghi trị hao mòn						
Số đầu năm	23,880,107,795	2,378,271,296	3,283,838,534	3,131,355,056	650,457,770	33,324,030,441
Khấu hao trong năm	2,959,136,246	392,805,566	132,673,320	63,328,423	39,750,660	3,587,694,215
Giảm khấu hao do thanh lý trong năm	-	-	1,221,088,545	-	-	1,221,088,545
Số cuối năm	26,839,234,041	2,771,076,862	2,195,423,299	3,194,683,479	690,208,430	35,690,626,111
Ghi trị còn lại						
Số đầu năm	38,171,370,689	4,336,389,784	651,609,473	189,135,114	351,130,830	43,699,635,900
Số cuối năm	36,586,231,409	3,943,584,218	518,936,163	125,806,691	311,380,170	41,485,938,651
Trong đó:						
Tạm thời chờ sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn (xem thuyết minh số V.20a).

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 (tiếp theo)

	<u>Phương tiện vận tải</u>
Số đầu năm	3,566,467,237
Số cuối năm	<u>3,566,467,237</u>
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	1,611,082,779
Khấu hao trong năm	285,461,350
Số cuối năm	<u>1,896,544,129</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	1,955,384,458
Số cuối năm	<u>1,669,923,108</u>

11. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Website</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá				
Số đầu năm	3,500,000,000	5,838,081,289	90,000,000	9,428,081,289
Chuyển từ xây dựng cơ bản				-
Số cuối năm	<u>3,500,000,000</u>	<u>5,838,081,289</u>	<u>90,000,000</u>	<u>9,428,081,289</u>
Trong đó:				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		1,673,235,289	-	1,673,235,289
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm		3,318,890,819		3,318,890,819
Khấu hao trong năm		461,735,970	18,000,000	479,735,970
Số cuối năm		<u>3,780,626,789</u>	<u>18,000,000</u>	<u>3,798,626,789</u>
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	3,500,000,000	2,519,190,470	90,000,000	6,109,190,470
Số cuối năm	<u>3,500,000,000</u>	<u>2,057,454,500</u>	<u>72,000,000</u>	<u>5,629,454,500</u>
Trong đó:				
Tạm thời không sử dụng				
Đang chờ thanh lý				

Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn (xem thuyết minh số V.20a).

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Phân loại lại</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm tài sản cố định						
Xây dựng cơ bản dở dang	3,698,822,917	13,415,161,602	1,249,207,802	-	-	15,864,776,717

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 (tiếp theo)

Công trình 181 Nguyễn Đình Chiểu	3,472,321,293	12,481,945,424	89,490,000		15,864,776,717
Công trình xây dựng kho Thái Đức	13,823,363	-	-	(13,823,363)	-
Phát triển phần mềm Bravo, website	-	-	-	-	-
Các công trình khác	212,678,061	933,216,178	1,159,717,802	13,823,363	-
Cộng	3,698,822,917	13,415,161,602	1,249,207,802	-	15,864,776,717

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chi phí lãi vay không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Cụ thể như sau:

Năm 2021	1,574,832,781
Năm 2022	298,102,950
Năm 2023	1,291,097,846
Cộng	3,164,033,577

Theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ, từ kỳ tính thuế năm 2019 trở đi, phần chi phí lãi vay không được trừ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận do ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những khoản chi phí lãi vay được chuyển này.

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>72,788,048</i>	<i>80,034,419</i>
CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT	72,788,048	80,034,419
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>109,576,050,494</i>	<i>166,211,110,666</i>
NEO UNICAP CO., TD.	16,430,554,031	17,410,039,438
CÔNG TY TNHH TMDV THIẾT BỊ Y TẾ CAO MINH	4,358,763,000	12,277,803,000
GEDEON RICHTER PLC.	-	19,593,059,806
HCP HEALTHCARE ASIA PTE., LTD.	13,678,620,384	7,273,193,925
PT CAPSUGEL INDONESIA	11,615,446,028	4,258,194,353
Các nhà cung cấp khác	63,419,879,003	105,318,785,725
Cộng	109,648,838,542	166,291,145,085

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH KỶ	-	84,386,162
CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM THANH AN	506,316,213	139,690,936
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPCI	3,292,736,000	-
Các khách hàng khác	1,487,778,737	158,369,760
Cộng	5,286,830,950	382,446,858

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng	606,348,781	6,364,400	125,608,091,441	125,278,803,371	930,172,451	-
Thuế GTGT đầu ra	606,348,781	-	35,095,022,202	34,771,198,532	930,172,451	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	6,364,400	90,514,069,239	90,507,704,839	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	1,608,635	-	9,171,833,869	9,173,242,524	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10,588,839,201	-	4,084,031,700	8,500,000,000	6,132,870,901	-
Thuế thu nhập cá nhân	57,638,952	-	1,514,581,992	978,250,826	593,970,118	-
Thuế nhà thầu	1,226,038,906	-	412,400,199	453,204,323	1,185,234,782	-
Tiền thuế đất	-	-	6,550,391,701	6,550,391,611	90	-
Thuế môn bài	-	-	4,000,000	4,000,000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	7,197,324,880	-	776,191,841	443,035,880	7,530,480,841	-
Cộng	19,657,799,355	6,364,400	148,102,322,763	151,381,028,535	16,372,729,183	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Bán vật tư y tế, thuốc xuất khẩu	: 0%
Bán vật tư y tế, thuốc trong nước	: 5% & 10%
Dịch vụ khác	: 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11,173,761,368	39,794,526,814
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Chi phí lãi vay không được trừ ⁽¹⁾	1,291,097,846	298,102,950
- Các khoản điều chỉnh tăng khác	981,035,673	1,508,023,358
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(2,609,648,492)
Thu nhập chịu thuế	13,445,894,887	38,991,004,630
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	-	38,991,004,630
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2,689,178,977	7,798,200,926
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	1,374,852,723	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	4,064,031,700	7,798,200,926

⁽¹⁾ Chi phí lãi vay không được trừ này được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp theo sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 (tiếp theo)

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động

Tiền lương, thưởng còn phải trả cho người lao động.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

Phải trả bên liên quan

Phải trả các tổ chức và cá nhân khác

Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí lãi vay phải trả

Chi phí hỗ trợ quảng bá sản phẩm

Các chi phí phải trả ngắn hạn khác

Cộng

	Số cuối năm	Số đầu năm
	-	-
	-	-
	9,366,576,646	1,045,909,770
	94,912,324	206,271,980
	-	350,164,374
	195,581,435	489,473,416
	9,076,082,887	-
	9,366,576,646	1,045,909,770

19. Phải trả ngắn hạn khác

Phải trả bên liên quan

Phải trả các tổ chức và cá nhân khác

Kinh phí công đoàn, bảo hiểm phải trả

Nhận ký quỹ ngắn hạn

Phải trả Bà Đỗ Thị Sáu - hợp tác kinh doanh Hiệu thuốc số 1

GROWENA IMPEX COMPANY - Phải trả hệ về hàng nhận ủy thác

LG CHEM. LTD - Phải trả hệ về hàng nhận ủy thác

Các khoản phải trả hệ về hàng nhận ủy thác

Các khoản phải trả ngắn hạn khác

Cộng

	Số cuối năm	Số đầu năm
	-	-
	-	-
	554,690,364,101	510,915,476,976
	119,754,654	111,581,693
	3,025,761,724	4,064,686,370
	1,583,513	923,867,145
	109,361,557,424	108,823,778,365
	305,188,160,895	224,347,821,025
	134,699,323,784	171,558,761,644
	2,294,222,107	884,980,734
	554,690,364,101	510,915,476,976

⁽⁹⁾Khoản nợ phải trả các ngân hàng về Upas L/C đã được đảm bảo bằng một số khoản tiền gửi có kỳ hạn, quyền đòi nợ luân chuyển và hàng tồn kho luân chuyển (xem thuyết minh số V.1, V.2, V.3 và V.7).

20. Vay và nợ thuê tài chính

20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Vay Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital (là bên liên quan)

Vay ngắn hạn ngân hàng

Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ⁽⁹⁾

Vay Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽⁹⁾

Vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn ⁽⁹⁾

Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh ⁽⁹⁾

	Số cuối năm	Số đầu năm
	-	-
	172,805,356,071	189,672,408,499
	44,587,043,863	38,828,984,253
	55,382,064,537	86,414,169,466
	45,441,354,156	31,256,666,111
	24,467,250,744	33,172,588,669

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 (tiếp theo)

Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 7, TP. Hồ Chí Minh ⁽⁶⁾	2,927,642,771	-
Vay Ông Lương Huỳnh Quốc Bảo	2,000,000,000	1,000,000,000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	305,423,237	370,909,092
Cộng	175,110,779,308	191,043,317,591

⁽⁶⁾ Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động với hạn mức tín dụng là 150.000.000.000 VND, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay từng khoản nợ tối đa không quá 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số khoản tiền gửi có kỳ hạn, quyền đòi nợ luân chuyển, hàng tồn kho luân chuyển và tài sản cố định của Công ty (xem thuyết minh số V.1, V.2, V.3, V.7 và V.9).

⁽⁷⁾ Khoản vay tín chấp Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với hạn mức tín dụng là 75.000.000.000 VND, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay từng khoản nợ tối đa không quá 06 tháng.

⁽⁸⁾ Khoản vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động với hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 VND, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay từng khoản nợ tối đa không quá 09 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho luân chuyển tân được và tài sản cố định của Công ty (xem thuyết minh số V.7 và V.10).

⁽⁹⁾ Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với hạn mức tín dụng là 62.000.000.000 VND, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay từng khoản nợ tối đa không quá 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp khoản tiền gửi có kỳ hạn và quyền đòi nợ phát sinh từ các khoản phải thu theo số tổng hợp công nợ phải thu năm 2022 của Công ty (xem thuyết minh số V.2 và V.3).

⁽¹⁰⁾ Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 7, TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với hạn mức tín dụng là 15.000.000.000 VND, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay từng khoản nợ tối đa không quá 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn, theo Hợp đồng tiền gửi số 04-2021/TGKH/TCB ký ngày 14/01/2021 trị giá 15.000.000.000 VND (xem thuyết minh số V.2).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết phát sinh của khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	189,672,408,499	953,634,551,195		970,501,603,623	172,805,356,071
Vay ngắn hạn tổ chức khác					-
Vay ngắn hạn cá nhân	1,000,000,000	17,000,000,000		16,000,000,000	2,000,000,000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	370,909,092	-	315,578,479	381,064,334	305,423,237
Cộng	191,043,317,591	970,634,551,195	315,578,479	986,882,667,957	175,110,779,308

20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Thuế tài chính

Thuế tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu để thuê phương tiện vận tải với lãi suất thả nổi, thời hạn thuê là 60 tháng.

Kỳ hạn thanh toán các khoản nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	305,423,237	370,909,092
Từ 01 năm đến 05 năm	-	315,578,479

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 (tiếp theo)

Cộng	305.423.237	686.487.571
Vay dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan: Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital	27.644.836.994	
Từ 01 năm trở lên	27.644.836.994	
Cộng	27.644.836.994	-

Vay dài hạn công ty CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ SÀI GÒN 3 CAPITAL để xây dựng tòa nhà văn phòng và kho YTECO tại 181 Nguyễn Đình Chiểu, P. Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp.HCM
Hạn mức 71.940.000.000đ. Kỳ hạn vay: 144 tháng kể từ ngày phát vay đầu tiên (Từ 18/10/2023 đến 17/10/2035)

Công ty có khả năng trả được các khoản nợ vay dài hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản nợ vay và nợ thuế tài chính dài hạn trong năm như sau:

Số đầu năm	686.487.571
Số vay trong năm	27.644.836.994
Số tiền vay đã trả	381.064.334
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	305.423.237
Số cuối năm	27.644.836.994

20c. *Vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán*

Công ty không có các khoản vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán.

21. *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	6.502.775
Chi quỹ trong năm	-	(6.502.775)
Số cuối năm	-	-

22. *Vốn chủ sở hữu*

22a. *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước				
Điều chỉnh theo kết luận Cơ quan thuế				
Số dư đầu năm trước được trình bày lại				
Chuyển từ Quỹ đầu tư phát triển sang Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối				
Thuế bị truy thu từ các năm trước theo Biên bản thanh tra				
Lợi nhuận trong năm trước				
Điều chỉnh khác				
Số dư cuối năm trước				

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 (tiếp theo)

Số dư đầu năm nay	30,800,000,000	1,603,054,870	32,403,054,870
Lợi nhuận trong năm nay		7,109,729,668	7,109,729,668
Số dư cuối năm nay	<u>30,800,000,000</u>	<u>8,712,784,538</u>	<u>39,512,784,538</u>

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital	6,108,400,000	6,108,400,000
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	8,932,000,000	8,932,000,000
Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công (Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Hợp lực đổi tên thành Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công)	1,527,010,000	1,527,010,000
Các cổ đông khác	14,232,590,000	14,232,590,000
Cộng	<u>30,800,000,000</u>	<u>30,800,000,000</u>

22c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	3,080,000	3,080,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3,080,000	3,080,000
Cổ phiếu phổ thông	3,080,000	3,080,000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3,080,000	3,080,000
Cổ phiếu phổ thông	3,080,000	3,080,000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp

<i>Ngoại tệ các loại</i>		<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)		226.32	10,740.24
Euro (EUR)		1.52	1.52
Dollar Úc (AUD)		100.00	100.00

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	530,870,801,709	655,761,259,069

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ	28,509,090,510	27,678,372,180
Cộng	559,379,892,219	683,439,631,249
1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan		
Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết</i>		
Doanh thu bán hàng	103,580,952	26,000,000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hàng bán bị trả lại	2,889,891,954	2,702,778,037
Giảm giá hàng bán	105,355,219	589,546,544
Cộng	2,995,247,173	3,292,324,581
3. Giá vốn hàng bán		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ	495,070,224,904	616,725,758,045
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		1,758,524,569
Cộng	495,070,224,904	618,484,282,614
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	2,868,023,411	1,964,935,045
Lãi hỗ trợ vốn	7,024,885,679	7,327,228,400
Lãi bán chứng khoán kinh doanh		6,496,000,000
Lãi cho vay	1,713,424,656	
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	28,237,481,158	22,386,208,743
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		101,140,717
Cộng	39,843,814,904	38,275,512,905
5. Chi phí tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	15,361,483,794	15,773,067,900
Chi phí chiết khấu, hàng bán trả chậm		-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	23,217,213,702	16,287,806,490
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		
Cộng	38,578,697,496	32,060,874,390
6. Chi phí bán hàng		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	19,152,330,126	12,616,874,622
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	611,486,469	296,309,634

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 (tiếp theo)

Chi phí khấu hao tài sản cố định	278,846,547	331,572,533
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9,659,981,804	12,948,306,140
Các chi phí khác	5,590,858,915	558,973,437
Cộng	35,293,503,861	26,782,036,366
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	6,827,483,533	12,231,449,700
Chi phí vật liệu quản lý	22,780,147	4,600,346
Chi phí đồ dùng văn phòng	468,040,882	239,972,801
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4,074,034,988	4,009,286,978
Thuế, phí và lệ phí	6,625,549,355	8,818,712,565
Trích lập (Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	3,080,364,797	(1,737,130,658)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,303,160,653	6,300,174,212
Chi phí bằng tiền khác	4,760,179,251	369,360,740
Cộng	28,161,593,606	30,236,426,684
8. Thu nhập khác		
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	227,272,727	-
Thu từ khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ	-	13,106,310,177
Thu nhập từ việc xử lý các khoản nợ	78,166,156	5,463,679,257
Thu nhập từ việc hỗ trợ của nhà cung cấp	12,191,587,937	8,797,400,485
Thu nhập từ việc xử lý các khoản nợ phải trả	390,681,995	2,837,216,564
Thu nhập khác	92,161,780	206,387,702
Cộng	12,979,870,595	30,410,994,185
9. Chi phí khác		
	Năm nay	Năm trước
Truy thu thuế	893,380,897	-
Phạt chậm nộp	20,756,513	578,229,987
Phạt vi phạm hành chính	16,000,000	787,473,356
Chi phí khác	411,900	139,963,547
Cộng	930,549,310	1,505,666,890
10. Lãi trên cổ phiếu		
10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7,109,729,668	31,996,325,888
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Trích thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	7,109,729,668	31,996,325,888

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 (tiếp theo)

Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	3,080,000	3,080,000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>2,308</u>	<u>10,388</u>

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính tổng hợp này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1,102,307,498	540,882,781
Chi phí nhân công	25,979,813,659	24,848,324,322
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4,352,881,535	4,340,859,511
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11,963,142,457	19,249,678,885
Chi phí khác	20,056,952,318	8,008,717,551
Cộng	<u>63,455,097,467</u>	<u>56,988,463,050</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt. Giao dịch khác trong năm chỉ có giao dịch về tạm ứng cho Tổng Giám Đốc với số tiền 10,088,126,364 VND và số tiền này đã được tất toán hết trong năm.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.5.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết		
Mua hàng hóa	321,345,805	1,756,169,958
Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital		
Vay Tổng cộng	27,644,836,994	
Chi phí lãi vay	263,548,022	366,249,316



Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 (tiếp theo)

Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn

Mua hàng hóa

4,637,141,059

Chiều khấu thanh toán

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.14, V.18, V.19 và V.20a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là cung cấp dược phẩm, vật tư, trang thiết bị y tế (chiếm trên 95% tổng doanh thu) tại Việt Nam. Theo đó, Tổng Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý trong Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện tại của Công ty.

Trần Thị Hạt
Người lập

Trần Thị Nhân
Kế Toán Trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 11 năm 2024



Số: 07/2024/NQ-HDQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 04 năm 2024

NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

V/v: Triển khai chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng và Chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu của cổ đông hiện hữu

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế TP. Hồ Chí Minh ("Công ty"; "YTECO");
- Căn cứ Biên bản họp số 06/2024/BB-HDQT ngày 03/04/2024 của Hội đồng quản trị Công ty Xuất Nhập Khẩu Y Tế TP. Hồ Chí Minh v/v Triển khai chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng và chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu của cổ đông hiện hữu;

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ TP. HCM

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua việc triển khai thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/06/2023 và Nghị quyết HDQT số 18/2023/NQ-HDQT ngày 10/11/2023 thông qua việc triển khai chi tiết phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 27/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/03/2024.

Điều 2. Thông qua việc chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua của cổ đông hiện hữu như sau:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Xuất Nhập Khẩu Y Tế TP. Hồ Chí Minh
- Mã cổ phiếu giao dịch: YTC
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu
- Ngày đăng ký cuối cùng: 16/04/2024

1. Lý do và mục đích

- Thực hiện quyền mua cổ phiếu



Trường hợp sau khi Hội đồng quản trị xử lý như trên mà vẫn còn số cổ phiếu chưa được phân phối hết thì Tổ chức bảo lãnh phát hành sẽ nhận mua toàn bộ số cổ phiếu còn lại này với giá 20.000 đồng/cổ phiếu.

- Quy định về chuyển nhượng quyền mua:
 - + Thời gian chuyển nhượng quyền mua: Từ ngày 24/04/2024 đến ngày 15/05/2024.
 - + Quyền mua được chuyển nhượng 01 lần và không được chuyển nhượng tiếp cho người thứ ba.
- Quy định về chứng khoán đặt mua:
 - + Thời gian đăng ký đặt mua và nộp tiền mua cổ phiếu: Từ ngày 24/04/2024 đến ngày 31/05/2024.
 - + Chứng khoán đặt mua là loại tự do chuyển nhượng.
- Địa điểm thực hiện:
 - + Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký đặt mua và nộp tiền đặt mua cổ phiếu tại các Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký.
 - + Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký đặt mua và nộp tiền đặt mua cổ phiếu tại:
 - o Trụ sở Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Thành Phố Hồ Chí Minh: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 - o Địa chỉ nhận thư/giao dịch: 76 Sương Nguyệt Anh, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM
- Thông tin về tài khoản phong tỏa đặt mua chứng khoán:
 - + Tên chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Thành Phố Hồ Chí Minh
 - + Số TK: 1040137905
 - + Nơi mở TK: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. HCM.

Điều 3. Hội đồng quản trị ủy quyền cho Ông Phan Minh Trung – Tổng giám đốc, Người đại diện theo pháp luật tổ chức triển khai các công việc, ký kết hồ sơ, tài liệu có liên quan, thực hiện các thủ tục để triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công ty.

Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc/trưởng các phòng/ban chức năng căn cứ theo nghĩa vụ và quyền hạn có trách nhiệm thi hành Nghị Quyết này.



Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Khánh Linh

Số: 145/2024/TB/YTC-HCNS

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 04 năm 2024

THÔNG BÁO

(Về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu)

Kính gửi: Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam

Tên Tổ chức phát hành (đầy đủ): Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Thành phố Hồ Chí Minh

Tên viết tắt : YTECO

Tên giao dịch : Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Thành phố Hồ Chí Minh

Trụ sở chính : 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (028) 3930 4372

Fax: (028) 3930 6909

Chúng tôi thông báo đến Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách người sở hữu cho chứng khoán sau:

Tên chứng khoán : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Thành phố Hồ Chí Minh

Mã chứng khoán : YTC

Loại chứng khoán : Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá giao dịch : 10.000 đồng/cổ phiếu

Sàn giao dịch : UPCOM

Ngày đăng ký cuối cùng : **16/04/2024**

1. Lý do và mục đích:

- Thực hiện quyền mua cổ phiếu

2. Nội dung cụ thể:

Thực hiện quyền mua cổ phiếu

- Số lượng chứng khoán dự kiến phát hành: 6.468.000 cổ phiếu

- Giá phát hành: 20.000 đồng/cổ phiếu

- Tỷ lệ thực hiện: 100:210 (01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền, 100 quyền được mua 210 cổ phiếu mới).



- Phương án làm tròn, phương án xử lý cổ phiếu lẻ, phương án xử lý cổ phiếu không đặt mua hết (nếu có):

+ Số cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống sẽ được cộng dồn vào số lượng cổ phiếu còn lại chưa không đặt mua hết để xử lý.

Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 1.115 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền. Với tỷ lệ thực hiện quyền 100:210; số lượng cổ phiếu cổ đông A được quyền mua thêm trong đợt chào bán này là: $(1.115 \times 210)/100 = 2.341,5$ cổ phiếu. Theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị thì số lượng cổ phiếu mà cổ đông A được quyền mua là 2.341 cổ phiếu.

+ Phương án xử lý cổ phiếu không đặt mua hết bao gồm: (1) số cổ phiếu do cổ đông không thực hiện quyền mua; (2) số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống khi tính toán cổ phiếu được mua của cổ đông hiện hữu; (3) số cổ phiếu chênh lệch phát sinh giữa tổng số lượng cổ phiếu xin phép chào bán (6.468.000 cổ phiếu) và tổng số lượng cổ phiếu thực tế phát hành với tỷ lệ thực hiện quyền (nếu có): Hội đồng quản trị được quyền phân phối số cổ phiếu không đặt mua hết cho cổ đông YTECO hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với điều kiện đã chào bán cho cổ đông hiện hữu và số cổ phiếu này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, trừ trường hợp số cổ phiếu này được tổ chức bảo lãnh phát hành mua theo cam kết tại hợp đồng bảo lãnh phát hành. Việc phân phối cổ phiếu chưa bán hết phải đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ và Điều 195 Luật Doanh nghiệp.

Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn danh sách nhà đầu tư và quyết định số lượng cổ phiếu chưa được phân phối hết được phân bổ cho từng nhà đầu tư trên cơ sở các tiêu chí cụ thể như sau:

- Cán bộ nhân viên của YTECO.
- Hoặc tổ chức, cá nhân khác có năng lực tài chính (không giới hạn cổ đông YTECO).

Trường hợp sau khi Hội đồng quản trị xử lý như trên mà vẫn còn số cổ phiếu chưa được phân phối hết thì Tổ chức bảo lãnh phát hành sẽ nhận mua toàn bộ số cổ phiếu còn lại này với giá 20.000 đồng/cổ phiếu.

- Quy định về chuyển nhượng quyền mua:

- + Thời gian chuyển nhượng quyền mua: Từ ngày 24/04/2024 đến ngày 15/05/2024.
- + Quyền mua được chuyển nhượng 01 lần và không được chuyển nhượng tiếp cho người thứ ba.

- Quy định về chứng khoán đặt mua:

- + Thời gian đăng ký đặt mua và nộp tiền mua cổ phiếu: Từ ngày 24/04/2024 đến ngày 31/05/2024.
- + Chứng khoán đặt mua là loại tự do chuyển nhượng.

230040
CÔNG TY
CỔ PHẦN
NHẬP KI
Y TẾ
I ANH PH
Y CHI M
7P HỒ S

- Địa điểm thực hiện:

- + Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký đặt mua và nộp tiền đặt mua cổ phiếu tại các Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký.
- + Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký đặt mua và nộp tiền đặt mua cổ phiếu tại:
 - Trụ sở Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Thành Phố Hồ Chí Minh, 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; hoặc:
 - Địa chỉ nhận thu/giao dịch: 76 Sương Nguyệt Anh, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

- Thông tin về tài khoản phong toả đặt mua chứng khoán:

- + Tên chủ tài khoản : Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Thành Phố Hồ Chí Minh
- + Số TK : 1040137905
- + Nơi mở TK : Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. HCM

Đề nghị VSDC lập và gửi cho Công ty chúng tôi danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng nêu trên vào địa chỉ sau:

- Địa chỉ nhận Danh sách (bản cứng): Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Thành Phố Hồ Chí Minh: 76 Sương Nguyệt Anh, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Địa chỉ email nhận file dữ liệu: phuong.pham@yteco.vn

Chúng tôi cam kết những thông tin về người sở hữu trong danh sách sẽ được sử dụng đúng mục đích và tuân thủ các quy định của VSDC. Công ty chúng tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có vi phạm.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở GDCKHN;
- Lưu VT.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



PHAN MINH TRUNG



Số: 146/2024/TB-YTC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 04 năm 2024

THÔNG BÁO

Chào bán cổ phiếu ra công chúng

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 27/GCN-UBCK do
Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/03/2024)

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

- Tên Tổ chức phát hành (đầy đủ): Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Thành phố Hồ Chí Minh
- Tên viết tắt: YTECO
- Địa chỉ trụ sở chính: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Số điện thoại: (028) 3930 4372 Số fax: (028) 3930 6909
Website: www.yteco.vn
- Vốn điều lệ: 30.800.000.000 đồng
- Mã cổ phiếu: YTC
- Nơi mở tài khoản thanh toán: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP.HCM
Số hiệu tài khoản: 0071000005663
Tên chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế TP. Hồ Chí Minh
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 0302366480 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 01 tháng 08 năm 2001 và cấp đăng ký thay đổi lần thứ 27 ngày 29 tháng 10 năm 2021.
 - Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh xuất nhập khẩu dược phẩm, dược liệu. Mua bán mỹ phẩm. Mua bán hàng trang trí nội thất. Xuất khẩu, nhập khẩu, bán buôn thuốc (mã ngành 4649).
 - Sản phẩm/dịch vụ chính: Kinh doanh, phân phối dược phẩm; Dịch vụ xuất nhập khẩu ủy thác; Dịch vụ lưu trữ GSP; Dịch vụ vận chuyển.
- Giấy phép thành lập và hoạt động (nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành): Không có.



II. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến là 129.360.000.000 đồng sẽ được sử dụng để bổ sung vốn lưu động và tái cơ cấu nguồn vốn (trả nợ vay ngân hàng và các khoản vay khác), trong đó:

- Bổ sung vốn lưu động: dự kiến 29.360.000.000 đồng
- Tái cơ cấu nguồn vốn (trả nợ vay ngân hàng và các khoản vay khác): dự kiến 100.000.000.000 đồng.

III. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Thành phố Hồ Chí Minh
2. Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
3. Số lượng cổ phiếu chào bán: **6.468.000 cổ phiếu**, trong đó:
 - Số lượng cổ phiếu Tổ chức phát hành chào bán: 6.468.000 cổ phiếu;
 - Số lượng cổ phiếu cổ đông/chủ sở hữu/thành viên chào bán: 0 cổ phiếu.
4. Giá chào bán: 20.000 đồng/cổ phiếu
5. Tổng giá trị vốn huy động: 129.360.000.000 đồng (dự kiến theo giá chào bán), trong đó:
 - Giá trị vốn huy động của Tổ chức phát hành: 129.360.000.000 đồng;
 - Giá trị vốn huy động của cổ đông/chủ sở hữu/thành viên: 0 đồng.
6. Phương thức phân phối: Thông qua phương thức thực hiện quyền mua của cổ đông hiện hữu. Chào bán cho cổ đông hiện hữu với tỉ lệ thực hiện quyền 100:210 (Cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu thì được hưởng 01 quyền mua, cứ 100 quyền mua thì được mua 210 cổ phiếu mới).
7. Số lượng đăng ký mua tối thiểu: Không quy định
8. Thời gian nhận đăng ký mua: Từ ngày 24/04/2024 đến ngày 31/05/2024
9. Địa điểm nhận đăng ký mua cổ phiếu:
 - Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký mua cổ phiếu tại các thành viên lưu ký nơi mở tài khoản chứng khoán.
 - Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký đặt mua và nộp tiền đặt mua cổ phiếu tại:
 - Trụ sở Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Thành Phố Hồ Chí Minh, 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; hoặc:
 - Địa chỉ nhận thư/giao dịch: 76 Sương Nguyệt Anh, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 - Tiền mua cổ phiếu được chuyển vào tài khoản phong tỏa.
10. Thời gian nhận tiền mua cổ phiếu: Từ ngày 24/04/2024 đến ngày 31/05/2024
11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu:
 - Số tài khoản: 1040137905
 - Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Thành Phố Hồ Chí Minh
 - Mở tại: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. HCM
12. Các tổ chức liên quan:



Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán SBS

- Địa chỉ: 40 Phạm Ngọc Thạch, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: +84 28 6268 6868 Fax: +84 28 6255 5939
- Website: <http://www.sbsc.com.vn/>

Tổ chức bảo lãnh phát hành

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

- Địa chỉ: Tầng 7-8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại: (024) 7304 5688 Fax: (024) 3726 2601
- Website: www.mbs.com.vn

Tổ chức kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

- Địa chỉ: 02 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (028) 3547 2972 Fax: (028) 35472 970
- Website: www.a-c.com.vn

13. Địa điểm công bố Bản cáo bạch:

a) Trụ sở chính Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Thành Phố Hồ Chí Minh

- Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại: (028) 3930 4372 Fax: (028) 3930 6909
- Website: www.yteco.vn

b) Trụ sở chính Công ty cổ phần Chứng khoán SBS

- Địa chỉ: 40 Phạm Ngọc Thạch, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: +84 28 6268 6868 Fax: +84 28 6255 5939
- Website: <http://www.sbsc.com.vn/>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 04 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHAN MINH TRUNG